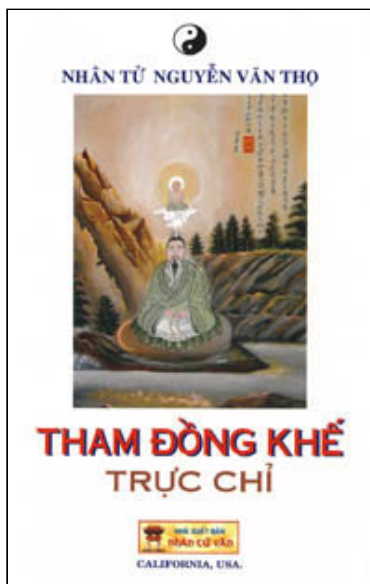


THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch



MỤC LỤC

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tự

Tham Đồng Khế Tam Tướng Loại của Thuần Vu Chân Nhân

Thượng Thiên

[Chương 1:](#) Pháp Tượng — Bất chước Trời mà hành sự

[Chương 2:](#) Thiên Địa — Âm Dương

[Chương 3:](#) Thăng Ngao — Hòa hợp Tứ Tượng

[Chương 4:](#) Lậu Khắc — Hỏa Hầu

[Chương 5:](#) Bản Chi — Âm Dương, Tam Ngũ

Hạ Thiên

[Đỉnh Khí Ca](#) — Tóm tắt về phép Luyện Đơn

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trực Chỉ của Ngụy Bá Dương

Thượng Thiên

[Chương 1:](#) Kiền Cương — Thiên Địa Âm Dương

[Chương 2:](#) Quân Tử — Ăn nói phải cho thành khẩn

[Chương 3:](#) Dịch Hành — Thuận Thời, Thuận Lý

[Chương 4:](#) Cố Suy — Phải biết Suy Tư

[Chương 5:](#) Sóc Đán — 12 quả khí: Làm gì cũng phải đúng tiết đúng thời

[Chương 6:](#) Hối Sóc — Phải biết lẽ Âm Dương tiến thoái

[Chương 7:](#) Hằng Thuận — Thuận theo Thiên Văn Địa Lý

[Chương 8:](#) Ngự Chính — Phải thuận theo đường lối Trời

Trung Thiên

[Chương 1](#): Tương Dục — Tính Mệnh song Tu

[Chương 2](#): Khảm Nam — Âm Dương Tương Hòa

[Chương 3](#): Quan Quan — Cô Âm quả Dương

[Chương 4](#): Thượng Đức — Thượng đức, hạ đức

[Chương 5](#): Nội Dĩ — An Tĩnh Hư Vô

Hạ Thiên

[Chương 1](#): Duy Tích — Thất Phản, Cửu Hoàn — Quy Nguyên Phản Bản

[Chương 2](#): Hà Thượng — Dùng Đạo Tâm chế ngự Nhân Tâm

[Chương 3](#): Thái Dương — Chế Phục Hỏa Hầu

[Chương 4](#): Đơn Sa — Hòa Hợp Ngũ Hành

[Chương 5](#): Cương Nhu — Diệu dụng của Âm Dương Hiệp Nhất

[Chương 6](#): Như Thắm — Đại Đạo Luyện Đơn

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Kinh Văn - Du Diễm giải

[Chương 1](#): Cối quốc — Sơ lược về cuộc đời Ngụy Bá Dương

[Chương 2](#): Ca Tự — Tham Đồng Khế là do 3 sách hợp lại: Kinh Dịch, Hoàng Lão, Luyện Đơn

[Chương 3](#): Phi Đồ — Văn chương Tham Đồng Khế

[Chương 4](#): Ủy Thời — Ngụy Bá Dương xưng danh theo lối chơi chữ

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

Thượng thiên

[Chương 1](#): Kiền Khôn — Kiền Khôn là cửa Dịch, là Lô Đỉnh của đạo Kim Đan

[Chương 2](#): Nguyệt tiết — Khảm Ly là kỷ độ của Động Tĩnh, là Dục Vật

[Chương 3](#): Thiên địa — Tượng Kiền Khôn

[Chương 4](#): Dịch giả — Khảm Ly là Biến Dịch

[Chương 5](#): Ủ thị — Âm Dương không hợp, thì không có Sinh Khí

[Chương 6](#): Cối Dịch — Dịch thống Thiên Tâm

[Chương 7](#): Bát Quái — Không biết biến thông, sẽ Chấp Trung, Chấp Nhất

[Chương 8](#): Nhược phù — Tứ Thánh viết sách cốt minh truyền Chân Lý. Tham Đồng Khế cũng vậy

Trung Thiên

[Chương 1](#): Dương Toại — Nếu ta thành khẩn thì cửa Trời sẽ mở ra

[Chương 2](#): Thị phi — Đạo Trời, Đơn Đạo giản dị. Lập dị là sai

[Chương 3](#): Thượng Đức — Bậc Thượng Đức hành Đạo Vô Vi; Bậc Hạ Đức hành Đạo Hữu Vi

[Chương 4](#): Dĩ Kim — Diệu dụng của Hạ Đức: Tinh Hoa Hữu Vi

[Chương 5](#): Nhĩ mục — Yếu chỉ của Vô Vi

Hạ Thiên

[Chương 1: Suy Diễn — Suy Diễn số Ngũ Hành sinh khắc sẽ suy ra Đạo Kim Đơn](#)

[Chương 2: Hồ phẩn — Phải biết phục thực Hạo Nhiên chi Khí mới thành Đạo](#)

[Chương 3: Kim nhập — Luyện Đơn là thực hiện Chân Tính Thiên Lương](#)

[Chương 4: Hỏa Ký — Hoả là cái Khí làm cho Âm Dương hòa hợp](#)

[Chương 5: Thể nhân — Tiểu thuật không phải là Đại Đạo](#)

[Chương 6: Tí Ngọ — Phục thực là Điều hòa, hợp nhất Ngũ Hành](#)

[Chương 7: Cự thắng — Kim đơn là chuyện có thật](#)

[Bạt 1: Bàn về Luyện Nội Đan](#)

[Bạt 2: Nhận Định về Tham Đồng Khế của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ](#)

[Các sách Tham Đồng Khế](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

» Mục Lục

Tham Đồng Khế trực chỉ tự

參同契直指序

Thất phản cửu hoàn. Kim dịch đại hoàn đan chi đạo. Vi thiên địa sở bí. Vi quỷ thần sở ky. Lịch thánh khẩu khẩu tương truyền. Bất ký văn tự. Sở dĩ học đạo giả như ngư mao, minh đạo giả như lân giác. Gia chi bàng môn tam thiên lục bách. Khúc kính thất thập nhị gia. Dĩ tà hỗn chính. Dĩ giả loạn chân. Tuy hữu nhất nhị chí sĩ. Ngọc thạch bất phân. Nhược phi phụ thiên túng chi tư. Cao minh chi kiến giả. Kỳ bất vi tà đạo sở cảm dã. Hữu kỷ nhân tai.

七返九還.金液大還丹之道.為天地所秘.偽眇神所忌.歷聖口口相傳.不記文字所以.道者如牛毛.明道者如麟角.加之傍門三千六百.曲徑七十二家.以邪混正.以假亂真.雖有一二志士.玉石不分.若非負天縱舟姿.高明之見者.其不為邪道所惑也.有幾人哉.

Đông Hán Ngụy Bá Dương chân nhân, đắc Trường Sinh Âm chân nhân chi truyền, hội ngộ viên thông, liễu khước đại sự, thùi mẫn hậu sinh hiểu đạo chi trác, chuẩn Dịch đạo nhi tác Tham Đồng Khế, phân thượng, trung, hạ tam thiên. Thủ tự ngự chính chi đạo, trung tự dưỡng tính chi lý, mật tự phục thực chi phương. La liệt tam điều. Quán thông nhất lý. Biệt khai môn hộ. Đa thiết ngụ ngôn. Tiếp dẫn phương lai. Dĩ hữu tượng tĩ vô tượng. Dĩ hữu hình thị vô hình. Kỳ trung được vật hòa hâu. Vô nhất bất bị.

東漢魏伯陽真人.得長生陰真人之傳.會悟歎通.了卻大事.垂憫後生好道之涿.準易道而作參同契.分上中下三篇.首敘御政之道.中敘養性之理.末敘伏食之方.羅列三攢.貫通一理.別開門戶.多設寓言.接引謁來.以有象比無象.以有形示無形.其中蹴物火候.無一不備.

Thư thành chi hậu. Chứng chư Thanh Châu tòng sự Cảnh Hữu Từ Công. Từ Công tọa tiên chú tam thiên. Phát minh khế trung áo diệu. Ngụy chân nhân hựu truyền đồng quận Thuần Vu Thúc Thông. Thuần Vu thị hựu tác Tam Tướng Loại thượng hạ nhị thiên. Bồ tặc Tham Đồng Khế chi di thoát. Ư thị kim đan chi lý. Tận xuất nhi vô dư uẩn hĩ.

書成之後.證諸青州從事景休徐公.徐公遂菽註三篇.發明契中奧妙.魏真人又傳同郡淳于叔通.淳于氏又作三相類上下二篇.補闕參同契之遺脫.於是金丹之理.盡出而無餘蘊矣.

Như tam ông giả giai dịch diện tham chứng. Tâm ấn thành thư. Phi tha nhất thiết mô phỏng sai nghi khả tĩ. Thử hựu Tham Đồng trung chi tham đồng. Hậu thế vạn quyển đan kinh. Giai bản ư thử. Sở dĩ nhân giai xưng vi vạn cổ đan kinh chi chủ. Chu Tử tác khảo dị chú giải Tham Đồng. Trình Tử, Tượng Sơn, dịch thường tán mỹ. Khả tri thử thư vi Nho Đạo chi sở cộng thường giả dã. Thiết niệm thử thư. Lưu thế dĩ cửu. Thử tự vạn loạn. Chú sở gia các xuất kỷ kiến. Hoặc dĩ tiền giả vi hậu. Hậu giả vi tiền. Hoặc dĩ kinh văn dữ chú ngữ tương hỗn. Hoặc tương tự văn dữ chính văn giáp tạp. Bất dẫn văn ý bất quán, thử tự đại thác, thả tịnh bất phân hà giả thị kinh, hà giả thị chú, hà giả thuộc ư Ngụy, hà giả thuộc ư Từ, hà giả thuộc ư Thuần Vu. Cảnh tự Ngụy chân nhân nhất nhân chi thư. Cảnh hữu vô tri chi bối. Hoặc trác nhi vi thái chiến. Hoặc ngộ nhi vi thiêu luyện hủy báng thánh đạo, mai một chân tông. Đại thất tam ông độ thể chi bà tâm. Kỳ tội

thượng khả ngôn hồ.

如三翁者.皆觀面參證.心印成書.非他一濬模倣猜疑可比.此又參同中之參同.後世萬卷丹經.皆本於此.所以人皆稱為萬古丹經之主.朱子作考異註解參同.程子象山.精嘗讚美.可知此書為儒道之所共賞者也.蕘念此書.流世已久.次序紊亂.註疏家各出己見.或以前者為後.後者為前.或以經文與註語相混.或將序文與正文夾.不但鮑意不貫.次序大錯.且並不分何者是經.蠅者是註.何者屬於魏.何者屬於徐.何者略於淳于.竟似魏真人一人之書.更有無知舟輩.或涿而為採戰.或誤而為燒煉毀謗聖道.埋沒真宗.大失三翁度世之婆心.其罪尚可言乎.

Càn Long Nhâm Dần tuế. Ngẫu đắc Vô Danh Thị Ông chân nhân chú. Thượng Dương Tử Trần chân nhân (Trần Chí Hư) chú. Kỳ kinh chú các phân nhất loại. Tiết tự tiền hậu tương quán. Kinh tự kinh, chú tự chú, bổ tắc tự bổ tắc, văn tự văn, tự tự tự. Mễ diêm phân phán. Tạo bạch hiển nhiên. Thiên bách niên chân kinh chi oan khuất chí thử phương thân. Nhị chú Trần giáo ư ông. Vưu vi chỉnh tề. Nhân thủ Trần bản vi cứ. Kỳ chính văn thứ tự. Tự hữu bất quán giả. Lược vi cánh di. Phân tiết chú thích. Kỳ trung nhất thiết tỉ tượng dụ ngôn. Tất giai phá vi phần túy. Dữ đại chúng tế khán trực chỉ. Hà giả thị lô đỉnh, hà giả thị dục vật, hà giả thị âm dương, hà giả thị ngũ hành, hà giả thị tiên thiên, hà giả thị hậu thiên, hà giả thị hỏa hầu, hà giả thị phan luyện, hà giả thị nội ngoại, hà giả thị thủy chung. Hạch thực tận lộ. Khẳng khính toàn hiện. Thư thành chi hậu. Danh viết Tham Đồng Khế Trực Chỉ. Thẳng hữu đồng chí giả. Kiến nhi duyệt chi. Tắc tri Tham Đồng chi đạo. Nãi lịch thánh khẩu khẩu tương truyền chi bí. Nhi Ngô Nguyên chi chú, diệc phi dã hồ cát đẳng chi ngữ. Chính văn tiết tự. Hoặc hữu bất quán chi xứ, vưu lại hậu chi cao minh giả cải chính yên.

乾隆壬寅歲.偶得無名氏翁真人註.上陽子陳真人註.其經註各分一類.節序前後相貫.經自經.註自註.補塞自補塞.文筭文.序自序.米鹽分判.皂白顯然.千忖年真經之冤屈.至此方伸.二註陳較於偃尤為整齊.因取陳本為據.其正文次序.似有不貫者.略為更移.分節註釋.蠅中一切比象喻言.悉皆為粉粹.與大眾細看直指.何者是爐鼎.何者是藥物.何者是陰陽.何者是五行.何者是先天.何者是後天.何者是火候.

何者是烹煉.何者是內外.何者是始終.淀實盡露.肯綮全現.成書之後.名曰參同直指.倘有同志者.見而閱之.則知參同之道.乃歷聖口口相傳之秘.而悟元之註.亦非野狐葛藤之語.正文節序.或有不貫之處.尤賴後之高明者改正焉.

時

Thời

Đại Thanh Gia Khánh tứ niên tuế tại Kỷ Mùi xuân chi chính nguyệt nguyên đán nhật Thê Văn Sơn Tố Phác Tản Nhân Ngô Nguyên Tử Lưu Nhất Minh tự tự ư tự tại oa trung.

大清嘉慶四年歲在己未春之正月元旦日

棲雲山素樸散人悟元子劉一明自序於筧在窩中.

Tựa của Tham Đồng Khế trực chỉ

Thất phản cửu hoàn là Đại Đạo Kim Dịch Hoàn Đơn. Đó là điều bí mật của Trời Đất, đó là điều úy kỵ của quỷ thần. Lịch thánh xưa nay toàn truyền miệng cho nhau, không ghi lại thành văn tự, cho nên học giả thì đông như lông trâu, mà người biết được Đạo này thì hiếm như sừng con lân vậy. Lại còn thêm 3600 bàng môn, 72 khúc kính. Đem tà hỗn với chính, đem giả loạn với chân. Tuy có một hai chí sĩ, nhưng không phân biệt được ngọc với đá, nếu không phải là họ đã phụ ơn Trời, thì họ cũng đã đem cái kiến thức cao

minh của mình, để cho tà đạo mê hoặc, những người như vậy hỏi có mấy người.

Ngụy Bá Dương Chân Nhân đời Đông Hán (từ 25 đến 220), được thầy là Trường Sinh Âm Chân Nhân truyền dạy. Ông có tư chất thông minh, lại có lòng thương xót hậu thế, nên đã dựa vào Chu Dịch để viết Tham Đồng Khế, chia làm Thượng, Hạ, Trung tam thiên. Tập đầu bàn về Thuật Ngự Chính, tập giữa bàn về Lý Dưỡng Tính, tập cuối bàn về phương pháp Phục Thực (Ăn Uống). Ba vấn đề nhưng qui về một Lý. Mở môn hộ riêng, dùng nhiều ngụ ngôn, đón tiếp mọi người. Lấy hữu Tượng sánh với Vô Tượng, lấy hữu hình chỉ vẽ vô hình. Trong đó được vật, hóa hầu cái gì cũng đủ.

Khi sách đã in, thì biểu Tùng Sự Thanh Châu, Cảnh Hư Từ Công. Từ Công chú được 3 thiên. Phát minh những điều vi diệu của Tham Đồng Khế.

Ngụy Chân Nhân lại truyền cho người Đồng Quận (ở Cối Kê) là Thuần Vu Thúc Thông. Thuần Vu Thị cũng làm Tam Tướng Loại tam thiên, bổ sung những điều khuyết điểm của Tham Đồng Khế. Thế là Kim Đơn chi lý, đã phô bày ra hết không còn gì che dấu cả,

Như thế là cả ba ngài đều chính mình tham chứng, tâm ấn viết thành sách. Các ngài không mô phỏng những gì sai trái, như đã thấy. Nên đây là cốt tủy của Tham Đồng. Vạn quyển đơn kinh của hậu thế sau này, đều lấy đây làm gốc. Cho nên ai cũng kêu nó là vạn cổ Đơn Kinh chi chủ 萬古丹經之主. Chu Tử (1130-1200) viết Khảo Dị Chú Giải Tham Đồng, Trình Tử (1033-1107), Tạng Sơn (1139-1192) cũng thường khen sách này. Như vậy thấy rằng Nho gia cũng rất khen thưởng sách này.

Thiết nghĩ sách này, lưu truyền đã lâu, nên thứ tự đã rối loạn. Các người bình giải sách này, đều đưa ra ý kiến riêng của mình, hoặc đem đoạn trước cho ra đoạn sau, hoặc đem sau ra trước, hoặc lẫn Kinh văn với Chú thích, hoặc đem Lời Tựa xếp lẫn với Chính Văn. Chẳng những văn ý không ăn khớp với nhau, mà thứ tự cũng sai lạc. Lại cũng không phân đâu là Kinh, đâu là Lời Chú. Cái gì là của Ngụy Bá Dương, cái gì là của Cảnh Hư Từ Công, cái gì là của Thuần Vu.

Cũng là một sách của Bá Dương, mà những kẻ vô tri, lại bàn về Thái Chiến, hoặc Thiêu Luyện, hủy báng Thánh Đạo, làm mai một Chân Tông, làm mất lòng từ bi độ thế của Ba Ông (Ngụy, Từ, và Thuần Vu).

Năm Càn Long, Nhâm Dần (1782), may được một người Vô Danh là Ông Chân Nhân chú giải, lại được Thượng Dương Tử (Trần Tử Hư) Trần Chân Nhân chú. Kinh phân rõ ràng, tiết tự trước sau ám hợp. Kinh ra kinh, chú ra chú, chỗ nào thêm thì là thêm, văn ra văn, chú ra chú, gạo muối phân biệt, hắc bạch hiển nhiên, Chân kinh bị oan khuất cả nghìn năm nay, đều được minh oan. Hai bài chú của Ông Trần và Ông đem sánh với nhau càng thấy tề chỉnh. Tôi lấy bản Ông Trần làm chính, chính văn và thứ tự thấy có gì không ổn, thì bỏ bớt đi. Phân tiết và chú thích lại, tất cả những Tỉ Tượng, Dụ Ngôn trong đó đều coi là phần toái (không cần), cùng với đại chúng xem đâu là Chân chỉ. Thế nào là Lô Đỉnh, thế nào là Được Vật, thế nào là Âm Dương, thế nào là Ngũ hành, thế nào là Tiên Thiên, thế nào là Hậu thiên, thế nào là Hỏa Hầu, thế nào là Phan Luyện, thế nào là Nội Ngoại, thế nào là Chung Thủy, nhân hạt đều lộ, đầu đuôi toàn hiện.

Sách viết xong gọi là Tham Đồng trực chỉ. Nếu có ai đồng chí, xem và đọc nó, sẽ biết Tham Đồng chi Đạo. Đó chính là bí quyết của thánh hiền xưa nay, Ngộ Nguyên chú thích, không phải nói ngông cuồng. Nếu chính văn, tiết tự, có chỗ không được ổn, mong các bậc cao minh sau này cải chính cho.

Năm Đại Thanh, Gia Khánh tứ tuế (1799), ngày Nguyên Đán, Xuân Kỷ Mùi, Thê Vân Sơn, Tố Phác, Tán Nhân, Ngộ Nguyên Tử Lưu Nhất Minh, viết lời tựa này tại Oa Trung.

Tam Tướng Loại nguyên tự

三相類原序

Tham Đồng Khế giả, phô trần[1] ngành khái[2] bất năng thuần nhất, phiếm lạm nhi thuyết, tiêm vi vị bị, khoát lược phảng phất. Kim cánh soạn lục, bị tắc di thoát, nhuận sắc u thâm, câu viện tương đãi. Chỉ ý đẳng tề. Sở xu bất bột. Cổ phục tác thử. Mệnh Tam Tướng Loại. Đại Dịch tính tình hĩ. Như khởi độ, Hoàng Lão dụng cứu, giáo nhi khả ngự. Lô hỏa chi sự, chân hữu sở cứ. Tam đạo do nhất, câu xuất kính lộ. Chi hành hoa diệp, quả thực thùy bố. Chính tại căn chu, bất thất kỳ tố. Thành tâm sở ngôn, thẩm nhi bất ngộ.

參同契者. 敷陳梗概. 不能純一. 泛濫而說. 纖微未備. 闕略髣髴. 今更撰錄. 補闕遺脫. 潤色幽深. 鉤援相逮. 旨意等齊. 所趨不悖. 故復作此. 命三相類. 大易快情矣. 如豈度. 黃老用究. 較而可御. 爐火之事. 真有所據. 三道由一. 俱出徑轍. 枝莖花葉. 果實垂布. 正在根株. 不素其素. 誠心所言. 審而不誤.

Tam Tướng loại Nguyên tự

Tham Đồng Khế mà nói ra cốt yếu, thì khó mà đi đến chỗ thuần nhất. Nếu nói đại khái, thì những điều nhỏ nhặt cũng chưa có đủ, hãy còn khái lược phảng phất. Nay soạn lục lại, bổ sung những gì còn thất thoát, nhuận sắc u thâm, ý chỉ tề chỉnh, không đi ra ngoài đề. Cho nên viết sách này. Gọi là Tam Tướng loại. Sách Đại Dịch thì bàn về Tính Tình. Sách của Hoàng Lão thì để suy cứu. Còn bàn về Lô Đỉnh, thì đều có sở cứ. Ba Đạo là một. Đều có đường lối. Hoa quả lá cành, tất cả đều bày ra, tất cả đều có ngọn ngành, mà vẫn giữ được Tinh Hoa. Thành Tâm nói lời, suy ra không sai.

Tiểu sử Lưu Nhất Minh

Lưu Nhất Minh 劉一明 (1734–1821) là truyền nhân của Long Môn Phái đời thứ 11. Năm 17 tuổi (Càn Long 15, tức 1750), bị bệnh nặng, càng uống thuốc, bệnh càng nặng. May gặp được một Chân Nhân cho thuốc chữa trị. Năm 17 đi phỏng đạo mọi nơi. Gặp Kham Cốc Lão Nhân dạy cho bí quyết nội đan, sau bái Ngài làm thầy. Sau đó, để cầu tham chứng, Ông ở kinh sư 4 năm, Hà Nam 2 năm, Nhiêu Đô 1 năm, Tây Tàn 3 năm, đi nhiều nơi khác 4 năm. Trong vòng 13 năm, đọc hết Tam Giáo kinh thư. Năm Càn Long 37, ông lên chơi Hán Thượng. Gặp Tiên Ông Lưu Trượng Nhân, được Ông chỉ điểm. Bao điều nghi ngờ trong 13 năm qua đều được giải quyết.

Nửa đời sau, Ông ẩn cư tại Cam Túc, huyện Du Trung, núi Thê Vân, và Hưng Long Sơn tu đạo, lập đàn truyền giáo, viết sách dạy đời. Và đã gây ảnh hưởng khắp vùng Tấn Hiệp, Cam, Ninh. Lúc ấy Ông là Đạo sĩ của Long Môn Phái.

Ông tinh thông Dịch học, giỏi y học. Đã soạn Đạo Thư Thập Nhị Chung như Ngô Đạo phá nghi, Tượng Ngôn Phá Nghi, Tu Chân Biện Nạn, Hội Tâm Tập, Chỉ Nam Châm, Huỳnh Đình Kinh, Chu Dịch Xiển Chân, Tham Ngô Chân Ngôn, Tu Chân Cửu Yếu, Thông Quan Văn, Tham Đồng Trực Chỉ, Ngô Đạo Lục, Vô Căn Thụ, Âm Phù Kinh, Ngô Chân Trực Chỉ.

Ông là nhà Đơn Học lớn của Nhà Thanh. Ông chủ trương Tam Giáo quán thông chi lý.

Lấy Trung Chính chi Đạo của Nho Gia làm gốc.

Ông cho rằng Đạo này Nho gia gọi là Trung Dung, Phật gọi là Nhất Thừa, Lão gọi là Kim Đơn.

Về phương diện luyện đan, Ông chủ trương Tính Mệnh Song Tu, và có nhiều nhận xét rất độc đáo.

Ông là một trong những người đặc đạo mà tôi biết.[3]

[1] Phô Trần = Trình bày.

[2] Ngạnh khái = Thô cử, Đại Chương = nói Đại khái.

[3] Tham khảo: Trung Quốc Đạo Giáo, Khanh Hi Thái chủ biên, Đông Phương xuất bản trung tâm, q. I, tr, 396.

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Tam Tướng Loại của Thuần Vu Chân Nhân

» Mục Lục | [Thượng thiên 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ thiên](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TAM TƯỚNG LOẠI THƯỢNG THIÊN

參同契直指三相類上篇

Đông Hán Thúc Thông, Thuần Vu Chân Nhân soạn

東漢叔通淳于真人撰

Thê Vân Sơn, Ngô Nguyên Tử, Lưu Nhất Minh giải

棲雲山悟元子劉一明解

Ảo Thụ Tam Canh, Hạ Đắc Bằng khan tử

媿樹三庚賀得朋刊梓

Hậu Học Tiêu Nam Phổ trùng khan

後學蕭南浦重刊



Tam Tướng là Thứ nhất: Đại Dịch Tính Tình; Thứ hai: Hoàng Lão chi thuật; Thứ ba: Lô Hỏa chi sự. Tam Đạo là một. Cho nên gọi là Tam Tướng loại. Loại có nghĩa là Khế Hợp.

Thượng thiên

上篇

Chương I

Pháp Tượng

Bất chước Trời mà hành sự

- | | |
|--|-----------|
| 1. Pháp tượng mạc đại hồ Thiên Địa hề, | 法象莫大乎天地兮. |
| 2. Huyền Cấu số vạn lý. | 玄溝數萬里. |
| 3. Hà Cổ lâm Tinh Kỷ hề, | 河鼓臨星紀兮. |
| 4. Nhân dân giai kinh hãi. | 人民皆驚駭. |

5. Quĩ ảnh vọng tiền khước hề,	晷影妄前卻兮.
6. Cửu niên bị hung cửu.	九年被凶咎.
7. Hoàng thượng lãm thị chi hề.	皇上覽視之兮.
8. Vương giả thoái tự cải.	王者退自改.
9. Quan kiện hữu đề ngang hề.	關鍵有低昂兮.
10. Hại khí toại bồn tẩu.	害氣遂奔走.
11. Giang hà chi khô kiệt hề,	江河之枯竭兮.
12. Thủy lưu chú ư hải.	水流注於海.

Tạm dịch:

1. Pháp tượng không gì bằng Thiên Địa.
2. Sông Ngân Hà dài mấy vạn dặm.
3. Hà Cổ mà đi vào vị trí của sao Tinh Kỳ,
4. Dân gian đều kinh hãi,
5. Bóng cây nêu mà hướng về phía trước,
6. Chín năm bị tai ách.
7. Vua nhìn thấy thế,
8. Rút về để tự cải.
9. Quan kiện (cửa quan) có then chốt,
10. Nên Hại Khí liền chạy bay.
11. Giang hà mà khô kiệt,
12. Nước rút về biển khơi.

1. Kim đơn chi đạo thật là Thâm áo, thật là thần diệu. Nó ám hợp Càn Khôn, mặc thông tạo hóa, đem hữu hình nhập vô hình, lấy Vô Tượng sinh Hữu tượng, cho nên cổ lai Tiên chân, trên xem Thiên Phủ, dưới xem Địa Lý, trộm Âm Dương, đoạt Tạo hóa, bảo mệnh toàn hình, để hoàn thành Đại đạo. Tiên Ông dựa vào Trời Đất, gọi là Pháp Tượng. Vì Đại Đạo thời Vô Hình, mà Trời đất thì có tượng, cho nên lấy Hữu đi vào Vô Hình, lấy Thật chỉ cái Không. Nên cái đạo Hư Vô hiện rõ nơi Tượng vậy.

Tượng là Tượng. Lời nói là Vật này, Tượng là Vật kia. Pháp là Bắt Chước. Bắt chước cái Tượng vậy. Tượng của Trời Đất, thì rất lớn, rất rõ, dễ thấy dễ biết. Ví như trời đất cách nhau, không biết là bao vạn dặm. Hung cát dưới đất chưa hình hiện, mà trên Trời đã thấy có Biến Tượng cho thấy. Khí trên Trời mà có vận hành hơi sai, thì dưới đất đã thấy được hay hèn, hối hận. Tại sao vậy? Cái này cảm thì cái kia ứng. Tuy hình tượng cách, mà khí tương thông vậy.

2. Huyền Cẩu là chỗ hư không dưới trời trên đất. Vì nó rộng lớn khôn cùng, huyền miếu nan trắc, cho nên gọi là Huyền Cẩu. (Huyền Cẩu là sông Ngân Hà)

3. Hà Cổ và Tinh kỳ là tên 2 vì sao. Hà Cổ mà lâm vào địa vị của Tinh Kỳ, thì là sai Độ Số.

4. 5. 6. Bóng cây nêu của mặt trời, nếu mà thấy sai, thì đã đi không hợp Chính Đạo. Cả 2 đều không hợp lẽ thường. Phản lẽ thường sẽ có Thủy Hận, Tai Sinh, Bình Dịch Họa Hoạn chi hung cửu.

7. 8. Nếu chưa thấy đến, thì là Nhà Vua đã xem thấy hình tượng, Nên đã biết rút lui, ăn năn hối quá,

để cứu vãn Thiên Tâm.

Ví như con người vừa sinh ra thì Tính Tình thuần nhất, Âm Dương hòa hợp. Đến khi 16 tuổi có được thuần Dương chi thể, gọi là Thượng Đức chi nhân. Khi ấy, nếu không phải thánh hiền, mà giữ được Nhất Điểm Chân Dương chi thể, hỏi được mấy người?

Nhất thiết thể nhân, đều thuận hành tạo hóa. Dương Cực sinh Âm. Khi một Âm đã sinh thì Tiên Thiên biến thành Hậu Thiên (Cấu). Dương dần dần tiêu, Âm dần dần trưởng, phóng túng theo dục tình, bỏ Chân theo giả. Nên nói: Ngũ hành thuận hành, pháp giới hỏa khanh dã. Ngũ hành thuận hành, pháp giới là lò lửa. Lại như sao dời khỏi ngôi, nhật quỹ đi sai đường, thì Hung cữu lập tức sinh ra, chuyện xảy ra sẽ như vậy. Nếu là Thánh Nhân, xa thì lấy nơi vật, gần thì lấy nơi thân. Theo đường lối Hữu Vi của Kim Đơn, là Phản bản hoàn nguyên. Nên nói: Ngũ Hành Đilen đảo, đại Địa Thất Bảo Ngũ hành đilen đảo, đại Địa thất bảo. Như các vua xưa chiếm tượng ngự trị. Bỏ cái dở, đổi cái hay, đổi loạn thành trị, cũng giống như vậy

9. Quan là Cửa Sắt bên ngoài. Kiện là cửa gỗ bên trong. Có quan kiện thì đạo tắc và Hại Khí tự nhiên sẽ lánh xa. Đạo cũng có quan kiện nên Âm ma tà quái tự nhiên xa. Quan để phòng bên trong, Kiện là để phòng ngoài. Phòng ngoài là phòng Ngoại Lai chi Khách Khí. Phòng nội là phòng nội sinh chi tư dục. Nội ngoại nghiêm mật thì nội niệm bất xuất, ngoại tà bất nhập. Âm tiệm thoái, dương tiệm trưởng, Tứ tượng khả hòa, ngũ hành khả toàn, như giang hà chúng thủy, triều tông ư hải. Không còn phân dòng nước hoành lưu. Chí thánh nói: Nhất nhật khắc kỷ phục lễ, thiên hạ qui nhân yên. Điều chỉ của Chính Quan Kiện là giúp con người thoát cải tội khiên vậy.

» [Mục Lục](#) | [Thượng thiên 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ thiên](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Tam Tượng Loại của Thuần Vu Chân Nhân

» Mục Lục | Thượng thiên 1 2 3 4 5 | Hạ thiên

Thượng thiên

上篇

Chương 2

Thiên Địa

Âm Dương

Thiên địa chi thư hùng hê,

Bồi hồi Tí dử Ngọ.

Dần Thân Âm Dương tổ hê

Xuất nhập phục cánh thủy.

Tuần đầu nhi dao quang hê,

Chấp Hành định Nguyên Kỉ.

天 地 之 雌 雄 兮.

徘 徊 子 與 午.

寅 申 陰 陽 祖 兮.

出 入 復 更 始.

循 斗 而 搖 光 兮.

執 衡 定 元 紀.

Tạm dịch:

Thiên địa Âm Dương,

Vận chuyển theo vòng Tí Ngọ.

Dần Thân là tổ Âm Dương (Hạ Chí mặt trời mọc ở Dần, Đông Chí mọc ở Thân),

Xuất nhập, thủy chung là ở đó.

Sao Giao Quang (sao thứ bảy) trong bảy ngôi sao Bắc Đẩu,

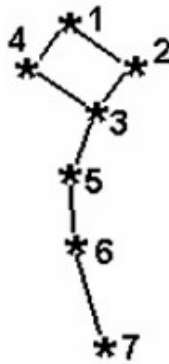
Chấp theo sao Hành (sao thứ 5 trong 7 ngôi sao Bắc Đẩu) để định Nguyên Kỉ.

Trên nói Pháp Tượng là thủ hồ Thiên Địa. Đó là Kim Đơn chi Đạo, cũng là một với Thiên Địa chi đạo vậy. Thiên Địa chi Đạo là Nhất Âm Nhất Dương chi đạo. Trời là Hùng, là Dương. Địa là Thư là Âm. Dương sinh ư Tí, cực ư Tị, Âm sinh ư Ngọ cực ư hợi. Nhất nhật, nhất dạ, Tí Ngọ vận chuyển. Gọi là Thiên Địa chi thư Hùng, bồi hồi Tí Ngọ vậy.

Hạ chí nhật xuất vu Dần, nhập ư Tuất; Đông chí Nhật xuất vu Thìn, nhập ư Thân. Sau Hạ Chí thì mặt trời đi về phía Nam. Sau Đông chí thì mặt trời đi về hướng Bắc. Chung nhi phục thủy. Cho nên nói: Dần Thân Âm Dương tổ, xuất Phục cánh thủy dã.

Dao quang là Bắc Đẩu chi Tiêu Tinh, lại có tên là Thiên Cang Tinh, hay Phá Quân Tinh. Thiên Cang sở tọa là Hung, sở chỉ là Cát. Nguyệt Kiến ư Tí, tắc tọa Ngọ chỉ Tí, Thủy vượng nhi Hỏa suy. Nguyệt Kiến ư Ngọ, tắc tọa Tí chỉ Tí, hỏa vượng nhi thủy suy.

(Mấy dòng sau đây là của Dịch Giả)



Nguyệt kiến ư Tí là tháng mười một.

Và nhất là chiếc xe trời: Đế Xa 帝車 gồm 7 vì sao Bắc Đẩu: (1) Khu Tinh (Tham Lang), (2) Tuyền Tinh (Cự Môn), (3) Kỵ Tinh (Lộc Tồn), (4) Quyền Tinh (Văn Khúc), (5) Hành Tinh (Liêm Trinh), (6) Khai Dương (Vũ Khúc), (7) Giao Quang (Phá Quân).

(Mấy dòng trên đây là của Dịch Giả).

12 tháng, tọa chỉ đều như vậy. 1 năm là 1 vòng chu thiên. Bắc đẩu đệ lục tinh là Hành Tinh. Cang tinh (Phá Quân) ở trước, Hành tinh ở sau. Nó vận tứ thời và hành Tạo Hóa. (Trong hình vẽ trên ta thấy Hành Tinh là sao thứ 5, không phải thứ 6.) Cho nên nói: Tuần Đẩu nhi Giao Quang hê, chấp Hành định Nguyên Kyû. Các học giả nếu biết được thời gian mà Âm Dương phát sinh từ Thân ta, biết được độ số nó Xuất Nhập, biết nó Nữu Chuyển Cang Tinh, biết nó Cán Hồi Đẩu Bính, thì Thiên Quan ở trong tay, Địa Trục tại Tâm. Tùy thời hái thuốc, cần công phan luyện, sẽ hồi phục được Ngã tiên Thiên Nguyên Bản, cũng không khó vậy. Vả sao Cang Tinh con người không dễ biết, cũng không dễ thấy. Nếu không được Chân sư truyền dạy, ai dám cho là mình biết? Cho nên nói:

Nhật nguyệt thường gia Tuất,

日 月 常 加 戌 ,

Thời thời kiến Phá Quân,

時 時 見 破 軍 .

Phá Quân tiền nhất vị,

破 軍 前 一 位 ,

Thệ Nguyên bất truyền nhân.

誓 願 不 傳 人 .

Cang tinh là tên của Phá Quân. Trước Phá Quân 1 vị (là sao Khai Dương), đó là Sở chỉ chi phương. **Sở chỉ chi phương là Tiên Thiên Chân Nhất chi khí, đó là Tổ khí sinh muôn vật.** Xưa nay các bậc Tiên Chân đều hái Tổ Khí đó, để liễu Tính, liễu Mệnh. Cho nên nói: Đắc kỳ Nhất, Vạn sự tất vậy. Đó là nói tới Khí ấy.

Kim đơn, Tử thư không dám khinh truyền Cang tinh là cái gì, nhất khí là ở nơi đâu. Sợ rằng người không ra gì sẽ được, và sẽ bị Trời quả trách. Ngô Nguyên Tử xem sao, là do Tổ sư truyền chân tả thần, nếu có tiết lộ đôi chút Thiên cơ, mà có chí sĩ nào biết, thì là do họ Tâm tri mặc hội, đó là do quỷ thần dạy họ chứ không phải là tội của Ngô Nguyên vậy,

Vả sao Cang chân chính trong ta, không phải là vật xa lạ, mà chính là Đạo Tâm chi Chân Tri của chúng ta vậy. Chân Tri đó có đủ Tiên Thiên Nhất Dương chi Khí. Khí đó thống Âm Dương, hàm Ngũ hành, là Căn Nguyên của Tính Mệnh, là Căn Nguyên Đạo Đức, lúc cất giấu thì là Chân Tính, lúc phát ra thì là

Chân Tình. Có Tính Tình là có Chí Chân chi vật. Phân ra là Tính Tình, là luận giải bằng Động Tĩnh. Cái khí đó vốn là của nhà ta. Vì sa xuống Hậu Thiên, nên bị cái giả làm hãm mất cái Chân. Cái Chân Tri bị mê muội. Nên thông minh ngoại dụng, vọng niệm nội sinh, hồ bằng cầu đẳng (làm bạn với những người không ra gì), Chân Tri biến thành giả tri, Sinh Khí hóa thành Sát Khí. Tiên Thiên chi Khí không còn thuộc ở ta, y như vật gì của nhà ta, nay chạy sang nhà khác. Cường Tinh tọa ư Ngã, mà Chỉ lại ở người ta vậy. Nay muốn phản hồi Tiên Thiên, thì phải ăn trộm nó về lại. Phép ăn trộm là từ trong Sát Cơ cầu lại Sinh Cơ, từ trong Vọng tình cầu lại Chân tình. Chân tình thổ nhĩ Chân tri hiện. Chân tri hiện nên Hồi Quang Phản Chiếu. Cang Tinh chỉ nội chứ không chỉ ngoại, sinh khí thu nội nhĩ bất tán ngoại, có thể hoà Tứ Tượng, có thể gom Ngũ hành, có thể Liễu Tính Mệnh, có thể toàn Đại Đạo. Chỉ sợ con người không có Chí Khí, không chịu để tâm suy cứu cho cùng nghĩa lý, không chịu bỏ công phu để Cầu Chân. Cho nên không nhìn thấy sao Thiên Cang vậy. Ôi chỉ có thể bàn về Đạo với người biết, còn đối với người không biết thì thật khó nói.



» Mục Lục | Thượng thiên 1 2 3 4 5 | Hạ thiên

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Tam Tướng Loại của Thuần Vu Chân Nhân

» Mục Lục | Thượng thiên 1 2 3 4 5 | Hạ thiên

Thượng thiên

上篇

Chương 3

Thăng Ngao

Hòa hợp Tứ Tượng

81. Thăng Ngao ư Tảng Sơn hề, [1]

(Tiết này dạy Toàn Thốc Ngũ Hành)

Viêm hỏa trương thiết hạ,

Bạch Hổ đạo sừng tiền hề,

Thương dịch hòa ư hậu,

Chu Tước cao tường hí hề,

Phi dương sắc ngũ thái.

Tao ngộ la cương thi hề,

Áp chi bất đắc cử,

Ngao ngao thanh thậm bi hề,

Anh nhi chi mộ mẫu,

Điên đảo tựu thang hoạch hề.

Tồi chiết thương mao vũ.

升熬於甑山兮.

炎火張設下.

白虎導唱前兮.

蒼液和於後.

朱雀翱翔戲兮.

飛揚色五彩.

遭遇羅網施兮.

壓之不得舉.

嗷嗷聲甚悲兮.

嬰兒之慕母,

顛倒就湯鑊兮.

摧折傷毛羽.

Tạm dịch:

Cho nước lên Tảng Sơn. (Đỉnh là đồ chứa nước)

Cho lửa cháy ở dưới. (Thế là Thủy Hoả ký tế)

Bạch Hổ xướng trước,

Thương dịch hoạ vận sau. (Thế là Tinh Tính tương đầu, Hổ Long tương ngộ)

Chu Tước bay lượn trên cao, (Hoả)

Phát ra Ngũ Sắc năm màu.

Nếu mắc lưới, (Phải giữ không cho Hoả vọng động)

Sẽ bị đè ép không vươn lên được.

Kêu lên lời bi thiết,

Như con thương mẹ,

Nếu bị điên đảo mà phải sôi bỏng,
Thì sẽ hư hết lông cánh.

Đã biết Tạo hóa quyền hành, thì phải biết Hòa Tứ Tượng, Ngũ Hành. **Tảng** là đồ đựng nước. **Tảng Sơn** là Đỉnh. **Viêm hỏa** là Lô. **Thăng Ngao ư Tảng Sơn** là nước ở trên. **Viêm hỏa tương thiết hạ** là lửa ở dưới. Nước ở trên, lửa ở dưới. Lấy Chân Nhất chi Tinh, dưỡng hư linh chi Thần. Đó là Thủy Hỏa Tương Tế.

Bạch Hổ ở phía Tây là Kim, là Chân Tình, Thanh Long ở phía Đông, là Mộc, là Chân Tính. Thương dịch là tinh hoa của Mộc Tính. Kim tình cương, Mộc tính nhu. Kim vốn khắc Mộc. Mộc vốn sợ Kim. **Bạch hổ đạo xướng tiền** là Kim tình quyến luyến lòng Từ Nhân của Mộc. Suy Tình thì hợp được Tính. **Thương Dịch hoà ư hậu** là: Mộc tính thì Ái Kim thuận Nghĩa, thế là Dĩ Tính Cầu Tình vậy. Khu Hổ tựu Long, dĩ Long tựu Hổ. **Tính Tình tương đầu, Kim Mộc tương tính.**

Chu Tước là tượng của Hỏa. Trong tứ tượng thì Hoả là linh nhất. Tính lửa bay lên. Có gì xúc phạm, thì nó bay lên, năm sắc rực rỡ. Thủy Hỏa Kim Mộc, đều đã bị thương.

Người tu đơn thì phải biết **hàng phục lửa cho nó được tuần thuận, thì mới lo được việc.**

Tao ngộ la cương thi áp chi bất đắc cử là hết sức luyện kỹ, trừng phần trật dục, không khiến cho hỏa bị vọng động. **Ngao ngao thanh thậm bị, Anh nhi chi mộ Mẩu** là hỏa không vọng động. Táo tính tiêu hoá, hỏa sẽ qui nguyên, thần sẽ y ư tính vậy. **Điên đảo tựu thang hoạch, tòi chiết thương mao vũ** là luyện cho tới Vô kỷ. Tà hỏa sẽ tự giáng, Chân Thủy sẽ thượng thăng, Thủy Hoả huân chưng, khí chất sẽ biến hóa, tứ tượng sẽ hoà hợp. Cứ thế sẽ luyện được Đại Dược vậy.



[1] Các bài dịch Tham Đồng Khế thường có chừa một con số. Đó là số thứ tự theo Bành Hiếu. Bành Hiếu chia TDK làm 91 chương còn Lưu Nhất Minh không chia thành chương cú và không có thứ tự đúng như thế (xin xem trang 284)

» [Mục Lục](#) | [Thượng thiên 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ thiên](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Tam Tướng Loại của Thuần Vu Chân Nhân

» Mục Lục | Thượng thiên 1 2 3 4 5 | Hạ thiên

Thượng thiên

上篇

Chương 4

Lậu Khắc

Hỏa Hầu

81. (tiếp) Lậu khắc vị quá bán hề,

(Tiết này dạy về Hỏa Hầu)

Ngư lân áp liệu khởi,

Ngũ sắc tượng huyễn diệu hề.

Biến hoá vô thường chủ,

Nhu nhu đỉnh phí tri hề,

Bạo dũng bất hưu chỉ,

Tiếp liên trùng điệp luy hề,

Khuyển nha tương thác cự.

Hình tự trọng đông băng hề,

Lan can thổ chung nhũ.

Thôi ngôi nhi tạp xí hề,

Giao tích tương chi trụ.

82. Âm Dương đắc kỳ phối hề,

Đạm bạc nhi tương thủ,

Thanh long xử phòng lục hề,

Xuân hoa Chấn đông Mão.

Bạch hổ tại Ngang thất hề,

Thu mang Đoài Tây Dậu.

Chu Tước tại Trương nhị hề,

Chính Dương Ly Nam Ngọ.

Tam giả câu lai triều hề,

Gia thuộc vi thân lữ.

漏刻未過半兮.

魚鱗狎鬣起,

五色象炫耀兮.

變化無常主.

滔滔鼎沸馳兮.

暴涌不休止.

接連重疊累兮.

犬牙相錯距.

形似仲冬冰兮.

蘭玕吐鍾乳.

交積相支柱.

崔嵬而雜廁兮.

陰陽得其配兮.

淡泊而相守.

青龍處房六兮.

春華震東卯.

白虎在昂七兮.

秋芒兌西西.

朱雀在張二兮.

正陽離南午.

三者俱來朝兮.

家屬為親侶.

Tạm dịch:

Thời gian chưa quá nửa,
 Mà Tiên Thiên Dương khí đã phát hiện.
 Ngũ hành nhất khí,
 Biến hoá vô cùng.
 Được khí vừa biến hoá,
 Nên còn rất non yếu,
 Được khí từ non, đã tạm ngưng kết.
 Do tụ rồi tán lại,
 Nay đọng lại thành băng,
 Do tạp nhi thuần,
 Được khí phản dương vậy,
 Âm Dương đã quân bình,
 Và đã hồn nhiên nhất khí,
 Đạm bạc tương thủ lẫn nhau,
 Thanh Long (Mộc) ở cung sao Phòng (Thủy),
 Hoa xuân ở cung Chấn Đông Mão.
 Bạch hổ (Kim) ở cung sao Ngang (Hoả),
 Mùa Thu thì Âm khí vượng tại cung Đoài,
 Chu Tước (Hoả) ở nơi sao Trừng (Hoả) (Đó là Dương Cực Âm sinh),
 Kim, Mộc, Thủy lai triều,
 Sẽ kết thân với nhau.

Tiết trên nói về công trình gom góp Được vật, tiết này chỉ rõ Hỏa hậu Kết Đơn chi dụng.

Dương Tứ Tượng hoà hợp, Ngũ hành toàn thốc (hoà hợp), thế là đem được vật cho vào Càn Đỉnh, kíp đem nhất điểm Chân Hỏa của Khôn Lô mà đoàn luyện nó. Trong khoảnh khắc, Ngũ hành sẽ hỗn hoà, Tiên Thiên chi Khí sẽ từ Hư Vô sinh xuất. Cho nên nói: **Lậu khắc vị quá bán hề, Ngư lân áp liệu khởi**. Ngư là vật trong nước, nói ví dụ là Tiên Thiên Dương Khí phát hiện. **Lân áp liệu khởi** là Tiên Thiên Dương khí. Được Chân Hoả huân chưng. Tượng cho sự bay nhảy biến hoá. **Ngũ sắc huyền được là** Ngũ Hành Nhất Khí. **Biến hoá vô thường**, là tiềm được bất tức vậy. **Nhu nhu đỉnh phát tri, bạo dũng bất hưu chỉ** là Được khí vừa biến hoá nên còn non yếu vậy. **Tiếp liên trùng điệp điệp, khuyến nha tương thổ cự** là Được khí từ non đã từ từ ngưng kết vậy. **Hình tự trọng Đông băng, Lan Can thổ chung nhũ** là do tán rồi tụ lại, và ngưng kết kiên cố. **Thôi ngôi nhi tạp xỉ, Giao tích tương chi thụ** là do tạp nhi thuần. Được Khí đã phản Dương vậy. **Âm Dương đắc kỳ loại, Đạm bạc nhi tương thủ** là Âm Dương đã tương đương và đã hồn nhiên nhất khí. Được chính là Hỏa, Hoả chính là Được. Tự nhiên có Thiên Nhiên Chân Hoả. Lô trung rục rở luôn đỏ rục. Không cần phải điều hoà nữa. Chỉ cần Đạm Bạc Tương Thủ, Phòng Nguy, Lự Hiểm, Mộc Dục Ôn Dưỡng, để hành Vô Vi chi công. **Thanh Long xứ Phòng lục, Xuân Hoa Chấn Đông Mão** là Thanh Long tượng Mộc. **Phòng là Sao Phòng**, là sao thuộc Thủy. Số sáu là số của Nước. Mộc cư Thủy địa. Mộc có Thủy nên được dưỡng nuôi. Mùa Xuân thì Dương Khí vượng hành. **Bạch Hổ tại Ngang thất, Thu mang Đoài Tây Dậu** là

Bạch Hổ tượng Kim. Ngang là sao thuộc Hỏa. Thất là số của Hoả. Kim cư Hoả vị, Kim được Lửa nên chiếu sáng. Thu thì Âm Khí vượng. **Chu Tước tại Trương nhị, Dương Ly chính Ngọ** là Chu Tước có tượng Hoả. Trương là sao của Hoả. Nhị là Sinh Số của Hỏa. Hoả cư Chính Nam Ngọ, ở giữa Kim và Mộc. Đó là Dương Cực Âm sinh chi xứ. Tượng Hạ Chí, nơi giao tiếp Âm Dương, là nơi luyện độ Hình Đức vậy.

Kim Mộc Thủy tam giả lai triều. Đơn đỉnh kết thành Thân lữ.

Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hoả, Hỏa sinh Kim, Kim sinh thủy, tuy là Ba nhưng có đủ Khí của Tứ Tượng. Trong đỉnh có đủ Tứ Tượng. Tự phản, tự luyện, Thái thái vô chất sẽ sinh Chất, Vô Hình sẽ sinh Hình, biến hoá thật tự nhiên vậy.

Nội được là Thiên Nhiên Chân Hỏa chi pháp tượng. So với **Bạch hổ thương dịch Chu tước** không giống nhau.

Trên kia nói bên ngoài, nơi đây nói bên trong. Ngoại là Hậu Thiên phản Tiên Thiên. Nội là đã phản hồi Tiên Thiên nay lại Xuất ư Thiên Nhiên. Thế là Nội Ngoại hóa hầu có phân biệt nhau. Học giả nên coi chừng điểm này.



» [Mục Lục](#) | [Thượng thiên 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ thiên](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Tam Tướng Loại của Thuần Vu Chân Nhân

» Mục Lục | Thượng thiên 1 2 3 4 5 | Hạ thiên

Thượng thiên

上篇

Chương 5

Bản Chi

Âm Dương, Tam Ngũ

82. (tiếp) Bản chi dẫn nhị vật hề,
Mạt nhi vi Tam Ngũ,
Tam Ngũ tịnh dữ Nhất hề,
Đô tập qui nhất sở.

Trị chi như thượng khoa hề.

Nhật số diệt thủ phủ,

83. Tiên Bạch nhi hậu Hoàng hề,

Xích hắc đạt Biểu Lý,

Danh viết Đệ Nhất Đỉnh hề.

Thực như Đại Thử Mễ.

Tự nhiên chi sở vi hề,

Phi hữu tà ngụy đạo.

Sơn trạch khí tương chưng hề,

Hưng Vân nhi vi vũ,

Nê kiệt toại thành trần hề,

Hỏa diệt hoá vi thổ,

Như nghiệt nhiễm vi hoàng hề.

Tự lam thành lục tổ,

Bì thảo chủ thành giao hề,

Khúc nghiệt hoá vi tửu,

Đồng loại dị thi công hề,

Phi chủng nan vi xảo.

Duy tư chi diệu thuật hề,

Thẩm đế bất cưỡng ngữ,

本之但二物兮，
末而為三五，
三五並與一兮，
都集歸一所。

治之如上科兮。

日數亦取甫，

先白而後黃兮，

赤黑達表裏，

名曰第一鼎兮。

食如大黍米。

自然之所為兮，

非有邪偽道。

山澤氣相蒸兮，

興雲而為雨，

泥竭遂成塵兮，

火滅化為土，

如蘖染為黃兮。

似藍成綠組，

皮草煮成膠兮，

麴蘖化為酒，

同類易施工兮，

非種難為巧。

惟斯之妙術兮，

審諦不誑語，

Truyền dữ ước hậu thế hề,
 Chiếu nhiên tự khả khảo.
 Hoán nhược tinh kinh Hán hề.
 Bính như thủy tông hải.
 Tư chi vụ lệnh thực hề,
 Phản phúc thị thượng hạ,
 Thiên chu xán bân bân hề,
 Vạn biên tương khả đồ,
 Thần minh hoặc cáo nhân hề,
 Tâm linh sạ tự ngộ.
 Thám đoan sách kỳ tự hề,
 Tất đắc kỳ môn hộ,
 Thiên đạo vô thích mạc hề,
 Thường truyền dữ hiền giả.

傳與億後世兮，
 照然自可考。
 煥若星經漢兮。
 曷如水宗海。
 思之務令熟兮，
 反覆視上下，
 千周燦彬彬兮，
 萬遍將可睹，
 神明或告人兮，
 心靈乍自悟。
 探端索其緒兮，
 必得其門戶，
 天道無適莫兮，
 常傳與賢者。

Chú thích: Tịnh dữ nhất: Có bản ghi: Vi nhất. Có bản ghi: Ngụy nhất.

Hoặc cáo nhân: Có bản ghi: Hốt cáo nhân.

Tạm dịch:

Mới đầu chỉ có Hai Vật (Âm Dương),
 Sau hoá thành ba (Tam Ngũ),
 Tam Ngũ hợp thành Nhất khí,
 Đều qui về một nơi.
 Mới đầu Trắng, sau thành màu vàng,
 Đỏ Đen thấu trong ngoài.
 Thế là Đại Nhất Đỉnh,
 To như hạt vừng lớn.
 Tự nhiên là như vậy,
 Không phải Đạo tà ngụy.
 Sơn trạch khí tương thông,
 Mây nổi nên thành mưa.
 Bùn khô thành bụi đất,
 Lửa tắt hoá thành đất,
 Men đổi thành màu vàng,
 Màu Lam biến màu lục.
 Da nấu lên thành keo,
 Men rượu biến thành rượu,

Đồng loại dễ thi công,
 Không đồng loại không nên công.
 Diệu thuật là như vậy,
 Đó là khẩu quyết,
 Truyền cho muôn đời.
 Rực rỡ dễ kiểm soát,
 Sáng láng như nước chảy ra bể.
 Hãy suy nghĩ cho chín chắn,
 Hãy nhìn kỹ dưới trên,
 Sẽ thấy mọi sự dễ dàng,
 Khi Thần minh muốn dạy người,
 Thì Tâm Linh sẽ tự ngộ,
 Hãy tìm cho ra mối manh,
 Sẽ thấy rành cửa ngõ.
 Thiên Đạo rất vô tư,
 Thường truyền cho Hiền Giả.

Tiết này tổng kết toàn thiên đại ý:

Kim đơn chi đạo là Đạo của Âm Dương, Ngũ Hành. Mới đầu thì hoà hợp Âm Dương để thành hoàn đơn. Cuối cùng là Tam Ngũ qui nhất, để thành Thánh Thai. Cho nên nói: Bản chi dẫn nhị vật hễ, Mạt nhi vi Tam Ngũ. Tam ngũ hoà hợp nhau, thành Nhất khí. Thế là Đại Đạo thành vậy.

Nhưng đạo Tu Đơn thì Hái Thuốc có thời, phanh luyện có phép, hoả hầu có số. Công phu chưa tới chưa thể hoàn thành.

Cho nên trước phải Hắc Trung Thủ Bạch để làm Đơn Mẫu. Sau đó phải dùng Trắng chế màu vàng, để kết Thánh Thai. Đỏ là Lửa, đen là Nước. Đó là Nhị Dực trong ngoài. Kim Đơn chi đạo tuy nói là Thuốc có trong ngoài, nhưng công phu phanh luyện Thủy Hỏa, chưa tới 10 tháng mà thai đã thành, không được hưu kiệt (sao lãng công phu). **Mới đầu là Luyện Kỳ, sau là Luyện Dực. Cuối cùng là Ôn Dưỡng.** Chung thủy nội ngoại toàn dựa vào Thủy Hỏa để Thu Công. Cho nên nói: Xích hắc đạt biểu lý. Ý nói công phu bất đáo bất phương viên vậy.

Nói là Đệ Nhất Đỉnh là Nhất thừa pháp, cái gì là hai thì không phải là thực vậy. Thực như đại mễ châu là Đơn thành Cửu chuyển thì gọi là Thử Mễ Chi Châu. Người nào ăn được, sẽ thọ cùng trời đất, trường sinh bất lão. Ngọc Châu từ Hư Không kết tự, khác hẳn mọi vật, đó là Âm Dương tự nhiên giao cảm chi khí mà thành; không phải là Lô Hỏa Thái Chiến tất cả các tà thuật đó. Cưỡng nữ, cưỡng niết, đều vô ích mà thôi. Đến như Sơn Trạch thông khí nhi vi vũ. Nê thủy kiệt cạn nhi thành trần. Hỏa kiệt sinh Đất, Nguyệt nhiễm thành Hoàng, dĩ Lam thành Lục, do Da thành Keo, do men thành rượu, đều do tự nhiên mà ra. Tại sao vậy? Vì loại của chúng tương đồng nên dễ thi công. Nếu hai bên không ăn ý với nhau, mà muốn trồng đá thành lúa, leo cây bắt cá thì chỉ phí công mà thôi. Đại để con người sinh ra nếu không có tinh huyết của cha mẹ phạm tục thì ảo thân không thành, nếu không có Âm Dương của Linh Phụ Linh Mẫu thì không có

Pháp Thân. Ảo thân, Pháp Thân đều do Âm Dương mà thành tựu. Chẳng qua là vì Thuận Nghịch bất đồng nên mới phân Phàm Thánh. Tất cả thường nhân chỉ biết có lẽ Thuận Hành Âm Dương. Đến như phép Nghịch Dụng, thì vạn người may mới có một người biết. Tham Đồng chi đạo, thần diệu xiết bao! Nó lập ngôn ở chỗ dùng thuật Âm Dương. Nó lý sự chính đáng, đạo lý nó sâu xa, lập trường nó vững chãi. Nó không phải là cái gì huyền hư, là tà thuyết không thực tế. Nó là con đường tu đạo của vạn thế, là bờ bến của tính mệnh. Học thuyết nó sáng sủa, sáng láng như sao trên giải Ngân Hà, nó toát lược hay như vạn thủy triều dâng. Học giả nếu chịu suy tư cùng lý, thám đoan sách tự, lâu ngày sẽ được thần minh điểm cáo, tâm linh sẽ được giác ngộ, sẽ tìm ra cửa ngõ, vào được nghĩa lý vậy.

Thiên đạo vô tư, thường truyền cho các bậc hiền tài, vì Đạo là điều quý báu của Trời Đất, không phải người đại trung đại hiếu thời không truyền, không phải đại đức, đại hạnh thời không trao. Nếu quả là người hiền đức thì có bao giờ lại không chịu truyền trao?

Tham Đồng Khế trực chỉ tam tướng loại thượng thiên chung.



» [Mục Lục](#) | [Thượng thiên 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ thiên](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Tam Tướng Loại của Thuần Vu Chân Nhân

» Mục Lục | [Thượng thiên 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ thiên](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TAM TƯỚNG LOẠI HẠ THIÊN

參同契直指三相類下篇

Đông Hán Thúc Thông, Thuần Vu Chân Nhân soạn

東漢叔通淳于真人撰

Thê Vân Sơn, Ngô Nguyên Tử, Lưu Nhất Minh giải

棲雲山悟元子劉一明解

Ảo Thụ Tam Canh, Hạ Đắc Bằng khan tử

媿樹三庚賀得朋刊梓

Hậu Học Tiêu Nam Phổ trùng khan

後學蕭南浦重刊



Hạ thiên

下篇

Đỉnh Khí Ca

鼎器歌

Tóm tắt về phép Luyện Đơn

Viên tam ngũ, thốn nhất phân, Khẩu tứ bát, lưỡng thốn thần.

圓三五, 寸一分, 口四八, 兩寸唇.

Tạm dịch: Tròn ba năm, qui về Nhất thốn. Khẩu bốn tám, Môi 2 thốn.

(Tròn là Viên, là Đại Dược. Xem bài thơ 18, trong q. I, Ngô Chân trực chỉ «Tam ngũ nhất đô tam cá tự»).

(Mồm là Phương là Biến Hoá. $4 + 8 + 2 = 14$. 14 là trăng chưa tròn, ý nói tu luyện không nên đi tới Kháng Dương. Xem quẻ Tiểu Súc, hào Thượng)

Bài này tuy có tên là Đỉnh khí ca, nhưng Dược Vật, Hỏa Hầu đều có đủ trong đó.

Viên là Bất Thiên, Bất ý, hoạt hoạt bát bát. Còn gọi là Doãn chấp quyết Trung. **Tam** là sinh số của Mộc, **Ngũ** là sinh số của Thổ. **Nhất** là sinh số của Thủy. Nhất, Tam, Ngũ đều là Dương số. Cho nên gọi là Tròn. Mồm hình vuông. Phương là biến hoá, tài chế, tùy thời vận dụng chi vị. Tứ là sinh số của Kim. Bát là thành số của Mộc. Nhị tứ, bát đều là Âm số. Cho nên gọi là Khẩu. Khẩu là Hô Hấp, xuất nhập chi đạo. Một Hô là Dương là Thân, Chủ sinh, Tượng Bát Mộc. Nhất Hấp, là Âm là Khuất, Chủ Thu. Tượng Tứ Kim. Môi gồm trên dưới 2 miếng, chủ Động. Thần động thì Khí Hư (hà hơi). Tượng nhị sinh Hỏa. Nhất, Tam, Ngũ là Dương Hỏa, thuộc Trời. Thiên tượng Tròn, là Kiền Đỉnh. Nhị, Tứ, Bát là Âm Số. Thuộc đất. Đất hình vuông, là Khôn Lư. Viên chủ Hạp, phương chủ Tịch. Lấy Viên làm thể, lấy phương làm Dụng. Lấy Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, toàn thốc nhất khí làm chuẩn tắc, đỉnh Khí do thể mà thành vậy,

Trường xích nhị, hạp bạc quân.

長尺二, 厚薄均.

Tạm dịch: Dài tấc hai, hạp quân bằng dày mỏng.

(Tấc 2 là 12 phân tượng trưng 12 tháng)

Trường Xích nhị là 12 thốn. Trong một năm thì là 12 tháng. Trong một tháng thì gọi là 12 hầu. Trong một ngày thì gọi là 12 giờ. **Hậu** là nhiều, **Bạc** là ít. **Quân** là tương đình.

Lấy Niên, Nguyệt, Nhật thời, lục Âm, lục Dương, tiến thoái chi tiết, làm Âm Hỏa Dương Phù điều đình chi độ số vậy.

Phúc tề tam, tọa thù ôn.

腹齊三, 坐垂溫.

Tạm dịch: Ở trong bụng 3 ngày, ngồi yên cho ấm tới. (Mồng 3 quẻ Chấn tới sẽ đem lại sức nóng của Dương).

Phúc là đỉnh phúc (ruột đỉnh) để chứa thuốc. **Tam** là Tinh Khí Thần đại dược. Phúc tề tam là tinh khí thần tam dược tề bị. Cho nên Dịch nói: **Đỉnh hữu thật** là vì vậy. Thế là ngồi chảnh động chảnh lay vậy. **Thùy** là trầm tiềm sung mãn. **Ôn** là Sung hoà. **Tọa thù Ôn** là Tinh Khí Thần ngưng tụ nhất xứ, thường trầm tiềm sung hoà, nhất ý bất tán.

Đạo Đức Kinh nói: **Đạo xung nhi dụng chi 道沖而用之.**

Vậy

Âm tại thượng, Dương hạ bồn.

陰在上, 陽下奔.

Tạm dịch: Âm ở trên, Dương ở dưới.

Âm là Thủy, tượng Khôn. Trong đồ có nước. **Dương** là hỏa, tượng Kiền. Trong Đỉnh có Lửa. Thủy ở trên, Lửa ở dưới. Thủy hỏa phan tiến. Hỏa bất tảo, thủy bất hàn, Thủy Hỏa Tương tế, Tinh dưỡng Thần nhi Thần cố tinh vậy.

Thủ Vĩ Vũ, trung gian Văn. Thủy thất thập, chung tam tuần, nhị bách lục. Thiện điều quân.

首尾武, 中間文. 始七十, 終三旬, 二百六. 善調勻.

Tạm dịch: Đầu và cuối dùng Vũ Hoả, giữa thì dùng Văn Hoả, Mới đầu là 70, giữa là 30, còn 260 ở giữa thì điều hoà cho khéo (70+ 30+ 260 = một năm 360 ngày. Công phu lúc đầu và lúc cuối thì phải mạnh, giữa chừng thì khoan hoà. (Âm trên dương dưới là Thủy Hoả Ký tế, là Âm Dương giao Thái.)

Tu đơn chi công, trước phải luyện Vũ Hoả để Luyện Kỷ. Sau cùng phải dùng Văn hỏa để Ôn Dưỡng. Vì Luyện Kỷ chưa thành thực, thì Hoàn Đơn không ngưng kết; Ôn Dưỡng không đủ thì Thánh Thai bất thành. Còn ở trung gian ngưng kết Thánh Thai, chỉ cần dùng ít nhiều công phu văn hỏa, thì Tào Hóa sẽ tới tay. Cho nên nói: **Thủ vĩ Vũ, trung gian Văn**. Nhưng Vũ Hỏa nơi thủ vĩ, cũng nên phân biệt. Kim Đạo lấy luyện kỷ làm đầu, lấy Ôn Dưỡng làm cuối. **Nhân tâm con người từ lâu đã phóng dăng, tính hư tích tập đã dày, thật là cái hại lớn cho công việc tu hành vậy. Rất khó mà hàng phục được. Luyện kỷ phải luyện tới độ Vạn hữu giai không, nếu không Đơn khó mà thành.** Vũ hỏa chi công đó thật đa dạng. Khi đơn đã kết xong, thì phải phòng nguy, lự hiểm, mộc dục ôn dưỡng, nếu có chút biếng lười, thì thánh thai thành rồi cũng hư. Chính vì thế mà cũng dùng Vũ Hỏa. Tuy cũng dùng Vũ Hỏa, nhưng khi sau mười tháng, thai đã hoàn bị, thì phải nghỉ ngay. So với luyện kỷ chi công thời ít hơn. Ví như 100 ngày, Dùng 70 ngày Vũ Hỏa để Luyện Kỷ, 30 ngày Vũ Hỏa để Ôn Dưỡng. Còn dư 260 ngày, thì cũng phải điều quân hỏa hầu, không được sai sót. Cho nên Tiên Ông theo chu kỳ mặt trời là 360, sánh công dụng của đơn đạo hỏa hầu, chứ không phải lấy 360 ngày làm số ngày của Hỏa Hầu. Các học giả nên tường biện.

Âm hoả bạch, hoàng nha diên. Lưỡng thất tụ, phụ dục nhân.

陰火白.黃芽鉛.兩七聚,輔翼人.

Tạm dịch: Âm Hoả trắng, Dương hoả là Hoàng Nha Diên (Âm hoả sinh được, Dương hỏa thành được.) Hai bảy tụ (2 là sinh số của Hoả, 7 là thành số của Hoả). Đều giúp người.

Âm hoả là Hống Tính chi hỏa. Dương hỏa là Diên Tình chi hỏa. **Lưỡng** (hai) là Sinh Số của hỏa. Thuộc Âm. Thất là Thành số của Hỏa, thuộc Dương. Khi nội được hợp với Đơn đầu chi tế, dùng Nhất điểm Hư Linh chi hỏa, để đoàn luyện Diên Tình. Hắc trung sinh Bạch. Hư Thực sinh quang. Cho nên nói: **Âm Hỏa bạch. Hoàng Nha diên bạch** là vì còn có Âm Chất. Hoàng là Âm tận Dương thuần vậy. Long Hồ Kinh nói: **Khiết bạch kiến bửu, khả tạo Hoàng Dư**. Hoàng Bạch chi nghĩa, chính là trong ngoài một lửa, 1 sinh 1 thành, mới đầu là Âm Hỏa sinh Được, rồi đến Dương Hỏa thành Được. Hai khí Âm Dương tương tụ, từ sống đến chín. Chân nhân khí tụ thì thần toàn. Chờ giờ phi thăng. Cho nên nói: Phù dục nhân. **Phù dục** là phù trợ mà đi vậy. **Nhân** là Thánh Thai chi Chân Nhân. Ý nói: Dùng Âm Dương nhị khí mà thành toàn thánh thai vậy,

Thiệm lý não, định thăng huyền, tử xứ trung, đắc an tồn, lai khứ du, bất xuất môn, tiệp thành đại. Tính tình thuần, khước qui Nhất. Hoàn Bản Nguyên. Thiện ái kính, như Quân Thần, chí nhất chu, thậm tân cần. Mật phòng hộ, mạc mê hôn, lộ đồ viễn, phục u huyền, nhược đạt thử, hội Càn Khôn, đao khuê chiêm, tịnh phách hồn, đắc trường sinh, cư tiên thôn.

瞻理腦,定昇玄,子處中,得安存,來去遊,不出門,漸成大.性情純,卻歸一.還本元.善愛敬,如君臣,至一周,甚辛勤.密防護,莫迷昏,路途遠,復幽玄.若達此,會乾坤,刀圭霑,淨魄魂,得長生,居仙村.

Tạm dịch:

Hãy dưỡng nuôi óc chất,

Hãy tu tập định tĩnh.

Thánh thai trong người, Sẽ an toàn.

Qua lại ngao du,
 Không ra khỏi cửa, dần dần lớn khôn.
 Tính tình thuần, sẽ qui nhất,
 Trở về bản nguyên.
 Sẽ kính yêu nhau, như quân thần.
 Hết một vòng, càng cẩn thận,
 Phải đề phòng cẩn mật,
 Không được hôn mê,
 Đường xá xa xôi,
 Lại rất u huyền,
 Nếu đạt tới đây,
 Sẽ khiến Kiền Khôn hợp nhất.
 Sẽ thành Đơn.
 Hồn phách sạch,
 Được trường sinh,
 Vào làng Trời.

Tu Chân chi đạo là đạo Cùng lý, Tận Tính dĩ chí ư Mệnh. Nếu không tu Mệnh, làm sao có thể Dưỡng Tính. Mệnh là những chuyện liên quan đến Sắc Thân. Tính là những chuyện liên quan đến Pháp Thân. Tu mệnh chưa xong, thì Sắc Thân khó lìa, tu tính chưa xong thì Pháp Thân khó thoát. Tiên kinh nói:

Chỉ tu Mệnh, bất tu Tính,	只修命不修性
Thử thị tu hành đệ nhất bệnh.	此是修行第一病
Chỉ tu tổ Tính bất tu đơn,	只修祖性不修丹
Vạn kiếp Âm Linh nan nhập thánh.	萬劫陰靈難入聖
Tính mệnh song tu,	性命雙修
Phương vi liễu đáng.	方為了當

Trên đây nói: **Lưỡng Thất tự, phụ đức nhân**. Thánh thai đã ngưng kết, thì Mệnh Cơ kiên cố. Từ đó cho thấy: Tu tính cốt để thoát Pháp Thân vậy. Đoạn trên đây nói về Tu Tính. Tu Tính là Công Phu diện bích, xuất thần. Diện Bích không phải là là Tính Tọa. Đó là Đối Cảnh vong tình, không còn Hữu Vô, Vạn vật đều không. Như quay mặt vào tường, không còn thấy cái chi. Bàng Môn gọi tính tọa là Diện bích, như vậy đâu có hiểu gì là Diện Bích. Tu tính là diện bích chi lý.

Thiệm lý nào giả. Thiệm là Dưỡng. Lý là Tính vậy. Ốc ở chỗ cao nhất trong con người, ở sau đầu. Ở chỗ tai mắt nghe nhìn không tới được. Thế là Dưỡng tính. Dưỡng Tính phải tới nơi thanh sắc câu hoá, không vô sở không, tới chỗ chí tĩnh, mới là cùng cực công phu. Bởi vì Tu Đạo mà không tới được chỗ chí tĩnh, thì chẳng những Dương Thần không hiện ra được, mà Âm Thần cũng không hiện ra nổi. Nếu mà Dưỡng Tính tới được chỗ Cực Tĩnh, thì Tính Mệnh đều tu xong, hình thần đều hoàn mỹ, tới kỳ sẽ thoát hoá, nhất định sẽ lên tới Huyền Đô, tức như Phật Tổ đã nói: Ta vì người sẽ bảo đảm chuyện này, quyết định sẽ thành tựu. Nhưng khi chưa tới kỳ thoát hóa, thì không nên vội mà phải ôn dưỡng.

Cho nên nói: **Tử Xứ trung, đắc an tồn.** Tử là Thánh Thai, là Pháp Thân. **Đương lương thất tự, phụ Dực Nhân.** Thế là Thánh Thai hoàn toàn. Như con trong bụng mẹ, rất là an ổn mà chờ thời vậy. Khi thời cơ đã đến, thì cứ theo tự nhiên mà tới lui. Nhưng Pháp Thân tuy có thể khứ lai, xuất nhập, thì cũng không được rời xa thân xác mà đi chơi xa. Khi dần dần đã già dặn rồi, khi tính tình đã thuần nhất rồi, khi nguyên bản đã kiên cố rồi, thì mới được đi chơi xa. Không hôn không mê, khoảnh khắc đã đi nghìn dặm. Tự thời thành hình, tán thời thành Khí vậy. Ái kính như quân thần hết lòng hộ trì nhau vậy. **Tân cần chí nhất chu,** sợ bị hôn mê vậy. Như vậy là Đạo đã tới mức thân ngoại hữu thân vậy. Khi tới được chỗ Bất Sinh, Bất diệt, tuy rằng đường đi u viễn, huyền nhi hữu huyền, không có cùng tận.

Nếu lại an Lô, lập Đỉnh lại, thì Con sẽ sinh Cháu, cháu sẽ sinh Chi. Biến hóa vô cùng, không sao lường được.

Nếu các học giả hiểu được công án trên đây, thì đất trời cũng dễ gặp, Đạo khuê có thể ăn được. **Khi hồn phách đã Tĩnh, thì sẽ được trường sinh và sẽ ở Tiên Thôn.** Chắc là có được như vậy.

Lạc đạo giả, tầm kỳ căn, Thẩm Ngũ Hành, định thủ phân, đế tư chi, dĩ tu luận. Thâm tàng thủ, Mạc truyền văn. Ngự Bạch hạc, Giá Long lân, Du Thái Hư, yết Tiên Quân, Thụ Đồ Lục, Hiệu Chân Nhân.

樂道者, 尋其根, 審五行, 定銖分, 諦思之, 不須論. 深藏守, 莫傳文. 御白鶴, 駕龍麟, 游太虛, 謁仙君, 受圖篆, 號真人.

Tạm dịch:

Người yêu Đạo,
 Tìm căn nguyên,
 Xem xét Ngũ Hành,
 Định cân lượng.
 Suy nghĩ kỹ càng,
 Không biện luận nhiều,
 Hãy giữ kín,
 Không viết thành văn,
 Cưỡi bạch hạc,
 Cưỡi lân rồng,
 Chơi nơi Thái Hư,
 Yết Thiên Quân,
 Ghi tên vào Tiên Tịch,
 Và gọi là Chân Nhân.

Thế gian có nhiều kẻ tu mù quáng. Hoặc là Tịch Diệt Thủ Không. Hoặc Khuê Đơn tà hành. Hoặc Lô Hỏa Phục Thực, Hoặc Bàn Tinh, Vận Khí. Tất cả đều không biết Căn Bản của Tính Mệnh. Cho nên người tu đạo thì đông như lông trâu, thành đạo thì ít như lân giác. Tiên Ông từ bi, đề xuất ra 2 chữ Tầm Căn, để thức tỉnh con người. **Căn là Tiên Thiên Hư Vô chi nhất khí.** Nhất thời sinh thiên, sinh địa, sinh vạn vật. Đó là gốc gác của Đạo. Người học Đạo, **năng tri kỳ Nhất tắc vạn sự tất.** Người tu đạo, **năng đắc kỳ Nhất nhi Kim Đơn kết.**

Muốn tìm căn bản, phải mau tìm được thầy để cho khẩu quyết, lại phải hiểu thế nào là Ngũ Hành sinh

khắc, và toàn thốc (gom góp lại) ra sao. Thù Lạng của Đơn vật, phân số của Hỏa Hầu. Khi đã biết khẩu quyết, sẽ hiểu được Diệu quyết. Khi đã hiểu ý phải quên lời. Người đại trí giống như kẻ ngu si, người thợ giỏi y như người thợ vụng. Cứ thế thi hành. Khi ba nghìn công đã đầy đủ, tám trăm hành đã toàn vẹn, thì sẽ giá hạc, thừa lân, bạch nhật phi thăng. Gọi là Chân Nhân.

Thuốc men họ ra sao? Tiên Ông đã bổ tặc những gì sai sót. Viết Tam Tướng loại thượng hạ nhị thiên.

Thượng Thiên bàn về Hoàn Đơn Đại Đơn, Nội Ngoại nhị dược, và tầng thứ điều hoà chúng. Hạ Thiên bàn về Đỉnh Khí vận hỏa, các tầng lớp, từ đầu đến cuối. Cả 2 thiên lời lẽ hết sức giản dị, lý lẽ hết sức minh bạch, cách dạy hết sức tường tận, sự việc rất là tề chỉnh. Tổng kết đại ý Tham Đồng, viết thành sách này. Tất cả đều là những gì Tham Đồng chưa từng nói tới. Vì thế gọi là Bổ Tặc Di Thoát. Nghĩa là Thêm những gì Tham Đồng còn thiếu, lấp kín lại những gì còn thất thoát. Có Tam Tướng loại, mà Tham Đồng mới đầu cũng không có chỗ thất thoát. Tiên Ông không chú Tham Đồng, nhưng thực ra đã thành toàn cho Tham Đồng, đã theo người trước, chỉ cho người sau vậy. Đâu dám nông cạn.

» [Mục Lục](#) | [Thượng thiên 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ thiên](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Đông Hán Ngụy Bá Dương Chân nhân trứ dĩ Ngự Chính.

東漢魏伯陽真人著以御政

Thê Vân Sơn, Ngô Nguyên Tử, Lưu Nhất Minh giải.

棲雲山悟元子劉一明解

Hậu Học Tiêu Nam Phổ trùng khan.

後學蕭南浦重刊

Thượng thiên

上篇

Chương 1

Kiên Cường

Thiên Địa Âm Dương

41. Càn cương, khôn nhu,	乾剛坤柔
Phối hợp tương bao.	配合相包
Dương bầm Âm thụ,	陽稊陰受
Hùng thư tương tu,	雄雌相須
Tu dĩ tạo hóa,	須以造化
Tinh khí nãi thư,	精氣乃舒
Khảm Ly quán thủ,	坎離冠首
Quang ánh thủy phu,	光映垂敷
Huyền minh nan trắc,	玄冥難測
Bất khả họa đồ.	不可畫圖
Thánh Nhân quĩ độ,	聖人揆度
Tham tự Nguyên Cơ,	參序元基
Tứ giả hỗn độn.	四者混沌
Kính nhập hư vô.	徑入虛無
Lục thập quái chu,	六十卦周
Trương bố vi dư.	張布為輿

Long Mã tựu giá,	龍馬就駕
Minh quân ngự thì,	明君御時
Hòa tắc tùy tùng,	和則隨從
Lộ bình bất tà,	路平不邪
Tà đạo hiểm trở,	邪道險阻
Khuynh nguy quốc gia.	傾危國家

Tạm dịch:

Kiên Cường, Khôn Nhu,
 Phối hợp lẫn nhau.
 Dương bầm, Âm thụ
 Thư Hùng cân nhau,
 Hợp thành Tạo Hoá.
 Tinh khí thư sướng,
 Khảm Ly dẫn đầu,
 Quang minh rực rỡ
 Huyền minh khôn lường
 Không thể viết, vẽ.
 Thánh nhân quĩ độ,
 Đi tới gót đầu,
 4 quẻ hỗn độn, (Kiên, Khôn, Khảm, Ly),
 Vào thẳng Hư Vô.
 Sáu mươi quẻ dư, (60 quẻ còn dư lại)
 Kết tựa bánh xe.
 Như cưỡi Long Mã,
 Minh quân ngự thời (thuận thời),
 Hoà hợp theo Trời,
 Đường đi ngay thẳng.
 Tà đạo hiểm hóc,
 Khuynh đảo quốc gia.

Đại Đạo thời vô thanh, vô xú, không phải sắc, không phải không, có gì để mà nói? Nhưng trong cái Vô Thanh, Vô Xú đó lại tàng ẩn Âm Dương. Trong cái Phi Sắc, Phi Không lại hàm Tạo Hóa. Nếu thật không có lời nói, thì làm sao biết được cái tiêu tức của Âm Dương, làm sao hiểu được cái cơ mật của Tạo Hoá. Cho nên người xưa nói: Đạo vốn vô ngôn, ngôn cốt là để hiển đạo. Trời không có đạo riêng: Long Mã phụ Đồ, xuất Hà, cốt là tiết lộ thiên cơ. Phục Hi bắt chước theo đó mà vẽ Tiên Thiên Bát Quái. Lại nhân lên thành 64 quẻ. Đến Văn Vương lại biến xuất thành Hậu Thiên Bát Quái, rồi diễn ra thành hậu thiên 64 quẻ,

phân ra thành 384 hào. Rồi lại buộc bằng từ (Hệ từ), để làm sáng tỏ lẽ cát hung. Khổng tử làm Thập Dục, làm rõ nghĩa lý của Hi Văn (Phục Hi, Văn Vương). Nhờ thế mà lẽ Tiên Thiên, Hậu Thiên, được rõ ràng, đầy đủ.

Thiên địa, Tạo hóa chi đạo thật là sáng láng vậy. Cho nên một quyển Kinh Dịch, là sách đạo lý của hiền thánh Trung Quốc, là sách căn bản để Tu Đạo Lập Đức vậy. Nho gia tôn trọng sách này, Đạo gia học theo sách này. Âm Phù Kinh của Hoàng Đế, Đạo Đức Kinh của Lão Tử, kỳ lý, kỳ nghĩa, đều ám hợp với sách này. Nhưng chư thánh áo ngữ, diệu nghĩa, hậu thế ít người tìm ra được đầu đuôi, không biết đâu là bến bờ. Nghĩa là thỉnh thoảng có một vài lương tài ẩn sĩ, chỉ hiểu được một câu hay nửa lời, nên không tìm ra được chỗ ra tay.

Ngụy Bá Dương chân nhân có lòng thương người, suy ra được tẩm lòng độ thế của các Ngài, lấy kinh Dịch làm chuẩn, và phát huy cái áo bí của Âm Phù Kinh và Đạo Đức Kinh, lại dùng trăm ngàn tỉ dụ, cắt nghĩa thật rõ ràng. Muốn cho ai nấy đều thành Đạo,

Muốn cho ai nấy đều biết chân lý. Các sách đơn kinh, tử thư sau này, đều dựa vào Tham Đồng Khế mà viết ra. Cho nên Tham Đồng là vạn cổ Đan Kinh Vương. Và chữ Kim Đan cũng bắt đầu từ đó.

Con người nắm được Khí Thiên Địa Âm Dương để sinh thân. Trong Thân con người có Khí của Âm Dương, Ngũ Hành, có Đức của Âm Dương Ngũ hành. Khí thuộc Mệnh, Đức thuộc Tính. Thế là Tính Mệnh là do Thiên Địa, Âm Dương, Ngũ hành chi khí mà thành. Người học cách Tu Tính Mệnh, mà lìa cái đạo Thiên Địa Âm Dương, Ngũ hành, thì không còn cái thuật nào khác. Đạo Dịch là Đạo Thiên Địa, Âm Dương, Ngũ hành. Hiểu được Đạo Dịch là biết được đạo Thánh. Cho nên Dịch Đạo lấy Càn Khôn làm đầu rồi xếp các quẻ. Tham Đồng Khế cũng lấy Càn Khôn làm đầu rồi bàn về Đạo. Thế là Lý của Tham Đồng Khế là lý của Kinh Dịch. Dịch lấy Càn Khôn làm đầu mà Càn là Kiện. Thủ tượng nơi chữ Thiên. Mà Trời là Dương, là Chí Cương. Cương chủ Kiện. Cho nên nói: Càn cương. Khôn là Thuận, Thủ tượng nơi chữ Địa. Địa là Âm là Chí Nhu. Nhu chủ Thuận. Cho nên nói: Khôn nhu.

Càn Khôn định vị, cương nhu tương bao. Khí của Càn Dương là Khí Bấm, còn Khôn Âm chi khí thời thừa thụ. Một hùng, một thư, giúp nhau làm công việc Tạo Hóa, mà Dương Tinh Âm Khí thì thư sướng mà sinh vạn vật. Dịch lấy Khảm Ly làm Trung. Khảm thì Ngoại Âm nhi Nội Dương, tượng Nguyệt. Ly thời Ngoại Dương nhi nội Âm, tượng Nhật. Nhật Nguyệt là Tinh Hồn của Trời Đất, thay Trời Đất mà hành Tạo Hóa. Nó đứng đầu Khí Vận. Nhật chiếu, Nguyệt lâm. Quang ánh thừa phu, Tứ thời hành nhi vạn vật sinh trưởng thu tàng, mọi sự đều hết sức tự nhiên. Thiên Địa cương nhu, nên mới có thể thư Tinh Khí. Nhật Nguyệt vắng lai nên mới có thể thừa Quang Huy. Trong lại có cái Vô Hình, Vô Tượng, vận động bên trong. Cái lý đó chí Thần, chí Diệu, khó mà hay biết, khó mà vẽ thành hình. Cho nên thánh nhân quĩ độ Âm Dương tiêu tức, Tham Đồng tự kỳ Nguyên Bản Căn Cơ. Để chỉ cho ta chỗ thâm áo.

Tứ giả hỗn độn, Kinh nhập hư vô (Bốn quẻ hợp hòa, đi thẳng vào Hư Vô). Dịch lấy Càn Khôn làm Thế, Khảm Ly làm Dụng. Bốn quẻ đó hòa hợp, mà qui về Hư Vô Nhất Khí. Nhất Khí lưu hành, Âm rời Dương, Dương rời Âm. Âm Dương trao đổi, mới đầu là Truân Mông, cuối cùng là Ký Tế, Vị Tế. Sáu mươi quẻ còn lại đó, Âm Dương thay đổi, trương bố vi dư (thành cái xe). Long Mã tự giá, vận cốc chính trực, đi hành Tạo Hóa. Đó là Đại Lược của Kinh Dịch.

Thánh Nhân đứng đầu muôn loài, thừa lục long dĩ ngự thiên, nên động tĩnh tùy thời. Nhất nhất đều in như Kinh Dịch, không có chút chi dám sai ngoa. Vì Dịch lấy Âm Dương hòa bình làm căn bản. Ngự Chính là Quan Thiên Đạo, Chấp Thiên hành. Thế nên nói là Năng Hòa. Hoà thời vạn dân sẽ nghe theo. Vương đạo thản thản, là Lộ Bình Bất Tà vậy. Còn sai Thiên Đạo, thất Thiên Hành thì là Bất hòa. Đã bất hòa thì trên dưới không ứng hợp nhau. Đó là Tà Đạo hiểm trở, nó làm khuynh nguy quốc gia vậy. Người tu đạo bắt

chước đó nên lấy Cương Kiện Nhu Thuận làm Thể, lấy Cương Nhu Trung Chính làm dụng. Cương nhu hợp nhất, như [Càn Khôn thất ngẫu \(sánh đôi\)](#). [Cương Nhu trung chính](#), như Khảm Ly chi quang thủy. Cương Nhu tương đương, Kiện Thuận hỗn thành, Tinh Khí sung túc, tâm quân hư linh, hồn nhiên Thiên Lý. [Cử Chính Tâm là Thân có thể tu được vậy. Vả trị thân trị quốc cũng chỉ có Một Lý. Tâm chính và Quân chính là Một Đạo vậy. Không thấy vị vua nào bất chính mà lại theo được đúng thời Trời. Chưa thấy ai có Tâm bất chính mà có thể giữ toàn được Đạo vậy. Tiên Ông mới đầu dùng Dịch Lý để Ngự Chính \(theo đúng thời Trời\). Đề xuất ra lấy đó làm Cương lĩnh. Đặc biệt coi \[Tính Mệnh chi Đạo với Dịch là một đạo. Coi tu thân là Ngự Chính\]\(#\). Không hiểu Dịch Đạo không thể Tu Tính Mệnh. Không biết Ngự Chính, thì không biết cách tu Thân Tâm. \[Dịch Đạo và Ngự Chính, đều lấy Âm Dương tương hoà làm căn bản. Tu trì Tính Mệnh, mà bỏ lẽ Âm Dương tương hoà, thì không còn phép thứ hai nào khác. Tiết này trọng tại nơi một chữ Hoà. Hoà thì đường đi sẽ bằng phẳng, sẽ không tà khuất. Học giả trước là phải biết chữ Hoà vậy. Sau đây có một đồ bản để tiện việc tham khảo.\]\(#\)](#)

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Thượng thiên

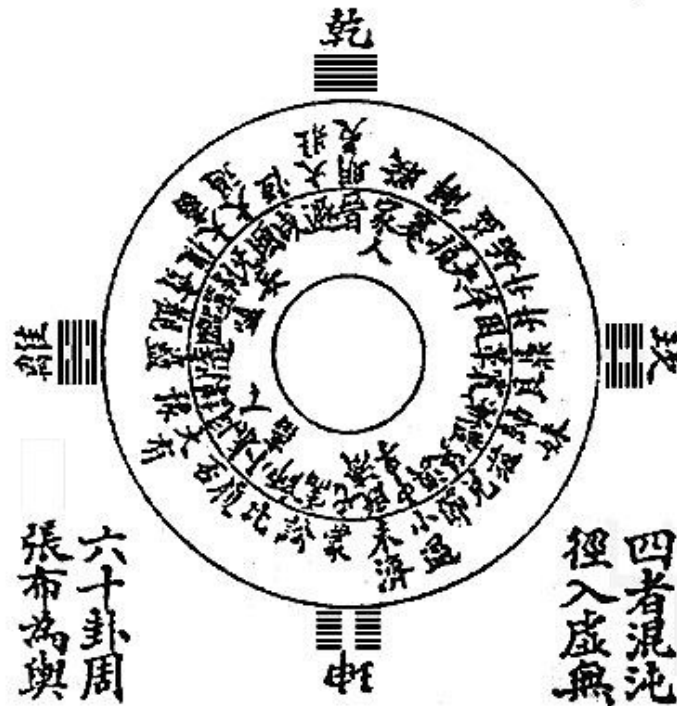
上篇

Chương 2

Quân Tử

Ăn nói phải cho thành khẩn

圖卦四十六易周



42. Quân tử cư kỳ thất, xuất kỳ môn,
Thiện tắc thiên lý chi ngoại ứng chi.^[1]
Vị Vạn Thặng chi chủ,
Xử Cửu Trùng chi vị,
Phát hiệu, xuất lệnh,
Thuận Âm Dương tiết,
Tàng khí sĩ thời.^[2]

君子居其室出其言
善則千里之外應之
謂萬乘之主
處九重之位
發號出令
順陰陽節
藏器俟時

Vật vi quái nguyệt.	勿違卦月
Truân dĩ Tý Thân,	屯以子申
Mông dụng Dần Tuất.	蒙用寅戌
Dư thập lục quái,	餘十六卦
Các tự hữu nhật.	各自有日
43. Liêu Trần lưỡng tượng.	聊陳兩象
Vị năng cứu tất,	未能究悉
Lập nghĩa thiết hình.	立義設刑
Đương nhân, thi đức,	當仁施德
Nghịch chi giả hung,	逆之者凶
Thuận chi giả cát.	順之者吉
Án thời phát lệnh,	按時發令
Chí thành chuyên mật.	至誠專密
Cẩn hầu nhật thần,	謹候日辰
Thẩm sát tiêu tức,	審察消息
Tiêm giới bất chính.	纖芥不正
Hối lạn vi tặc.	悔吝為賊
44. Nhị Chí cải độ,	二至改度
Quai thác uẩn khúc.	乖錯委曲
Long Đông, Đại Thử,	隆冬大暑
Thịnh Hạ, sương tuyết,	盛夏雪霜
Nhị Phân tung hoành,	二分縱橫
Bất ứng lậu khắc.	不應漏刻
Thủy hạn tương phạt,	水旱相伐
Phong vũ bất tiết.	風雨不節
Hoàng Trùng dũng phất,	蝗蟲湧沸
Quần dị bàng xuất,	群異傍出
Thiên kiến kỳ quái,	天見其怪
Sơn băng Địa liệt.	山崩地裂
Hiếu tử dụng tâm,	孝子用心
Cảm động Hoàng Cực.	感動皇極
Cận xuất kỷ khẩu,	近出己口
Viễn lưu thù vực,	遠流殊域
Hoặc dĩ chiêu họa,	或以招禍
Hoặc dĩ trí phúc.	或以致福

Hoặc hưng thái bình,	或興太平
Hoặc tạo binh cách.	或造兵革
Tứ giả chi lai,	四者之來
Do hồ hung ức,	由乎胸臆
45. Động tĩnh hữu thường,	動靜有常
Phụng kỳ thăng mặc.	奉其繩墨
Tứ thời thuận nghi,	四時順宜
Dữ khí tương đắc,	與氣相得
Cương Nhu đoán hỹ,	剛柔斷矣
Bất tương thiệp nhập,	不相涉入
Ngũ hành thủ giới,	五行守界
Bất vọng doanh súc.	不妄盈縮

Tạm dịch:

42. Quân tử ngồi nhà,
 Nói ra lời phải,
 Ngàn dặm bên ngoài
 Cũng sẽ nghe theo.
 Làm vua một nước,
 Ngồi trên Cửu Trùng,
 Phát ra hiệu lệnh,
 Ứng hợp Âm Dương,
 Tàng khí (khí giới) chờ thời.
 Không sai Quái Nguyệt
 Truân theo Tí Thân,
 Mông dùng Dần Tuất.
 60 quẻ dư, (60 quẻ còn lại)
 Có ngày của chúng
 43. Âm Dương, Thủy Hoả,
 Cứu xét chưa xong,
 Lập Nghĩa, thiết Hình,
 Dương Nhân, thi Đức.
 Nghịch lại thời Hung,
 Thuận theo thời Cát.
 Phát lệnh theo thời
 Chí thành kín đáo.

Theo đúng thời thần.

Quan sát tiêu tức

Bất chính nhỏ nhất,

Sẽ bị Hối Lận,

Nhị Chí sai độ,

Sẽ ngược đầu đuôi,

Mùa Đông mà nóng,

Mùa Hạ Tuyết Sương.

Nhị Chí tung hoành

Không theo thời tiết.

Lụt lội hạn hán,

Mưa gió trái kỳ.

Hoàng trùng sinh đầy,

Tai dị cũng lắm.

Trời sinh quái dị,

Núi lở đất nứt,

Hiếu tử quyết tâm,

Cảm động Hoàng Cực

Gần sinh tử mồm,

Xa nơi đất lạ.

Hoặc là chiêu hoạ,

Hoặc là giáng phúc.

Hoặc tạo thái bình

Hoặc gây binh cách.

Bốn chuyện đó sinh,

Đều do lòng mình.

45. Động tĩnh hữu thường,

Đều có thăng mặc,

Tứ thời thuận vận,

Cùng Khí tương đắc,

Cương nhu đoán vậy.

Không đi vào nhau,

Ngũ hành yên vị,

Đầy vơi phải thời.

Tiết trên nói Âm Dương tương hoà mới có Hữu Vi. Nhưng có Âm Dương tất phải có Sinh Sát. Sinh sát phân minh, âm dương tương tu. Dùng để trị nước, nước sẽ được trị. Dùng để tu thân, thân có thể tu. Và đạo tu chân, cốt là Pháp Thiên, Hiệu Địa, một lời, một việc, phải hết sức cẩn mật, phải ám hợp Thiên Địa, Tạo Hóa, như vậy mới có thể Dữ Thiên Địa hợp kỳ Đức, đoạt Thiên địa chi khí số và đem nó về cho mình. Hệ Từ Truyện viết: Quân tử cư kỳ thất, xuất kỳ ngôn, nói phải thì nghìn dặm cũng nghe theo. Cho nên phải Tu Từ, Lập kỳ thành để tiến đức. Vì là Tiến Đức, nên lời nói ắt là thành khẩn. Thất là chỗ mà người không biết, chỉ có một mình mình biết. Ở nơi kín đáo (cư kỳ thất), mà lại có thể Thận Kỳ Độc (thận trọng khi ở một mình), như vậy là Tinh Quan mật sát. Lời nói ra không sai trái. Đã nói ra một lời, lời đó sẽ tận thiện. Ngôn thiện tất hữu tín, mà đã đáng tin, thì thi hành sẽ hẳn hoi. Và có thể động Thiên Địa, cảm nhân vật. Cho nên nghìn dặm vẫn có người nghe. Người biết Ngự Chính, sẽ nhìn thấy lối đường Trời Đất, sẽ theo được lối đường trời. Khi phát ra hiệu lệnh, sẽ thuận tiết Âm Dương, và không dám sai đường lối trời. Cho nên ngôn hành là khu cơ của người quân tử. khu cơ đã phát, thì vinh nhục sẽ tới. [3]

Người tu đạo dụng cương, dụng nhu, phỏng theo người Ngự Chính. Khi phát hiệu xuất lệnh sẽ thuận Âm Dương tiết. Chưa thấy ai có tâm bất chính, mà Thân lại tu; Tính chưa tận mà Mệnh lại lập. Thế nào là phát hiệu xuất lệnh? Đó là thuận Âm Dương tiết, Dương tiết để sinh phát vạn vật, Âm tiết để thu liễm vạn vật. Người tu đạo có tiến, có thoái. Khi đáng Dương thì dụng Dương, khi đáng Âm thì dụng Âm. Dụng Dương là Tiến, Dụng Âm là Thoái. Tiến thoái có tuần tiết, nên gọi là Thiên Nhân Hợp Phát. Dùng Âm Dương để ban hiệu lệnh vậy.

Tàng khí sĩ thời, vật vi quái nguyệt vậy. [4] Một năm có 12 tháng. Sáu tháng đầu thuộc dương. Sáu tháng sau thuộc Âm. Từ Tí đến Tị, là 6 tháng có quẻ Dương dẫn đầu: Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Kiền. Từ Ngọ đến Hợi, là 6 tháng có quẻ Âm dẫn đầu: Cấn, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn. Âm Dương quái khí, đều có thời kỳ. 12 tháng đi qua 60 quẻ, tổng cộng là 360 ngày. Mỗi ngày đi qua 1 hào. Cộng là 360 hào. Mỗi tháng 30 ngày đi qua 5 quẻ và 30 hào. Tính bắt đầu từ ngày Đông Chí, và bắt đầu bằng Truân Mông, cuối cùng là Kỳ Tế, Vị Tế. Truân do 2 quẻ đơn là Khảm Chấn (Thủy Lôi Truân) hợp lại.



TRUÂN

Khảm là Thủy, Chấn là Lôi. Sấm ở trong Nước, là Dương động trong Âm vậy. Truân là Tí Thân. Khảm tại Tý là Nước. Thủy sinh ư Thân, vượng ư Tí. Dương khí đến Tí thì đi lên, thế là Dương dụng sự vậy,

Mông là do 2 quẻ đơn Cấn Khảm (Sơn Thủy Mông) mà thành.



MÔNG

Khảm là Thủy. Nước ở dưới núi. Là Dương Khí ngưng lại trong Âm vậy. Mông dùng Dần Tuất. Cấn tại Dần tàng hỏa, Hỏa sinh ở Dần, khố tại Tuất. Dương khí đến Tuất thời tàng, thế là Âm dụng sự vậy. Truân cốt sinh Dương, Mông cốt dưỡng Dương.

Tu đơn chi đạo là tàng khí ở Thân, chờ thời sử dụng. Đáng tiến Dương mà lại Âm trung chi phản Dương nhi tiến hỏa, như Truân là Dương động trong Dương vậy. Đáng Dương túc mà lại Dương trung nhi vận Âm để thoái hỏa, như Mông là Dương chỉ trong Âm vậy. Dư 60 quẻ đều có ngày của nó. Một tháng 5 quẻ, 360 là dùng qua 60 quẻ. Cho nên tiết trên nói: lục thập quái chu trương bố vi dư vậy. Liều Trần lương

tượng (là Thủy Hoả, Âm Dương), người nào chưa tìm hiểu nổi, thì cứ xem hai quẻ Truân Mông, có tượng Chính Phản. 58 quẻ kia cũng vậy. Một chính, một phản, đều theo quái khí, như vậy có thể loại suy mà biết, chẳng cần thâm cứu hơn.

64 quẻ, mà chỉ nói có 60. Vì đạo Tạo Hoá, lấy Càn Khôn làm thể, lấy Khảm Ly làm Dụng. 60 quẻ đều là Càn Khôn, Khảm Ly 4 quẻ. Một Âm, Một Dương, biến hóa, sinh xuất ra. Người tu đạo nếu biết điều tiêu tức này, thì cũng hiểu được lẽ tồn ích, lẽ hôn hiếu (sáng tối), lấy Càn Khôn làm thể, lấy Khảm Ly làm dụng, nhất động, nhất tĩnh thì 60 quẻ sẽ tự nhiên nhi nhiên, bất chấp quái tượng, mà tự hợp quái tượng vậy.

Lập Nghĩa thiết Hình, đương Nhân, thi Đức. Nghĩa cương chủ Hình, nhân nhu chủ Đức. Đáng cương thì cương, đáng nhu thì nhu, dĩ Nhân thi Đức. Thiết Hình để trừ khách khí, thi Đức để dưỡng chính khí. Nghĩa để thành Nhân, Nhân để tế nghĩa. Nhân Nghĩa tịnh hành, hình đức lưỡng dụng, Đại Đơn bắt đầu thành. Đi sai đường này, thì Âm Dương sẽ quái nghịch, và sẽ bị hung tai. Đi thuận đường này, thì Âm Dương điều hoà và sẽ gặp cát tường. Cho nên phải án tiết hầu, phát lệnh thi vi, thần minh mặc vận, chí thành chuyên mật, phòng nguy lự hiểm, cẩn thận theo dõi nhật thần ngày Âm sinh, Dương sinh, thám sát tiêu tức mà vận dụng nó, không được biếng lười. Chỉ một chữ Thành, mà người tu đạo có thể thành thủy, thành chung. Có một chút chi bất chính, thì là Bất Thành. Bất thành thì Hối Lận sẽ quấy nhiễu, Âm Dương không đúng thời, nhị Chí sẽ cải độ (Đông Chí, Hạ Chí), Âm Dương mà bất hoà thì Nhị Phân (Xuân Phân, Thu Phân) sẽ tung hoành, sẽ có nhiều hung tượng phát hiện. Nếu Đại Đạo tại Vọng (ngày 15), cũng chưa chắc đã thành. Nếu Cương Nhu mà Trung Chính, thì Nhất Thành cách Thiên (Thành sẽ cảm động lòng Trời), Hung sẽ biến Cát, hiểm sẽ thành dễ. Cũng như Hiếu tử thành Tâm, sẽ cảm động được Hoàng Cực. Xưa Đại Thuấn bị cha mẹ làm cho mắc nạn, thì kêu khóc vang trời, không hề oán Trời, hoàn lẫm tuần tỉnh (làm kho đào giếng), không dám trái lời. Cổ Tấu (bố vua Thuấn) đốt kho, lấp giếng, mà Ông cũng không chết.^[5] Trời báo đáp hiếu tử là như vậy. Người tu đạo nếu có thể Dĩ Nhân Tâm hợp Thiên Tâm, thì Âm Dương sẽ diên đảo trong chốc lát. Làm sao mà đi ngược lại được với Trời. Trời không đi ngược ta, thì sao mà người đi ngược được ta, quỷ thần làm sao đi ngược được ta.

Gần thì tự miệng ta, xa thì là miền khác. Tức là người quân tử ở trong nhà vắng, mà nói lời hay, thì nghìn dặm xa cũng có người hưởng ứng. Còn ở trong nhà mà nói ra lời xấu, thì nghìn dặm xa cũng có người phản đối. Cho nên hoặc là chiêu họa, hoặc là trí phúc, hoặc hưng thái bình, và làm cho xương cốt thư sướng, hoặc tạo binh cách, và làm cho lục tặc xương cuồng. Cát hung họa phúc, đều do nơi một niệm trong lòng mình. Vì tiếng nói là âm thanh của Tâm Hồn. Có bên trong, mới hình ra bên ngoài. Tâm mà chính, thì lời sẽ lành. Sẽ đem lại hạnh phúc và thái bình cho con người. Tâm mà Bất Chính, thì lời nói sẽ không ra gì, sẽ chiêu họa tai và gây loạn lạc.

Cho nên Động Tĩnh phải có phép thường, theo khuôn phép và thẳng mặc đó, không được nghiêng lệch bên nào. Phải tùy thời, tùy sự, mà thuận theo, hay không theo. Theo đúng với khí Âm Dương tứ thời, dụng cương, dụng nhu, lúc nào cũng đắc kỳ thời. Cứ như vậy mà quyết đoán, Làm gì cũng phải có tiêu chuẩn.

Hệ Từ nói: Động tĩnh hữu thường, cương nhu đoán hỷ. Ý là nói như vậy. Khi đáng cương, mà lại nhu; khi chưa đáng nhu mà lại cương. Kim. Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, đều có giới hạn. Ngũ Nguyên, Ngũ Đức đều an kỳ vị, không được quấy phá bờ bãi. Nhất Khí Hồn nhiên, và Thiên Lý cứ lưu hành không ngừng nghỉ. Tiết này trọng nhất là chữ Động tĩnh hữu Thường. Có thể Động Tĩnh hữu Thường, tức là có thể Phát Hiệu Xuất lệnh, thuận Âm Dương tiết. Thế là Ngũ hành giữ giới hạn của mình, không doanh xúc bậy bạ. Thế là Quân Tử cư kỳ thất, xuất kỳ ngôn thiện, chí thành chuyên mật. Không hành động nào mà không đúng, không lời nói nào mà không hay. Dù nghịch dù thuận, dù tiến dù thoái, không có gì là Vô Khả, Vô Bất Khả

cả.

[1] Hệ Từ thượng, chương VIII; quẻ Trung Phu, Cửu nhị.

[2] Hệ từ hạ; quẻ Giải, hào thượng lục.

[3] Hệ Từ thượng, chương VIII.

[4] Hệ Từ hạ, chương V.

[5] Xem Mạnh Tử II, Đoàn Trung Còn dịch, tr.37, tr. 79.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trực Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trực Chỉ

參同契經文直指

Thượng thiên

上篇

Chương 3

Dịch Hành

Thuận Thời, Thuận Lý

Dịch hành chu lưu,	易行周流
Khuất thân, phản phúc,	屈伸返覆
U tiềm, luân nặc,	幽潛淪匿
Biến hóa ư trung.	變化於中
Bao nang vạn vật,	包囊萬物
Vi Đạo kỷ cương.	為道紀綱
Dĩ vô chế hữu,	以無制有
Khí dụng giả không.	器用者空

Tạm dịch:

Dịch lý chu lưu,
Khuất thân, lộn lạo,
U tiềm luân nặc,
Biến hoá bên trong,
Cưu mang vạn vật,
Vi Đạo kỷ cương,
Lấy Vô chế Hữu,
Khí dụng đều không.

Tiết trên nói về Phát Hiệu Xuất lệnh, thuận Âm Dương tiết mà sau được may. Con người hoặc là có hữu tâm tác vi, nhưng thực là không có Hữu Tâm vậy. Ví như xem một quả Dịch biến ảo, một khí thượng hạ, chu lưu lục hư. Cái cơ vi khuất thân phản phúc, tiềm ẩn bên trong, tuy nghe nhìn không ra, nhưng vừa Chí Vô cũng vừa Chí Hữu, Chí Hư nhưng cũng Chí Thực. Trong đó biến hóa vô cùng, chứa hết muôn vật. Đó là kỷ cương của Đạo. Vì Khuất thân, phản phúc, Nhất Âm, Nhất Dương chi vị Đạo, biến hóa ở trong đó.

Âm Dương không lường được nên gọi là Thần. Dùng Thần vận Đạo, dùng Đạo hiển thần. Thế là dùng Vô để chế Hữu. Dùng Khí Dụng để trở về Không Dịch. Đó là Vô Tư, Vô Vi, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố. Dịch làm gì có Tâm. Tính Mệnh chi Đạo chính là Dịch Đạo vậy. Dịch đã vô tâm, thì người tu đạo cũng vô tâm. **Cái dụng của Vô Tâm là cái dụng của thuận thời. Thuận thời là Thuận Lý. Cứ thuận lý mà hành sự, sẽ cảm động được Trời, chứ không phải là do người, như vậy thì làm gì còn tâm?**



» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Thượng thiên

上篇

Chương 4

Cổ Suy

Phải biết Suy Tư

Cổ suy tiêu tức,	故推消息
Khảm Ly một vong.	坎離沒亡
Ngôn bất cấu tạo,	言不苟造
Luận bất hư sinh.	論不虛生
Dẫn nghiệm kiến hiệu.	引驗見效
Giáo độ Thần Minh.	校度神明
Suy loại kết tự,	推類結字
Nguyên lý vi chứng.	原理為證
Khảm Mậu Nguyệt tinh,	坎戊月精
Ly Kỷ Nhật quang.	離己日光
Nhật Nguyệt vi dịch,	日月為易
Cương Nhu tương đáng.	剛柔相當
Thổ vương tứ quý,	土王四季
La lạc thủy chung.	羅絡始終
Thanh Xích Bạch Hắc,	青赤白黑
Các cư nhất phương.	各居一方
Giai bình Trung Cung,	皆秉中宮
Mậu Kỷ chi công.	戊己之功

Tạm dịch:

Nên xét voi đây,

Khảm Ly còn mất,

Không dám nói bừa,

Luận không sinh bậy.
 Nhìn xem kết quả,
 Giáo độ Thần minh
 Suy loại kết tự,
 Nguyên lý vi chứng.
 Khảm Mậu, Nguyệt tinh,
 Ly Kỷ, Nhật quang
 Nhật Nguyệt thành Dịch
 Cương Nhu đều nhau.
 Thổ vượng bốn mùa,
 Toàn thốc Ngũ Hành,
 Thanh Xích, Bạch Hoàng
 Cư tại bốn phương
 Qui hoàn Trung Cung:
 Công lao Mậu Kỷ.

Tiết trên bàn về Hữu lấy Vô làm dụng. Nhưng cái Dụng của Vô, người khó mà biết. Cho nên Thánh Nhân suy Âm Dương, Lai Vãng, Tiêu Túc, Khảm Ly hội hợp một vòng. Lấy Hữu Tượng tỉ Vô Tượng, lấy hữu hình dụ Vô Hình. Lời nói không được tạo đoạn bừa bãi. Luận bàn không được hư sinh. Dem cái gì đã được chứng nghiệm và đã có hiệu quả, mà giáo độ Âm Dương thần minh chi dụng. Suy kỳ loại để mà kết tự, nguyên kỳ lý để mà dẫn chứng. Khiến người dễ biết, dễ nhận. Như Khảm nạp Thủy vi Nhật Tinh, Ly nạp Kỷ vi Nhật quang. Âm trung hàm Dương, Dương trung hàm Âm. **Lấy chữ Nhật 日 đặt lên trên, chữ Nguyệt 月 đặt xuống dưới thành chữ Dịch 易, lấy Nghĩa Cương Nhu tương đương.** Đó là suy từ 2 chữ Đồng Loại Tương Tòng mà kết thành chữ. Lại như Thổ vượng Tứ Quý, la lạc Kim, Mộc, Thủy, Hỏa thành 1 khí. Thủy là Chung, Chung là Thủy, lưu hành bất tức. Thanh Mộc, Xích Hỏa, Bạch Kim, Hắc Thủy. Mỗi Hành ở một phương. đều bị Trung Cung chi thổ điều hòa tương hợp mà thôi. Cái công lao tương hợp đó, đều nhờ 2 chữ Mậu Kỷ. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ hợp thành một mối. Thế nghĩa là Toàn Thốc Ngũ Hành. Lấy Nguyên Lý đó làm chứng, làm Nguyên Lý loại suy. Vô có thể từ Hữu mà biết, Không có thể từ Khí mà hiểu vậy.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Thượng thiên

上篇

Chương 5

Sóc Đán

12 quả khí: Làm gì cũng phải đúng tiết đúng thời

49. Sóc đán vi Phục,	朔旦為復
Dương khí thủy thông,	陽氣始通
Xuất nhập vô tật,	出入無疾
Lập biểu vi cương.	立表為剛
Hoàng Chung kiến Tí,	黃鍾建子
Triệu nãi tư chương.	兆乃滋彰
Bá thi nhu hoãn.	播施柔暖
Lê chưng đắc thường.	黎蒸得常
50. Lâm Lô thi điều,	臨爐施條
Khai lộ chính quang.	開路正光
Quang diệu tiệm tiến,	光耀漸進
Nhật dĩ ích trường.	日以益長
Sửu chi Đại Lữ.	丑之大呂
Kết chính Đê Ngang.	結正低昂
51. Ngưỡng dĩ thành Thái.	仰以成泰
Cương nhu tịnh long.	剛柔並隆
Âm Dương giao tiếp,	陰陽交接
Tiểu vãng đại lai.	小往大來
Phúc Thấu ư Dần,	輻輳於寅
Vận nhi xu thời.	運而趨時
52. Tiệm lịch Đại Tráng.	漸歷大壯
Hiệp liệt Mão môn,	俠列卯門

Du giáp đọa lạc.	榆英墮落
Hoàn qui bản căn.	還歸本根
Hình Đức tương phụ.	刑德相負
Trú dạ thủy phân.	晝夜始分
53. Quả âm dĩ thoái.	夬陰以退
Dương thăng nhi tiền.	陽升而前
Tẩy trạc vũ cách.	洗濯羽翮
Chấn sách túc trần.	振索宿塵
54. Càn kiện thịnh minh.	乾健盛明
Quảng bị tứ lân.	廣被四鄰
Dương chung ư kỷ.	陽終於己
Trung nhi tương can.	中而相干
55. Cấu thủy kế tự,	姤始繼序
Lý sương tối tiên.	履霜最先
Tĩnh để hàn tuyền.	井底寒泉
Ngọ vi Nhụy Tân.	午為蕤賓
Tân phục ư Âm.	賓伏於陰
Âm vi chủ nhân.	陰為主人
56. Độn thế khứ vị.	遯世去位
Thu liễm kỳ tinh.	收斂其精
Hoài đức sĩ thì.	懷德俟時
Thê trì muội minh.	棲遲昧冥
57. Bĩ tắc bất thông.	否塞不通
Manh giả bất sinh.	萌者不生
Âm thân dương khuất.	陰伸陽屈
Một Dương Tính Danh.	沒陽姓名
58. Quan kỳ quyền lượng.	觀其權量
Sát Trọng Thu tình.	察仲秋情
Nhiệm súc vi trĩ.	任蓄微稚
Lão khô phục vinh.	老枯復榮
Tề mạch nha nghiệt.	齊麥芽蘖
Nhân mạo dĩ sinh.	因冒以生
59. Bác lạn chi thể.	剝爛肢體
Tiêu diệt kỳ hình.	消滅其形
Hóa khí ký kiệt.	化氣既竭

Vong thất chí thần.	亡失至神
60. Đạo cùng tắc phản,	道窮則返
Qui hồ Khôn nguyên.	歸乎坤元

Tạm dịch:

49. Sốc đán là Phục
Dương khí vừa thông.
Vào ra không vội,
Lập biểu vi cương.
Hoàng Chung kiến Tí,
Triệu Nhất Dương sinh
Trong đỉnh ấm áp
Cơ bản tạo đơn.

50. Lâm lô thi điều,
Mở đường sáng láng,
Ánh sáng tăng dần,
Ngày một dài hơn,
Phù ứng Đại Lữ,
Kết chính Đê Ngang.

51. Ưc dĩ thành Thái,
Cương Nhu đều thịnh.
Âm Dương giao tiếp,
Tiểu vãng đại lai,
Phúc Thấu tại Dần,
Vận hành siêu thời.

52. Dần sang Đại Tráng,
Ở nơi cung Mão,
Du Giáp rơi rụng,
Hình Đức phụ nhau,
Ngày đêm chia phối.

53. Quả Âm đã thoái,
Dương tiến lên trước,
Rửa sạch cánh lông,
Cho hết bụi bặm.

54. Càn kiện thịnh thời.
Rộng toả bốn phương.

Dương cực ở Tị,
 Trúng và tương can.
 55. Quẻ Cấu bắt đầu,
 Như bước trên băng.
 Nước lạnh, đáy giếng,
 Ngộ ở Nhụy Tân,
 Tân trở thành Âm,
 Âm là chủ nhân.
 56. Bước sang quẻ Độn,
 Thu liễm tinh hoa,
 Hoài Đức chờ thời,
 Thê trì muội minh.
 57. Bĩ tắc bất thông,
 Mầm không sống nổi,
 Âm thân, Dương khuất,
 Gọi là Một Dương (Dương tiêu),
 58. Sang tới quẻ Quan,
 Vào mùa Trọng Thu,
 Dương đà yếu ớt,
 Cành già tươi lại,
 Tề mạch phục sinh,
 Sinh ra đầy đất.
 59. Bác tiêu hình hài,
 Hoá khí suy kiệt,
 Làm tiêu cả thần.
 60. Đạo cùng sẽ phản,
 Trở về Khôn Nguyên.
 Theo đúng Địa Lý,
 Thuận theo lẽ Trời.

Thượng tiết nói: Suy Âm Dương tiêu tức, Khảm Ly một vong để lập ngôn.

Tiết này hợp với Tiết sau, cũng đều giảng về Âm Dương Tiêu tức, dẫn nghiệm kiến hiệu của nó. Sao biết được Âm Dương tiêu tức?



PHỤC

Như sáng ngày 15 ngày Đông Chí, mặt trời từ Nam trở về Bắc. Một Dương sinh từ lòng đất. Tại quẻ là Phục. Dương khí vừa sinh. Dương là Chủ mà Âm là Khách. Thoán từ quẻ Phục nói: **Xuất nhập vô tật**. Đặc biệt lấy chuyện Âm Dương xuất nhập. Xuất nhập không có vội vàng và bị thương tích. Xuất đây là Dương. Đáng Tiến lên vậy. Nhập chỉ giả Âm, đáng thoái Âm vậy. Dựng cây nêu để đo Dương vừa lớn mạnh. Cây nêu để nghiệm xem bóng mặt trời dài vẫn. Vì Cường là Dương vừa sinh. Luật ứng Hoàng Chung. **Nguyệt Kiến tại Tí, là tháng 11**. Đó là điềm Dương tiến. Và cứ thế mà tăng trưởng. Dương Khí của Trời, bá thi và bắt đầu có vật. Âm Khí của đất thì Nhu Hoãn và sinh vật. Muôn vật đều được khí Thiên Địa Âm Dương tương giao.

Nhờ đó mà Tư Thủy, Tư sinh, mà được bình thường vậy.

Sánh với người tu đạo cũng vậy. Dương khí vừa thịnh, nhưng còn yếu, Phải nuôi dưỡng cái Nhất Điểm Sinh Cơ đó, Để lấy đó là Căn Bản cho sự Hoàn phục bản nguyên. Không bao giờ được xa lìa nó.

Mặt trời từ ngày Đông Chí cho tới Tiểu Hàn, thì Nhị Dương sinh, nơi quẻ là Lâm.



LÂM

Lúc ấy trong lò sẽ nóng, Dương khí sẽ thi điều, sẽ khai thông đạo lộ. Quang huy thủy tiến, bóng mặt trời cũng dài ra. Nguyệt Kiến ở Sửu. Luật ứng Đại Lữ. Đó là tháng 12.

Người tu đạo bắt chước vậy: Khi Dương khí lớn lên. Dưới lò quẻ Lâm, phải ra công điều lý thân tâm. Phải nén Âm để mở đường, phù Dương để Chính Quang. Tuần tự mà tiến. Công phu không thiếu, cũng như mặt trời ngày càng lớn vậy.

Mặt Trời từ Tiểu Hàn trở về Lập Xuân, thì Tam Dương sinh. Chính Khí kết mẫn dưới đất. Từ Đê đến Ngang, Thiên khí do đó đi lên. Địa khí do đó đi xuống. Trong Dương ngoài Âm. Nơi quẻ là Thái:



THÁI

Thái là Cường Nhu bằng nhau, Âm Dương giao tiếp. **Tiểu vãng nhi Đại lai**. Âm thuận Dương Kiện. Khí hậu ôn hòa. Như tai hoa và bầu xe hợp lại thành Bánh xe. Âm Dương cùng đường, hỗn nhiên nhất khí. Nguyệt kiến tại Dần. Đó là tháng Giêng.

Sánh với người tu đạo, thì Dương Khí tiến ư Trung Chính, còn Khách khí thì ẩn. Âm Dương điều đình. Tính tình hòa bình. Cường nhưng không táo, Mềm nhưng không nhu nhược.

Mặt trời từ Lập Xuân đến Xuân Phân, vận hành theo thời. Từ ấm dần tới nóng. 4 Dương sinh, tại quẻ là Đại Tráng.



ĐẠI TRÁNG

Nguyệt Kiến tại Mão. Là Tháng 2. Mão là chỗ Mộc Vượng, **là cửa sinh ra Đức**. Nhưng Đại Tráng trong lại không mạnh, cho nên **Du giáp đọa lạc, hoàn qui bản căn**. Trong Đức có Hình. Hình Đức chống nhau,

Âm Dương phân ly. Ngày đêm từ đó phân ra. Ngày càng dài mà đêm càng ngắn .

Người tu đạo lấy đó mà xem. Khí Âm Dương tráng thịnh. Thì cần tắm rửa, ôn dưỡng. Trở về Bản Căn. Phải lo đề phòng. Đợi cho đến khi Âm Khí tự thoái, Dương khí tự lớn. Không được cưỡng chế, để mời khách khí. Thế là Vật Vong vật Trợ (không quên, cũng không can thiệp, cứ để tự nhiên) .

Mặt trời từ Xuân Phân tới dần Thanh Minh. Từ đó Dương khí tiệm trường, Âm Khí tiệm tận. Dương khí sắp thuần.

Ngũ Dương sinh. Nơi quẻ gọi là Quải.



QUẢI

Nguyệt kiến tại Thìn. Là tháng Ba. Quải là làm cho Âm thoái và cho Dương thăng tiến về phía trước.

Sánh với người tu đạo cũng vậy. Dương khí nay đã vượng thịnh, Âm khí nay đã vi nhược. Như thế có thể tắm rửa toàn thân cho khỏi những tích tập xưa kia. Gột rửa cho nhân tâm được sạch hết bình sinh tức trần, cho lòng cánh được tiến thẳng về trước. Gọi là Chấn, nghĩa là Chấn Phát Dương Khí của Đạo Tâm. Gọi là Sách là tìm cầu gạt bỏ mọi Ô Nhiễm của Nhân Tâm. [Dùng Đạo Tâm chế phục Nhân Tâm](#). Nhỏ mẩy cũng vào, không còn để cho có một chút khách tà khí nào được ở trong tâm ta vậy.

Mặt trời từ Thanh Minh đến Lập Hạ. Sáu Dương sinh. Ở nơi quẻ là Kiền.



KIỀN

Nguyệt Kiến ở Tị, là tháng tư. Kiền kiện thịnh minh, sáng soi 4 phía. Trên dưới thuần là Dương Khí. Vạn vật bấy giờ hoàn toàn vinh vượng. Người tu Đạo cũng vậy. Dương Cương đã tiến tới chỗ thuần túy chí tinh. Đã thấy lại được Kiền Nguyên diện mục. [Lương tri, lương năng hồn nhiên Thiên Lý](#). Không còn chút chi là Nhân dục chi tư. Y như một vầng Hồng Nhật, chiếu soi khung Trời. Vạn ban âm tà hoàn toàn tiêu diệt. Đó là Tiến Dương Hỏa chi sự, đó là đạo Dụng Cửu vậy, Dương Khí tới Tị là cực điểm. Dương Cực sinh Âm. Thế là Âm Khí đã xen vào. Mặt trời từ Lập Hạ tới Hạ Chí. Tự Bắc lại hồi Nam. Một Âm sinh từ lòng Đất, ở nơi quẻ là Cấu:



CẤU

Từ đây, Âm Khí thay Dương Khí. Và nơi Hào Sơ Lục quẻ Khôn có nói tới điềm: Lý Sương. Một Âm sinh, lúc ấy không có Sương. Nhưng Sương đã bị che và đã bắt đầu. Cho nên lúc đó là khởi thủy của Âm Khí. Lúc đó thì nước nơi đáy giếng là nước lạnh, ứng với Địa Khí vậy. Nguyệt kiến tại Ngọ, là tháng 5. Luật ứng Nhụy Tân. Âm Khí như khách phục trong lòng đất. Khí Dương phải thoái, Âm khí sẽ phải tiến. [Âm Khí là Chủ Nhân vậy](#).

Người tu đạo trông thấy vậy, biết rằng Dương Cương đã tới cực thịnh, thì phải lo bảo tồn cái Dương Cương đó. Đoàn luyện nó thành cái gì rắn chắc, vĩnh cửu. Như vậy mới tới được Cực Điểm Công Phu. Thế gọi là vận công Âm Phù. [Âm Phù](#) là khi Dương đã cực, thì phải dùng Âm mà dưỡng. Dương khí không

kháng lại. Thế gọi là Âm Dương phù hợp vậy. Âm Phù chi Âm, không phải là cái Âm khách khí bên ngoài. Nó chính là Dương Khí thu liễm, thoát xuất, là Chân Âm. Bên này thì Chân Dương thoát, bên kia thì Chân Âm sinh. Còn giả Âm sẽ tự tiêu, tự hoá.

Nếu Dương Khí không thoát, Chân Âm không hiện ra. Thì Dương cực sẽ Âm. 1 Âm tiềm sinh, thì Khách Khí lại đến. Được rồi lại mất, thế là Đại Sự sẽ không thành. Cho nên Dương Cương đã tiến tới chỗ thuần. Thì Âm Phù ắt sẽ có chỗ dùng.

Cũng như quẻ Cấu ở tháng 5, Âm đã là chủ nhân rồi vậy. Tuy nhiên dụng Âm phải phân biệt Chân Giả. Chân Âm thì thuận theo Chân, giả Âm thì thuận theo giả, Thuận Chân năng dưỡng Dương, Giả Chân năng thương Dương, cho nên trong Thoán Truyện quẻ Cấu nói: **Vật dụng thú nữ, bất khả dĩ trường dã. Thiên địa tương ngộ, phẩm vật hàm chương.**

Gái mà hung dữ, cơ cầu.

Làm sao phối hợp bền lâu cho đành.

Đất trời giải cấu liên minh,

Làm cho vạn vật trở thành tốt tươi.

Một Chân, một giả, thiên địa huyền cách, cho nên nơi Sơ Hào quẻ Khôn đã khuyên phải đề phòng **Lý Sương, Kiên băng chí:**

Dưới chân sương giá chớm dày,

Rồi ra băng cứng có ngày tới theo.

Nghĩa là khi dùng Âm, thì phải hết sức cẩn thận vậy.

Mặt trời từ Hạ Chí tới Tiểu Thử, nhị Dương thoát, và nhị Âm sinh. Ở Quẻ là Độn.



ĐỘN

Nguyệt Kiến ở Mùi. Là tháng sáu. Dương Khí từ đó thu súc lại.

Người tu Đạo thấy vậy phải Độn Thế, khử vị (từ bỏ địa vị trần gian). Thu liễm tinh thần, hoài Đức sĩ thời, thê tri muội minh, thao quang dưỡng hối. Người đại trí mà xử như Ngu si, người khéo tay nhất lại làm ra kiểu vụng về. Không để cho khách khí thừa cơ làm thương tổn.

Mặt trời từ Tiểu Thử đến Lập Thu. Tam Dương thoát nhị Tam Âm sinh. Nơi quẻ là Bĩ.



BỈ

Nguyệt Kiến ở Thân, là tháng Bảy.

Khi ấy Thiên Khí hạ giáng, địa khí thương thăng. Vạn vật tắc bế và không thông. Tuy cũng có nảy mầm nhưng không sinh.

Người Tu Đạo thấy vậy, thì biết rằng Cương Đạo đã không còn ở địa vị Trung Chính mà Âm Đạo đã chiếm địa vị Trung Chính. Cương nhu bằng nhau. Lấy Nhu dưỡng cương. Đó là lúc Chân Âm dụng sự. Như Dương đã chết không còn tính danh.

Mặt trời từ Lập thu dần tới Thu Phân, Tứ Dương thoái. Tứ Âm sinh. Nơi quẻ là Quan.



QUAN

Nguyệt Kiến tại Dậu. Là tháng tám. Lúc ấy là Trung Thu. Trong Hình có Đức. **Nhiệm súc vi trĩ. Lão Khô phục vinh (cành khô sống lại), vạn vật đều thu liễm như tề mạch phục phát, nha trường nghiệt (lúa mạch lại nảy mầm sinh mọng), nhân mạo dĩ sinh.**

Người tu đạo thấy vậy, lấy nhu dưỡng cương. Sinh cơ nay đã đi vào bên trong. Bên ngoài thì u ám nhưng bên trong thật là sáng láng. Cũng như tiết Trung Thu, trong Hình có đức. Mặt trời từ Thu Phân đến Hàn Lộ. Năm Dương thoái và 5 Âm sinh. Nơi quẻ là Bác.



BÁC

Nguyệt kiến ở Tuất, là tháng 9. Dương Khí bị mất bóng hình. Vạn vật như chết.

Người tu đạo lúc ấy, phải vứt bỏ cái thân ảo hóa, phải tiêu diệt cái Tính khí chất cương táo hữu hình. Hóa khí đã kiệt, sẽ vô thức, vô tri, sẽ bất thần nhi thần vậy.

Mặt trời từ Bạch Lộ, đến Lập Đông. Lục Dương lui, lục Âm thuần. Đạo cùng sẽ phản, nơi quẻ là Khôn.



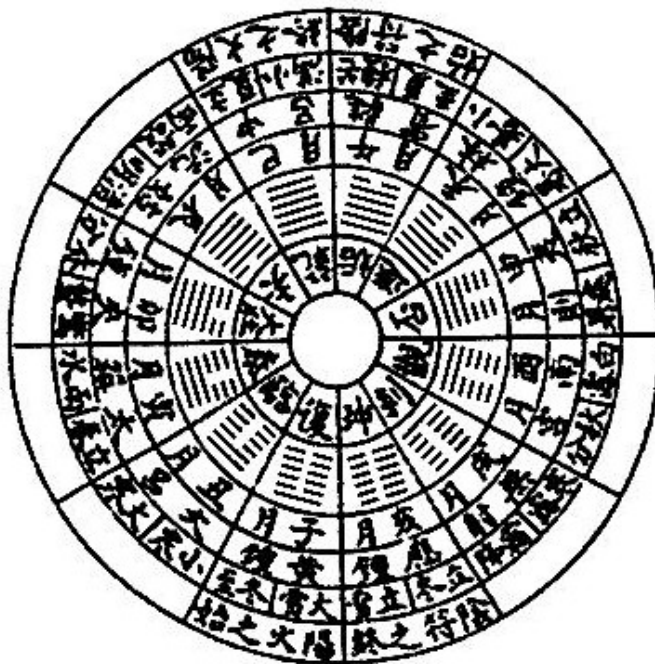
KHÔN

Nguyệt kiến ở Tuất, là tháng 10, thuần Âm vô Dương.

Người Tu Đạo phải để cho Cương Khí thoái tàng. Dưỡng cho cái không không còn gì nữa. Trở về Vô Thanh, Vô Xú chí tịnh chi Địa. Quá điểm đó, sẽ thấy Tính Cực phục động, không có diệu dụng chi khác.

Sau đây là bản đồ Lục Âm Lục Dương để tiện tham khảo.

圖之陽六陰六月二十歲一



Đồ Bản vẽ lại 6 Âm, 6 Dương của 12 tháng trong một năm.

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Thượng thiên

上篇

Chương 6

Hối Sóc

Phải biết lẽ Âm Dương tiến thoái

46. Hối sóc chi gian,	晦朔之間
Hợp phù hành trung.	合符行中
Hỗn độn hồng mông,	混沌鴻濛
Tư dịch, nhuận trạch.	滋液潤澤
Thi hóa lưu thông	施化流通
Thiên địa thần minh	天地神明
Bất khả độ lượng	不可度量
Lợi dụng an thân,	利用安身
Ẩn hình nhi tàng.	隱形而藏
Thủy ư Đông Bắc,	始於東北
Cơ Đẩu chi hương,	箕斗之鄉
Tuyền nhi hữu chuyển	旋而右轉
Ẩu luân thổ manh.	嘔輪吐萌
Tiềm đàm kiến tượng.	潛潭見象
Phát tán tinh quang.	發散精光
47. Tất Ngang chi thượng,	畢昂之上
Chấn xuất vi trưng,	震出為徵
Dương Khí tạo đoan,	陽氣造端
Sơ cửu tiềm long,	初九潛龍
Dương dĩ tam lập,	陽以三立
Âm dĩ bát thông.	陰以八通
Tam nhật Chấn động,	三日震動

Bát nhật Đoài hành.	八 日 兌 行
Cửu Nhị: Kiến Long,	九 二 見 龍
Hòa bình hữu minh,	和 平 有 明
Tam Ngũ đức tựu,	三 五 德 就
Kiên Thể nãi thành.	乾 體 乃 成
Cửu Tam: Tịch dịch,	九 三 夕 惕
Khuy chiết Thần phù,	虧 折 神 符
Thịnh suy tiệm cách,	盛 衰 漸 革
Chung hoàn kỳ sơ,	終 還 其 初
Tồn kế kỳ thống,	巽 繼 其 統
Cố tế thao trì,	固 濟 操 持
Cửu tứ: Hoặc dục.	九 四 或 躍
Tiến thoái đạo nguy.	進 退 道 危
Cấn chủ tiến chỉ,	艮 主 進 止
Bất đắc du thì.	不 得 逾 時
Nhị thập tam nhật,	二 十 三 日
Điển thủ huyền kỳ	典 守 弦 期
Cửu Ngũ: Phi Long	九 五 飛 龍
Thiên vị gia hỉ,	天 位 加 喜
Lục ngũ Khôn thừa	六 五 坤 承
Kết quát chung thủy	結 括 終 始
Uẩn dưỡng chúng tử	韞 養 眾 子
Thế vi loại mẫu,	世 為 類 母
Thượng Cửu: Kháng long.	上 九 亢 龍
Chiến đức ư dã.	戰 德 於 野
Dụng cửu Phiên Phiên	用 九 翩 翩
Vi Đạo qui củ,	為 道 規 矩
Dương số dĩ cật,	陽 數 已 訖
Cật tắc phục khởi,	訖 則 復 起
Suy tình hợp tính,	推 情 合 性
Chuyển nhi tương dữ,	轉 而 相 與
48. Tuần hoàn tuyền ki,	循 環 璇 璣
Thăng giáng thượng hạ,	升 降 上 下
Chu lưu lục hào,	周 流 六 爻
Nan khả sát đồ,	難 可 察 睹

Cố vô thường vị

故無常位

Vi Dịch tông tổ.

為易宗祖

Tạm dịch:

46. Giữa ngày Hối, Sóc,
Nhật Nguyệt hợp phù,
Hỗn độn, Hồng Mông,
Tấn Mẩu theo nhau,
Tư Dịch nhuận trạch,
Thi hoá lưu thông.
Thần Minh trời đất,
Không thể đo lường,
Lợi dụng an thân,
Ẩn hình nhi tàng,
Bắt đầu Đông Bắc,
Giữa sao Đẩu Cơ,
Tuyên lại hữu chuyển,
Suy rồi thấy sáng,
Đáy hồ thấy tượng,
Phát tán tinh quang

47. Trên sao Tất, Ngang,
Chấn xuất làm chứng,
Dương khí sinh ra,
Sơ Cửu Tiềm Long,
Âm thành ở Bát,
Mồng 3, Chấn động,
Mồng Tám, Đoài hành.
Dương lập ở Tam,
Cửu nhị: Kiến Long,
Hoà bình có sáng,
Tam ngũ đức tựu,
Càn thể hoàn thành.
Cửu tam: Tịch Dịch,
Khuy triết Thần phù,
Thịnh suy đắp đổi,
Chung lại hoàn sơ.

Tổn theo truyền thống,
Giữ gìn bền vững.
Cửu tú: Hoặc được,
Tiến thoái đạo nguy,
Cẩn chủ Ngừng lại
Không sai thời khắc,
Đến ngày 23,
Chính là Hạ Huyền.
Cửu Ngũ Phi Long,
Đúng ngôi Thiên vị.
Lục ngũ quỷ Khôn,
Đầu đuôi tóm gọn
Hàn dưỡng chủng tử,
Là mẹ thế gian.
Thượng cửu Kháng long
Chiến đức ư dã,
Dụng cửu: Phiên phiên.
Là quy củ Đạo,
Dương số đã tận,
Tận rồi Phục khởi.
Suy tinh hợp tính,
Thay đổi hợp nhau,
Tuần hoàn Tuyền Ki,
Lên xuống dưới trên,
Chu lưu sáu hào,
Thật là khó lường.
Không có thường vị,
Lấy Dịch làm chuẩn,

Tiết trên lấy 1 năm 12 tháng, để sánh Âm Dương tiến thoái chi đạo.

Tiết này lại lấy 1 tháng 30 ngày, để sánh Âm Dương tiến thoái chi đạo.

Cốt là chỉ vẽ phải thuận sự vận dụng của 2 tiết Âm Dương. Tháng và ngày. Một năm có 12 hội. Mỗi tháng là một hội. Lấy 2 ngày Hối (30), Sóc (1), mặt trăng mặt trời ăn khớp với nhau, như 2 mảnh phù khế và di chuyển trong Trung Đạo. Trung Đạo là Hoàng Đạo, là đường vận hành của mặt trời. Nhật Đạo Nguyệt Đạo tương giao nhi hành, chính tại lúc Hối Tận, Sóc Sơ (cuối ngày Hối đầu ngày Sóc). Lúc ấy, Âm Dương nhị khí tương giao. Hỗn Độn hồng mông, Huyền Tẩn tương tòng, Dương bảo Âm, Âm bảo Dương.

Hòa khí bác tụ. Tư dịch nhuận trạch. Âm thi Dương hoá. Một khí lưu thông. Vì Huyền Tấn tương tòng (trống mái theo nhau), cái cơ Thi Hoá lưu thông, vô hình vô tích, bất khả kiến, bất khả tri. Ngay đến thần minh cũng không độ lượng được, huống chi là con người.

Người tu đạo cũng vậy, phải biết Hư Cực, Tĩnh Đốc, lợi dụng an thân, biết ẩn hình nhi tàng, cho vạn vật không làm tổn thương được mình, tạo hóa cũng không thay đổi được. Vì Thiên Địa chỉ có thể sai sử hữu hình, chứ không sai sử được vô hình, chỉ sai sử được Hữu Khí, chứ không sai sử được Vô Khí, chỉ sai sử được Hữu Tâm chứ không sai sử được Vô Tâm.

Thủy ư Đông Bắc, là quê hương của 2 sao Cơ Đầu. Ánh sáng mặt trăng tới Đông Bắc thì hoàn toàn tiêu. Đó là tượng Thuần Âm. Cho nên Kinh Dịch nói: [Đông Bắc táng bằng.\[1\]](#) [Tuyền nhi hậu chuyển, khu luân thổ mạnh. Âm hạ sinh Dương. Tiềm đàm kiến tượng. Phát tán tinh quang.](#) ư Tắt Ngang Tây Nam Khôn Địa. Khôn trung dựng Chấn. Sinh ra ánh sáng như mây tằm (Nga Mi). Cho nên nói: [Chấn xuất vi chương.](#) Đó là Dương Khí bắt đầu. Cho nên Kinh Dịch nói: [Tây Nam đắc bằng](#) là vì vậy. Đó là lúc Dương khí sơ sinh. Ở nơi quê thì là Hào Sơ: Tiềm Long của quẻ Kiền.

Người tu đạo thấy vậy, cũng Tĩnh Cực sinh động, Hư Thất sinh Bạch. Một điểm chân linh chi quang, từ trong Hắc Âm mà ra. Nhất điểm chân linh ấy, dễ mất và khó tìm. Ai may mắn mà biết, phải mau đem về Hồ Trung, để làm căn cơ cho quy nguyên phản bản. Biết bảo vệ nó và tiếc xót nó, không được rời xa nó.

Mặt trăng sáng từ mồng ba, và lập căn cơ tại đó. Còn Âm Khí thì từ mồng tám bắt đầu thông. Thế nào là thông? Thông là Âm Khí và Dương Khí tương thông với nhau, hòa bình với nhau. Tam lập là Tam nhật Chấn Động. Bát thông là Bát Nhật Đoài hành. Ánh sáng có tượng quẻ Đoài. Nửa Âm, nửa Dương. Ngang như giây chằng. Tựa như dây Cung. Nên gọi là Thượng Huyền. Tại quẻ Kiền là [Cửu Nhị Kiến Long.](#)

Người tu đạo thấy vậy, thấy Dương cương tiến ư Trung Chính. Cho nên hòa bình và Hữu Minh. Mà Âm Khí cũng thuận tòng, bất ẩn bất man. Cho nên không bị ngoại vật làm thương tổn.

Tới ngày 15, tam ngũ (3 x 5) đức tụ, quang khí viên mãn, tam dương thuần toàn, Kiền Thể đã thành. Nơi quẻ Kiền là hào [Cửu Tam: Tịch Dịch.](#)

Dương khí cực thịnh ở trên, sẽ khuy triết ở dưới. Thành Ai tiệm Cách. Cuối cùng hoàn lại Sơ. Dịch Tịch là: Phòng nguy lự hiểm, đề phòng âu lo.

Tới ngày 18, Một Âm tiềm sinh, quang khí bắt đầu giảm. [Tốn kế kỳ thống.](#) Dương quang từ đấy giảm nữa.

Người tu đạo thấy vậy, Cương khí tiến thêm tới Chí Cực. Người tu dưỡng phải biết lấy Nhu mà giúp cho. Cố tế thao trì, bảo dưỡng kỳ Cương.

Tại quẻ Kiền là [Hào Cửu Tứ: Hoặc được.](#) Hoặc là nghi ngờ. Nghi vì sợ rằng sự tiến thoái ư đạo có gì nguy hiểm. Đó là cẩn thận hết sức vậy.

Mặt trăng đến ngày 23, thì là $\frac{1}{2}$ Dương, $\frac{1}{2}$ Âm. Là tượng quẻ Cấn. Ngang thẳng như thường. Trong như giây cung, nên gọi là Hạ Huyền. Cấn chủ Tiến nhưng đáng ngừng lại.

Người tu đạo thấy vậy. Khi Cương Dương thoái ư Trung Chính. Cương nhu hợp nhất, bất thiên bất ý nên gọi là Trung. Khi ấy phải lo tắm rửa (mộc dục), không được sai thời.

Tại Kiền quái là [Hào Cửu Ngũ: Phi Long.](#) Phi Long là Cương Kiện Trung Chính. Thuần túy chí tinh. Cương mà không quá Nóng (Táo), Mềm nhưng không quá Nhão. Thông quyền đạt biến. Duy tinh duy nhất, Doãn Chấp Quyết Trung. Như trăng 1 cân (16 lạng). Kim Thủy đều ngừng. Ánh sáng tiến không quá ư Cực. Ánh sáng thoái không quá Hôn Âm. Tới địa vị này: Lương tri, lương năng, Đạo Tâm thường tồn,

Nhân Tâm an tĩnh. Hồn nhiên Thiên Lý, chỉ ư chí thiện. Thấy lại được Bản Lai, Cương Nhu như nhất chi diện mục, Ngã Mệnh do Ngã bất do Thiên. **Thiên tức Ngã, Ngã tức Thiên**. Dữ Thiên vi đồ. Chẳng phải là vui lắm sao.

Trăng tới 30 (lục ngũ 5 x 6 Khôn thừa). Âm quang tận tàng. Đó là Tượng Thuần Khôn.

Dương khí đã đi đủ một vòng. Từ Khôn trở lại ban đầu. Từ Khôn là hết (Tòng Khôn nhi thủy, tòng Khôn nhi chung). Khôn là Dương khí kết quát chi chung thủy vậy. Vì đó là Dương khí kết quát chi chung thủy, nên **uẩn dưỡng chúng tử**. Lại phục Âm Khí sinh Dương. **Thế vi loại mẫu**. Sinh sinh bất tức. Tại Kiền quả là **Kháng Long**.

Kháng là Dương chi Cực. Dương quang thoái chí ư thuần Khôn. Được Khôn ôn dưỡng nên khí đó bên trong sung mãn, Âm Dương bác tỵ. Cho nên có tượng **Chiến Đức vu dã**. (Kháng Long vu dã, là ở Hào Thượng Lục quẻ Khôn). Cùng với Chu Dịch Kiền Khôn thượng cửu, thượng lục hơi khác nhau. Chu Dịch nói **kháng long**, là nói Dương thái quá. **Chiến dã** là vì Âm bất thuận. Trong Tham Đồng Khế thì Kháng Long, là Dương đến chỗ Chí Thuần. Chiến Dã là nói Âm Dương tương hợp, bác tỵ. Cần phải xem hai chữ Chiến Đức. **Chiến Đức vu dã**, ý muốn nói có Dương Đức cũng phải có Âm Đức. Tá Âm dưỡng Dương. Dương khí cực nhi phản ư bản căn, lại từ Âm trung phục phát. Cho nên câu văn dưới viết tiếp: **Dụng cửu Phiên phiên, Vi Đạo qui củ**. **Phiên phiên** là bay lượn lên xuống. [2] Quẻ Kiền viết: Dụng cửu **Kiến quần long vô thủ cát**.

Người tu đạo cũng vậy: theo đà lên xuống thịnh khuy của ánh trăng. Khi Cương đáng thịnh thì phải Tiến Cương; khi Nhu đáng dụng thì phải dụng Nhu. Biến hóa phải tùy thời. Cương Nhu phải có tiêu chuẩn. Phải phiên phiên phi tường bất định, khi lên, khi xuống. Muốn đón mà không thấy đầu; muốn theo mà không biết đầu là đuôi. Vết tích của Dương Cương cũng đều biến hóa. Không đáng Cương mà Cương, Cương mà chẳng đáng. Như nhìn vào Không; Cương đã tới Không Địa. Dương số đã tới cùng, trở về Khôn Nguyên. Âm Cực, Dương sinh. Cùng rồi lại khởi. Tính tình hợp nhau, chuyển vần tương hợp. Đại Dực phát sinh, từ nhỏ tới lớn, như Tuyền Ki tuần hoàn, thăng giáng thượng hạ, chu lưu giữa các hào vị của lục Âm lục Dương. Thiên cơ thật là thần diệu khôn cùng: Trước Trời mà Trời không trách, sau Trời để phụng Thiên Thời. Cái đó không phải là cái gì tầm thường có thể nhìn xem, quan sát. Cho nên Dịch chi Âm Dương không có thường vị nhất định. Như Kiền Khôn có Lục Âm, Lục Dương, đó là Tông Tổ của Dịch. Kỳ dư 62 quẻ khác, đều là Kiền Khôn, Âm Dương, tùy thời biến hóa mà thôi. Biết được Đạo Âm Dương biến hóa, là biết được Tông Tổ của Dịch vậy. Dụng Cửu, Dụng Lục, bất thất kỳ thời. Lúc tiến, lúc thoái, 62 quẻ đều là tại vận dụng chi trung, hợp thành một năm. Mặt Trời lúc tiến Nam, lúc tiến Bắc theo đúng thời tiết. Hợp thành một tháng. Nhật quang doanh khuy chi tiết hậu, không cần nệ lời, chấp tượng. Để có thể được tượng quên lời, được tượng quên ý.

Kèm sau đây là: **Nhất nguyệt Dương Quang doanh khuy chi đồ**, để tiện tham khảo.

圖之虧盈光陽月一



[1] Quẻ Khôn, Thoán tử.

[2] Trong kinh Dịch Hào dụng cửu không viết Phiên Phiên, hai chữ Phiên Phiên này chỉ có nơi hào Lục tứ quẻ Thái.

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Thượng thiên

上篇

Chương 7

Hằng Thuận

Thuận theo Thiên Văn Địa Lý

Hằng thuận địa lý,	恆順地理
Thừa Thiên bố tuyên,	承天布宣
Huyền u viễn miểu,	玄幽遠眇
Cách ngại tương liên,	隔閼相連
Ứng độ dục chủng.	應度育種
Âm Dương chi nguyên.	陰陽之元
Liêu khuếch hoảng hốt,	寥廓恍惚
Mạc tri kỳ đoan.	莫知其端
Tiên mê thất quỹ,	先迷失軌
Hậu vi chủ quân.	後為主君
Vô bình bất bí,	無平不陂
Đạo chi tự nhiên	道之自然
Biến dịch cánh thịnh,	變易更盛
Tiêu tức tương nhân,	消息相因
Chung Khôn phục thủy,	終坤復始
Như tuần liên hoàn.	如循連還
Đế vương thừa ngự,	帝王承御
Thập tải thường tồn.	十載常存

Tạm dịch:

Theo đúng Địa Lý,

Thuận theo lẽ Trời

Những điều huyền diệu,

Ẩn hiện tương liên.
 Theo đúng độ số,
 Âm Dương chi nguyên.
 Rỗng không hoảng hốt,
 Không rõ đầu đuôi,
 Thoạt mê, mất đạo,
 Sau làm chủ quân,
 Đã bằng, phải dốc,
 Đạo tự nhiên vậy.
 Biến dịch càng nhiều,
 Đầy vơi tương sinh,
 Hết Khôn trở lại,
 Như là vòng tròn.
 Để vương theo Trời,
 Thiên thu vĩnh cửu.

Hai tiết trên lấy một năm, một tháng chỉ thị Âm Dương hổ tương chi lý. Nói đã rõ ràng đầy đủ vậy.

Người tu Chân Đạo, tu Nhất Âm Nhất Dương chi đạo. Dương chủ cương kiện, Âm chủ nhu thuận. Tiến Dương là tiến Cương Kiện vậy. Vận Âm là Vận Nhu Thuận vậy. Tiến Cương Kiện là Tiến ư Trung Chính, thể mới là Kiện. Vận nhu thuận cũng là Vận ư Trung Chính, thể mới là Thuận. Cương mà Trung Chính là Nhu mà không Ướt. Trong Cương có Nhu, trong Nhu có Cương. Như vậy Bản Tính sẽ viên minh, sẽ Trung mà không nghiêng lệch về phía nào. Như vậy Kim Đơn sẽ kết. Đạo Kim Đơn, lấy Trời Đất làm Lô Đỉnh. Cương tất sẽ không có gì làm thương tổn, thể mới là Kiện. Nhu nên cái gì cũng mang tải, thể mới là Thuận.

Hằng thuận địa lý là học theo phép Đất nhu thuận, cái gì cũng mang tải, cái gì cũng sinh. Thừa Thiên bá tuyên là học theo phép trời Cương Kiện, cái gì cũng bắt đầu, không có gì khuất phục được. Có thể Pháp Địa là Nhu Thuận phối địa, có thể Pháp Thiên là Cương Kiện Phối Thiên. Nếu mà Cương Kiện được như Trời, Nhu Thuận được như Đất, thì sẽ dị tri, giản năng (Hệ Từ thượng, chương I), thể là Lương Tri, Lương Năng, hồn nhiên Thiên Lý, Chí Thiện, Vô Ác vậy.

Hãy quan sát đất trời, Khí của nó thật là Huyền Vi. Hình thể nó thật là xa xôi miên viễn. Tựa hồ Bì Thử cách ngại. Lại thấy Khí đó Tiềm Thông và Tương liên với nhau.

Tương liên là Ứng kỳ Độ Số, dục kỳ Chủng loại, vạn vật đều tùy thời phát sinh. Chỗ chúng phát sinh chính là Nguyên Cơ của Âm Dương. Cái Nguyên Cơ đó tuy là Huyền U, Viển Miếu, Liêu Khuếch khó tới gần, Hoảng Hốt không sao lường. Không biết đầu đuôi. Nhưng xem cách trái đất sinh trưởng vạn vật, thì không biết đâu là đầu, nhưng cũng đoán được đầu của nó. Thoán từ quẻ Khôn nói: Tiên mê hậu đắc chủ. Thoán truyện viết: Tiên mê thất Đạo, hậu thuận đắc thường. Vả đất thì chí Âm và vô Dương. Thừa Dương Khí của Trời nên có Dương. Khi Dương Khí từ Trời xuống, thì Đất có khí Dương; Khi Dương Khí của Trời không còn nữa, thì Địa Khí là Âm. Khi Thiên Khí hạ giáng, Địa Khí thượng thăng. Khi Âm Khí dụng sự, Dương Khí thoái tị, thì vạn vật sẽ bế tắc bất thông, thể là Địa Khí vô Dương, thể là Mê mà sai hướng,

không có người hướng dẫn. Khi mà Thiên Khí thượng thăng, Địa Khí hạ giáng, Dương khí dụng sự, Âm khí thuận mệnh, vạn vật ra khỏi vỏ, và được thông suốt. Thế là đất có Dương, thuận chiều và đúng lẽ thường. Thế là có Chủ Quân vậy. Tiên Mê thất quĩ là Dương cực sang Âm, là Âm dụng sự, thế là làm chủ quân sau vậy. Âm cực sinh Dương, là Dương dụng sự. Dương dụng sự thì mọi sự thông suốt, như là đất bằng vậy. Âm dụng sự, thì vạn vật bế tắc, như là đất dốc.

Đạo trời đất là đại vãng tiểu lai, tiểu vãng đại lai (xem Thoán Truyện quẻ Thái và quẻ Bĩ), không bao giờ Có Dương mà không có Âm, không bao giờ có phẳng mà không có dốc (xem Hào Ba quẻ Thái). Âm Dương phẳng dốc là lẽ tự nhiên của Đạo. Tuy Thiên Địa cũng vô tâm vậy. Cho nên Đạo biến dịch, Âm Dương càng thịnh, Dương cực sinh Âm, Âm cực sinh Dương, với đầy theo nhau, cuối cùng là Khôn rồi lại trở lại từ đầu, như một vòng tròn. Cái đó cốt cho thấy rõ lẽ Dương kiện Âm Thuận, Âm Dương nhất khí lưu hành mà thôi.

Cũng như vua thừa thiên ngự trị, bắt chước trời đất, dùng cả 2 bên Cương Nhu, hợp đức với Trời Đất, cùng mặt trời, mặt trăng hợp sáng, theo tiết tấu của bốn mùa, hợp lẽ cát hung của quỷ thần, trước Trời Trời không trách, sau Trời cho đúng chiều Trời (Trước Trời, Trời chẳng trách đâu, Sau Trời cho hợp cơ màu thời gian. (Kiền, hào Cửu Ngũ). Dùng cách đó trị đời, thì đời sẽ trị, dùng cách đó để tu đạo thì đạo sẽ thành. Trong thì mình thành thần thánh, ngoài sẽ giúp người thành Nhân. Tuy 10 đời vẫn còn, sẽ thọ lâu bền, sánh với người thường, chuyện càng quá dễ. Xưa Phục Hi, Thần Nông tu theo đạo này, nên hưởng thọ mãi mãi. Hoàng Đế tu đạo này đã cười rồ về Trời, đó là ít bằng chứng vậy.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Thượng thiên

上篇

Chương 8

Ngự Chính

Phải thuận theo đường lối Trời

17. Ngự chính chi Đạo,	御正之道
Đỉnh tân cách cố,	鼎新革故
Quản quát vi mật,	管括微密
Khai thư bố bảo,	開舒布寶
Yếu đạo khôi bính,	要道魁柄
Thống hoá cương nữu,	統化綱紐
Hào tượng nội động,	爻象內動
Cát hung ngoại khởi,	吉凶外起
Ngũ vĩ thác thuận,	五緯錯順
Ứng thời cảm động,	應時感動
Tứ thất quai lệ,	四七乖戾
Xi ly phủ ngưỡng,	訖離俯仰
18. Văn xương thống lục,	文昌統錄
Cật trách thai phụ.	詰責台輔
Bách quan hữu ty,	百官有司
Các điển sở bộ.	各典所部
Nguyên thủy yếu chung,	原始要終
Tồn vong chi tự,	存亡之緒
Hoặc quân kiêu dật,	或君驕佚
Kháng mãn vi đạo.	亢滿違道
Hoặc thần tà nịnh,	或臣邪佞
Hành bất thuận quỹ,	行不順軌

Huyền vọng doanh súc,	弦望盈縮
Quai biến hung cữu,	乖變凶咎
Chấp Pháp thích ky,	執法刺譏
Cật quá di chủ,	詰過貽主
Thìn cực thủ chính,	辰極守正
Du ưu nhiệm hạ,	游優任下
Minh đường bố chính,	明堂布政
Quốc vô hại đạo.	國無害道

Tạm dịch:

Thuận theo lẽ Trời,
 Tu Chân chi đạo,
 Là Đạo Ngự Chính.
 Đỉnh Tân Cách cố.
 Thay cũ, đổi mới.
 Giữ tâm cẩn mật,
 Phát động thần cơ.
 Theo đúng Khôi Bính,
 Thống Hoá kỷ cương.
 Hào tượng nội động,
 Cát Hung ứng ngoài.
 Ngũ vĩ thuận tòng,
 Ứng thời hoạt động
 Bắc Đẩu sai lạc,
 Trên dưới thất thường,
 Văn Xương trách cứ,
 Thai Phụ các ban.
 Trách nhiệm bá quan,
 Điều theo sổ bộ.
 Từ trước đến sau,
 Tồn vong mấu chốt,
 Hoặc vua ngạo mạn,
 Lạc lối sai đường,
 Hoặc thần tà nịnh,
 Làm sai quỹ đạo,
 Huyền vọng đầy vơi,

Chuốc lấy hung cữu,
 Chấp pháp không nghiêm,
 Chủ nhân bị hoạ.
 Bắc Thần thủ chính,
 Trên dưới mừng vui,
 Vua ngồi Minh Đường,
 Cai trị Thiên Hạ.
 Đầu đầy an vui.

Trên đây, mượn Dịch Lý, hoặc nói Thiên Đạo, hoặc nói Vương Đạo, phân ra mà nói. Tiết này tổng kết lại bằng 2 chữ Ngự Chính, để cho rõ nghĩa hai chữ Phản Hoàn. Phản Hoàn là từ Hậu Thiên trở về Tiên Thiên, là công dụng của Hữu Vi. Cho nên nói Ngự Chính đứng đầu là Đỉnh Tân Cách Cố. Đạo Phản Hoàn cốt ở sự Đổi Mới. Mà muốn đổi mới, thì không gì bằng Bỏ Đi Cái Cũ. Cái cũ là gì? Là cái gì dơ bẩn ta đã vương phải trước. Vứt bỏ cái gì dơ bẩn trước đây, thì Nhân Tâm sẽ được yên tĩnh. Đỉnh là đồ dùng để nấu thuốc, nấu đồ ăn. Nó có thể đổi mới mọi sự. Cho đồ vào Đỉnh để luyện ra cái gì mới, thì Đạo Tâm sẽ sinh. Quản quát duy mật là E dè cái mắt không nhìn, Tai nghe không nổi cho nên hải hùng,^[1] là hạ công phu ở chỗ Chí Vi Chí Ẩn, cốt là làm cho Nhân Tâm được Nhu Thuận. Khai thư bố bảo là làm cho biến và giữ lấy cái Biến, làm cho Thông và giữ cái Thông. Nhất cử nhất động phải vận Thần Cơ làm phát động cái Đạo Tâm cương kiện.

Nhân Tâm nhu thuận, Đạo Tâm Cương Kiện, thế là Cách Cố Đỉnh Tân. Cách Cố Đỉnh Tân là sống hồn nhiên như Thiên Tâm, chí thiện và vô ác. Yếu Đạo của Cách Cố Đỉnh Tân, cốt nhất là Đạo Tâm. Đạo Tâm cũng là yếu đạo là Khôi Bính. Khôi Bính là ngôi sao thứ bảy của Bắc Đẩu. Còn gọi là Tiêu Tinh, là Phá Quân Tinh là Thiên Cương tinh. Thiên Cương tinh nắm quyền Tạo Hoá. Là ngôi sao Chấp Pháp của Bắc Đẩu. Nó vận tinh tú của cả bầu trời. Nó là giường mối của muôn sao, là Yếu Đạo của Tạo Hoá. Thiên Cương động mà đắc chính, thì muôn tinh tú sẽ ở đúng ngôi vị. Nhị thập Bát Tú sẽ ứng thời mà di chuyển, không sai thời tiết, sẽ được hay. Nếu mà vận động sai thác, thì các sao sẽ bị thất thường. Nhị thập bát tú sẽ mất thứ tự, sẽ gặp dở. Tất cả đều do nhân sự hay dở mà cảm ứng ra. Văn Xương Tinh, cộng có sáu sao. Một là Thượng Tướng, hai là Thứ Tướng, ba là Quý Tướng, bốn là Tư Lục, năm là Tư Mệnh, sáu là Tư Khấu. Đó là Lục Phủ của Trời. Ghi chú Thiên Đạo. Biên rõ Dữ Lành (Hữu Cữu), tra xét mọi hay dở của nhân gian. Trăm quan đều có chức vụ. Ghi chép mọi chuyện Thiện Ác trong ti bộ của mình. Thiện thì cho thấy điềm Thiện. Ác thì cho thấy điềm Ác. Đầu hết là cho thấy điềm cát hung, sau là cho thấy việc Hoạ Phúc của con người. Như vậy là biết được đầu mối của sự tồn vong. Cho nên hoặc là nhà vua ngạo dật, hay kháng mệnh, đi ngược với Trị Đạo, hay là bày tội thì tà nịnh, đi sai lối đường, đi sai Chính Sự, đến nỗi làm cho thiên tượng về Sốc Vọng, Doanh Súc sai trệch với lẽ thường, và hiện ra các điềm Hung Cữu. Đó là trách nhiệm của của quan chấp pháp thi hành không nghiêm ngặt. Khiến người chê trách, làm cho chủ nhân bị hoạ. Tai hại thiệt là lớn.

Vả chuỗi sao Khôi tinh tùy thời vận động, sao Bắc Thần sẽ Thủ Chính. Các sao đều theo đúng phép, ở đúng vị ngôi, hay dở trên dưới chia nhau, và các sao đều châu về. Chuyển cung xê dịch, vận động tứ thời, vạn vật sinh thành chấp pháp theo đó. Cẩn thận không sai đường. Như vậy ắt quân vương sẽ vui vẻ quay về Nam Diện, ngồi toà Minh Đường mà cai trị thiên hạ. Đế Đạo sẽ xương thịnh gần xa.

Người tu đạo, sẽ dùng chân tình của Đạo Tâm, có đủ cương khí, như chuỗi sao Khuê trên trời, như

những nhà chấp pháp trong quốc gia vậy, sẽ dùng Chân Tình của Đạo Tâm để mà Giác Chiếu, như sao Văn Xương trên Trời giữ về kỷ lục vậy. Đạo Tâm làm chủ như sao Bắc Thần trên trời, như vì vua nơi nhân gian vậy.

Chân tình không hôn ám, ngũ nguyên, ngũ đức[2] sẽ tương sinh, sẽ hồn nhiên nhất khí. Như Khôi Tinh chỉ chỗ nào, bất kể là Ngũ Vĩ sai hay đúng, đều ứng thời cảm động.

Giả tình một khi phát động, thì ngũ tặc sẽ tương khắc. Khuê tinh sẽ chỉ sai, nhị thập bát tú sẽ ngang trái, sẽ ly biệt phủ ngưỡng vậy.

Chân tri mà giác chiếu, sẽ giám sát được lục căn, thất tình lục dục.

Sự vọng động của Ngũ tặc, Ngũ Vật [3] như Văn Xương ghi chép, bao điều thiện ác trong ti bộ của mình. Tâm là quân chủ trung chính, như Bắc thần trên trời Thủ Chính, như Minh Đường trong quốc gia bố chính vậy.

Nếu người tu đạo mà làm cho Đạo Tâm được hưng phấn, chế ngự được Nhân Tâm, thì Chân Tình sẽ không bị lu mờ, Chân tri sẽ thường tồn, Âm khí giảm bớt, Dương Khí thuần dần. Thế là Đỉnh Tân Cách Cố (thay cũ, đổi mới), Tính Định, Mệnh Ngưng. Từ Hữu Vi nhập Vô Vi, toàn thân theo đúng lý, muôn lo đều ngừng. Làm gì còn có chuyện Ngạo Kháng sai Đạo, hay tà nịnh lạc nẻo, hay làm sai làm dở đến bị tai hung?

Ồi, Tu Chân Đạo, cũng là Đạo Ngự Chính, nếu Đạo Ngự Chính mà biết thế nào là Cát Hung, thì cũng biết thế nào là cát hung trong Đạo Tu Chân. Tiên Ông trong thiên trên đem đạo Ngự Chính sánh với Đạo Tu Chân. Thật là vi diệu vậy.

[1] Trung Dung chương I.

[2] Ngũ nguyên là Nguyên Tính, Nguyên Thần, Nguyên Tình, Nguyên Khí;

Ngũ đức là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

[3] Ngũ tặc là Du Hồn, Thức Thần, Quỷ Phách, Trọc Tinh, Vọng Ý. Ngũ Vật là Hỉ Lạc, Nộ, Ai, Dục.

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Trung thiên

中篇

Chương 1

Tương Dục

Tính Mệnh Song Tu

62. Tương dục dưỡng tính,	將欲養性
Diên mệnh khước kỳ.	延命卻期
Thẩm tư hậu mật,	審思後末
Đương lự kỳ tiên,	當慮其先
Nhân sở bình khu,	人所秉軀
Thể bản Nhất Vô.	體本一無
Nguyên Tinh vân bố,	元精雲布
Nhân khí thác sơ.	因氣託初
63. Âm Dương vi độ,	陰陽為度
Hồn phách sở cư.	魂魄所居
Dương Thần, Nhật Hồn,	陽神日魂
Âm Thần, Nguyệt Phách.	陰神月魄
Hồn chi dữ phách,	魂之與魄
Hỗ vi thất trạch,	互為室宅
Tính chủ xứ nội,	性主處內
Lập trí Ngân Ngạc,	立置鄴鄂
Tình chủ doanh ngoại,	情主營外
Trúc viên thành quách.	築垣城郭
Thành quách hoàn toàn,	城郭完全
Nhân vật nãi an,	人物乃安
Viên tư chi thời,	爰斯之時
Tình hợp Kiền Khôn,	情合乾坤

Kiên động nhi trực,	乾動而直
Khí bố tinh lưu,	氣布精流
Khôn tĩnh nhi hấp,	坤靜而翕
Vì Đạo xá lô,	為道舍廬
Cương thi nhi thoái,	剛施而退
Nhu hoá nhi tư.	柔化而滋
Cửu hoàn thất phản,	九還七返
Bát qui lục cư,	八歸六居
Nam bạch nữ xích,	男白女赤
Kim Hoả tương câu,	金火相拘
Tắc Thuỷ định Hoả,	則水定火
Ngũ Hành chi sơ,	五行之初
Thượng thiện nhược Thuỷ,	上善若水
Thanh nhi vô hà,	清而無瑕
Đạo chi hình tượng,	道之形象
Chân Ất nan đồ,	真乙難圖
Biến nhi phân bố,	變而分布
Các tự độc cư,	各自獨居
64. Loại như kê tử,	類如雞子
Bạch hắc tương phù,	白黑相符
Tung hoành nhất thốn,	縱橫一寸
Dĩ vi thủy sơ.	以為始初
Tứ chi ngũ tạng,	四肢五臟
Cân cốt nãi câu,	筋骨乃俱
Di lịch thập nguyệt	彌歷十月
Thoát xuất kỳ bào.	脫出其胞
Cốt nhược khả quyển,	骨弱可卷
Nhục hoạt nhược Diên. [1]	肉滑若鉛

Tạm dịch:

Nếu muốn tu Tính,
Thì phải diên Mệnh
Muốn sống lâu thêm,
Phải xét gót đầu,
Cái người có trước,
Chính là thân mình.

Thân mình vốn vô,
Nguyên Tinh linh bố,
Do Khí có đầu,
Âm Dương làm chuẩn.
Hồn phách sở cư,
Dương Thần Nhật Hồn,
Âm Thần Nguyệt Phách,
Hồn cùng với phách,
Nương tựa lẫn nhau.
Tính chủ bên trong,
Gọi là Ngân Ngạc.
Tinh chủ doanh ngoại,
Xây nên thành quách.
Thành quách vẹn toàn,
Nhân vật sẽ an.
Vào thời điểm đó,
Tinh hợp Kiền Khôn,
Kiền động và trực,
Tinh khí sẽ sinh,
Khôn tĩnh và hấp,
Là cơ sở Đạo,
Cương thi rồi thoái,
Nhu Hoá tốt tươi,
Cửu hoàn thất phản,
Bát qui, lục cư.
Nam Bạch (Kim), Nữ Xích (Hoả),
Kim Hoả tương cầu,
Thời Thuỷ định Hoả,
Ngũ hành bắt đầu,
Tốt nhất là Thuỷ,
Trong không tì vết,
Hình tượng của Đạo,
Chân Ất khó vẽ,
Biến rồi phân bố,
Đều đứng riêng biệt,

Y như trứng gà,
Bạch Hắc tương phù,
Tung hoành nhất thốn,
Đó là Thủy Sơ,
Tứ chi Ngũ tạng,
Gân cốt đầy đủ,
Sau hết 10 tháng,
Thoát khỏi bào thai,
Xương non dễ uốn,
Thịt mềm như Diên,

Tiên xưa nói: Muốn tu tính, trước phải tu mệnh, như vậy mới vào được đường tu hành.

Tu Mệnh không tu tính, là tu hành đệ nhất bệnh. Vì Tính là Âm, Mệnh là Dương. Dùng cả Âm Dương, là Tính Mệnh Song Tu, như vậy mới được Hình Thần Câu Diệu (Cả Hình lẫn Thần đều tốt đẹp), mới kết hợp được với Đạo (Dữ Đạo hợp chân).

Cho nên trước khi Tu Tính, phải mau Tu Mệnh. Khi Tu Mệnh xong rồi, phải lo Tu Tính. Chưa thấy ai không tu mệnh mà có thể siêu phàm, chưa thấy ai không Tu Tính mà có thể nhập Thánh.

Cho nên Tiên Ông dạy Dưỡng Tính thì đưa ra chủ đề là: Muốn tu Tính, trước hết phải tu Mệnh. Nghĩa là muốn Dưỡng Tính phải lo Tu Mệnh.

Như người Thượng Trí, Lợi Căn, không đợi Tu Mệnh đã tu Tính, một việc xong, muôn việc đều xong, vào thẳng Thánh Vực. Nhưng kẻ Thượng Trí thì ít, mà kẻ hạng Trung, hạng Hạ thì nhiều. Nếu không Tu Mệnh trước mà Tu tính trước, thì mới chỉ luyện Âm nơi mình, nếu có gì Thầm lậu, thì sẽ bị hoạ Mất Thân, Nhập Thân. Cho nên trước tiên phải tu Hữu Vi Phản Hoàn chi Đạo, để mà củng cố Mệnh Cơ. Sau đó mới Hành Bảo Nhất Vô Vi chi đạo, để hoàn thành việc Tu Tính. Tính Mệnh tu xong, sẽ bất sinh, bất diệt, cùng đất trời đồng thọ.

Và Diên Mệnh chi Đạo chính là Khước kỳ chi Đạo. Khước kỳ là từ khước thời hạn chết. Có khước từ được thời hạn chết thì mới có thể Diên Mệnh. Muốn khước từ thời hạn chết, thì phải suy xét xem thể nào là chết. Đã thăm xét xem thể nào là chết, thì lại càng phải hiểu thể nào là sinh. Sống trước chết sau.

Khổng tử nói: Không biết sống, làm sao biết chết, vì đã không biết tại sao sinh, thì cũng không biết tại sao chết. Đã biết tại sao sinh, thì cũng biết tại sao chết. Hiểu được guồng máy sinh tử, thì sẽ khước từ được thời hạn chết, kéo dài được thời hạn sống. Cái đó không khó vậy.

Con người nguyên vốn có khu thể bản nhất vô, nhân phàm phu, phàm mẫu giao hợp với nhau, nguyên tinh nguyên khí hợp nhau, từ Vô sinh ra Hữu; Nam khí thuộc Dương, nữ khí thuộc Âm, Âm Dương nhị khí giao nhau, thế là có hồn phách nam nữ ở trong. Hồn thuộc Dương Thần, như là Mặt Trời; phách là Âm Thần, như Mặt trăng. Hồn Phách là nhà cửa của nhau. Hồn thuộc Tính ở bên trong, xây nên Mặt thất Ngân Ngạc. Phách thuộc Tình, chủ bên ngoài, xây nên thành quách, ngoại thất bên ngoài. Ngân Ngạc là Lục Phủ, Ngũ Tạng bên trong. Thành Quách là tứ chi bá hài bên ngoài. Thành Quách mà toàn vẹn, thì nhân vật mới có thể ở yên bên trong. Khi Âm Dương giao độ, tinh Nam Nữ hợp nhau, Kiền trên, Khôn dưới, Kiền Khôn phối hợp. Kiền thì Động và Trục, rải khí, lưu tinh. Khôn tĩnh nhi hấp, là xá lô của Đạo. Ở

nơi Con Trai thì là Cương Đạo, Thi xong rồi Thoái; ở nơi con Gái thì là Nhu Đạo, nó sẽ Hoá và sẽ Tư Sinh. Âm Dương nhị khí, ngưng lại sẽ thành Tượng, thế là kết Thai Nguyên vậy. 9 là số của Kim, 7 là số của Hoả, 8 là số của Mộc, 6 là số của Thủy. Cửu Hoàn Thất phản, Bát qui, Lục Cư. Khí của Kim Mộc Thủy Hoả đều nhập vào thai trung. Cửu Hoàn Thất Phản, Bát Qui Lục Cư, nó khác nghĩa với chữ Nghịch Dụng Phản Hoàn. Phản hoàn ở đây là cả Âm Dương Nam Nữ chi khí đều phản hoàn về Thai Trung. Từ Ngoài vào Trong. Và Nam Tinh thời Trắng, thuộc Kim; Nữ Huyết thì đỏ, thuộc Hoả. Kim Hoả chi khí giao nhau, đoàn tụ một nhà. Trong Kim có Thủy Khí, trong Hoả có Mộc khí. Như vậy Thủy sẽ định Hoả, Hoả đi để luyện Kim. Thủy có thể Tế Hoả. Mộc đi sẽ sinh Hoả, Kim đi sinh Thủy. Kim Mộc Thủy Hoả, sẽ nung nấu lẫn nhau, sẽ biến hoá sinh ra Chân Thổ. Đó là bước đầu của Ngũ Hành sinh ra nhau. Trong bào thai, tuy Ngũ Hành biến hoá, nhưng khi Âm Dương giao độ với nhau, thì trong Hôn Ấm sẽ có Một Điểm Tiên Thiên Tạo Hoá nhập vào. Và sinh Thủy trước hết. Cái nước đó sinh ra trước Thiên Địa. Trong không tì vết. Đó là hình tượng của Đạo, khó lòng mô tả. Chí Vô nhưng hàm chí hữu, chí hư nhưng hàm chí thực. Nam nữ tinh huyết, không có nước này sẽ không làm được gì. Cái nước này, Vô hình nhưng lại sinh hình, cho nên nó biến hoá bất trắc. Nhất biến thành Nước sinh ra Thận, Nhị biến thành Hoả sinh ra Tâm, Tam biến thành Mộc sinh ra Gan, Tứ biến thành Kim sinh ra Phế, Ngũ biến thành Thổ sinh ra Tì. Biến hoá, phân bố mà vẫn ở riêng biệt một phương. Nhưng tuy độc cư một phương, mà Khí Ngũ Hành vẫn qui tụ tại một nơi, ví như trứng gà, trắng đen tương phù. Đen là Âm, Trắng là Dương, Âm Dương phù hợp, nhất khí hỗn hàm. Cho nên nói Tung Hoành nhất thốn, dĩ vi thủy sơ. Thủy sơ là Căn bản, Nhất Khí là căn bản. Gốc rễ mà vững thì cành lá sẽ sinh. Cho nên nói: Tứ Chi, Ngũ Tạng, gân cốt sẽ đủ. Tất cả đều do nhất khí biến hoá mà thành toàn vậy. Trải qua 10 tháng, sẽ thấy Khí tức hình toàn, thoát khỏi bào thai. Xương mềm có thể gấp được, thịt mềm như phấn. Đó là cách sinh ra người vậy.

Nếu con người hiểu được lẽ Sinh Thân, điều hoà được Chân Âm, Chân Dương. Biết ngược dòng mà tu lại, biết giữ được một hơi thở của bào thai, Kết thành thánh thai, ôn dưỡng nó trong vòng 10 tháng, thì ngoài thân lại có thân, quyền tạo hoá do ta nắm, có thể không chịu nhận cái chết, có thể kéo dài sự sống vậy.

Ồi Nghịch sẽ thành Tiên, nên khó biết, Thuận sẽ sinh nhân, cũng khó mà hiểu. Nếu biết đạo Sinh ra Người, mà biết lộn ngược lại thì sẽ biết đạo thành tiên. Tại sao người ta không tìm hiểu đạo sinh ra người mà cứ vọng tưởng học thành tiên, thật đáng thương thay.

[1] Nhược Diên có bản ghi: Nhược Gi.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Trung thiên

中篇

Chương 2

Khảm Nam

Âm Dương Tương Hòa

74. Khảm nam vi nguyệt,	坎男為月
Ly nữ vi nhật.	離女為日
Nhật dĩ thi đức,	日以施德
Nguyệt dĩ thư quang,	月以舒光
Nguyệt thụ nhật hoá,	月受日化
Thể bất khuỵ thương,	體不虧傷
Dương thất kỳ khế,	陽失其契
Âm xâm kỳ minh.	陰侵其明
Hối Sóc bạc thực,	晦朔薄蝕
Yểm mạo tương khuynh,	掩冒相傾
Dương tiêu kỳ hình,	陽消其形
Âm lăng tai sinh,	陰凌災生
Nam nữ tương tư,	男女相胥
Hàm thổ dĩ tư,	含吐以滋
Thư hùng thác tạp,	雌雄錯雜
Dĩ loại tương cầu,	以類相求
75. Kim hoá vi thủy,	金化為水
Thủy tính chu chương,	水性周章
Hoả hoá vi Thổ,	火化為土
Thủy bất đắc hành,	水不得行
Nam động ngoại thi,	男動外施
Nữ tĩnh nội tàng,	女靜內藏

Dật độ quá tiết,	湔 度 過 節
Vi nữ sở câu,	為 女 所 拘
Phách dĩ linh hồn,	魄 以 鈴 魂
Bất đắc dâm xa,	不 得 淫 奢
Bất hàn bất thử,	不 寒 不 暑
Tiến thoái hợp thời,	進 退 合 時
Các đắc kỳ hoà,	各 得 其 和
Câu thổ chứng phù.	俱 吐 證 符

Tạm dịch:

74. Khảm Nam là Nguyệt,
 Ly nữ là Nhật,
 Mặt trời thi đức,
 Mặt trăng hoá quang.
 Nguyệt bị Nhật hoá,
 Thể không khuy thương.
 Dương mà thất kế,
 Âm lẫn ánh sáng.
 Hối Sóc bạc tự,
 Đôi bên tương khuynh.
 Dương tiêu mất hình,
 Âm lắng tai sinh.
 Nam nữ giúp nhau,
 Hàm thổ dĩ tư,
 Thư hùng thác tạp,
 Cầu nhau theo loài,
 75. Kim hoá thành Thuỷ,
 Thuỷ tính chu chương.
 Thuỷ hoá thành Thổ,
 Thuỷ không đi được,
 Nam động ngoại thi,
 Nữ tĩnh nội tàng.
 Dật độ quá tiết,
 Bị gái cầm giữ,
 Phách để linh hồn,
 Không được dâm dật,

Không nóng không lạnh,

Tiến thoái hợp thời,

Đều được hoà thuận,

Câu thơ chứng phù.

Tiết trên nói về Sinh Nhân Chi Đạo, cần phải Âm Dương tương hợp mới thành. Tiết này suy rộng ra để nói rằng Tu Tiên cũng là do Âm Dương tương hợp thì thánh thai mới kết vậy. Như quẻ Khảm là Nam, mà thể là Âm, tượng Nguyệt. Quẻ Ly là Nữ mà thể là Dương tượng Nhật. Nguyệt vốn có màu đen, thuần Âm vô Dương, nhờ mặt trời nên mới sáng. Mỗi tháng sau ngày Hối đến ngày Sóc, lại gặp mặt trời một lần. Mặt trời thì đức, mặt trăng thì thư quang, thể là Mặt trăng thì nhận, mặt trời thì hoá, nên hắc thể sinh minh mà không bị tổn thương Đó là mặt trăng, mặt trời giao nhau đúng thời tiết. Nếu mặt trăng, mặt trời khế hợp nhau thất thường, thì Âm Dương sẽ sai chệch. Âm khí mặt trăng sẽ thâm thương mặt trời. Hối sóc nhật thực, dấu mất vẻ sáng, Dương tiêu mất hình, bị Âm xâm lăng và sinh tai hoạ. Vả Nhật đạo, Nguyệt đạo, giao nhau mà tiến. Khi giao nhau, thì mặt trời ở dưới, mặt trăng ở trên. Ảnh mặt trời bắn vào mặt trăng, thể là mặt trăng được sáng. Nếu Bắc Nam đồng độ, nếu Đông Tây đồng độ, mặt trăng mặt trời tương đối, ánh sáng bị che, Âm Dương tương tranh, bất hoà. Ngày Sóc (Mồng Một), mặt trăng ở trước mặt trời thì gọi là Nhật Thực. Vào ngày Vọng, thì là Nguyệt thực. Nhật Thực là Âm yếm kỳ Dương vậy. Nguyệt thực là Dương yếm kỳ Âm vậy, Nhật Thực, Nguyệt Thực là Âm Dương quá thắng. Còn như Nam Nữ đều nhau, vừa nướ, vừa thổ, thì vạn vật mới tốt tươi. Nếu mà đực cái hần hoi, đồng loại tương giao, mới sinh chủng tộc. Đó đều là Đạo Âm Dương tương giao, luôn luôn sinh trưởng vậy. Lại như Kim hoá thành Nước, mà nước thì chảy khắp nơi, không hề ngừng nghỉ. Hoả hoá thành Đất, mà đất thì ngưng đọng, chặn không cho nước chảy. Nước không chảy được. Lại như Nam sinh động và thi thổ bên ngoài, Nữ chủ Tĩnh và tàng trữ bên trong, nếu Nam luyện nữ sắc, dâm dục quá độ, giao hợp quá tiết, là mất bản tính Nam Động, và Nam ngược lại bị Nữ câu chế. Thế là Âm Dương hoà mà không hoà. Trong cái Sinh có sẵn cái Sát, sẽ sinh ra tai hoạ vậy. Cứ thế mà xem, thì thấy Âm Dương quý nhất là Tương Hoà với nhau, tương hoà nhưng lại được Trung Chính. Được Trung Chính thì gọi là Chân Âm, Chân Dương. Không Trung Chính thì là Giả Âm, Giả Dương. Chân giả phân biệt nhau chỉ tại Trung Chính hay không Trung Chính mà thôi.

Người tu đạo dụng Chân Tĩnh của Phách, để giữ Linh Tính của Hồn. Phách là Đạo Tâm, là Chân Tri Cương Tĩnh, Hồn là Nhân Tâm, là Linh Tri Nhu Tính. Nhu Tính chỉ tiến thoái mà ít bị tài chế. Gặp vật thì lưu luyện, thấy cảnh thì sinh tình. Cương tình quả đoán thì sinh Chủ Tể. Phách cốt giữ Hồn, lấy Cương Tĩnh mà giữ cái Nhu của Tính. Như vậy là Nhân Tâm tĩnh mà Đạo Tâm chương. Tính tình tương hợp thành Cương Nhu nhất khí. Tuy là dùng Đạo Tâm mà chế Nhân Tâm nhưng khi mà Nhân Tâm đã nhu thuận thời ngừng ngay. Nếu mà chế ngự thái quá, thường lấy Nhân Tâm dụng sự, thì Đạo Tâm sẽ bị hôn ám. Sáng quá sẽ trở thành hôn ám. Đạo Tâm ở trong, Nhân tâm sẽ sinh. Tính Tĩnh gàng quải lẫn nhau, cát sẽ hoá hung. Cho nên nói: Không được dâm dật thái quá. Không nóng, không lạnh là Tính không loạn mà Tĩnh không mê, vật vong vật trợ (là sống tự nhiên, không làm gì miễn cưỡng), tiến thoái hợp thời là Nhân tà nhi tồn kỳ thành.^[1] Chấp Trung, dụng quyền chi đạo (luôn giữ được Trung Chính lại biết quyền biến), như vậy lớn nhỏ không có chi bị hại, hai nước vẹn toàn, giữ được thể Trung Hoà, không tổn bên này, mà vẫn lợi cho ta, Tính Tĩnh sẽ được Chân Thực, Âm Dương hợp nhất, cứ trông mặt trời mặt trăng đi đúng thời tiết là được.

^[1] Thấy điều tà khuất xa rời, Cố công giữ vẹn tính Trời mới nghe. (Dịch Kinh, Văn Ngôn quẻ Kiền, hào 2).

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Trung thiên

中篇

Chương 3

Quan Quan

Cô Âm Quả Dương

78. Quan quan thư cưu,	關關雎鳩
Tại hà chi châu,	在河之洲
Yểu điệu thục nữ,	窈窕淑女
Quân tử hảo cầu.	君子好逑
Hùng bất độc xứ,	雄不獨處
Thư bất cô cư,	雌不孤居
Huyền Vũ, Qui Xà,	玄武歸蛇
Bàn củ tương phù,	蟠糾相扶
Dĩ minh tẫn mẫu,	以明牝牡
Cánh đương tương tu,	竟當相須
Giả sử nhị nữ cộng thất,	假使二女共室
Nhan sắc thậm xu,	顏色甚姝
Tô Tần thông tín,	蘇秦通信
Trương Nghi hợp môi,	張儀合媒
Phát biện lợi thiệt,	發辯利舌
Đoạt thư mỹ từ,	奪舒美辭
Suy tâm điều hài,	推心調諧
Hợp vi phu phụ,	合為夫妻
Tệ phát hủ xỉ,	弊髮腐齒
Chung bất tương tri,	終不相知
Nhược dược vật phi chủng,	若藥物非種
Danh loại bất đồng,	名類不同

Phân lưỡng sâm si,	分兩參差
Thất kỳ cương kỷ,	失其剛紀
Tuy Hoàng Đế lâm lô,	雖黃帝臨爐
Thái Ất chấp hoả,	太乙執火
Bát Công chú luyện,	八公鑄煉
Hoài Nam điều hợp,	淮南調合
Lập vũ sùng đàn,	立宇崇壇
Ngọc vi giai bệ,	玉為階陛
Lân bồ phượng chỉ,	麟脯鳳脂
Bả tịch trường qui,	把籍長跪
Đảo chúc thần kỳ,	禱祝神祇
Thỉnh ai chư quỷ,	請哀諸鬼
Mộc dục trai giới,	沐浴齋戒
Kí hữu sở vọng,	冀有所望
Diệc do hoà giao bổ phủ,	亦猶和膠補釜
Dĩ lổ đồ sang,	以礪塗瘡
Khử lãnh gia băng,	去冷加冰
Trừ nhiệt dụng thang,	除熱用湯
Phi Qui vũ Xà,	飛龜舞蛇
Dũ kiến quai trương.	愈見乖張

Tạm dịch:

78. Quan quan thư cưu,
 Tại Hà chi châu,
 Yếu điệu thực nữ,
 Quân tử hảo cầu.
 Mái không một mình,
 Trống không cô độc
 Huyền Vũ, Qui Xà (Qui Xà = Âm Dương),
 Bàn củ tương phù (Ôm ấp lấy nhau).
 Mới rõ Đực Cái,
 Hoà hợp lẫn nhau,
 Nếu hai cô gái,
 Sống chung một nhà,
 Nhan sắc diễm tuyệt,
 Tô Tần thông tin,

Trương Nghi mai mối,
Nói năng hùng biện,
Lời lẽ hoa mỹ,
Muốn cho hai gái,
Kết thành phu thê.
Răng long, đầu bạc.
Chung cuộc bất thành.
Dược vật đồng loại,
Phân lạng hần hoi,
Không đúng phép tắc,
(Dù)ø Hoàng đế đốt lò,
Thái Ất nhúm lửa,
Bát Công đào luyện,
Hoài Nam điều hoà.
Lập đàn tế lễ,
Lấy ngọc xây thêm,
Thịt khô lân phượng (lấy lân, phượng làm thịt khô)
Quì gối cầu xin,
Xin với thần minh,
Cùng với chư quỉ,
Trai giới, tắm rửa,
Mong đạt ý muốn,
Thì có khác chi,
Dùng keo vá lò,
Lấy sạn chữa thương,
Lấy băng chữa lạnh,
Nước sôi chữa nóng,
Rắn múa, rùa bay,
Thật là phi lý.

Tiết trên nói Âm Dương tương đương, tiến thoái hợp thời. Như vậy Tu Đạo mới thành công.

Tiết này nói Cô Âm quả Dương, gây nhiều tệ hại để con người có thể hiểu rõ, mà cải tà qui chính vậy.
Dịch viết: Nhất Âm Nhất Dương chi vị Đạo, bởi vì có Âm, có Dương, Âm Dương tương hợp thì mới là Đạo.
Còn cô Âm, quả Dương, Âm Dương chia lìa, thì không gọi là Đạo. Khổng tử san định Kinh Thi, lấy thiên Quan Cưu làm chủ. Gọi đó là: Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ. Đạo vợ chồng tức là Âm Dương Tạo Hoá chi Đạo.

Trong trời đất, có vật hữu tình, vật vô tình. Tồn thuộc Âm, là Con mái, là người Vợ. Mẫu thuộc Dương, là Con Đực, là người Chồng. Một Tồn, Một Mẫu, một Thụ một Hùng, một Phụ, một Phu, Một Âm một Dương, bĩ thử vẹn hai, mới thành Tạo Hoá. Ở nơi con người, Nam Nữ chung sống mới có sinh đẻ. Ở nơi vạn vật, long xà cuộn chặt lấy nhau, mới sinh con cái. Đưa ra hai chứng lý này, thì biết Tồn Mẫu tương tu, Thụ hùng tương hợp mới đúng đạo lý. Giả sử hai chị em ở cùng nhà, nhan sắc đẹp để mà kết làm vợ chồng. Thì làm sao mà hiểu nhau, mà sinh con cái. Lễ này dễ thấy và dễ hiểu.

Những người không biết đường tu Đạo, không biết nhể Âm Dương phối hợp, không biết lễ Tồn Mẫu tương tu, bỏ mất Chân Âm, Chân Dương, căn cốt Tính Mệnh của mình, mà cầu cái không cùng chủng loại với mình, hoặc gọi là Thái Chiến, hoặc nhận lầm là Lô Hoả, hoặc lập Đàn cúng Sao, cầu Chân, hoặc trai giới mà cầu khấn ma quỷ, mong được Diên Niên Ích Thọ, Trường Sinh Bất Tử, thật chẳng khác nào lấy keo dán chỗ, lấy cát, sạn rắc vào mụn nhọt, đổ thêm băng cho bớt lạnh, tạt nước sôi để trừ nhiệt. Thế là muốn cho Rùa bay, Rắn múa. Rùa sao mà bay, Rắn sao mà múa? Như vậy há chẳng phải càng làm hỏng việc đi hay sao?

Trong tiết này Tiên Ông đề cao Quan Cữu, Qui Xà, Tồn Mẫu tương tu chi lý, và thêm rằng nếu không là Đồng loại thì không nên công, để khai thị hậu học, thật là hết sức từ bi vậy. Những ai ngu đần ương ngạnh hãy nên tỉnh ngộ.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Trung thiên

中篇

Chương 4

Thượng Đức

Thượng đức, hạ đức

22. Thượng đức vô vi	上德無為
Bất dĩ sát cầu	不以察求
Hạ Đức vi chi	下德為之
Kỳ dụng bất hưu,[1]	其用不休
23. Tri bạch thủ hắc,[2]	知白守黑
Thần Minh tự lai.	神明自來
Bạch giả Kim Tinh,[3]	白者金精
Hắc giả Thủy cơ.	黑者水基
Thủy giả Đạo Khu,	水者道樞
Kỳ số danh Nhất,	其數名一
Âm Dương chi thủy	陰陽之始
Huyền hàm Hoàng Nha,	玄含黃芽
Ngũ Kim chi chủ,	五金之主
Bắc dĩ Hà Xa.	北以河車
Cổ Diên ngoại hắc,	故鉛外黑
Nội hàm Kim Hoa,[4]	內懷金華
Bị hạt hoài ngọc,[5]	被褐懷玉
Ngoại vi cuồng phu,	外為狂夫
24. Kim vi thủy mẫu,	金為水母
Mẫu ẩn tử thai,	母隱子胎
Thủy vi Kim Tử.	水為金子
Tử tàng mẫu bào.	子藏母胞

Chân nhân chí diệu,	真人至妙
Nhược hữu nhược vô,	若有若無
Phảng phất Thái uyên,	髣拂太淵
Sạ trầm xạ phù.	乍沉乍浮
Thoái nhi phân bố,	退而分布
Các thủ cảnh ngưng,	各守境隅
25. Thái chi loại bạch,	採之類白
Tạo chi tắc chu,	造之則朱
Luyện vi biểu vệ,	煉為表衛
Bạch lý chân cư,	白裏真居
Phương viên kính thốn,	方圓徑寸
Hỗn nhi tương câu, [6]	混而相拘
Tiên Thiên địa sinh,	先天地生
Nguy nguy tôn cao,	巍巍尊高
26. Bàng hữu viên khuyết,	旁有垣闕
Trạng tự bông hồ,	狀似蓬壺
Hoàn tạp quan bế,	環匝關閉
Tứ thông trì trù,	四通踟躕
Thủ ngự mật cố,	守禦密固
Át tuyệt gian tà,	闕絕奸邪
Khúc các [7] tương thông,	曲閣相通
Dĩ giới bất ngu,	以戒不虞
Khả dĩ vô tư,	可以無思
Nan dĩ sầu lao.	難以愁勞
Thần khí mãn thất,	神氣滿室
Mạc chi năng lưu,	莫之能留
Thủ chi giả xương,	守之者昌
Thất chi giả vong,	失之者亡
Động tĩnh hưu tức,	動靜休息
Thường dữ nhân câu.	常與人俱

Tạm dịch:

22. Thượng đức vô vi,
 Không cần sát cầu,
 Hạ đức hữu vi,
 Kỳ dụng không ngừng,

23. Tri bạch thủ hắc,
Thần Minh tự tới,
Bạch là Kim Tinh,
Đen là Thủy cơ,
Thủy là Đạo Khu (Thiên Nhất sinh thủy),
Số danh là Một,
Âm Dương chi thủy (Thủy trung hữu Kim),
Đen (Thủy) chứa Hoàng Nha (Kim)
Làm chủ Ngũ Kim,
Nên gọi Hà Xa (Bắc phương chính Khí)
Diên thì ngoài đen,
Trong chứa Kim Hoa (Ngoại hắc nội Hoa),
Như trong áo rách,
Có mang ngọc quý.
Ngoài là cuồng phu.
Kim là Mẹ Thủy (Vọng tình sinh Vọng Thủy)
Mẹ ẩn thai con,
Thủy là con Kim (Thủy phản sinh Kim),
Lại mang thai mẹ.
Chân Nhân Huyền diệu,
Như có như không,
Phảng phất Thái Uyên,
Khi chìm khi nổi,
Thoái lui, phân bố
Giữ được phương vị
Thánh Thai ngưng kết,
Lửa luyện kiên cố,
Ngoại đơn thành tựu,
Nội đơn viên minh,
Trong ngoài một Khí
Hỗn hợp với nhau,
Sinh trước đất trời,
Hết sức cao trọng,
26. Cạnh có thành quách,
Trông tựa Bồng Hồ,

Đóng kín quan ải,
 Ngoại vật không sâm.
 Đề phòng cẩn mật,
 Trừ sạch gian tà.
 Khúc các tương thông,
 Vô tư vô tà,
 Phòng mọi bất trắc,
 Mới được vô tư,
 Hết sầu, hết muộn.
 Thần Khí đầy nhà,
 Không sao giữ nổi,
 Giữ được thời hay,
 Mất đi là xấu,
 Độn tĩnh, hưu tức,
 Thường đủ trong ta.

Tiết trên nói: Muốn tu Đạo, thì phải tìm đồng loại hữu tình chi vật, như vậy mới thành công. Nếu không phải đồng loại thì chắc không thành công. Nhưng tu có hai phép. Một là dùng Đạo để Toàn Hình, hai là dùng thuật để Diên Mệnh. Thượng Đức là những người dùng Đạo để Toàn Hình, Bảo Nguyên Thủ Nhất, hành Vô Vi chi Đạo. Thế là làm được công việc. Cho nên nói: Thượng Đức vô vi, không cần quan sát, tìm cầu. Hạ Đức thì dùng thuật để kéo dài mạng sống. Từ miễn cưỡng rồi mới an lạc. Đó là tu theo Hữu Vi, như vậy mới được hoàn nguyên.

Cho nên nói: Hạ Đức vi chi, kỳ dụng bất hưu. Vả bậc Thượng Đức chẳng cần sát cầu, vì bậc Thượng Đức thời Thiên Chân còn nguyên vẹn, khách khí chưa xâm nhập nổi, nếu chốn ngộ được bản tính, thì chẳng tu chẳng chứng, cũng sang được bờ bên kia, không cần phải quan sát, tìm cầu. Còn Hạ Đức thì vất vả đi vào hữu dụng, vì ở nơi họ, Thiên Chân đã khuỷu tổn, tri thức đã khai mở, nên dẫu chốn ngộ bản tính thì cũng chưa thuần thuận ngay được. Nên phải dùng phép Tiệm Tu, công lực có lúc tăng, lúc giảm. Tăng rồi lại tăng, giảm rồi lại giảm. Cho đến khi Nghĩa Tinh, Nhân Thực, thì mới có thể ngưng nghỉ. Vì thế mà không ngưng nghỉ mới là quý vậy.

Thượng Đức, Hạ Đức thân phận khác nhau. Cho nên cái Dụng của mỗi bên cũng khác nhau. Người hạ đức mà tiến tới chỗ Nghĩa Tinh Nhân Thực, thì cũng sẽ đi cùng đường với bậc Thượng Đức. Cho nên nói: An nhi hành chi, hoặc lợi nhi hành chi, Hoặc miễn cưỡng nhi hành chi, Cập kỳ thành công nhất dã.^[8] Ví dụ muốn rõ kẻ Hạ Đức, cứ cố gắng không ngừng. Cố gắng không ngừng là Đạo từ hậu Thiên phản tiên thiên chi đạo. Hậu Thiên phản Tiên Thiên là Đạo Thủ Hắc Tri Bạch. Bạch là Huỳnh Tinh (Sáng soi, không tạp nạp), là Đạo Tâm. Hắc là hối ám, là Nhân Tâm vậy. Tri kỳ Bạch là Đạo Tâm Thật, Thủ kỳ Hắc là Nhân Tâm Hư. Đạo Tâm mà Thực thì Chân Tri vĩnh viễn còn mãi. Nhân Tâm mà Hư, thì Linh Tri không bay mất. Chân Tri, Linh Tri, là Hai hợp thành Một. Thế là Cương Nhu tương phối. Trong đó tuy hoảng hốt mà vẫn có Tượng, yếu minh mà vẫn có Tinh, thế là Thần Minh tự đến vậy.^[9]

Thần Minh tức là Khí Tiên Thiên Chân Nhất. Cũng còn gọi là Tiên Thiên Chân Nhất chi tinh, là Cốc

Thần. Cốc Thần thụ nhận cả Hai Khí Âm Dương tương hợp. Nếu Âm Dương mà phân tán thì Thần sẽ tối tăm. Thể Chất nó sẽ đen và mất sáng, y như là Thần Minh đã đi mất vậy. Âm Dương hợp nhau, thì thần ấy sẽ sáng láng, thuần túy. Thể Chất nó sẽ Trắng và sáng trở lại. Như là Thần Minh trở lại vậy. Cho nên nói: Tri Bạch Thủ hắc thần minh tự lai.[\[10\]](#)

Thế nào là Bạch? Đó là Kim Tinh. Hắc là Thuỷ Cơ, vì Đạo Tâm là Chân Tri, là Chân Tinh. Vốn nó Cương Kiện, đó là Đức Tính của quẻ Kiền, thủ Tượng là Kim Tinh.

Trong Nhân Tâm thời vốn có Linh Tri, đó là Chân Tri, đó là Chân Tính. Nó vốn xưa nay nhu thuận, là Đức Tính của quẻ Khôn, thủ tượng là Thuỷ Cơ. Linh Tri vốn không thuộc Thuỷ mà thuộc Hoả. Nhân vì Linh Tri tàng trong Nhân Tâm, có thể giữ được Nhân Tâm chi hắc. Cho nên nếu Nhân Tâm mà Hư Cực Tĩnh Đốc, Linh Tri sẽ Nhu Thuận và Tà hoá sẽ Tiêu Giảm, Cùng với Chân Tri sẽ hoảng hốt tương phùng, và sẽ có biến hoá. Hoà khí huân trưng bên trong, sẽ sinh ra Chân Nhất chi Thuỷ.

Thế là Màu Đen là căn cơ của Thuỷ. Mà Thuỷ là do Thiên Nhất sinh ra, đó là giường máy của Đạo. Sinh ra Ngũ Kim, trong gốc Âm Dương có tàng chứa Hoàng Nha, có đủ chính khí của Hà Xa phương bắc.

Sao mà biết được vậy? Nếu Linh Tri của Nhân Tâm mà hư tĩnh, khách khí sẽ không đến được, và Chân Tri của Đạo Tâm sẽ xuất hiện, sinh khí sẽ trở lại, như thảo mộc từ đất manh nha ra, có màu sắc vàng non, và có Tính Chất thuần thủy cho nên gọi là Hoàng Nha.

Vì Dương Khí từ Nước mà sinh ra, nên gọi là Hà Xa. Vì Dương khí từ Âm sinh ra, nên còn gọi là Thần Minh. Kỳ thật, Hoàng Nha, Hà Xa, hay Thần Minh đều hình dung Đạo tâm, đều là Một điểm Chính Khí Chân Tri Cương Kiện. Tượng như Hắc Diên, ngoài Đen trong Trắng, trong có Kim Hoa, lại như áo rách có ngọc, bên ngoài là cuồng phu vậy.

Con người từ Tiên Thiên xuống giao với Hậu Thiên, Vọng Tinh sinh Vọng Thuỷ. Kim là Thuỷ Mẫu vậy. Hậu Thiên phản Tiên Thiên. Trong Đen có Trắng. Tinh Nhất chi thủy, lại sinh Chân Tri Chân Tinh. Thế là Mẹ lại ẩn vào Tử Thai, thế là Thuỷ lại phản sinh Kim vậy. Tiên Thiên trung vận Hậu Thiên, Chân Tinh chi kim, sinh Tinh Nhất chi thủy, mà Tử lại tàng ư mẫu thai, thế là Kim lại sinh thủy vậy.

Kim sinh thủy, là Thuận kỳ sở dục, dụ bị chi hoan tâm, hậu thiên nhi phụng thiên thời vậy. Thủy sinh Kim là nghịch vận kỳ cơ, để làm cho vững Mệnh Bảo, Tiên Thiên nhi Thiên phát vì vậy. Kim thủy hỗ sinh, thuận nghịch dùng cả hai bề. Người và ta đều không bị hại, mà Chân Nhân sinh ra ở giữa vậy. Chân Nhân chính là Thần Minh, cũng còn là Thánh Thai. Nó chính là Tiên Thiên hư vô Chân Nhất chi Khí. Ngưng kết thành Tượng. Chân Nhân đó, chí Thần, chí Diệu, phi sắc, phi không, tức sắc, tức không. Sạ Trầm là Tịch Nhiên bất động; Sạ Phù là Cảm nhi toại thông vậy. Sắc Không bất câu, động tĩnh tự nhiên, chí vô nhưng hàm chí hữu, chí hư nhưng hàm chí thật. Khí Ngũ hành Âm Dương cái gì cũng sẵn có.

Cho nên nói: Thoái nhi phân bố, các thủ cảnh ngưng. Thế là Thánh Thai ngưng kết, có Tượng Chân Nhân. Ngũ nguyên ngũ đức, hỗn nhiên kết thành một Khí. Ngũ vật, ngũ tặc, các thủ kỳ ngưng. Chẳng những không thể hại Đạo, mà còn có thể Trợ Đạo. Thái chi loại bạch là, bắt đầu thì phòng trống sinh bạch, là Thánh Thai ngưng kết. Tạo nhi tắc chu lấy Lửa luyện Kim, thánh thai trở nên kiên cố vậy. Luyện vi biểu vệ là Ngoại đơn thành tựu vậy.

Bạch lý chân cư là Nội Đơn viên minh vậy. Phương viên kính thốn là Ngoại viên nội phương vậy. Trong ngoài một Khí, hỗn nhi tương câu Thần ngưng khí tuĩ, là thần khí hỗn hợp, trong ngoài như một. Thần khí hỗn hợp. Nhất Linh diệu hữu, Pháp giới viên thông, tiên thiên địa sinh. Nguy nguy tôn cao, tạo hoá không câu thúc nổi, vạn vật không thể khuất phục nổi. Nhập vào Chân Không vô ngại, Hồn Nhiên nhất trung chi cảnh.

Cho nên nói: Giống như Bồng Hồ vậy. Tới địa vị này, thì sẽ thấy Viên đà đà, quang chúc chúc, Lương Tri, Lương năng phục kiến bản lai diện mục của con người khi sơ sinh. Nguyên bản đến tay, thì cần phải phòng nguy lự hiểm, cố tế lao phong. Cho nên nói: Bàng hữu viên quyết vậy: hoàn tạp quan bế, tứ thông trì trù là phải đề phòng sao cho ngoại hoạn, ngoại vật không xâm nhập được. Thủ ngự mật cố, Át tuyệt gian tà là muốn trừ nội tặc thì không được có nội niệm vậy. Khúc các tương thông dĩ giới bất ngu, E dè cái mắt không nhìn, Tai nghe không nổi cho nên hải hùng. Càng ẩn áo lại càng hiện rõ, càng siêu vi càng tỏ sáng nhiều, như khúc các tương thông, u minh như nhất. Không có chút tà ý nào để được trong lòng. Như thế mới vô tư.

Nan dĩ sàu lao là hữu dụng. Dụng trung vô dụng, vô công. Trong công thi công, không có sàu lao, cường tác. Chỉ cần vô tư, vô vi, tinh nhất, chấp trung mà thôi. Trên đây là Cảnh giới pháp ngữ, chỉ muốn các học giả, lâm thời phải cẩn thận, không được lười biếng chút nào, để phải cười chê, xấu hổ. Vì thánh thai ngưng kết, thần khí sung túc, Âm cực sang dương. Rất dễ bại vong. Nếu giữ được, thì sau 10 tháng thai sẽ toàn. Đơn sẽ nóng và sẽ xương thịnh. Nếu mất đi, sẽ bị khí tán thần phi trong chốc lát và sẽ tiêu vong. Cho nên thánh nhân sẽ nhiệm hoả đình luân, dùng Đạo Âm Phù, lấy Nhu tể Cương, một động, một tĩnh, một nghỉ một ngưng, đều theo đúng Đạo, bỏ Hữu Vi mà vào Vô Vi, Liễu Mệnh xong rồi Liễu Tính, hạ thủ công phu tại Vị Sinh Thân Xứ vậy. Thế là Hạ Đức thời làm làm không ngưng, từ miễn cưỡng thành tự nhiên. Khi đã vào được tự nhiên chi xứ, thì sẽ cùng với thượng đức giống nhau. Trên đây trước nói về Tu Mệnh, sau nói về Tu Tính. Học giả nên lưu ý.[\[11\]](#)

[\[1\]](#) Đạo Đức Kinh, ch. 38.

[\[2\]](#) Đạo Đức Kinh, ch. 28.

[\[3\]](#) Tính thuộc Dương tính.

[\[4\]](#) Kim Hoa có bản chép: Hoàng Hoa.

[\[5\]](#) Đạo Đức Kinh, ch. 70.

[\[6\]](#) Tương câu có bản chép: Tương phù.

[\[7\]](#) Khúc các có bản chép: Khúc cấp.

[\[8\]](#) Cũng có kẻ thành thơ hành đạo,

Có kẻ theo vì gạo, vì tiền,

Có người thẳng thức mới nên,

Nhưng khi kết quả vẫn in một bài.

Trung Dung Chương 20.

[\[9\]](#) Đạo Đức Kinh, ch. 21.

[\[10\]](#) Đạo Đức Kinh, ch. 28.

[\[11\]](#) Đoạn này không có trong Tham Đồng Khế của Bành Kiếu, mà chỉ thấy trong chương Dưỡng kỷ, thủ mẫu, tr. 123, Chu Dịch Tham đồng Khế, Bí tàng, Tây Bắc Đại Học xuất bản xã.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Trung thiên

中篇

Chương 5

Nội Dĩ

An Tĩnh Hư Vô

Nội dĩ dưỡng kỷ,	內以養己
An tĩnh hư vô,	安靜虛無
Nguyên bản ẩn minh,	原本隱明
Nội vô chiếu khu,	內無照軀
Bế tắc kỳ Đoài,	閉塞其兌
Trúc cố linh chu.	築固靈株
Tam quang lục trầm,	三光陸沉
Ôn dưỡng tử châu.	溫養子株
Thị chi bất kiến,	視之不見
Cận nhi dị cầu. [1]	近而易求
Cần nhi hành chi,	勤而行之
Túc dạ bất hưu.	夙夜不休
Phục thực tam tải,	伏食三載
Khinh cử viễn du,	輕舉遠遊
Khóa hoả bất tiêu,	跨火不焦
Nhập thủy bất nhu,	升水不濡
Năng tồn, năng vong,	能存能亡
Trường lạc vô ưu,	長樂無憂
Đạo thành đức tựu,	道成德就
Tiềm phục sĩ thời,	潛伏俟時
Thái ất nãi triệu,	太乙乃召
Di cư trung châu,	移居中洲

Công mãn thượng thăng, 功 滿 上 昇
 Ứng lục thụ đồ. 膺 錄 受 圖

Tạm dịch:

Nội dĩ Dưỡng kỹ,
 An tĩnh hư vô.
 Bản nguyên trong sáng,
 Tâm trí thu liễm,
 Yên lặng không nói,
 Để nuôi Nguyên Khí,
 Để cố, căn thâm,
 Thu thị, phản thính,
 Thần tức tương y,
 Thần khí tương thủ,
 Đơn sẽ kết thành.
 Nhìn tuy không thấy.
 Gần rất dễ cầu,
 Cần mẫn tu theo,
 Ngày đêm không nghỉ,
 Tiên thiên chân khí,
 Phục thực 3 năm,
 Thân nhẹ xa chơi,
 Gặp lửa không cháy,
 Gặp nước không ướt,
 Hoặc tồn hoặc vong,
 Trường sinh vô ưu,
 Đạo thành, đức tựu,
 Tiềm phục chờ thời.
 Thái Ất sẽ mời,
 Rời tới Trung Châu,
 Công mãn thăng thiên,
 Tên ghi tiên tịch.

Đạo Tu Chân là Tính Mệnh Song Tu. Công phu có 2 đoạn: Ngoại Dược để Tu Mệnh, Nội Dược để Tu Tính. Ngoại dược là ngoại đoạt Tạo Hoá, để phục hồi Tiên Thiên. Nội dược là Nội Bảo Bản Chân, để hoá Hậu Thiên. Tiên Thiên cốt là thoát Ảo Thân. Hậu Thiên cốt là thoát Pháp Thân. Người thế gian không biết Thánh Hiền Lập Ngôn Diệu Nghĩa, nên Ngộ Nhận Ngoại Dược là Lô Hoả, và gọi Nội Dược là Cô Tu. Nào

có biết đâu là Tiên Thiên Chân Dương từ Hư Vô Trung tới, nên thuộc về Bĩ, nên gọi là Ngoại Dương. Tiên Thiên đã tới, sẽ qui căn phục mệnh, cho nên thuộc về Ngã, nên gọi là Nội Dương. Nội Ngoại đã phân, biên giới Tính Mệnh, Tính Mệnh cùng ở một nơi ra nhưng khác tên, gọi là Huyền Diệu. [2] Đầu Tiết đã nói: Trong cốt Dương Kỳ, thế là lý lẽ trong ngoài thật là minh bạch vậy. Thế là hợp với Chương đầu nói: Muốn Dương Tính Diên Mệnh kéo dài ngày chết. Kỳ là Tính vậy. Khi Kim Đơn thành tựu, Mệnh cơ đã vững chãi, thì phải Tu Tính, để thoát Pháp Thân. Tu tính là Luyện Thần hoàn hư, cho nên tiết này nói thẳng ra rằng: Nội dĩ dưỡng Kỳ, an tĩnh Hư Vô. Vả Dương Tính là An thân ư Hư, Tĩnh Tâm ư Vô. Thân Tâm cùng quên, thì sẽ thấy Hình Thần Câu Diệu, Dĩ Đạo hợp Chân.

Nguyên Bản tĩnh minh, Nội chiếu hình khu là thao minh dưỡng hối, doãn chấp quyết trung vậy. Bế tắc kỳ Đoài, trúc cổ linh chu là tích (tiết) khí dưỡng thần, duy tinh duy nhất vậy. Tam quang lục trầm, ôn dưỡng tử chu là Tinh Khí Thần tam bảo tinh hoa, đều thu liễm vào trong, để hộ trì Đơn Nguyên, là không lúc nào lìa xa vậy. Nguyên bản Linh Chu, Tử Chu đều là tên của Thánh Thai.

(Như vậy Thánh Thai là Bản Lai diện Mục của ta.)

Thánh Thai có khí mà không có chất, cho nên nói Thị chi bất kiến. Tuy nhìn chẳng thấy nhưng nó vẫn kề bên, vẫn ở trong lòng chúng ta. Người tuy không biết nhưng riêng ta biết, nó miên miên nhược tồn, vật vong vật trợ. Nhật kiên tịch dịch (suốt ngày lo lắng), ân cần thi hành, qua đêm không nghỉ, 10 tháng đan thành, quần Âm tiêu sạch. Tới giờ sẽ thoát hoá, và có thân ngoại hữu thân. Lại thêm 3 năm bú mớm, đem khí làm mạnh Thần, dùng thời gian mà củng cố hình hài, thì sẽ đi lại tự do, nhẹ nhàng chơi xa, qua lửa không cháy, vào nước không ướt. Tự thì có hình và tồn tại, tán thì hoá khí mà tiêu. Không mắc tai nạn gì. Vui mãi chẳng buồn. Tới địa vị này, thì sẽ Đạo Thành Đức tựu, Thái Ất sẽ mời, di cư xuống Trung Châu, tới những nơi Động Thiên Phúc Địa, cùng Thần Thánh chung hưởng Thiên Lộc. Nếu có xuống trần, sẽ tích lũy công hạnh. Sau khi Tam Thiên công mãn, bát bách hạnh toàn, sẽ được Ngọc Đế sắc chiếu, lên giữ chức nơi Tử Phủ, thế là Đại Trượng Phu thoả chí rồi.

[1] Đoạn này thấy nơi tr. 127 của sách trên.

[2] Đạo Đức Kinh, ch. 1

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Hạ thiên

下篇

Chương 1

Duy Tích

Thất Phản, Cửu Hoàn

Quy Nguyên Phản Bản

79. Duy tích Thánh Hiền,	惟昔聖賢
Hoài Huyền bảo Chân.	懷玄抱真
Phục luyện cửu đỉnh,	伏煉九鼎
Hoá tích ẩn luân.	化跡隱淪
Hàm Tinh dưỡng Thần,	含精養神
Thông đức Tam Quang,	通德三光
Tân dịch thấu lý,	津液腠理
Cân cốt trí kiên.	筋骨緻堅
Chúng tà tịch trừ,	眾邪辟除
Chính khí trường tồn,	正氣長存
Luỹ tích trường cửu,	累積長久
Biến hình nhi tiên,	變形而仙
Ưu mẫn hậu sinh,	憂憫後生
Hiếu Đạo chi luân,	好道之倫
Tuỳ bàng phong thái,	隨旁風采
Chỉ hoạ cổ văn,	指畫古文
Trước vi đồ tịch,	著為圖籍
Khai thị hậu côn,	開示後昆
Lộ kiến chi điều,	露見枝條
Ẩn tàng bản căn,	隱藏本根
Thác hiệu chư danh,	託號諸名

Phúc mậu chúng văn,	覆謬眾文
Học giả đắc chi,	學者得之
Uẩn độc chung thân,	韞積終身
Tử kế phụ nghiệp,	子繼父業
Tôn chủng tổ tiên,	孫踵祖先
Truyền thế mê hoặc,	傳世迷惑
Cánh vô kiến văn,	竟無見聞
Toại sử hoạn giả bất sĩ,	遂使宦者不仕
Nông phu thất vân,	農夫失耘
Thương nhân khí hoá,	商人棄貨
Chí sĩ gia bần,	志士家貧
Ngô thậm thương chi,	吾甚傷之
Định lục thử văn,	定錄此文
Tự ước dị tư,	字約易思
Sự tỉnh bất phồn,	事省不繁
Phi liệt kỳ điều,	披列其條
Hạch thật khả quan,	核實可觀
Phân lạng hữu số,	分兩有數
Nhân nhi tương tuần,	因而相循
Cố vi loạn từ,	故為亂辭
Khổng khiếu kỳ môn,	孔竅其門
Trí giả thẩm tư,	智者審思
Dụng ý tham yên.	用意參焉

Tạm dịch:

Chỉ có thánh hiền,
 Hoài tưởng Thượng Đế,
 Ôm ấp Chân Lý,
 Tu Lý thuộc Tính,
 Tu Khí thuộc Mệnh,
 Phục luyện Cửu Đỉnh,
 Thuần Dương vô Âm,
 Dấu tài, dấu tích,
 Hàm Tinh, dưỡng Thần,
 Phối kết với Trời,
 Thông Đức Tam Quang,

Tân dịch thấu lý,
Gân cốt cương kiên,
Dẹp hết chúng tà,
Chính khí trường tồn,
Luỹ tích lâu lai,
Biến hình thành tiên.
Thương xót hậu sinh,
Sợ người mộ đạo,
Sa vào bàng môn,
Viết lại cổ văn,
Ghi thành kinh tịch,
Khai thị người sau,
Lộ ra ngọn ngành,
Không truyền căn bản,
Người sau không hiểu,
Viết lách cuồng xiên,
Học giả mà được,
Cất giữ mà đọc,
Truyền tử lưu tôn,
Coi như tổ nghiệp.
Còn như mê hoặc,
Lưu truyền dạy đời,
Khiến người từ quan,
Kẻ bỏ cày bừa,
Kẻ ngưng buôn bán.
Gia đình cùng khổ,
Thật đáng thương thay.
Viết ra sách này,
Lời gọn dễ suy,
Không gì phiền toái,
Điều điều nêu rõ,
Quả hạt phân minh,
Phân lạng rạch ròi,
Cứ thế mà theo,
Đâu có sai thác.

Tính mệnh khổng khiếu,

Trí giả xét suy,

Dụng tâm sẽ hiểu.

Đạo Tính Mệnh, khi đã được chân truyền, thì phải cần mẫn thi hành. Người xưa cầm cành tre để xem bóng. Cổ lai thành đạo mỗi đời không ít. Sách Tiên truyện viết: đem cả nhà đi là 800, bay thẳng lên trời là 3000, ngồi yên mà chết, những người đạt thành tựu nhỏ không thể kể hết. Đem cả nhà đi như Hoàng đế, như Hứa Tinh Dương, như Trương Thiên Sư. Bay thẳng lên trời như Chính Dương Ông, như Cát Tiên Ông như Hà Thượng Công, như Thuần Dương Ông. Các thánh hiền trên đều luyện Thất Phản Cửu Hoàn, Kim Dịch Đại Đơn mà thành Đạo. Nếu bỏ đạo này, mà muốn thành Chân chứng Thánh, thì không lẽ nào. Kim đơn chỉ đạo hoài huyền bảo chân, là luyện Cửu Đỉnh chỉ đạo vậy.

Huyền là Thần Diệu Bất Trắc, biến hoá vô đoan. Gọi là khí. Chân là Chí Thiện vô ác, hồn nhiên Nguyên Nhân. Đó là Lý.

Khí thuộc Mệnh, Lý thuộc Tính. Hoài Huyền là cốt để Lập Mệnh. Bảo chân là cốt để Tận Tính. Phục là Phục Khí để Dưỡng Hạo Nhiên Chính Khí. Mệnh là do ta tự tạo. Luyện là luyện kỳ Chân, để thành toàn bản lai Thiên Chân. Tính không thể tối. Cửu là Thuần Dương Vô Âm, là Kim Cương bất hoại trong ta, thế là Phục Luyện Cửu Đỉnh. Không phải là Cửu Đỉnh, Lô Hoả, Phục Thực của đời sau, cũng không phải là Ngự Nữ Khuê Đơn, cái tà thuyết của Cửu Đỉnh. Nếu mà định nói Lô Hoả Khuê Đơn thì sao lại nói Hoài Huyền Bảo Chân.

Xưa có Công An Hoàng Đế luyện Cửu Đỉnh tại Thái Hồ, cười rồng bay lên Trời. Thái Hồ là Khảm Long. Kiền là Dương. Thế là lấy hào Dương trong quẻ Khảm, mà điền vào Hào Âm trong quẻ Ly, để trở lại thuần thể quẻ Kiền, trở thành Thuần Dương vậy. Sao gọi là được Cửu Đỉnh? Đâu phải là Cửu Đỉnh thật? Đó là Đạo Phục Luyện Cửu Đỉnh.[\[1\]](#)

Người Đại Trí như kẻ ngu, người thợ rất giỏi lại như là thợ vụng, Họ dấu tung tích, dấu vẻ sáng, ra vẻ tối tăm, hàm tàng tinh thần, mặc vận thần công, trộm quyền Tạo Hoá, ăn trộm khí Âm Dương. Dịch Kinh viết: Dữ Thiên Địa hợp kỳ Đức, dữ Nhật Nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thời hợp kỳ tự, dữ quỷ thần hợp kỳ cát hung. Chỉ có hợp nhất mới thông đức Tam Quang, mới giữ được cửa Trời, giữ được địa trục trong tâm. Dùng nó bảo tinh, thì tinh được thuần túy, và tân dịch sẽ nhuần thấu lý; dùng nó dưỡng khí thì khí đầy đủ và gân cốt cương kiên. Tà nguy trừ đi là Thoái Âm vậy. Chính khí thường tồn là Tiến Dương vậy.[\[2\]](#)

Tiến Dương Thoái Âm, gia công phục luyện, thì lâu ngày sẽ thấy Âm Tận Dương Thuần. Hình sẽ hoá thành Khí, Khí sẽ hoá thành Thần, Thần sẽ hoá thành Hư. Thân ngoại có thân, và sẽ vũ hoá đẳng tiên.

Thành được Minh rồi lại thành cho vật, lo cho những người hiểu đạo về sau. Họ xu nhập bàng môn, không biết đâu là Chân Đạo. Nên chỉ vẽ cho họ biết cổ văn, chép lại sách vở cho họ, khai mở cho những kẻ hồ đồ mù điếc muôn đời, xây thang bậc cho vạn thế. Nhưng mà nghĩa lý thâm áo, phải cẩn thận lộ dần ra ngành ngọn, gốc rễ. Chỉ e tiết lộ thiên cơ, không dám nói hết. Cho nên nói Ẩn Tàng, mà Ẩn Tàng không phải là không nói, nhưng mà nói bóng nói gió, rồi ngụ ý bên trong vậy.

Người sau không hiểu Diệu Chỉ của người xưa. Không hiểu được Chư Chân danh hiệu, nên viết lách cuồng xiên giải thích bậy bạ, làm sai lạc ý nghĩa cổ văn, đánh lừa người sau, như Âm Phù, Thiên Chân, Hoàng Nhân, như Nam Hoa Kinh, Liệt Ngự Khấu, Ngọc Thanh, Kim Tứ Lục. Đó là những sách mà hậu nhân gán cho người xưa, rồi sao chép, viết lách bậy bạ. Người học đời sau, không biết đâu là Chân Giả, gặp những quyển Ngụy thư đó, ôm ấp học tập suốt đời. Cha truyền cho con, con truyền cho cháu, người

mê truyền cho người mê, người mù dắt người mù, đến nỗi người làm quan không còn muốn làm quan, người nông phu không còn muốn làm cỏ cho lúa, thương nhân chí sĩ đều bỏ phế nghề nghiệp, không ai làm được chuyện gì nên công.

Tiên Ông (Nguy Bá Dương) động lòng từ bi, viết bộ Tham Đồng Khế này. Lời văn dễ dàng nên dễ hội nhập, sự việc trình bày vắn gọn nên dễ thi hành, không gây phiền toái. Trình bày từng điều, và trình bày sự thật. Trong đó những chuyện Hoả Hầu, phân số, Dược Vật cân lường, tất cả đều nói rõ ràng, đầy đủ. Cho ta thấy Thiên căn và biết trọn nghĩa lý. Đủ làm tai mắt ta vậy. Tính Mệnh khổng khiếu, người thông minh sẽ thấy. Cần suy cứu tận tường, lâu ngày sẽ thấy đầu đuôi. Tại sao người sau lại coi nó là quyển Nạp Giáp, lại nhầm nó là sách dạy về Lô Hoả, hay dạy về thuật Ngự Nữ. Thảo nào mà Khổng Tử phải khóc khi thấy con Lân hiện ra, Biện Hoà thấy ngọc phải khóc, dẫu Tiên Ông cũng không làm được gì.

Xem chương Xá Nữ, Hoàng Nha, Bành Kiếu Chu Dịch Tham Đồng Khế, tr. 141.

[1] Như vậy Chân Nhân là Thuần Dương vô Âm, là những người đã Phục Luyện được Cửu Đỉnh.

[2] Vậy Tiến Dương hoả thoái Âm Phù là Dưỡng nuôi Chính Khí đất trời, mà Thoái Âm phù là tiêu trừ tà ngụy.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Hạ thiên

下篇

Chương 2

Hà Thượng

Dùng Đạo Tâm chế ngự Nhân Tâm

72. Hà thượng Xá Nữ,	河上姤女
Linh nhi tối Thần,	靈而最神
Đắc hoả tắc phi,	得火則飛
Bất kiến trần ai,	不見塵埃
Quỷ ẩn long nặc,	鬼隱龍匿
Mạc tri sở tồn,	莫知所存
Tương dục chế chi,	將欲制之
Hoàng Nha vi căn,	黃芽為根
73. Vật vô Âm Dương,	物無陰陽
Vi Thiên bối Nguyên,	違天背元
Tấn kê tự noãn,	牝雞自卵
Kỳ sồ bất toàn.	其雛不全
Phù hà cố hồ?	夫何故乎
Phối hợp vị liên,	配合未連
Tam Ngũ bất giao,	三五不交
Cương Nhu ly phân,	剛柔離分
Thi hoá chi tinh,	施化之精
Thiên địa tự nhiên,	天地自然
Hoả động viêm thượng,	火動炎上
Thủy lưu nhuận hạ,	水流潤下
Phi hữu sư đạo,	非有師導
Sử kỳ nhiên dã.	使其然也

Tư thủy thống chính,	資始統正
Bất khả phục cải.	不可復改
Quan phù thư hùng,	觀夫雌雄
Giao cấu chi thời,	交姁之時
Cương Nhu tương kết,	剛柔相結
Nhi bất khả giải,	而不可解
Đắc kỳ tiết phù,	得其節符
Phi hữu công sảo,	非有工巧
Dĩ chế ngự chi,	以制御之
Nam sinh nhi phục,	男生而伏
Nữ yển kỳ khu,	女偃其軀
Bình hồ bào thai,	秉乎胞胎
Thụ khí nguyên sơ,	受氣元初
Phi đồ sinh thời,	非徒生時
Trước nhi kiến chi,	著而見之
Cập kỳ tử dã,	及其死也
Diệc phục hiệu chi,	亦復效之
Thử phi phụ mẫu,	此非父母
Giáo lệnh kỳ nhiên,	教令其然
Bản tại giao cấu,	本在交姁
Định trí thủy tiên.	定置始先

Tạm dịch:

Xá Nữ, Nhân Tâm,
 Linh nhi tối thần,
 Gặp Lửa sẽ bay,
 Không còn tung tích,
 Như quỷ ẩn hình,
 Như rồng dấu dạng,
 Không hay còn mất,
 Muốn chế ngự nó,
 Phải dùng Hoàng Nha.
 Hoàng Nha, Đạo Tâm,
 Chính là căn bản.
 Vật không Âm Dương,
 Ngược lẽ trời đất,

Gà tự đẻ trứng,
Gà con bất toàn,
Tại sao như vậy.
Âm Dương chưa giao,
Tam ngũ chưa hợp,
Cương nhu còn phân,
Lẽ Trời thi hoá,
Hết sức tự nhiên,
Hoả động bay lên,
Nước chảy xuôi xuống,
Không thầy chỉ dạy,
Rõ lẽ tự nhiên,
Đầu đuôi hữu lý,
Không thể đổi thay,
Nhìn xem trống mái,
Giao cấu với nhau,
Cương nhu tương kết,
Không thể chia lìa,
Có đường, có lối,
Không có chi khéo,
Để chế ngự nó.
Trai sinh thời sắp,
Gái sinh thời ngừa,
Bào thai đã định,
Khi vừa bầm thai.
Dương khí bao nội,
Âm khí hướng ngoại,
Khi người chết đuối,
Nam cũng úp sấp,
Nữ cũng ngừa mặt,
Đâu tại phụ mẫu,
Trời đã định vậy,
Từ khi giao cấu,
An bài trước sau.

Tiết trên nói thánh hiền xưa đều hoài huyền bảo chân, mà thành Đạo. Mà Hoài Huyền Bảo Chân là Cương Nhu tương đáng, là Đạo Âm Dương hỗn hợp vậy. Xá nữ là hào Âm trong quẻ Ly. Tại Nhân là Nhân Tâm chi Linh, biết rằng Nhân Tâm có Thức Thần. Mà Thức Thần thì có Lưu Tánh (trôi chảy) bất định, nó phải dựa vào Linh Thần nên sinh ra vọng. Như là người con gái dâm bôn trên bến sông, cho nên gọi là Hà Thượng Xá Nữ, vì tính của người Xá nữ lưu đãng, vừa thấy ảnh đã sinh tình, cho nên gọi là Linh. Vì nó Linh nên làm nổi sóng gió, cho nên là Thần, vì thế gọi là Thức Thần chiêu chiêu, linh linh. Thức

Thần ưa động không ưa tĩnh. Tâm Hoả vừa khởi lên, thì bay lên trời, như là Quỉ Ẩn, Long Nặc, không ảnh không dấu vết, không biết còn mất ra sao.

Muốn chế ngự nó, phải lấy Hoàng Nha làm gốc rễ. Hoàng Nha là Khảm trung chi Dương. Ở nơi con người là Đạo Tâm, Chân Tri. Mà Chân Tri cũng gồm đủ Chân Tình. Trong Chân Tình thì bao hàm có Chân Ý. Đó chính là Nhất Điểm Sinh Cơ. Có biệt danh là Hoàng Nha. Chân Ý thuộc thổ. Chân thổ vừa hiện, thì Sinh cơ liền hồi phục. Như Hoàng Nha ở trong đất, cứ từ rễ mà nhón lên. Linh Tri có lưu tánh nên thuộc Âm, Chân Ý của Chân Tri thuộc Dương. Dùng Chân Ý chế Lưu Tánh. Trụ Trượng ổn định, Thức Thần không ngóc lên được, nhân tâm không phát sinh được, Linh Tri sẽ qui về Chân Tri. Chẳng những Linh Tri không bay mất, mà còn nuôi được Chân Tri. Hai đấng hợp nhất, Âm Dương tương ứng, sinh cơ sẽ không ngừng vậy,

Dịch kinh viết: Nhất Âm nhất Dương chi vị đạo. Nếu vật không có Âm Dương, thì là ngược với Trời, sai với nguyên tắc. Gà mái tự sinh trứng, thì gà con sẽ không toàn vẹn.

Thế là phối hợp không được lâu lai, ngũ hành không giao nhau, cương nhu phân ly, thế không phải là Thiên Địa Nhất Âm, Nhất Dương, thì hoá tự nhiên chi đạo. Thế mới có thể làm cho vạn vật sinh dục. Ví như lửa bốc lên, nước chảy xuống, nếu không thầy dạy, cho thấy Bản Thủy. Thụ hùng có giao cấu, Cương Nhu có phối kết với nhau, thì mới thấy được rằng tuy là đồng loại, nhưng vẫn có điều sảo diệu. Như con trai sinh ra thời nằm sấp, con gái sinh ra thời nằm ngửa, ngay cả khi chết cũng vậy (?). Không phải là lệnh của cha mẹ, mà là tại giao cấu đã định ra như vậy. Đó đều là do nhị khí Âm Dương cảm ứng. Thế là không làm mà vẫn nên, không xếp mà vẫn có.

Người tu đạo, mà bỏ đạo Âm Dương, thì Cô Âm sẽ không sinh, Cô Dương sẽ không trưởng. Ngược nguyên tắc trời đất, làm cho sinh cơ bị mai một, như vậy làm sao mà bảo mệnh, toàn hình. Cho nên Chân Tri Linh Tri, Âm Dương có tương hợp thì công việc mới chu toàn.

Xem Lưu Châu Kim Hoa chương, Bành Kiếu Chu Dịch Tham Đồng Kế, tr. 131.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Hạ thiên

下篇

Chương 3

Thái Dương

Chế Phục Hỏa Hầu

68. Thái Dương lưu châu,	太 陽 流 珠
Thường dục khứ nhân,	常 欲 去 人
Tốt đắc Kim Hoa,	卒 得 金 華
Chuyển nhi tương nhân,	轉 而 相 因
Hoá vi Bạch Dịch,	化 為 白 液
Ngưng nhi chí kiên,	凝 而 至 堅
Kim Hoa tiên xướng,	金 華 先 唱
Hữu khoảnh chi gian,	有 頃 之 間
Giải hoá vi Thuỷ,	解 化 為 水
Mã xỉ lan can,	馬 齒 蘭 玕
Dương nãi vãng hoà,	陽 乃 往 和
Tính tình tự nhiên,	性 情 自 然
Bách xúc thời Âm,	逼 促 時 陰
Câu súc Cấm Môn,	拘 蓄 禁 門
Từ mẫu dưỡng dục,	慈 母 養 育
Hiếu tử báo ân,	孝 子 報 恩
Nghiêm phụ thi lệnh,	嚴 父 施 令
Giáo sắc tử tôn,	教 敕 子 孫
Ngũ hành thác vương,	五 行 錯 王
Tương cứ dĩ sinh,	相 據 以 生
Hoả tính tiêu Kim,	火 性 銷 金
Kim phạt Mộc vinh,	金 伐 木 榮

Tam Ngũ dữ Nhất,	三五與一
Thiên Địa chí tinh,	天地至精
Khả dĩ khẩu quyết,	可以口訣
Nan dĩ thư truyền,	難以書傳
69. Tí đương hữu chuyển,	子當右轉
Ngọ đương Đông tuyền,	午當東旋
Mão Dậu giới cách,	卯酉界隔
Chủ Khách nhị danh,	主客二名
Long hô ư Hổ,	龍呼於虎
Hổ hấp Long tinh,	虎吸龍精
Lưỡng tương ẩm thực,	兩相飲食
Câu tương tham tiện,	俱相貪便
Toại tương hàm yết,	遂相啣嚙
Chớ tước tương thôn,	咀嚼相吞
Huỳnh Hoặc thủ Tây,	熒惑守西
Thái Bạch kinh thiên,	太白經天
Sát khí sở lâm,	殺氣所臨
Hà hữu bất khuynh,	何有不傾
Ly khuyến thủ thử,	狸犬守鼠
Điều tước úy chiên,	鳥雀畏鷗
Các đắc kỳ công,	各得其功
Hà cảm hữu thanh,	何敢有聲
70. Bất đắc kỳ lý,	不得其理
Nan dĩ vọng ngôn,	難以妄言
Kiệt đàn gia sản,	竭殫家產
Thê tử cơ bần,	妻子飢貧
Tự cổ cập kim,	自古及今
Hảo giả ức nhân,	好者億人
Cật bất hài ngộ,	訖不諧遇
Hi hữu năng thành,	希有能成
Quảng cầu danh dược,	廣求名藥
Dữ Đạo quai thù.	與道乖殊

Tạm dịch:

Thái dương Lưu Châu,
Là chính Chân Hống.

(Chân Hồng chi tính
Phi tẩu bất định,)
Thường muốn xa người
(Thoạt là Ảo chất
Không được kiên cố)
Sau gặp Kim Hoa,
Chuyển hoá tương sinh,
Hoá thành Bạch Dịch,
Ngưng kết chí kiên,
Kim Hoa xướng trước,
Khoảnh khắc sau đó,
Dương sẽ hoạ theo,
Tình tính tự nhiên,
Tan ra thành nước,
Mã xỉ lan can,
Dương sẽ đến hoà,
Tính tình tự nhiên,
Khước trừ tà khí,
Hộ trì chính khí,
Huyền tấn chi môn,
Cần phải giữ gìn.
Tử hộ sinh môn ,
Chính tại nơi đó.
Từ mẫu dưỡng dục,
Hiếu tử báo ân,
Nghiêm phụ thi lệnh,
Truyền dạy tử tôn.
Ngũ hành điên đảo,
Hoả tính tiêu kim,
Kim chặt mộc vượng,
Tam ngũ hợp nhất,
Thiên địa chí tinh,
Chỉ trao khẩu quyết,
Không thể tương truyền.
Tí thời hữu chuyển,

Ngọ đương Đông tuyền,
Mão Dậu cách nhau,
Phân ngôi chủ khách.
Long kêu gọi Hổ,
Hổ hấp Long Tinh,
Hai bên ẩm thực,
Tham luyện lẫn nhau,
Tự nuốt lẫn nhau,
Huỳnh Hoắc thủ tây,
Thái Bạch kinh thiên,
Sát khí đến đâu,
Cái gì không nghiêng
Ly, cầu bắt chượt,
Điều tước sợ cắt,
Đều hợp thường tình,
Làm sao nói được.
Không hay lý lẽ,
Khỏi nói tứ tung.
Khuyh gia bại sản,
Thê tử cơ bần.
Từ xưa tới nay,
Có đến vạn người,
Không gặp duyên may,
Ít kẻ nên công.
Đi tìm danh được,
Đi sai đường Đạo.

Tiết trên nói Xá Nữ đắc Hoàng Nha, mới có thể chế phục, tiết này nói rõ cách chế phục hoả hầu ra sao. Ai cũng có đủ Lưu tính (tính biến thiên) của Linh Tri. Ra vào không kỳ hạn, không biết quê quán nó ở đâu. Nó làm loạn tâm tư của con người, làm hao tổn tinh thần con người, làm thương tổn Tính Mệnh con người. Như Thái Dương lưu châu, không lúc nào ngừng nghỉ. Nhưng tuy không hề ngừng nghỉ, nếu được Kim Hoa của Đạo Tâm để phối hợp thì Linh Tri sẽ bị Chân Tri chế phục, nó sẽ chuyển hoá. Linh tri sẽ trở về Chân Tri, Tính sẽ cầu Tình. Làm cho Tình qui về Tính, sẽ hoá thành Bạch Dịch, hỗn hợp thành Nhất Khí, sẽ ngưng kết lại và trở thành kiên cố vậy. Chân Tri, Linh Tri ngưng kết, Âm Dương sẽ tương hợp, hoà Khí sẽ huân chưng. Kim Hoa của Linh Tri, trong khoảnh khắc, sẽ biến thành nhu, sẽ biến thành Nước của Chân Tri. Thế là hoảng hốt hữu vật, yếu minh hữu tinh, như Mã Xỉ Lan Can vậy. Mã Xỉ là nói nó Kiên Bạch, Lan Can là nói nó ôn nhu. Kim Hoa hoá Thuỷ là như trên nói: Hoá vi Bạch Dịch vậy. Mã xỉ Lan Can

là như trên nói: Ngưng nhi Chí Kiên vậy. Chân Tri, Kim Hoa, khi đã biến thành Chân Nhất chi Thủy, trắng trẻo, kiên cố. Linh Tri là Thái Dương Lưu Châu sẽ biến thành Hư Linh chi hỏa, đến hoà hợp với Chân Tri. Kim Hoa sẽ xướng trước là Chân Tình sẽ không tối vậy, Dương sẽ hoà sau là Chân Tính không mê vậy. Tình không tối, Tính không mê. Lửa không bốc lên, Nước không chảy xuống, Thủy Hỏa tương tế, Tính Tình bình hoà, trở về Bất Thức, Bất Tri, thuận Đế chi tắc, Tự Nhiên chi Vực vậy. Tính Tình tự nhiên, mới ngưng kết thành Chí Kiên. Cũng như nếu trong người mà Âm Khí chưa hoá xong, thì sẽ làm trở ngại cho Đạo, cho nên phải khiến cho Âm Khí trong người tiêu sạch, thì Đại Đạo mới vẹn toàn.

Bách xúc thời Âm là Khước trừ tà khí, thời khắc cẩn thận vậy. Câu súc Cấm Môn là: Hộ trì chính Khí, không bao giờ ngơi. Cấm Môn là Huyền Tẩn chi Môn, là Sinh Môn Tử hộ. Đó là lò Sinh Sát, là khiếu Âm Dương. Sinh ra ta từ đó, làm ta chết cũng từ đó. Kết thai, Thoát Thai cũng từ đó. Giữ được nó thì sống, làm mất nó sẽ chết. Đó là cái cửa khẩu tối ư quan hệ, cho nên gọi là Cấm Môn. Cái cửa đó, mọi người ra vào, mọi người qua lại, nhưng cái mà Bách Tính thường dùng lại không hay biết. Nếu có ai hỏi Cửa ấy hình dáng ra sao, thì ta sẽ nói: Dưới Trời, Trên đất, phía Tây mặt Trời, phía Đông là mặt trăng, ở giữa hình chữ Thập, nơi 4 phương gặp gỡ. Nó rất sáng. Nó là một Khổng Khiếu, trông xa thì nhỏ như lông, trông gần thì to bằng Thế Giới, vạn tượng sâm la, bách bảo đều đủ, có đủ Đất Trời.^[1] Không hiểu có ai biết nó không, nếu có ai biết nó, nó sẽ xua đuổi tà khí. Từ chỗ chết trở về Bản nguyên, nó sẽ giữ được Chính Dương, từ chỗ sinh ra ta trở về Bùn Nguyên. Có thể tùy tâm vận dụng, quay tả quay hữu, y như ý muốn. Vả Đạo Hoàn Nguyên, Phần bản, chỉ là điều hoà tính tình, hỗn hợp Âm Dương mà thôi.

Muốn điều hoà Tính Tình, phải biết lẽ Âm Dương sinh khắc. Kim sinh Thủy. Kim là mẹ Thủy, Thủy là con Kim. Mộc sinh Hỏa, Mộc là Cha của Hỏa, Hỏa là con của Mộc. Kim vốn sinh Thủy, mà Thủy trung cũng sinh được Kim. Thế là Từ Mẫu dưỡng dục, Hiếu Tử báo ân vậy.

Mộc vốn sinh Hỏa, Hỏa sinh cũng có thể thành Mộc. Thế là Nghiêm Phụ thi lệnh, Giáo sắc tử tôn vậy. Kim sinh Thủy, Mộc sinh Hỏa đó là Thuận Sinh. Thủy sinh Kim, Hỏa sinh mộc, đó là Nghịch Sinh. Lại còn Ngũ Hành Thác Vương (điên đảo chủ khách). Đều cứ vào Sinh Đạo, như Hỏa có thể làm chảy Kim, Kim bị Hỏa Khắc, thì sắc có thể sáng láng ra. Kim có thể Phạt Mộc, Mộc bị Kim Khắc, sẽ thành Khí dụng. Được Sinh mà Vinh, có Tam Ngũ. Kim sinh Thủy là Nhất Ngũ, Mộc sinh Hỏa là Nhất Ngũ, Thổ cư trung ương là Nhất ngũ. Nhất là Nhất Khí, Ngũ hành tương sinh tương khắc. Khắc để thành Sinh, Sinh để toàn Khắc. Sinh khắc tùy thời, một khí lưu hành, thủy nhi chung, chung nhi phục thủy, thần hoá bất trắc, ở trong Trời Đất thì là Chí Tinh, Trong Đan Đạo thì là Chí Bảo.

Cái Thiên Cơ thuận nghịch sinh khắc chỉ có thể Khẩu quyết, không thể thư truyền. Không thể thư truyền, vì lẽ thuận nghịch sinh khắc của Trời, còn có Hỏa Hầu, còn có công trình, có trước sau, có nhanh chậm, sai một li là đi một dặm, sách tại sao không truyền hỏa hầu, sao không truyền công phu, vì muốn nói cũng không sao nói hết, muốn luận cũng luận không bao giờ cùng.

Tiên Ông có lòng thương xót mọi người, nên tuy nó là không truyền được bằng sách, cũng vẫn viết sách để truyền lại. Để người đời sau, thấy lời hiểu ý, cầu sư ấn chứng cho. Sách truyền cái gì. Đó là truyền Hỏa Hầu Công Trình vậy.

Tí đứng đầu lục Dương, nên khi Nhất Dương lai Phục, thì gặp Tí và xoay từ Trái sang Phải, cho đến Tị, là hết lục Dương, đó là Tiến Dương Hỏa, là Hành Cương Đạo.

Ngọ đứng đầu lục Âm, đó là nhất Âm lai Cấu chi thời, gặp Ngọ từ Tây chuyển sang Đông, cho đến Hợi. Thế là Lục Âm thuần, thế là vận Âm Phù, là dùng Nhu Đạo.

Mão Dậu là cửa ra vào của Âm Dương. Mão là Mộc tại Đông làm Chủ, chủ sinh khí. Dậu là Kim ở phía Tây, là Khách, chủ Sát Khí. Mộc tính Nhu tượng Long, Kim tính Cương tượng Hổ. Có Sinh có Sát, có Chủ

có Khách. Chủ Khách tương đương, Tính Tình nhất khí. Như Long hô ư Hổ, Hổ hấp long tinh. Lưỡng tương ẩm thực, tham luyện lẫn nhau, hàm yển chớ tước, đan kết tự nhiên. Thí như sao Huỳnh Hoả là Hoả Tinh, phải ở phía Nam, nếu ở phía Tây, thì Hoả sẽ khắc Kim. Thái Bạch là Kim Tinh, phải mọc ban đêm, nếu nhìn thấy ban ngày, thì là Âm sâm kỳ Dương, Như vậy cả hai sao đều bất thường. Nếu mà còn có sát khí, thì sẽ có nhiều khuynh bại. Nếu thêm còn có Ly, Khuyển bắt chuột, thì sẽ bắt được chuột. Chim cất bắt chim di, chim tước, thì ắt được. Cứ xem mấy chuyện đó thì thấy rằng Âm Dương mà thất thời thì sẽ khuynh bại, Âm Dương mà đúng tiêu chuẩn thì sẽ thành công. Những điều trên là do sách truyền lại. Người tu đạo phải lưu ý đến những Tượng sách dùng, nếu không hiểu vi ý của sách.

Đoán nhằm nghĩa lý. Ngộ nhận đó là Ngũ Kim, Bát thạch,[2] cho chúng vào Lò, luyện Diên luyện Hống, khuynh gia bại sản, vợ con cơ hàn. Xưa nay vô số học nhân ý mình thông minh, không cầu chân sư khẩu quyết, cứ đi tìm danh dục, lấy giả làm chân, càng kiếm càng xa, đi sai đường Đạo, cuối cùng không nên công. Thật đáng thương.

[1] Đó chính là Trung Tâm Vũ Trụ.

[2] Ngũ Kim là Kim, Ngân, Đồng, Thiết, Duyện; Bát thạch là Tăng thanh, Không thanh, Thạch Đờm, Tì Sương, Nảo Sa, bạch diêm, Bạch phân, nha tiêu. Sách Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển, trang 1407 giải Bát thạch bằng tám cách khác nhau.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Hạ thiên

下篇

Chương 4

Đơn Sa

Hòa Hợp Ngũ Hành

76. Đơn sa mộc tinh,	丹砂木精
Đắc Kim nãi tính,	得金乃併
Kim thủy hợp xứ,	金水合處
Mộc Hoả vi lữ,	木火為侶
Tứ giả hỗn độn,	四者混沌
Liệt vi Long Hổ,	列為龍虎
Long Dương số cơ,	龍陽數奇
Hổ Âm số ngẫu,	虎陰數偶
Can thanh vi phụ,	肝青為父
Phế bạch vi mẫu,	肺白為母
Thận hắc vi tử,	腎黑為子
Tâm Xích vi Nữ,	心赤為女
Tì hoàng vi tổ,	脾黃為祖
Tí Ngọ hành thủy,	子午行始
Tam vật nhất gia	三物一家
Đô qui Mậu Kỷ.	都歸戊己

Tạm dịch:

Đơn Sa Mộc Tinh,[1]

Hợp với Kim Thủy.[2]

Kim Thủy hợp xứ,

Bốn bên hoà hợp (Kim Thủy, Mộc, hoả),

Chia thành Long Hổ,

Long Dương số lẻ,
 Hồ Âm số chẵn,
 Gan xanh là Cha,
 Phổi trắng là Mẹ,
 Thận đen là Trai,
 Tâm đỏ là Gái,
 Tì vàng là Tổ,
 Tí Ngọ bắt đầu,
 Ba vật một nhà (Kim, Mộc, Thổ),
 Đều qui Mậu Kỷ.

Hai tiết trên nói Xá Nữ Hoàng Nha, Lưu Châu, Kim Hoa, cốt là làm sáng tỏ thế nào là Công Phu điều hoà Âm Dương. Công Phu điều hoà Âm Dương chính là Toàn Thốc Ngũ hành. Cho nên tiết này dạy thế nào là Toàn Thốc Ngũ Hành, đó chẳng qua là biết điều hoà Âm Dương vậy. Chu Sa tượng Hoả. Ở nơi con người là Linh Thần, hay Xá nữ, Lưu Châu. Mộc tính nhu. Ở nơi con người là Linh tri có Nhu Tính. Còn Kim Tính thì cương, trong con người thì là Cương Tinh. Đó chính là Hoàng Nha, Kim Hoa vậy.

Linh Tri chi Thần tính Nhu, thiếu quả quyết. Nên Nhân Thân Thức Thần nhờ cái Linh của nó mà sinh vọng, khiến trong Chân có giả. Nhưng nếu được Chân Tri Kim Cương (Nguyên Thần, tính Trời) chế nó, thì Thức Thần (Tính Người) sẽ không còn hoạt động, và Nhân Tâm sẽ an tĩnh. Linh phản bản Tính (Phục hồi tính trời là phục hồi bản tính mình). Hoả trung lại sinh Mộc. Mộc tính ái kim thuận nghĩa, Kim tình luyến Mộc từ Nhân. Kim Mộc kết hợp.

Linh Tri là Tiên Thiên Linh Khí (Tính Trời). Chân Tri là Tiên Thiên Chính Khí. Cái Linh ấy, cái Chân ấy xưa nay vốn hợp nhất. Trong Linh có Chân, Chân mà chí Linh, thế là Chân Không diệu dụng, vì thế gọi là Nhất Điểm chân linh vậy. Vì tiếp xúc Hậu Thiên, Thức thần làm việc nên Linh kia bị mờ đi, thế là Chân đi vào giả. Hai đằng tương cách. Thế là Khí Tính sinh và Vọng Tinh khởi. Cả người thành thuần Âm. Thức Thần là chủng tử sinh Luân Hồi, là nguồn gốc làm ta bị Tử Sinh. Nếu không trừ nó đi, thì không bao giờ ta nắm được Tính Mệnh chúng ta. Phương pháp trừ diệt, nếu không dùng Chân Tri Chân Tinh thời không xong. Chân Tri Chân Tinh có đủ Tiên Thiên Chân Nhất chi khí. Khí này chí đại, chí cương, có sức thoát trừ quần ma, giết được tam thi. [3]

Chân Tinh khi đã hiện, thì Thức Thần ngày một tiêu. Thức Thần tiêu thì Nhân Tâm hết khởi, Linh Tri không bay mất, và Chân tính sẽ tự hiện. Chân Tính hiện sẽ hợp với Chân Tinh. Thế là kim mộc giao tính. Kim Mộc đã giao nhau, thì trong Kim có Chân Thủy, Ở nơi con người thì là Chân Tinh. Chân Tinh, Chân Tinh hợp thành một nhà, thế là Kim Thủy hợp xứ.

Trong mộc có hoả, nơi người là Nguyên Thần. Nguyên Thần Chân Tính hợp thành một nhà. Thế là Mộc Hoả kết bạn với nhau. Ngoài thì Kim Mộc tương tính, trong thì Thủy Hoả tương tể. Bốn nhà hợp thành nhất Khí. Cũng vẫn là lẽ Nhất Âm, Nhất Dương tương hợp.

Cho nên nói bày ra thành Long Hồ. Long là Mộc, Thuộc Dương, sinh số là 3, là số lẻ. Hồ là Kim, Thuộc Âm, sinh số là 4, là số chẵn. Long Hồ chính là Tính Tinh, noi theo Tượng. Tính Tinh Tinh Thần tuy phân thành Tứ Tượng, nhưng vẫn gồm Tính Tinh, lại bao quát chúng trong 2 chữ Tính Tinh. Kỳ thật khi Tính Tinh đã tương hợp, thì chỉ có một Tiên Thiên Nhất Khí bao quát hết. Một khí hỗn hợp, trong gồm Tứ

Tượng. Tứ Tượng hỗn hợp thành một Khí, đó là Kim Đơn chi đạo, đó là Hậu Thiên Trung phản Tiên Thiên, đó là Toàn Thốc Ngũ hành, hoà hợp tứ tượng, đó là Điều Hoà Âm Dương vậy.

Âm Dương điều hoà là Long Hồ tương hội, thế là Đan Thành. Vì thế gọi là Long Hồ Đại Đơn. Ví dụ ảo thân ta, cũng nhờ Âm Dương Ngũ Hành mà thành.

Gan xanh là Mộc, là Cha, Phế trắng là Kim, là Mẹ, Thận Đen là Thủy, là Con, Tâm đỏ là Hoả là Con Gái, Tỳ vàng là Thổ là Tổ phụ. Bởi vì Hậu Thiên Ảo Thân không có Ngũ Hành không thể thành hình. Tiên Thiên Chân Thân không có Ngũ Hành không thể ngưng kết. Cái điều khác là: Trong vòng Diên Đảo, Thuận, Nghịch. Thuận thời sinh Nhân sinh vật, Nghịch thời thành Thánh Thành Tiên. Sao gọi là Thuận? Can Mộc tàng Hồn, tính phù nhi sinh Hỉ, Tâm Hoả tàng Thần Tính bốc lên (Viêm) mà chủ Lạc, Thận Thủy tàng Tinh, tính Lưu mà sinh Ai, phế Kim tàng Phách tính trầm mà sinh Nộ. Tỳ Thổ tàng Ý, tính Trệ mà sinh Dục, thuộc Hậu Thiên.

Thế nào là Nghịch?

Mộc tính Phù nên làm cho Trầm xuống, Mộc qui ư căn. Hỉ hoá thành Nhân.

Kim tính Trầm nên làm cho nổi lên. Kim trở về Bản Nguyên. Nộ hoá thành Nghĩa.

Thủy tính Hạ nay làm cho lên trên. Thế là Thủy qui Nguyên, Ai hoá thành Trí.

Hoả tính ở trên, nay đem xuống dưới. Hoả phản kỳ Chân, Lạc hoá thành Lễ

Thổ tính trệ nên xử Hoà. Thổ phản thành Dương. Dục hoá vi tín. Thuộc về Tiên Thiên. Đó là Chí Nhân.

Tu cái Tiên Thiên của chúng ta. Hoá cái Hậu Thiên của chúng ta. Nghịch vận kỳ cơ, để đoạt quyền Tạo Hoá.

Chuyển vận chuôi Sinh Sát, chính là Ưc Âm Phù Dương. Dùng Lục, nhưng không bị Lục chi phối, Dùng Cửu mà không bị Cửu chi phối.

Cửu là Dương số, Lục là Âm số. Nhất Dương sinh vu Tí. Nhất Âm sinh vu Ngọ, Tí Ngọ là Đầu Âm Dương. Một Dương sinh, thì là Tiến Dương Hoả, Đó là phạm vi của Thủy, Mộc. Nhất Âm sinh thời vận Âm Phù. Đó là phạm vi của Hoả Kim. Tiến Dương Vận Phù, đều tùy kỳ thời. Trong Trung có Tín. Thổ ở chính giữa. Hỗn hợp Bách Thần. Đưa về Mậu Kỷ. Mậu để Hoà Dương cốt vận ngoại. Kỷ để Hoà Âm cốt dưỡng nội. Mậu Kỷ tương hợp, nội ngoại nhất như. 2 thổ kết thành Đao Khuê.

Thế gọi là Tam Vật Nhất Gia. Kim Đơn Tứ Bách Tự gọi thế là Diên Hống qui Chân Thổ. Thân Tâm yên không Động là gốc ở đây. Vả Kim Thủy là Thân, Mộc Hoả là Tâm, Mậu Kỷ là Ý, thống Tinh Khí Thần tam vật. Luyện Tinh hoá khí, Luyện Khí Hoá Thần, luyện Thần hoàn hư. Đến địa vị này, thân tâm sẽ là một, không lo bị thắm lậu. Nhưng gọi là Thân Tâm ở đây không phải là Ảo Thân, Nhục Tâm, mà chính là Cái Thân Tâm không nhìn thấy được. Cái Thân không thể nhìn thấy, tức chính là Bản Lai nhất điểm Hạo Nhiên Cương chính chi Khí. Cái Tâm không thể nhìn thấy tức là Bản Lai nhất điểm Hư Linh Bất Muội chi Tính. Cái gọi là Ý, Tức là Bất Động bất giao chi Thiên. Đó là Chân Ý, hay Chân Tín.

Người sau không biết người xưa hay dùng chữ bí hiểm, nên coi Thân là cái Thân ảo hoá. Coi Tâm là cái Tâm Thục. Coi Ý là Ý Niệm. Hiểu Tâm Ý như vậy mà vào Tịch Diệt chi học. Nhận ảo thân là cái thân vận chuyển. Ôi coi đó là Đạo thì đó là Tà Đạo, chứ không phải là Chính Đạo. Họ có biết đâu rằng cái học Tiên Thiên, không rơi vào vòng Hình Tượng hữu vô, mà có Tâm Truyền, Khẩu Quyết hẩn hoi, giúp ta trực siêu Bĩ Ngạn, lập tế Thánh Vị vậy.

[1] Mộc là số 3, là Đơn sa, là Ly, là Hống, là Dương.

[2] Kim, trong có Chân Thủy, Kim là số 4, là Hỏa, là số Chấn, là Âm. Âm Dương tương phối thành Đại Đơn.

[3] Còn kêu là Tam Bành, Tam Trùng. Tam Bành là Bành Cư, khiến con người trở nên Tham lam, Bành Chất khiến con người tham tài, hỉ nộ, Bành Kiêu khiến con người thích chưng diện, rượu chè v.v... Xem Trung Hoa đạo giáo đại từ điển, tr. 965.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Hạ thiên

下篇

Chương 5

Cương Nhu

Điều dụng của Âm Dương Hiệp Nhất

77. Cương nhu diệt hưng,	剛柔迭興
Canh lịch phân bố,	更歷分布
Long Tây, Hổ Đông,	龍西虎東
Kiến Vĩ Mão Dậu	建緯卯酉
Hình Đức tịnh hội,	刑德並會
Tương Kiến hoan hỉ,	相見歡喜
Hình chủ phục sát.	刑主伏殺
Đức chủ sinh khởi,	德主生起
Nhị nguyệt du lạc,	二月榆落
Khôi lâm ư Mão	魁臨於卯
Bát nguyệt mạch sinh	八月麥生
Thiên cương cứ Dậu,	天罡據酉
Tí Nam Ngọ Bắc,	子南午北
Hổ vi cương kỷ	互為綱紀
Nhất cửu chi số,	一九之數
Chung nhi phục thủy,	終而復始
Xá Nguyên Hư Nguy	舍元虛危
Bá tinh ư Tí.	播精於子

Tạm dịch:

Cương Nhu đắp đổi,

Thay bậc đổi ngôi,

Long Tây, Hổ Đông (Chỗ này nói ngược lại, vì ta thường nói là Long Đông, Hổ tây)

Mão (Đức), Dậu (Hình) hoà hợp.

Vui vẻ gặp nhau.

(Tiết trên nói về Tính Tình Diên Long, Hống Hổ, Tiết này nói rõ thêm).

Tiết trên nói về công trình Toàn Thốc Ngũ Hành và Âm Dương hợp Nhất (Hợp Nhất Ngũ Hành và Âm Dương). Tiết này nói về Diệu Dụng của Âm Dương hợp nhất. Đạo Kim Đan là Đạo Cương Nhu tương hợp. Trong Cương có Nhu, trong Nhu có Cương. Cương Nhu tùy phen hứng khởi, canh lịch phân bố, tùy thời biến thông vậy. Thế nào là Cương Nhu diệt hừng? Canh lịch phân bố?

Long tính thuộc Mộc là Đức phải ở phía Đông, Mão Dương Vị, nay bố trí ngược lại cho ở phía Tây, Dậu Âm Vị. Thế là Cương thay chỗ mà sang ở Âm Vị. Thế là Dĩ Tính Cầu Tình vậy.

Hổ Tình thuộc Kim là Hình, vốn ở phía Tây Dậu Âm Vị, nay bố trí ngược lại cho sang phía Đông Mão Dương Vị. Thế là Nhu là Nhu canh lịch mà sang thi triển bên phía Cương vậy. Thế là Dĩ Tình qui Tính. Lấy Tính cầu Tình, trong Hình có Đức, Lấy Tình qui Tính, trong Đức có Hình. Trong Hình có Đức, trong Đức có Hình, Hình Đức gặp nhau, Cương nhu hoà hợp, Như đôi vợ chồng tương đắc nên vui vẻ. Nay thử lấy chuyện Thiên Địa tạo hoá mà luận bàn. Tạo là Đức, Hoá là Hình. Hình chủ Sát, để cho Vạn Vật phục tùng. Đức chủ Sinh để Khởi hừng vạn vật. Vạn Vật Sinh thì mới Vinh Vượng, Sát để Thu Liễm. Có Hình có Đức, có Sinh có Sát, Sinh để Sát, Sát để Sinh, Hình nhi Đức, Đức nhi Hình, cho nên Tạo Hóa mới lưu hành bất tức vậy. Nhưng trong hữu Sinh trung có Sát, Sát trung lại có Hữu Sinh chi đạo, như tháng Hai thì cây Du rụng lá. Khô Tinh lúc giờ Thìn thì lâm Mão. Cương Tinh lúc giờ Thìn thì chỉ Dậu. Thế là Sinh trung có Sát vậy. Tháng tám thì Vạn vật đều thu liễm, thì lúa Mạch lại sinh. Cương Tinh giờ Tuất chỉ Dậu, Khô Tinh giờ Tuất lâm Mão. Thế là trong Sát có Sinh. Cương Tinh chỉ đâu là Cát Đó. Thế là có Sinh Khí. Khô tinh lâm đâu là Hung đó. Thế là có Sát Khí. Tháng Hai cây Du rụng lá, tháng 8, lúa Mạch sinh, tất cả đều nói nên lẽ Hình Đức Tinh Hội.

Người tu Đạo biết lẽ Hình Đức tinh hội mới có thể Hạ Thủ. Tí Nam Ngọ Bác hồ vi cương kỉ. Tí thuộc Thủy, ở nơi Người là Nguyên Tinh. Ngọ thuộc Hoả, ở nơi người là Nguyên Thần. Tí tại Nam là Thủy cư Hoả vị, Ngọ tại Bắc là Hoả cư Thủy vị. Thế là Tinh Nhất chi Thủy, đi khắc Nguyên Thần chi Hoả. Thế là Hình, thế là Sát.

Nhưng Thủy thượng Hoả hạ, thế là Thủy Hoả tương tế. Thế là lấy Tinh dưỡng Thần, lấy Thần bảo Tinh. Trong Hình có Đức, trong Đức có Hình. Hình Đức là Âm Dương, làm Cương Kỳ lẫn cho nhau, mà sinh ra Tiên Thiên chân Dương. Dương sinh ư Nhất, mà thành ở Cửu. Dương cực mà Âm tiếp, Âm cực mà Dương sinh. Chung nhi phục thủy. Âm Dương tịnh dụng, Hình Đức tương toàn, không làm thương tổn cho Bĩ, mà làm ích cho Ngã. Bĩ Ngã hợp mà Tinh Tính hợp. Tinh Tính hợp thì Kim Đơn kết. Nhưng cái điều quan trọng nhất là tại Nhất Dương lai phục. Lúc đó là lúc Thiên Địa hợp kỳ đức, và Nhật Nguyệt hợp kỳ minh, cùng Tứ Thời hợp kỳ tự, cùng Quĩ Thần hợp kỳ cát hung. Và lúc đó thì có Tiên Thiên Nguyên Tinh, Nguyên Khí tại đó vậy. Hai sao Hư Ngụy, vị cư ở Tí, là Âm Dương nhị khí giao hợp tại đó.

Đó là chỗ An Thân Lập Mệnh của người Tu Đạo, dễ lắm khó gặp, lúc đó phải dùng cả Hình lẫn Đức. Hình để phòng Âm, Đức để dưỡng Dương. Có Đức, có Hình. Nếu khách khí thừa cơ nhập vào, thì Tiên Thiên bị thương tổn, đại sự sẽ không thành. Tiên Ông chỉ dùng một câu Bá Tinh ư Tí để dạy người, phải biết Hình Đức tịnh dụng. Thiên cơ như vậy là đại lộ vậy.

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ của Ngụy Bá Dương

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6

Tham Đồng Khế Kinh Văn Trục Chỉ

參同契經文直指

Hạ thiên

下篇

Chương 6

Như Thấm

Đại Đạo Luyện Đơn

70. Như thấm tao phùng,	如審遭逢
Quan kỳ đoan tự,	觀其端緒
Dĩ loại tương hướng,	以類相況
Quĩ vật thủy chung,	揆物始終
71. Ngũ hành tương khắc,	五行相克
Cánh vi phụ mẫu,	更為父母
Mẫu hàm tư dịch,	母含滋液
Phụ chủ bình dữ,	父主秉與
Ngưng tinh lưu hình,	凝精流形
Kim thạch bất hủ,	金石不朽
Thấm chuyên bất tiết,	審專不泄
Đắc vi thành đạo,	得為成道
Lập can kiến ảnh,	立竿見影
Hô cốc truyền hưởng,	呼谷傳響
Khởi bất linh tai,	起不靈哉
Thiên Địa chí tượng	天地至象若以野
Nhược dĩ dã cát thập thốn,	葛十寸
Ba đậu nhất lạng	巴豆一兩
Nhập hầu triếp cương,	入喉輒僵
Bất đắc miễn ngưỡng,	不得俛仰
Đương thử chi thời	當此之時
Chu Văn thiệt Thi	周文撰著

Khổng tử chiêm tượng	孔 子 占 象
Biển thước thao châm	扁 鵲 操 針
Vu Hàm khấu cổ	巫 咸 扣 鼓
An năng lệnh tô	安 能 令 甦
Phục khởi trì tẩu.	復 起 馳 走

Tạm dịch:

Như gặp minh sư,
 Tìm ra đầu mối.
 Cứ theo đồng loại,
 Để mà thi công,
 Sẽ rõ đầu đuôi.
 Ngũ hành tương khắc
 Trở thành Cha mẹ.
 Mẹ có Tư dịch,
 Cha chuyên bầm dử,
 Lại chuyên thi bá,
 Ngưng tinh lưu hình,
 Kim thạch bất hủ,
 Chí thành chuyên nhất,
 Có thể thành Đạo.
 Cẩm sào thấy ảnh,
 Hang sâu tiếng vang.
 Chẳng linh là gì?
 Ví dụ Dã Cát,
 Ví dụ Ba Đậu.
 Dã cát 10 thốn,
 Ba đậu 1 lạng,
 Vừa uống là chết,
 Người cứng như cây,
 Dù là Văn Vương,
 Dù là Khổng tử,
 Dù cho Biển Thước,
 Thi châm chữa chạy,
 Dù là Vu Hàm,
 Cũng không cứu nổi.

Làm cho đi lại.

Trên đây nói về luyện Đơn đại Đạo, nội ngoại dược vật, luyện đơn phù hoả. Tinh và rõ vậy. Nhưng sợ học giả. không có phúc phận, không gặp chân sư. Gặp chân sư thật là Tao Phùng khánh hội. Cần phải tìm cho ra đầu mối đại đạo. Khảo về các dược vật đồng loại, biết cách hạ thủ, và biết cách kết cục hoàn toàn hẳn hoi. Có thể thì sau mới có thể tu luyện. Vì một chỗ không biết, thì một chỗ bị mê. Biết không rõ ràng thì thi hành không đến nơi chốn. Cho nên nói sai một ly là đi nghìn dặm.

Ngũ hành tương khắc là Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, thủy khắc Hoả, Hoả khắc Kim vậy.

Còn là Cha Mẹ ra sao? Trong ngũ hành thì Thủy Mộc thuộc Dương, là Cha. Hoả Kim thuộc Âm là Mẹ. Cha chủ Cương, Mẫu chủ Nhu, hàm đủ tân dịch. Phụ chủ Bình hững, là Cương sẽ sinh vật vậy. Một Sinh một Thành. Kim Thủy, Mộc Hoả, là Nhị Ngũ chi tinh, sẽ hết hợp với nhau và ngưng đọng lại, thế là Phẩm Vật thành hình vậy.

Người tu đạo mà hiểu được lẽ Ngũ Hành Sinh Khắc, lẽ Âm Dương hõ vận. Khi đáng Cương thì Cương, khi đáng Nhu thì Nhu. Cương Nhu đều quay về hai chữ Trung Chính. Thánh thai sẽ ngưng kết, không hình sinh có hình 10 tháng khí đủ. Pháp Thân xuất hiện, bất sinh bất diệt, cũng không thối nát y như Kim Thạch.^[1] Nếu thông minh và chuyên cần thì chắc sẽ mau thành Đạo, y như cấm sào thì có bóng, hô trong núi thì có tiếng vang, sự linh nghiệm của nó xảy ra rất mau. Thiên Địa không Âm Dương không sinh được vạn vật, Tính Mệnh Không có Âm Dương không kết thành Đan (Tính Mệnh là Diên Hống). Thiên Địa Tạo Hoá chi Đạo chính là Chí Tượng của đạo Luyện Đan vậy.

Người Mê đời sau này, không nghiên cứu thế nào là Chân Âm Chân Dương. nên đi vào bàng môn tà đạo, đến già cũng không được gì. Nói xàm rằng Tu Đạo là Hư Vọng, Văn của Thánh Hiền là hư văn, như vậy là họ chưa suy nghĩ sâu xa mà thôi. Xem người đời sau thấy cái độc của Dã Cát và Ba Đậu, ăn vào lập tức chết cứng, dẫu Tiên Phật cũng không cứu tỉnh, huống chi Kim Đơn là vật chí bảo của Trời Đất lẽ nào người được Kim Đơn mà lại không được Trường Sinh Vĩnh Thọ hay sao?

Kim Đơn làm cho người Trường Sinh, y như Ba Cát làm cho người chết ngay vậy.^[2] Người nay không chịu suy tư, thật là chí ngu vậy.

Tử Dương (Trương Bá Đoan) nói:

Dục hướng nhân gian lưu bí quyết,

欲向人間留秘訣

Vị phùng nhất cá thị tri âm.

未逢一個是知音

Muốn truyền bí quyết cho trần thế

Chỉ hiềm chưa gặp được đúng tri âm.

Chính là vì ý đó.

^[1] Như vậy thánh thai ngưng kết là khi mới giác ngộ. Pháp thân xuất hiện là biết chắc chắn mình có Căn Trời, Tính Phật, đã có nếp sống Phối Thiên.

^[2] Cho nên Trường Sinh đây là trường sinh về phía Tâm Linh.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Kinh Văn

» Mục Lục | chương 1 2 3 4

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Kinh Văn

參同契直指經文

Đông Hán Ngụy Bá Dương chân nhân bạt

東漢魏伯陽真人跋

Nguyên Lâm Ốc Sơn Nhân Toàn Dương Tử俞琰解

元林屋山人全陽子俞琰解

Chương 1

Cối quốc

Sơ lược về cuộc đời Ngụy Bá Dương

Cối quốc bỉ phu,	鄙國鄙夫
U cốc hủ sinh,	幽谷朽生
Hiệp hoài phác tố	挾懷樸素
Bất lạc quyền vinh,	不樂權榮
Thê trì tị lậu,	棲遲僻陋
Hốt lược lợi danh,	忽略利名
Chấp thủ điền đạm,	執守恬淡
Hi thời an bình,	希時安平
Yến nhiên nhàn cư,	宴然閒居
Nãi soạn tư văn.	乃撰斯文

Tạm dịch:

Ta người Cối Kê,
Con người thô lỗ,
Sống trong hang hốc,
Quý trọng Đạo trời,
Không thích danh vọng,
Đời sống thô sơ,
Điền đạm an bình,
Nhàn cư, vui vẻ,
Viết thành sách này.

Nguy Công sinh thời Đông Hán, tên Bá Dương, hiệu Tử Nha Tử, người Cối Kê Thượng Ngư nhân. Nay nói Cối quốc, là muốn nói che dấu đi. Ông là con nhà thế gia, thế tập trâm anh, nhưng không ra làm quan, tu chân tiềm mặc, dưỡng chí Hư Vô, Rất giỏi văn từ, thông các sách vở. Điềm nhiên thủ tổ, một lòng theo đạo. Không biết Ông đã học đạo với ai mà biết được Đại Đơn chi quyết. Sau lại tóm Kinh Dịch mà soạn sách Tham Đồng Khế ba thiên, lại sợ không nói hết lời nên lại viết Đỉnh Khí Ca, để bổ khuyết cho sách, và nhuận sắc lại sách; lại truyền cho Thanh Châu Từ Cảnh Hưu Tòng Sự 青州徐景休從事. Từ ẩn danh và chú thích quyển đó đến đời Hoàn Đế (155-175) lại truyền thụ cho người đồng quận là Thuần Vu Thúc Thông 淳于叔通. Thế là sách truyền ra thiên hạ. Than ôi! Sách này xiển minh đạo yếu, phát lộ Thiên Cơ, thật là tha thiết, thật là uyên bác. Thế mà Nguy Công còn xưng mình là Bỉ Phu, là Hủ sinh thì thật là khiêm tốn vậy.

» [Mục Lục](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Kinh Văn

» Mục Lục | chương 1 2 3 4

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Kinh Văn

參同契直指經文

Chương 2

Ca Tự

Tham Đồng Khế là do 3 sách hợp lại:

Kinh Dịch, Hoàng Lão, Luyện Đơn

Ca tự Đại Dịch,	歌序大易
Tam Thánh di ngôn,	三聖遺言
Sát kỳ sở thú,	察其所趣
Nhất thể cộng luân,	一體共倫
Vụ tại thuận lý,	務在順理
Tuyên diệu [1] tinh thần,	宣耀精神
Thi [2] hoá lưu thông,	施化流通
Tứ hải hoà bình,	四海和平
Biểu dĩ vi lịch,	表以為歷
Vạn thế khả tuần,	萬世可循
Tự dĩ ngự chính,	序以御政
Hành chi bất phiền,	行之不繁
Dẫn nội dưỡng Tính,	引內養性
Hoàng Lão tự nhiên,	黃老自然
Hàm đức chi hậu,	含德之厚
Qui căn phản nguyên,	歸根返元
Cận tại ngã tâm,	近在我心
Bất ly kỷ thân,	不離己身
Bảo Nhất vô xả,	抱一無舍
Khả dĩ trường tồn,	可以長存
Phối dĩ phục thực,	配以服食
Thư Hùng thiết trần,	雌雄設陳
Đĩnh trừ [3] Vũ Đô,[4]	挺除武都

Bát thạch khí quyên,	八石棄捐
Thẩm dụng thành vật,	審用成物
Thế tục sở trân	世俗所珍
La liệt tam điều,	羅列三條
Chi hành tương liên	枝莖相連
Đồng xuất dị danh	同出異名
Giai do nhất môn.	皆由一門

Tạm dịch:

Y theo Đại Dịch,
 Y lời Tam Thánh (Phục Hi, Văn Vương, Khổng Tử)
 Xét mục đích họ,
 Điều qui một mối.
 Dạy điều thuận lý,
 Đề cao tinh thần,
 Thần Linh biến hoá,
 Đem lại hoà bình,
 Cho khắp bốn bể.
 Làm lịch dạy đời,
 Cho vạn thế giữ.
 Dạy đạo Ngự Chính,
 Thuận lẽ tự nhiên.
 Theo không có khó,
 Trong dạy dưỡng Tính,
 Hoàng Lão tự nhiên,
 Đức hạnh sâu dày,
 Qui căn, phản bản.
 Gần tại lòng ta,
 Không lìa thân ta,
 Thủ Trung bảo Nhất,
 Mới được trường tồn,
 Dạy lễ Phục Thực,
 Thư Hoàng, Hùng hoàng,
 Bát thạch chẳng dùng.
 Đời nay người dùng,
 Cho là chân quý.

Đại Dịch, Hoàng Lão,
Cùng với Luyện Đơn,
Ba điều la liệt.
Đầu đuôi tương hợp,
Tuy phân là ba ,
Kỳ thực là một.

Phục Hi hoạch bát quái, rồi chồng lên nhau thành 64 quẻ, Văn Vương lập ra quẻ, rồi ngấm tượng viết lời, Khổng tử viết Thập Dực để bàn thêm, đều là thuận theo Tính Mệnh, và bao trùm Thiên Địa chi Đạo. Rồi làm ra lịch để mọi người theo, đó là phép tắc vạn thế, lại viết tựa Ngự Chính, để mà theo được dễ dàng, có thể làm khuôn phép cho vua chúa. Dịch Đạo có thể nói là lớn vậy.

Hoàng Đế quan thiên chi đạo, và Chấp Thiên chi hành, Lão tử thì sống hợp với đức, như thể trẻ con. Âm Phù hơn 300 chữ, Đạo Đức hơn 5000 nghìn lời, nói đi nói lại, để phát minh điều vi diệu của Tạo Hoá. Cho nên người sau luyện Đan đều lấy Hoàng Lão làm Tông tổ, cho nên Hoàng Lão là tột đỉnh vậy.

Còn như phép Phục Thực, là được cách Âm Dương phối hợp chi diệu, mà chế phục được Diên Cống. Thế là 2 loại Hùng Hoàng Thụ Hoàng có thể bỏ đi, rồi đến Bát Thạch cũng có thể bỏ. Xem cách dùng của chúng ta có thể đoàn luyện . Nó có thể Vàng có thể Trắng để thành vật trong trời đất (thế là đào luyện thành Kim Ngân) . Thế chẳng phải là cái gì quý báu nhất trong trời đất hay sao? Lô Hoả thật là kỳ dị,

Đại Dịch, Hoàng Lão, Lô Hoả 3 điều đó la liệt phô bày, tương liên như thể một cây, tuy là Ba nhưng thực là Một. Cho nên gọi là Tam Tướng Loại.

[1] Tuyên Diệu = Tuyên thị.

[2] Thi hoá hay Thần Hoá = Thần Linh biến hoá.

[3] Đỉnh trừ = tiêu trừ.

[4] Vũ Đô= Địa danh, nơi sản xuất thượng đẳng Hùng hoàng.

» [Mục Lục](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Kinh Văn

» Mục Lục | chương 1 2 3 4

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Kinh Văn

參同契直指經文

Chương 3

Phi Đồ

Văn chương Tham Đồng Khế

Phi đồ luy cú	非徒累句
Hài ngẫu tư văn.	諧偶斯文
Đãi hữu kỳ Chân	殆有其真
Lịch các khả quan	礫硤可觀
Sử dư phu nguy	使予敷偽
Khước bị chuế khiên,	卻被贅愆
Mệnh Tham Đồng Khế	命參同契
Vi lãm kỳ đoan,	微覽其端
Từ quả ý đại	辭寡意大
Hậu tự nghi tuân.	後嗣宜遵

Tạm dịch:

Không phải tầm thường,
Lời văn rất hay,
Trong là chân lý,
Rất là minh bạch,
Không phải nói bừa.
Gọi Tham Đồng Khế,
Xem kỹ đầu đuôi,
Lời ít, ý nhiều,
Hậu tự nên tin.

Nguy Công viết Đỉnh Khí Ca sau khi viết xong ba thiên. Văn chương rất hay. Dạy điều chí chân, chứ không nói điều sai quấy, để đánh lừa người khác. Những người biết đạo không bao giờ làm vậy, chứ đừng nói là Nguy Công. Vả gương trời lồng lộng, họa phúc không xa, thì việc chi phải nói sai quấy đánh lừa hậu

thế, như vậy sẽ bị tội với Trời. Đỉnh Khí Ca cốt để sửa lỗi lầm, cốt là để nhuận sắc Tham Đồng Khế, lời văn ba chữ một, tưởng chừng đơn giản, nhưng ý nghĩa thật là bao la, hàm súc, gồm thâu mọi chuyện, thật là thần nhiên minh bạch, có thể theo đó mà thi hành. Người sau nếu không tin theo, thì không biết nói sao.

» [Mục Lục](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Kinh Văn

» Mục Lục | chương 1 2 3 4

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Kinh Văn

參同契直指經文

Chương 4

Ủy Thời

Ngụy Bá Dương xưng danh theo lối chơi chữ

Ủy thời khứ hại,	委時去害
Y thác Khâu Sơn,	依託邱山
Tuần du liêu khuếch,	循遊廖廓
Dữ quỉ vi lân.	與鬼為鄰
Hoá hình vi tiên,	化形為仙
Luân tịch vô thanh,	淪寂無聲
Bách thế nhi hạ,	百世而下
Ngao du nhân gian,	遨遊人間
Phu trần vũ cách,	敷陳羽翮
Đông Tây Nam khuynh.	東西南傾
Thang tao ách tế,	湯遭阨際
Thủy hạn cách tính,	水旱隔并
Kha diệp uỷ hoàng,	柯葉萎黃
Thất kỳ hoa vinh,	失其華榮
Các tương thừa phụ,	各相乘負
An ổn trường sinh.	安穩長生

Tạm dịch:

Ủy thời khứ hại,
Đứng bên chữ **Quỉ**
Hoá hình thành tiên,
Bách thế **nhất** hạ,
Đứng cạnh chữ **Nhân**.
Thang tao **Ách** tế,
Thủy hạn cách tính,

Cây cỏ tiêu điều.

Chân nhân chí sĩ

Sẽ thoát sinh diệt,

Và sẽ trường sinh.

Trên đây là tên của Nguy Bá Dương viết theo lối Ẩn Ngữ. Ủy 委 và Quỷ 鬼 đứng bên nhau là chữ Nguy 魏. Trong chữ Bách 百, ở dưới chữ Nhất là chữ Bạch 白. Chữ Nhân 亻 và chữ Bạch 白 bên nhau là chữ Bá 伯. Thang 湯 (nước sông) gặp hạn hán không có nước (Chữ Thang mất 3 chấm Thủy 氵) là chữ Dịch 易. Chữ Ách 阝 bỏ chữ Ách 阝 bên cạnh đi thì còn bộ Phụ 阝. Bộ Phụ 阝 và chữ Dịch 易 ở trên kết bên nhau thì thành chữ Dương 陽. Nguy công dụng ý thật là kín đáo.

Đời Nguyên Phong (1078-1086) Tống Thần Tông, Lữ Cát Phủ thủ Đôn Châu, Lữ Động Tân đến Thiên Khánh Quan, lấy bút viết một bài:

Dã nhân bản thị Thiên Thai khách,

野人本是天台客

Thạch Kiều Nam bạn hữu trú trạch.

石橋南岸有住宅

Phụ tử sinh lai chỉ lưỡng khẩu,

父子生來只兩口

Đa hiếu ca nhi bất hiếu phách,

多好歌而不好拍

Con rể Lữ Thủ, là Dư Trung giải:

Thiên Thai Khách là Tân 賓.

Thạch Kiều là Động 洞.

Lưỡng khẩu là Lữ 呂.

Ca nhi bất phách là Ngâm Thi 吟詩.

là Ngâm bài thơ này.

Thế là Lữ Động Tân vậy.

Mới hay cổ Tiên lập ngôn với đời, chỉ mong phát minh đạo mình, để tiếp dẫn người sau, chứ không phải để khoe tên tuổi.

» [Mục Lục](#) | [chương 1](#) [2](#) [3](#) [4](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Đông Hán Cảnh Hưu Từ Chân Nhân soạn

東漢景休徐真人撰

Thê Vân Sơn, Ngô Nguyên Tử, Lưu Nhất Minh giải

棲雲山悟元子劉一明解

Môn Nhân Xung Hoà Trương Dương Toàn hiệu duyệt

門人沖和張陽全校閱

Hậu học Tiêu Nam Phổ trùng khan

後學蕭南浦重刊

Thượng thiên

上篇

Chương 1

Kiên Khôn

Kiên Khôn là cửa Dịch, là Lô Đỉnh của đạo Kim Đan

1. Càn Khôn giả	乾坤者
Dịch chi môn hộ	易之門戶
Chúng quái chi phụ mẫu,	眾卦之父母
Khảm Ly khuông quách	坎離匡郭
Vận cốt chính trục	運轂正軸
2. Tồn mẫu tứ quái	牝牡四卦
Dĩ vi thác thược	以為橐籥
Phúc mạo Âm Dương chi đạo	覆冒陰陽之道
Do công ngự giả	猶工御者
Chuẩn thẳng mặc	準繩墨
Chấp hàm bí	執銜轡
Chính qui củ	正規矩
Tuỳ quỹ triệt	隨軌轍
Xử trung dĩ chế ngoại	處中以制外

Số tại luật lịch kỷ.

數在律歷紀

Tạm dịch:

1. Kiền Khôn là cửa Dịch,
 Là cha mẹ các quẻ,
 Lại bao quát Khảm Ly,
 Xoay vần như trục xe.

2. Bốn quẻ Âm và Dương,
 Như túi thông Thác Thước,
 Thống nhiếp đạo Âm Dương,
 Y như người thợ khéo,
 Có thẳng, mặc, qui, củ,
 Như người lái cầm cương,
 Đưa xe vào quỹ triệt.
 Ngồi trong điều khiển ngoài
 Số tại luật lịch kỷ.

Đạo Kim Đơn, chính là Đạo Dịch. Dịch Đạo lấy Kiền Khôn làm phụ mẫu. Đan đạo lấy Kiền Khôn làm Lô Đỉnh. Có cha mẹ sau mới có Nam Nữ. Có Nam Nữ thì Âm Dương mới giao cảm, thì Tạo Hoá ở trong đó. Sinh Sinh không cùng. Có Lô Đỉnh sau mới hái được vật. Có được vật thì Thuỷ Hoả mới phanh tiễn (Đun nấu), thay cũ, đổi mới. Tham Đồng lấy Càn Khôn Khảm Ly bốn quẻ làm cương lĩnh. Cho nên nói Càn Khôn là cửa ngõ của Dịch, là cha mẹ các quẻ khác. Chu Dịch coi Càn Khôn là đầu 64 quẻ, cho nên là cửa ngõ của Dịch. 64 quẻ có 384 hào. Nếu là Dương hào thì thuộc Kiền, nếu là Âm Hào thì thuộc Khôn. Âm Dương giao thác nhau tuy phân 64 quẻ, 384 hào, chung qui vẫn là 2 quẻ Kiền và Khôn. Tham Đồng Khế chú giải như vậy.

Kiền Cương Khôn nhu, phối hợp tương bao, Dương bấm (phủ bấm) Âm thụ, đực cái cần nhau, cần nhau để tinh khí đôi bên thư sướng. Nghĩa đoạn này là Tinh Khí có thư sướng thì tạo hoá mới hành. 64 quẻ ở ngay trong đó. Khảm Ky là Kế Thể của Kiền Khôn. Trong có tàng chứa khí Kiền Khôn Âm Dương trung chính. Thay mặt Kiền Khôn mà hành Tạo Hoá. Là Khuông khuếch của 64 quẻ. Khương là Chu Vi, khuếch là Không Đại Bao Khuếch.

Chu vi, không đại, vạn vật đều nằm trong phạm vi. Đó là lời chú của Tham Đồng Khế. Khảm Ly quán thủ (đứng đầu), chiếu diệu quang huy, huyền minh nan trắc, không thể vẽ thành hình. Nghĩa của đoạn Vận cốt chính trực là :

Trục là Xa trục, Cốc là luân cốc.(trục là Trục xe, Cốc là Bàu xe, Luân là Bánh Xe). Trục để tải xe chủ Tĩnh. Cốc làm cho xe chạy chủ Động. Dịch coi Kiền Khôn là Thể, như là Xa trục. Coi Khảm Ly là Dụng, như là Cốc Luân vậy (Bầu Xe, Bánh Xe). Vận Cốc, Chính Trục, Thể không lìa Dụng, Dụng không lìa thể vậy.

Tấn (cái) Mẫu (đực) tứ quái, tức là 4 quẻ Kiền Khôn Khảm Ly. Kiền Mẫu, Khôn Tấn, Khảm Mẫu, Ly Tấn vậy.

Thác Thước: Thác thì không có đáy, hai đầu thì mở. Đó là Vật thuộc Âm là Tấn, Thước thì có đáy, chỉ mở một đầu. Vật thuộc Dương là Mẩu. Thác để bao vật, Thước để thông khí. Kiền Khôn Khảm Ly 4 quẻ. Tấn tượng Âm mà thành vật, Mẩu tượng Dương mà sinh vật. Phúc mạo Âm Dương, như Thước để bao vật, Thác để thông khí. Phúc Mạo là Thống Nhiếp.

Vì Dịch lấy Kiền Khôn làm thể, Khảm Ly làm Dụng, thể là có toàn công thống nhiếp Âm Dương Tạo Hóa. Khi đã có 4 quẻ Kiền Khôn, Khảm, Ly, thì y như là có công nhân lập ra chuẩn thẳng, qui củ, và y như có người lái xe cầm cương cho xe đi đúng vào quỹ triệt, ở bên trong mà chế ngự bên ngoài. Thì 60 quẻ còn lại cũng ở trong phạm vi động tĩnh của 4 quẻ. Như luật lịch làm thứ tự cho cương kỷ. Tự nhiên nhi nhiên vậy. Tham đồng chú như vậy, 4 quẻ hỗn độn, kính nhập hư vô, 60 quẻ quay quanh, phân chia như bánh xe (tứ quái hỗn độn, kính nhập Hư Vô, lục thập quái chu, trương bố vi dư). Đó là nghĩa toàn đoạn này.

Người tu Đạo, nếu có thể lấy Cương Nhu làm thể, lấy Trung Chính làm Dụng. Ở trong mà chế ngự bên ngoài. Hóa tài suy hành, biến thông mặc sức.

Như vậy là trong ta đã có sẵn một bộ Kinh Dịch, mà 64 quẻ cũng ở ngay trong lòng ta. Và Thác Thước Âm Dương chi đạo, hợp đức cùng thiên địa, hợp sáng với Nhật Nguyệt, hợp thứ tự với 4 mùa, theo đúng lễ cát hung của quỷ thần, thì làm sao mà Đại Đan không kết, mà Đại Đạo không thành.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Thượng thiên

上篇

Chương 2

Nguyệt tiết

Khảm Ly là kỷ độ của Động Tĩnh, là Được Vật

Nguyệt tiết hữu lục ngũ	月節有六五
Kinh vĩ phụng nhật sử	經緯奉日使
Kiên tính vi lục thập	兼并為六十
Cương nhu hữu biểu lý	剛柔有表裡
3. Sóc đán Truân trực sự	朔旦屯直事
Chí mộ Mông đương thụ	至暮蒙當受
Trú dạ các nhất quái	晝夜各一卦
Dụng chi y thứ tự.	用之依次序
4. Ký Vị chí hối sảng	既未至晦爽
Chung tắc phục cánh thủy	終則復更始
Nhật nguyệt vi kỳ độ	日月為期度
Động tĩnh hữu tảo vãn	動靜有早晚
5. Xuân hạ cứ nội thể	春夏據內體
Tòng Tí dĩ Thìn Tị	從子到辰巳
Thu đông đương ngoại dụng	秋冬當外用
Tự Ngọ cật Tuất Hợi	自午訖戌亥
6. Thường phạt ứng Xuân Thu	賞罰應春秋
Hôn minh thuận hàn thử	昏明順寒暑
Hào từ hữu Nhân Nghĩa,	爻辭有仁義
Tùy thời phát hỉ nộ,	隨時發喜怒
Như thị ứng tứ thời	如是應四時
Ngũ Hành đắc kỳ lý.	五行得其理

Tạm dịch:

2. Một tháng là ba mươi ($5 \times 6 = 30$ ngày)

Ngày, đêm là 2 quẻ,

Tổng cộng là 60.

Cương nhu có trong ngoài,

3. Sóc đán (sáng mồng 1) là quẻ Truân,

Chiều đến là quẻ Mông

Ngày đêm là 2 quẻ,

Dùng theo y thứ tự.

4. Ký, Vị sáng 30,

Hết rồi lại bắt đầu.

Tới lui có thứ tự,

Âm Dương có sáng chiều.

5. Xuân Hạ là nội thể,

Từ Tí đến Thìn Tị,

Thu Đông sẽ ngoại dụng

Từ Ngọ đến Tuất Hợi

6. Thường phạt theo Xuân, Thu,

Sáng tối hợp nóng lạnh.

Hào từ có Nhân Nghĩa,

Hỉ Nộ đúng theo thời.

Cứ vậy theo bốn mùa,

Ngũ hành sẽ hợp lý.

Trên đây nói Kiền Khôn Khảm Ly, phúc mạo Âm Dương chi đạo. Số nó ở trong Luật Lịch Kỷ.

Luật thì ứng vào Một tháng Kỷ ứng vào một Năm. Một năm có 360 ngày, hành quái là 360 hào. Còn dư 24 hào thì thuộc 4 quẻ. Thế là hết mọi hào. Cứ vậy hết vòng lại bắt đầu.

Một tháng có 5×6 là 30 ngày, kinh vĩ quái tượng, theo ngày vận hành. Mỗi ngày 2 quẻ, vậy 30 ngày là 60 quẻ. Còn dư 4 quẻ là Kiền Khôn Khảm Ly vậy.

Kiền Khôn Khảm Ly cốt để vận động 60 quẻ, nó không thuộc về Quái Khí. Mỗi tháng thì 15 ngày đầu là Dương, là Cương, 15 ngày sau là Âm, là Nhu. Dương sinh ra trước thì ở trong (Lý), Âm sinh ra sau thì ở ngoài (Biểu). Thế là 60 quẻ thống 30 ngày, 3 Âm 3 Dương làm Biểu Lý cho nhau. Một ngày có sáng có đêm. Sáng đêm 2 quẻ. Mỗi tháng bắt đầu Hành Quẻ vào ngày Sóc (mồng 1) buổi sáng. Ngày là Truân quái trực sự, chiều là Mông quái trực sự. Ngày đêm là 12 hào, 1 giờ 1 hào. 24 giờ là 24 hào, cứ thế mà đi, 30 ngày cộng là 360 hào, bắt đầu là Truân Mông. Kết thúc là Ký Tế, Vị Tế. Chung lại phục Thủy. Tham Đồng chú vậy. Truân là Tí Thân, Mông là Dần Tuất. Thế là mỗi quẻ trong 60 quẻ đều có quẻ của nó. Thế là nghĩa của đoạn trên.

Bạc chí nhân, mặt thông tạo hóa, ám hợp Âm Dương, lấy nhật nguyệt làm kỷ độ, đáng động thì động, đáng tĩnh thì tĩnh, không sai thời khắc, một ngày có Sáng Tối, đáng tiến Dương thì tiến Dương, như Xuân Hạ cứ nội thể, Từ Tí tới Thìn Tị hành lục dương chi quái. Thời đáng dụng Âm thì Dụng Âm, như Thu Đông phải Ngoại Vận, từ Ngọ đến Tuất Hợi, vận Lục Âm chi quái. Đáng thường thì thường, lấy Xuân làm sinh khí. Đáng phạt thì phạt lấy Thu làm sát khí. Đáng tối thì tối. Thu liễm Dương Khí để ứng Hàn. Đanùg sáng thì sáng chấn phát Dương Khí để ứng Thử. Nhất Thường Nhất Phạt, ứng Xuân Thu chi khí. Thế là Hình Đức đều đáng, Thường phạt phân minh. Hoặc tối hoặc sáng, thuận theo tiết trời Nóng Lạnh. Thế là Tối Sáng có thời, tiến thoái đúng điệu. Một Hỉ một Nộ, bắt chước hào Nhân Nghĩa, thế là Hỉ Nộ được thường, sinh sát hữu đạo. Thế là Tứ Thời ứng và ngũ hành thuận, và đan đạo cũng xong. Và Đơn Đạo cốt điều hòa tứ tượng, toàn thốc Ngũ Hành. Tứ Tượng hòa, Ngũ Hành toàn, Đan Đầu đã được, thêm một bước nữa, là có hi vọng đi vào Đại Đạo.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Thượng thiên

上篇

Chương 3

Thiên địa

Tượng Kiền Khôn

7. Thiên địa thiết vị	天地設位
Nhi Dịch hành hồ kỳ Trung hĩ	而易行乎其中矣
Thiên Địa giả	天地者
Kiền Khôn chi tượng dã	乾坤之象也
Thiết vị giả	設位者
Liệt Âm Dương phối hợp chi vị dã	列陰陽配合之位也
Dịch vị Khảm Ly	易謂坎離
Khảm Ly giả	坎離者
Càn Khôn nhị dụng	乾坤二用
Nhị dụng vô hào vị	二用無爻位
Chu lưu hành lục hư	周流行六虛
Vãng lai ký bất định	往來既不定
Thượng hạ diệc vô thường.	上下亦無常

Tạm dịch:

7. Kiền Khôn vừa thiết vị,
Dịch lý chuyển bên trong.
Thiên Địa tượng Kiền Khôn
Thiết vị: Âm Dương phối,
Khảm Ly dụng Kiền Khôn
Khảm Ly không hào vị
Chu lưu khắp Lục Hư,
Vãng lai không định trước,

Thượng hạ cũng vô thường.

Thiên Địa là pháp tượng của Kiền Khôn. Kiền Khôn là Thiên Địa chi Tính Tình, Thái Ất định vị bằng cách cho Kiền trên Khôn dưới. Thế là Thiên ở trên, Địa ở dưới. Một Âm một Dương phối hợp Tạo Hóa ở trong. Còn Đạo Dịch sẽ đi ở trong Trời Đất.

Dịch là do hai chữ Nhật Nguyệt mà thành. Ý rằng Mặt trời, mặt trăng trên dưới vắng lai mà thành. Nguyệt là Tượng quẻ Khảm. Nhật là Tượng quẻ Ly. Khảm trong đặc, tượng rằng Trong nguyệt có Thổ. Ly trung Hư tượng rằng trong Nhật có Quạ. Khảm Ly là kế thể của Kiền Khôn. Kiền Khôn tương giao, một hào quẻ Kiền lọt vào lòng quẻ Khôn, Quẻ Khôn trở thành Thực và thành Khảm. 1 Hào quẻ Khôn lọt vào lòng quẻ Kiền. Kiền Hư thành Ly. Ly là Kế Thể của Kiền. Khảm là Kế Thể quẻ Khôn. Một Âm trong quẻ Ly, là 1 Âm Trung Chính của quẻ Khôn. 1 Dương trung chính của quẻ Kiền. Khảm Ly gồm đủ đức Trung Chính của Kiền Khôn, chúng sẽ thay Kiền Khôn mà hành xử.

Chúng tượng trưng cho cái Vô Vi của Trời Đất. Nhật Nguyệt biến động là Khảm Ly vậy. Chúng là cái Dụng của Kiền Khôn. Khảm Ly thủ tượng là Nhật Nguyệt. Thế là Khảm Ly của Dịch là Nhật Nguyệt vậy. Nguyệt phách của Khảm có đầy vơi. Một tháng là một vòng trời. Nhật Hồn của Ly thì đi về Nam Bắc. Một năm là một vòng trời. Cái dụng của Khảm Ly không có vị trí nhất định. Chu lưu ở Đông Tây Nam Bắc, ở nơi thượng hạ Lục Hư không khuếch. Một vắng một lai, đã không định vị thì một trên, một dưới cũng không có phép Thường.

Chu Dịch lấy Kiền Khôn làm đầu, lấy Khảm Ly làm Trung, Ký Tế Vị Tế làm cuối. nó nói lên rằng Thiên Địa Tạo Hóa đều được Nhật Nguyệt vắng lai thượng hạ vận dụng mà nên. Tham Đồng kế chú như vậy. Thế là Dịch biến hóa khắp nơi, khuấy thân phản phúc, u tiềm luân nặc, biến hóa bên trong, bao quát vạn vật, làm kỷ cương cho đạo. Đó là nghĩa lý đoạn này.

Người tu đạo, nếu hiểu nghĩa lý đoạn này, sẽ lấy Kiền Khôn làm Lô Đỉnh. lấy Khảm Ly làm dụng vật, một cương một nhu đều qui Trung Chính, như vậy Thiên Quan sẽ ở trong tay ta, địa trục sẽ ở trong lòng ta. Tùy ý động tĩnh, có thể động trong tĩnh, có thể tĩnh trong động, động tĩnh vô ngại, hồn nhiên thiên lý, nhất khí lưu hành mà thôi.

10. (Bản của Lưu Nhất Minh không có các đoạn 8, 9 như bản của Bành Hiếu).

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Thượng thiên

上篇

Chương 4

Dịch giả

Khảm Ly là Biến Dịch

Dịch giả tượng dã	易者象也
Huyền tượng trứ minh,	懸象著明
Mạc đại hồ nhật nguyệt	莫大乎日月
Nhật hợp ngũ hành tinh,	日合五行精
Nguyệt thụ lục luật kỷ	月受六律紀
Ngũ lục tam thập độ,	五六三十度
Độ cánh phục, cánh thủy	度竟復更始
Cùng thần dĩ tri hóa,	窮神以知化
Dương vãng tắc Âm lai	陽往則陰來
Phúc thẩu nhi luân chuyển.	輻湊而輪轉
Xuất nhập cánh quyển thư	出入更卷舒
Dịch hữu tam bách bát thập tứ hào	易有三百八十四爻
Cử hào thích phù	據爻摘符
Phù vị lục thập tứ quái	符謂六十四卦
Hối chí sóc đán	晦至朔旦
Chấn lai thụ phù	震來受符
Đương tư chi tế	當斯之際
Thiên Địa cấu kỳ tinh	天地構其精
Nhật nguyệt tương đảm trì	日月相譚持
Hùng Dương bá huyền thi	雄陽播玄施
Thư Âm hoá hoàng bao	雌陰化黃包
Hỗn độn tương giao tiếp	混沌相交接

Quyền dư thụ căn cơ	權 輿 樹 根 基
Kinh doanh dưỡng ngân ngạc	經 營 養 鄴 鄂
Ngưng thần dĩ thành khu	凝 神 以 成 軀
Chúng phù đạo dĩ xuất	眾 夫 蹈 以 出
Nhuyễn động mạc bất do.	蠕 動 莫 不 由

Tạm dịch:

10. Biến Dịch chính là Tượng,
 Tượng treo thật sáng láng,
 Không chi bằng Nhật Nguyệt
 Nhật Nguyệt là Âm Dương,
 Nhật là ngũ hành tinh,
 Nguyệt theo đúng Lục Luật,
 Cứ hết Ba Mươi độ
 Rồi lại vòng trở lại,
 Biết Thần, biết biến hoá,
 Dương vắng Âm sẽ lai,
 THẦN: Nhật Nguyệt hợp Nhất,
 HOÁ: là chính Vãng Lai,
 Chuyển vận tựa bánh xe,
 Xuất Nhập với Quyển Thư,
 Dịch 384 hào,
 Mỗi Hào là ba Phù,
 30 tới sáng mồng một,
 Chấn lai để thụ phù,
 Trời đất liền cấu tinh,
 Nhật nguyệt hợp phách hồn,
 Hùng là Dương là Huyền,
 Thư là Âm là Hoàng,
 Hỗn độn giao tiếp nhau,
 Làm cân lạng, quyền dư,
 Lập căn cơ muôn vật
 Thần ngưng sinh hình hài,
 Tất cả theo đường đó,
 Côn trùng sinh do Đạo.

Trên đây, nói về công dụng của 2 quẻ Khảm Ly. Chúng đi khắp 4 phương trời thì hành biến dịch. Vì Dịch chính là tượng trưng cho Âm Dương Tạo Hóa. Hệ Từ viết: huyền tượng trử minh không gì bằng mặt trăng, mặt trời. Nhật Nguyệt trong trời đất là 2 đại tượng rõ ràng và dễ thấy vậy. Dù là phàm phu, tục tử cũng biết là mặt trăng, mặt trời đi lại, đầy vơi, tiêu trường. Nhưng mà chỗ cùng cực của chúng thì dấu thánh hiền thiên tư đầy đủ, nếu không có thầy chỉ dạy, thì cũng không biết nổi. Cái mà thánh hiền không biết là cái cơ vi của mặt trăng, mặt trời đi lại, đầy vơi, tiêu trường, u thâm tiềm ám, thần hoá bất trắc.

Mặt trời 1 năm đi 1 vòng trời, phân thành 4 mùa, Xuân, Hạ, Thu, Đông, ứng tứ khí Mộc Hoả, Kim Thuỷ. Mỗi mùa Thổ vượng 18 ngày, hoà hợp tứ tượng. Tứ quý, Ôn, Nhiệt, Lương, Hàn. Ngày Đêm dài vẫn đều là Ngũ Hành tinh khí.

Cho nên nói: Nhật hợp Ngũ Hành Tinh. Mặt trăng, 1 tháng đi một vòng trời. Mỗi tháng gặp mặt trời 1 lần. 1 năm gặp 12 lần. Mỗi tháng có Huyền (mồng 8, 23), Vọng (15), Hối (30), Sóc (1). Tuy ánh sáng mặt trời mà xa cách, tiến thoái. Sáu tháng đêm dài, sáu tháng đêm vắng. Ứng với Luật Lã nên thành 12 tháng. Cho nên nói: Tháng theo Lục Luật. Mỗi tháng 5 ngày là 1 Hưu, cộng sáu Hưu. Mỗi Hưu có 5 độ.

Lục Hưu là 30 độ, thành 30 ngày. Độ hết là ngày Hối (30), Hối rồi lại bắt đầu. Tích ngày thành Tháng, tích tháng thành Năm. Vận vật đều Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàng. Đều là công trình thần hoá của Nhật Nguyệt. Nhật Nguyệt hiệp nhất là Thần, vắng lai là Hoá. Vận vật không có Thần thì không sinh, không có Hoá thì không thành. Nhất là Thần, Lưỡng là Hoá. Chỉ có Thần mới có thể Hoá, có Hoá mới thành Thần. Có thể là Thần, có thể biến hoá, cho nên mới Thần hoá bất trắc.

Nếu biết được Nhất là thần, Lưỡng (Hai) là Hoá, Âm vắng Dương lai, Dương lai, Âm vắng, như trục xe vận chuyển, không ngừng nghỉ. Thế là Nhất Thần vậy.

Dương khí xuất, Vận vật sinh và sung sướng, Âm khí nhập mà vận vật cuộn lại. Xuất nhập, quyền thư, tùy thời biến hoá. Thế là Lưỡng Hoá vậy.

360 ngày là một năm. Mà Dịch thì có 384 hào. 360 ngày là một năm. Còn dư 24 hào là số của Càn, Khôn, Khảm, Ly. Chúng không ở trong 360 ngày. Theo Hào giải thích Phù, thì mỗi Hào có 3 phù. Một ngày đi 2 quẻ là 36 phù. Một tháng có 60 quẻ, là 1080 phù. Hợp với Càn, Khôn Khảm Ly là 1152 phù.

Mỗi tháng giữa ngày Sóc, Vọng, ở trong giờ Tí nhất Phù, thì Âm Cực sinh Dương. Trong Khôn sinh quẻ Chấn, là quẻ Phục.

Lúc ấy là lúc Thiên Địa cấu tinh, Kiền Khôn hợp thể, nhật nguyệt đảm trì, Khảm Ly tương tế, hùng dương bá huyền, thi động dĩ thư khí. Thư Âm hoá Hoàng, Bao tĩnh dĩ tư dưỡng. Hỗn hỗn động động. Thử tiếp bỉ giao. Âm Dương nhị khí, ngưng kết nhất khối, như tạo quyền tác dư (làm cân lạng, làm xe), làm căn cơ cho cân lạng, cho xe cộ. Muốn làm Hành phải làm Quyền trước; có Quyền rồi Hành sẽ y theo. Lúc ấy làm việc mới có chuẩn tắc, qui củ. Chế xe trước phải làm (Dư) bánh. Dư thành, xe sẽ y cứ vào đó. Như vậy công việc mới có qui củ. Quyền Dư là căn cơ của xa hành.

Chấn (quẻ Chấn) là căn cơ Tạo Hoá. Căn cơ có lập, thì một khí kinh doanh, biến hoá. Từ Vô đến Hữu, trước là nuôi Ngân Ngạc bên trong. Từ nhỏ đến lớn, ngưng thần thành khu, thế là sau thành được hình tượng bên ngoài. Kinh doanh dưỡng Ngân Ngạc là như Mặt trăng thụ phù giữa Hối Sóc. Ngưng thần dĩ thành Khu là như mặt trăng bắt đầu sáng vào ngày mồng ba. Thế là Nhật Nguyệt Giao Hội, Nguyệt thụ nhật tinh, là đạo sinh ra Ánh Sáng. Cái Đạo ấy là sinh sinh chi đạo. Sinh nhân sinh vật cũng là Đạo này.

Cho nên nói: Chúng phù Đạo dĩ xuất. Nhuyễn động mạc bất do. Hệ Từ truyện viết: Thiên Địa nhân uân, vận vật hoá thuần, nam nữ cấu tinh, vận vật hoá sinh.^[1] Trong trời đất này, thuộc Dương là Nam, thuộc Âm là Nữ. Nam nữ cấu tinh, chúng sinh đều do đường ấy mà ra. Tức là từ loài côn trùng nhỏ nhất

cũng đều do Đạo giáo sinh. Đem chuyện Nhật Nguyệt tương giao làm ví dụ, mà đã có đủ Âm Dương thì ta cứ suy nghiệm sẽ thấy. Thế là giải 4 chữ trong Tham Đồng Khế: U tiềm luân nặc. Biến hoá sinh từ trong đó. Bao quát vạn vật, làm kỷ cương cho đạo, lấy Vô chế Hữu, Khí Dụng đều Không. Đó là ý nghĩa cả đoạn này vậy.

[1] Hệ từ hạ, chương V, tiết 10: Đất trời quẩn quít hợp đôi, Rồi ra vạn vật sinh sôi thành hình. Những từ trai gái cầu tình, Rồi ra vạn vật hoá sinh dưới trời.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Thượng thiên

上篇

Chương 5

Ư thị

Âm Dương không hợp, thì không có Sinh Khí

11. Ư thị Trọng Ni tán Hồng Mông	於是仲尼讚鴻濛
Kiên Khôn đức đồng hư	乾坤德洞虛
Kê cổ đương nguyên hoàng,	稽古當元皇
Quan thư kiến thủy sơ,	關雎建始初
Quan hôn khí tương nữu	昏冠氣相紐
Nguyên niên nãi nha tư	元年乃牙滋
12. Thánh nhân bất hư sinh	聖人不虛生
Thượng quan hiển quan phù	上觀顯天符
Thiên phù hữu tiến thoái	天符有進退
Khuất thân dĩ ứng thời.	詘伸以應時

Tạm dịch:

Trọng Ni giảng Đạo Dịch,
Giải 2 quẻ Kiên Khôn
Giải Hồng Mông hư tĩnh
Kinh Thi giảng Quan Cưu
Quan Cưu là Nguyên Hoàng
Chính là năm khởi thủy
Trai gái khi đã nhón,
Liên nghĩ chuyện lấy nhau.
Nguyên niên là thế đó.

Trên đây nói về Âm Dương hỗn độn giao tiếp, vô trung sinh hữu, thì hiểu rằng nếu Âm Dương không

hợp thì không có sinh khí. Trung Dung viết: Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ. Nói về đạo phu phụ. tức là nói cách người quân tử tạo đạo chi đoan. Cho nên đạo thật là huyền vi bí ẩn, dẫu là cặp vợ chồng ngu dốt, cũng có thể hiểu biết, có thể thi hành được, nhưng tới chỗ cao siêu, thì trong trời đất này, nó to không gì hơn, nó cũng nhỏ không gì bằng. Tất cả đều là Đạo Khí, nhỏ thì vợ chồng, lớn thì trời đất, cũng không gì ngoài lẽ 1 Âm 1 Dương tương hợp chi đạo.

Xưa Đức Khổng giải Dịch lấy Kiền, Khôn làm đầu. Thế là cắt nghĩa Hồng Mông vậy. Kiền trên, Khôn dưới, mà giữa thì trống rỗng, 1 khí hồn nhiên, đó là Đức sinh vật, đó là Hồng Mông.

Kinh Thi bắt đầu bằng Quan Thu, thế là Nguyên Hoàng vậy. Đàn ông đến tuổi đội mũ, đàn bà đến tuổi lấy chồng. Hai khí dây dưa với nhau. Âm Dương hợp nhất sinh cơ nha tư, gọi là Năm Đầu. Hồng Mông là khiếu của Tạo Hoá. Nguyên Hoàng, Nguyên Niên là tạo hoá bắt đầu. Kiền Khôn hợp đức, đó là Hồng Mông. Nam nữ hợp tình tự nhiên sinh mầm mống tươi tốt. tất cả đều dạy ta phải biết dùng cả hai về Âm Dương. Vả lại thánh nhân không hư sinh nơi thế gian này, mà phải hoàn thành cho mình, hoàn thành cho người, mong mọi người trở thành thánh hiền, mọi người hoàn thành Tính Mệnh của mình.

Cho nên nhìn xem Thiên Phù, làm hiển lộ lẽ Âm Dương tiến thoái khuất thân chi cơ. Như ở nơi quẻ Tiên Thiên, Ly tả, Khảm hữu. Chấn một dương, Đoài 2 Dương, Kiền 3 dương. Ở bên tả thì là Tiến là Thân (Ruổi). Tốn 1 Âm, Cấn 2 Âm, Khôn ba Âm. Từ hữu mà Thoái mà Khuất (Co). Lại như quẻ Hậu Thiên. Càn, Khảm, Cấn, Chấn tiến, thân (ruổi) bên Đông Bắc, Tốn Ly, Khôn Đoài tam Âm thoái, khuất (Co) ở phía Tây Nam. Tất cả đều là hiển Thiên Phù. Thiên Phù thiên biến, vạn hoá, nhưng không bao giờ lìa đạo Âm Dương phối hợp. Tham Đồng Khế chú như vậy. Như vậy suy ra lẽ Âm Dương tiêu tức, Khảm Ly một vong, suy đến Nguyên Lý thì là Vi (diệu). Đó là ý nghĩa đoạn này.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Thượng thiên

上篇

Chương 6

Cổ Dịch

Dịch thống Thiên Tâm

Cổ Dịch thống Thiên Tâm	故易統天心
13. Phục quái kiến thủy manh,	復卦建始萌
Trưởng tử kế phụ thể,	長子繼父體
Nhân mẫu lập triệu cơ,	因母立兆基
Tiêu tức ứng Chung Luật	消息應鍾律
Thăng giáng cử đầu khu	升降據斗樞
Tam nhật xuất vi sáng	三日出為爽
Chấn Canh thụ Tây Phương	震庚受西方
Bát nhật Đoài thụ Đinh	八日兌受丁
Thượng huyền bình như thẳng	上弦平如繩
Thập Ngũ Kiền thể tự	十五乾體就
Thịnh mãn Giáp Đông Phương	盛滿甲東方
Thiêm thừ dữ Thổ phách	蟾蜍與兔魄
Nhật nguyệt khí song minh	日月氣雙明
Thiêm thừ thị quái tiết	蟾蜍視卦節
Thổ giả thổ sinh quang,	兔者吐生光
Thất bát đạo dĩ cật	七八道已訖
Khuất chiết đề hạ giáng	屈折低下降
14. Thập lục chuyển thụ thống	十六轉受統
Tốn Tân kiến bình minh	巽辛見平明
Cấn trị ư Bính Nam	艮直於丙南
Hạ huyền nhị thập tam	下弦二十三

Khôn Ất tam thập nhật	坤 乙 三十 日
Đông Bắc táng kỳ bằng	東 北 喪 其 朋
Tiết tận tương thiên dữ	節 盡 相 禪 與
Kế thể phục sinh long	繼 體 復 生 龍
15. Nhâm Quý phối Giáp Ất	壬 癸 配 甲 乙
Kiên Khôn quát thủy chung	乾 坤 括 始 終
Thất bát số thập ngũ,	七 八 數 十 五
Cửu lục diệc tương ứng	九 六 亦 相 應
Tứ giả hợp Tam Thập	四 者 合 三 十
Dương khí sách diệt tàng	陽 氣 索 滅 藏
Tượng bĩ trọng đông tiết	象 彼 仲 冬 節
Thảo mộc giai tồi thương	草 木 皆 摧 傷
Tá Dương cật cổ lữ	佐 陽 詰 賈 旅
Nhân quân thâm tự tàng	人 君 深 自 藏
Tượng thời thuận tiết lệnh	象 時 順 節 令
Bế khẩu bất dụng đàm	閉 口 不 用 談
Thiên đạo thậm hạo quảng	天 道 甚 浩 廣
Thái huyền vô hình dung	太 玄 無 形 容
Hư tịch bất khả đồ,	虛 寂 不 可 睹
Khuông khuếch dĩ tiêu vong,	匡 廓 以 消 亡
Mậu ngộ thất sự tự	謬 誤 失 事 緒
Ngôn hoàn tự bại thương	言 還 自 敗 傷
Biệt tự tư tứ tượng	別 敘 斯 四 象
Dĩ hiểu hậu sinh manh.	以 曉 後 生 盲

Tạm dịch:

Nên Dịch thống Thiên Tâm

13. Phục manh nha muôn vật.

Chấn tiếp theo Kiên Thể

Nhờ mẹ (Khôn) lập căn cơ.

Tiêu tức theo Luật Lã

Thăng giáng cử Đẩu Khu (Chuôi sao Bắc Đẩu)

Chấn xuất sáng mồng Ba, (mồng 3)

Chấn nạp Canh tây phương. (mồng 3)

Mồng Tám Đoài thụ Đinh. (mồng 8)

Thượng huyền như giây chằng.

15 trăng tròn hẵn,
Kiền nạp Giáp, Đông Phương, (15)
Thiền Thừ và Thổ Phách,
Nhật Nguyệt chiếu song minh
7, 8 Đạo đã xong,
Bắt đầu sẽ hạ giáng.
14. 16 thoái Âm Phù,
Tốn, Tân kiến bình minh. (ngày 16)
Cấn trị ư Bính Nam (ngày 23)
Hạ Huyền ngày 23,
Khôn Ất ngày 30,
Đông Bắc táng kỳ bằng,
Tiết tận vào ngày ấy
15. Kiền quái phối Giáp Nhâm,
Khôn quái phối Ất Quý
Kiền Khôn quát thủy chung
Thất Bát số 15
Tương ứng với Cửu Lục
4 số cộng 30
Dương khí khi diệt tàng
Y như tiết trọng đông
Thảo mộc đều bị thương
Thời ấy các vua xưa,
Bế quan, cấm thương lữ,
Hư cực tự thâm tàng.
Thiên thời thuận tiết lệnh,
Bế khẩu không nói năng,
Thiên đạo thậm hạo quảng,
Thái huyền khó hình dung,
Thái hư không thấy được (Thiên Đạo, Thái Hư Thái huyền, đều là tên Thiên Tâm)
Bờ cõi chẳng đón rào,
Càng nói càng sai lạc,
Lấy Kiền Khôn Khảm ly,
Để dạy kẻ hậu sinh.

Trên đây, nói về Đạo Thiên Phủ tùy thời thăng giáng, khuất thân. Ứng thời thăng giáng, khuất thân, là do Thiên Tâm vận dụng. Vì Dịch lý biến hoá, do Thiên Tâm điều khiển. Mà Thiên Tâm thời Vô Hình, Vô Tượng, không thể nhìn thấy được. Nhân Âm Dương giao cảm, mà nhất điểm sinh cơ, từ Hư Vô lộ xuất ra, bấy giờ mới bắt đầu thấy vậy. Trong Kinh Dịch, nơi Thoán truyện quẻ Phục viết: Phục kỳ kiến Thiên Địa chi tâm hồ? Phục là: Âm Cực Dương sinh, quẻ Khôn thai nghén thành quẻ Chấn. Dương khí bắt đầu mạnh nha, lúc ấy là Tiết tháng 11, là Kiến Tí. Một Dương của Chấn từ cung Kiền tới, đó chính là kế thể của Kiền, là con trai trưởng của Kiền.

Kiền là Cha, cho nên nói Trưởng tử kế phụ thể. Một Dương của quẻ Chấn sinh ra dưới quẻ Khôn. Khôn là Mẹ, cho nên nói: Nhờ mẹ mà có lúc bắt đầu. Triệu là Bắt đầu. Cơ là Gốc gác. Âm cực Dương sinh, Kiền Khôn tương giao, trong hoảng hốt có Vật, trong yếu minh có Tinh, sinh cơ từ đó bắt đầu trở về nguồn. Sinh cơ đó chính là Thiên Tâm, là một Dương nơi quẻ Chấn. Chính vì muôn vật đều nhờ vào đó mà sinh, nên gọi là Sinh Cơ. Chính vì nó hiện ra vì Âm Dương giao cảm nên gọi là Thiên Tâm, nhân vì Tinh Cực rồi mới Động nên gọi là Chấn. Kỳ thật nó chính là Sinh Cơ vậy. Chấn là Dương nên là Thiên Tâm vậy. Cái Thiên Tâm ấy ở đâu cũng có, lúc nào cũng hiện diện. Con người không đoán biết được nên không nhìn thấy. Lúc ấy là tháng 11, Kiến Tí. Vạn vật mạnh nha từ lòng đất, mọi người đều biết thế là Sinh Cơ vừa máy động, cho nên có thể thấy được. Gọi là Thiên Tâm, vì quẻ Dương sinh ra từ Âm vậy. Gọi là Thiên Địa chi Tâm, vì thấy được nó nơi Âm Dương giao cảm nhau. Kỳ thực Thiên Địa Chi Tâm hay Thiên Tâm cũng vẫn là một Tâm. Chẳng qua là thấy lúc nó vừa hiện sinh ra mà luận. Cái Thiên Tâm sinh cơ ấy, nó sinh sinh vô cùng, mà sự đầy vơi thăng giáng đều theo lẽ Dịch. Tiêu tức (đầy vơi) là theo Chung Luật, Thăng giáng là do chuôi sao Bắc Đẩu. Ví dụ, như khi thấy Tháng là Kiến Tí (tháng 11), nhất Dương sinh, tại quẻ là Phục, Luật ứng với Hoàng Chung, chuôi sao Bắc Đẩu chỉ Tý. Kiến Sửu thì Nhị Dương sinh, nơi quẻ là quẻ Lâm, ứng dấu Đại Lữ, chuôi sao Bắc Đẩu chỉ Sửu vậy. Sáu Âm sáu Dương 12 quẻ thống thập nhị Nguyệt, và ứng 12 Luật. Và chuôi sao Bắc Đẩu chỉ 12 vị. 12 tháng Âm Dương tiêu tức thăng giáng, chuôi sao Bắc Đẩu xoay chuyển, đều do Thiên Tâm biến hoá. và sáu quẻ Lục Âm, Lục Dương 12 quẻ Dịch điều động. Thế chẳng phải là Dịch thống Thiên Tâm hay sao.

Trên đây là lấy lời chú của Tham Đồng. Sáng sớm ngày Sóc (Mồng 1) là Phục đến chỗ trở về Khôn Nguyên. Hay như mỗi tháng, giữa 2 ngày Hối Sóc (30, và mồng 1), nhật nguyệt giao hội, mặt trăng nhận ánh sáng mặt trời, mồng 1, mồng hai, mồng ba, bên cạnh 1 thể toàn đen, có một điểm vi dương sinh ra, tại quẻ là Chấn, hiện ra vàng sáng như mây ngài (Nga Mi), tại Tây Bắc Canh Phương. Vì thế nói Chấn nạp Canh. Dần dần đến mồng tám, thì 2 Dương sinh, tại quẻ là Đoài, tượng cho ánh sáng sinh ra, một nửa gọi là Thượng huyền, hiện ra ở Nam Phương Đinh địa, nên gọi là Đoài nạp Đinh vậy. Đến ngày 15, thì đủ 3 Dương. Tại quẻ là Kiền. Ánh sáng toàn vẹn, hiện ra ở Đông phương Giáp địa.

Vì thế nói Càn nạp Giáp. Dương cực sinh Âm, Chịu nép mình đi xuống. Đến ngày 18, một Âm sinh ra dưới vàng sáng, tại quẻ là Tốn. Quang huy vừa bị khuy khuyết, bình minh hiện ra phía Tây Phương Tân Địa. Cho nên nói Tốn nạp Tân. Đến ngày 23, 2 Âm sinh, tại quẻ là Cấn, thế là ánh sáng khuyết đi một nửa. Là Hạ Huyền của bình minh. Hiện ra nơi Nam Phương Bính Địa, nên nói Cấn nạp Bính. Ngày 28, Dương còn một chút (Vi Dương) tiêu ở Đông Bắc Ất Địa. Thế là quang huy hoàn toàn tiêu hết.

Đến ngày 30, Âm Khí thuần toàn. Tại quẻ là Khôn, vì thế nói Khôn nạp Ất. Mặt trăng đến Tây Nam Canh phương, bắt đầu lại sinh quang. Dịch gọi thế là Tây Nam đắc bằng. Đến Đông Bắc thì ánh sáng tiêu hết, nên Dịch nói Đông Bắc tắng bằng. Hối rồi lại Sóc. Âm cực sinh Dương. Chấn kế thể nên lại sinh quang. Chung nhi phục thủy, Nhâm Quý phối Giáp Ất.

Kiền Khôn quát chung thủy là: Nhâm Dương, Quý Âm, Giáp Dương, Ất Âm. Nhâm Thủy thanh, nên Khi Kiền Dương mới sinh. Quý thủy trọc, nên Kiền Khôn chi khí biến hoá. Nhâm phối Giáp, thế nên Kiền nạp

Giáp Nhâm vậy. Quý phối Ất, nên Khôn nạp Ất Quý là vì vậy.

Mỗi tháng, 15 ngày đầu thuộc Dương, thuộc quẻ Kiền, 15 ngày sau thuộc Âm, thuộc Khôn. Từ Chấn đến Kiền, từ Tốn đến Khôn, đều là quẻ Kiền Khôn tam Âm. tam Dương, thống quát gót đầu 1 tháng. Kiền bao quát các hào Dương từ Âm sinh ra, 7, 8, là 15. Khôn bao quát các hào Âm từ Dương sinh ra, 9, 6 cũng là 15. 7, 8, 6, 9 cộng lại là 30. Đó là 1 vòng Dương Quang diệt tàng. Đó là tượng hình cho mặt trăng doanh hư, tiêu tức, tiến thoái khuất thân. Mà các quẻ Dịch 3 Âm, 3 Dương thống suất chúng vậy.

Tuy nói là Tam Âm, Tam Dương các quẻ thống suất chúng, nhưng kỳ thật là 2 quẻ Kiền Khôn thống suất chúng. Tuy nói là hai quẻ Kiền Khôn, nhưng kỳ thực là Thiên Tâm nhất điểm sinh cơ thống suất chúng. Thế thì không phải là Dịch Thống Thiên Tâm hay sao?

Đoạn này chú Tham Đồng Khế đoạn văn Hối Sóc chi gian, cho đến vi Dịch nhi tông tổ hồ. Trên đây là nói: Trong một năm, 1 tháng Âm Dương biến hoá khuất thân, đều là tự nhiên, nhi nhiên, tất cả đều do Thiên Tâm vận dụng. Vả Dương tiến và Duỗi là Thiên Tâm thư sướng, Âm thoái và Co là Thiên Tâm quyền tàng. Dương chắc cho nên gọi là Thiên Tâm, Âm cũng không thể không gọi là Thiên Tâm.

Dương theo đúng Thiên Tâm nên mới là Dương, Âm cũng theo Thiên Tâm mới là Âm. Âm Dương đều xuất xứ từ Thiên Tâm. Thiên Tâm hợp nhất trong Âm Dương, Âm Dương không có ở ngoài Thiên Tâm. Mà Thiên Tâm hiện ra đầu mỗi chính là khi Tĩnh cực rồi bắt đầu Động, cho nên tượng trưng là tháng giữa mùa Đông, lúc ấy thảo mộc đều như chết. Đó là Âm Cực vậy. Âm Cực thì Dương phải sinh, cho nên Tiên Vương đến ngày Đông Chí thì đóng cửa quan, các người buôn bán không được lại qua, nhà vua không đi tuần thú, thâm tàng bất động, thế là giúp vi Dương, và dưỡng Sinh Cơ của Thiên Tâm vậy.

Người tu đạo, nếu biết tùy thời, thuận tiết, như các vua xưa đóng cửa quan ải, hư cực tĩnh đốc, thì khí Tiên Thiên sẽ tòng vô ra hữu, trong đen sinh trắng, thì Thiên Tâm sẽ hiện ra như một hạt Thử Mễ Chi Châu, hãy ôn dưỡng nó, nhờ nó mà thoát thai hoán cốt, mà trường sinh bất tử, chắc có thể được.

Ồi! Chỉ có một câu Tùy thời, thuận tiết, mà hoàn thành được Kim Đơn Diệu Chỉ, còn nói được gì hơn?. Cho nên có thể ngậm miệng, không cần bàn luận chi cả. Kim đơn chi đạo, thủy chung chỉ là tu trì Thiên Tâm mà thôi. Thiên Tâm chính là Đại Đạo. Nếu biết Tùy Thời, Thuận Tiết, thì Thiên Tâm sẽ Thường Tồn, từ mềm non, đến cứng cát, từ nhỏ cho tới lớn. Càng lâu thì công trình càng thâm hậu, vĩnh viễn bất hoại. Thế cho nên nói, Biết Một là xong tất cả. Cần gì nói nhiều?

Vả Thiên Đạo chi lý, thời hạo quảng vô biên, một khí Thái Huyền thì vô hình vô dung, chí hư chí tịch, nhìn chẳng ra, lấy gì mà lập Phạm Vi, Khuông Khuếch? Thiên Đạo, hay Thái Huyền đều là tên gọi khác của Thiên Tâm. Thiên Tâm thì hư tịch không thể thấy được, nên không thể lập ra khuông khuếch mà rào đón nó được.

Nếu mà cố gắng lạm bàn, thì sẽ có sai lầm, đánh mất sự vận hành tự nhiên của Thiên Tâm hạo quảng hư tịch, cho nên nói nhiều chỉ làm bại hoại đức độ. Cho nên không nói là tuyệt diệu nhất. Vả Đạo vốn vô ngôn, ngôn từ cốt để hiển đạo. Nhưng nếu không nói thì làm sao tiếp dẫn cho bọn hậu học. Cho nên mượn Kinh Dịch đặc biệt nói về Bốn Quẻ Kiền Khôn, Khảm Ly. Coi một năm là Kiền Khôn vãng lai, một tháng là Khảm Ly Nhật Nguyệt hợp ly, hiển lộ ra được đầu mối của Thiên Tâm, để hướng dẫn cho bọn hậu thế mù mờ.

Từ câu: Tượng bĩ Trọng Đông tiết đến câu Dĩ hiểu hậu sinh manh là để giải ý Tham Đồng Khế luôn muốn tuân theo Địa Lý, đến đại ý câu Thiên Tài thường tồn nhất đoạn đó là cốt lấy Thiên Tâm làm văn mạch, mượn một năm Âm Dương, một tháng Doanh Khuy (Đầy Vơi), đề Diễn xuất Thiên cơ Nhất Thần, Lưỡng Hóa. Đoạn cuối là đến chỗ Vô Hình, Vô Tượng, vô ngôn ngữ. Thế là Thiên Tâm toàn Thần câu lộ.

Cho nên nói rất Hạo Quảng, Vô hình Dung, không thể thấy được, Chân Không hàm Diệu Hữu, Diệu Hữu nhưng lại tàng ẩn Chân Không. Bản tượng của Thiên Tâm là như vậy. Thế là không nói mà nói, thế là cách nói cao siêu nhất. Thế là tuy dựa vào lời của Tham Đồng nhưng tiên Ông còn: phanh phui bí ẩn huyền vi mọi đời (Thám Trách sách Ẩn), phát huy những gì Tham Đồng Khế chưa tỏ rõ, thế chính là Bạt Thiên Căn nhi tạc Lý quật. Nhưng vẫn sợ người chưa hiểu, nên kết bằng câu: Biệt tự tư Tứ Tượng dĩ hiểu hậu sinh manh, để học giả đi từ Hữu Tượng cho tới Vô Tượng, từ Hữu hình tới Vô hình. Thật là Từ bi vậy.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Thượng thiên

上篇

Chương 7

Bát Quái

Không biết biến thông, sẽ Chấp Trung, Chấp Nhất

15. (tiếp). Bát quái bố liệt diệu,	八卦布列曜
Vận di bất thất trung,	運移不失中
16. Nguyên tinh diệu nan đồ,	元精眇難睹
Suy độ hiệu phù chứng,	推度效符證
Cư tắc quan kỳ tượng,	居則觀其象
Chuẩn nghĩ kỳ hình dung,	準擬其形容
Lập biểu dĩ vi phạm,	立表以為範
Chiếm hầu định cát hung	占候定吉凶
Phát hiệu thuận thời lệnh,	發號順時令
Vật thất hào động thời,	勿失爻動時
Thượng quan thiên hà văn,[1]	上觀天河文
Hạ tự Địa hình lưu,	下序地形流
Trung kê ư Nhân Tâm,	中稽於人心
Tham hợp khảo tam tài,	參合考三才
Động tắc tuần quái tiết,	動則循卦節
Tĩnh tắc nhân Thoán Từ	靜則因象辭
Kiên Khôn dụng thi hành	乾坤用施行
Thiên địa nhiên hậu trị.[2]	天地然後治

Tạm dịch:

Bát quái bày la liệt,

Vận chuyển không mất Trung.

16. Nguyên Tinh nhìn không thấy,

Suy diễn hợp phù chứng,
 Ngồi yên sẽ quan tượng,
 Suy tư ra hình dung,
 Cây nêu để xem bóng,
 Nhìn Hầu định cát hung.
 Tuỳ thời phát hiệu lệnh,
 Hào Động đúng không sai.
 Trên nhìn xem thiên văn,
 Dưới thuận theo Địa Lý,
 Giữa thuận theo lòng Người.
 Hợp đường lối Tam Tài,
 Động tĩnh hợp hào quái.
 Tĩnh thời hợp Thoán Từ,
 Thi hành đúng Kiền Khôn,
 Thế là Thiên hạ trị.

Trên đây có nói: Lựa ra Tứ tượng để cho kẻ hậu sinh mù mờ được sáng mắt. Tứ Tượng là Kiền Khôn Khảm Ly. Dịch lấy Kiền Khôn làm Thể, lấy Khảm Ly là Dụng. Kiền Khôn Khảm Ly là Thể Dụng tương nhu. Mà Chấn là Dương sinh. Cấn là Dương chỉ. Tốn là Âm phục, Đoài là Âm hiện. Đều là thuận Ly Khảm vận dụng. Cho nên Hậu Thiên Bát Quái phương vị. Kiền Khảm Cấn Chấn, Tốn, Ly, Khôn Đoài, phân cư tám phương. Nằm trong nhị thập bát tú, để hành quái khí, vận chuyển tứ thời bát tiết, 72 hầu. Nhưng trong bát quái, mà hành quái khí là Khảm Ly hai quẻ mà thôi. Khảm tượng Nguyệt, Ly tượng Nhật. Nhật thì ở Trung Đạo, Nguyệt hành Cửu Đạo. Nhật Nguyệt Nam Bắc vắng lại, vận di bất định.

Nhưng mà chỗ Nhật Nguyệt Giao hội, thì không bao giờ sai Trung Đạo. Trong Hậu Thiên bát quái phương vị, thì Ly ở phía Nam, Khảm ở phía Bắc, Khảm Ly cư trung chính chi vị. Ý nói rằng mặt trời, mặt trăng vận di trong Trung Đạo. Trung Đạo là Hoàng Đạo, tức là đường vận hành của Mặt Trời, và cũng là Đường của Nhật Nguyệt giao hội. Ở đó có Thiên Địa Nguyên Tinh. Nguyên tinh ấy vô hình vô tượng, điều (miếu) nhi bất đồ (tinh vi không nhìn thấy được). Chỗ nào mặt trời rồi được ánh sáng tới, chỗ nào mặt trăng soi tới được, đều là Thần Công của Nguyên Tinh vậy. Chỉ con người là cũng có được Nguyên Tinh ấy. Tinh ấy là gốc gác của Tính Mệnh, của Sinh Tử. Nó không thuộc Hậu Thiên hữu hình chi trọc vật, mà chính là Tiên Thiên vô hình, vô tượng chi chí bảo, cũng hết sức tinh vi khó mà nhìn thấy. Đã tinh vi khó mà nhìn thấy thì làm sao nói là ta có được.

Nhưng ta có thể suy ra từ Âm Dương lai vắng, xem chỗ Nhật Nguyệt Giao Hội. Ngồi yên thì xem hào quái giao nhau, phối hợp nhau, đi từ Hữu cho tới cùng cực của Hư Vô, mà suy ra hình dung của chúng. Từ trong cái hoảng hốt mà tìm ra cái Hữu Tượng, từ trong cái yếu minh mà tìm ra cái Chân Tinh, hữu vô tương nhập, có thể thấy được cái Chân; đã thấy Cái Chân, thì hạ thủ có thể trồng cây nêu để làm tiêu chuẩn. Cây nêu để đo ánh mặt trời dài vắng.

Cũng ví như người tu đạo, mà Tâm quân thanh tịnh, làm chủ tể bên trong, thế là mẫu mực, tức là những cái bên ngoài không lừa dối được mình. Chiêm Hậu định cát hung: Hậu tức là thì giờ Dụng Âm,

Dụng Dương. Dùng đúng thời Cát, dùng sai thời Hung. Phát hiệu thuận thời lệnh là Đáng tiến Dương thì tiến Dương, thế là Phát Hiệu để hành Đức vậy; đáng vận Âm thời vận Âm, thế là Phát Hiệu để Thi Hình vậy. Hình Đức tiến thoái, thuận theo thứ tự Xuân, Hạ, Thu, Đông. Không sai thời Hào Động Cương Nhu, thì Tiên Thiên Nguyên Tinh tự nhiên sẽ từ Hư Vô mà kết tụ, thế là Đạo vậy. Trong trời đất chỉ có một Đạo. Người tu đạo, phải biết trên thì quan sát Thiên Hà, xem sao trời vận chuyển Đông, Tây, Nam, Bắc; dưới thì quan sát địa hình, cao thấp, trên dưới, xem nước trôi ra sao; giữa thì kê cứu Nhân Tâm, xem Nhân, Nghĩa Lễ Trí, xem Lương tâm đầu mối trong con người. Tham khảo Tam Tài, hợp nhất làm một. Động thì theo đúng hào quái, cương nhu, trật hững, tĩnh thì theo đúng Thoán Từ mà luận cát hung. Bất chước trời đất, dụng cửu, dụng lục, thì hành thuận thời. Kiện Thuận hợp nhất (Kiện=Kiến.- Khôn =Thuận), trở về Trung Chính chi đạo. Hợp nhất cùng Thiên Lý, và con người ta chính là Trời Đất cũng được trị vậy. Ngô thân Thiên Địa chính là đức Dương Kiện, Âm Thuận xưa nay. Hai đức Kiện Thuận mà hợp nhất, thì Âm Dương sẽ hoà, Đức sẽ phối Thiên Địa, sẽ thung dung Trung Đạo, sẽ là Thánh Nhân. Nhưng nếu không biết Thiên Văn, không thông Địa Lý, thì trong con người dục tình và nghĩa lý sẽ hỗn tạp. Nếu không biết lễ Biến Thông, thì sẽ Chấp Trung, hoặc Chấp Nhất, làm sao đi tới được chỗ Thung Dung trung Đạo? 3 chữ: Nhiên hậu Trị có đủ công phu vô cùng của Trí Tri, Lực Hành. Học giả nên gia tâm thâm cứu cái đoạn văn này của Tham Đồng Khế để biết thế nào là Ngự Chính, thế nào là Đỉnh Tân, Cách Cố.

[1] Thượng quan Thiên Hà văn. Có bản ghi: Thượng sát Hà Đồ văn.

[2] Có bản thêm liền sau câu trên: Khả đắc bất thận hoà, hay Hữu khả bất thận hồ. Thiên địa nhiên hậu trị, có bản ghi: Thiên hạ nhiên hậu trị.

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Thượng thiên

上篇

Chương 8

Nhược phù

Tứ Thánh viết sách cốt minh truyền Chân Lý. Tham Đồng Khế cũng vậy

35. Nhược phù chí thánh

Bất quá Phục Hi

Thủy hoạch bát quái,

Hiệu pháp Thiên Địa

Văn Vương đế chi tông

Kết thể diễn hào từ

Phu tử thứ thánh hùng,

Thập dực dĩ phụ chi.

Tam quân thiên sở dĩnh

Điệt hưng cánh ngự thời

Ưu liệt hữu bộ sậu

Công đức bất tương thù

Chế tác hữu sở chủng

Suy độ thẩm phân thù

Hữu hình dị thốn lượng

Vô triệu nan lự mưu

Tác sự lệnh khả pháp

Vì thế định thị thư

Tổ vô tiền thức tư

Nhân sư giác ngộ chi,

Hạo nhược khiên duy trưởng

若夫至聖

不過伏羲

始畫八卦

效法天地

文王帝之宗

結體演爻辭

夫子庶聖雄

十翼以輔之

三君天所挺

迭興更御時

優劣有步驟

功德不相殊

制作有所踵

推度審分銖

有形易忖量

無兆難慮謀

作事令可法

為世定是書

素無前識姿

因師覺悟之

皓若褰帷帳

瞋目登高臺

Sân mục đăng cao đài	火計六百篇
36. Hoà kế lục bách thiên,	所趣等不迷
Sở thú đẳng bất mê, ^[1]	文字鄭重說
Văn tự trịnh trọng thuyết,	世人不熟思
Thế nhân bất thực tư,	尋度其源流
Tâm độ kỳ nguyên lưu,	幽明本共居
U minh bản cộng cư,	竊為賢者談
Thiết vi hiền giả đàm,	曷敢輕為書
Hạt cảm khinh vi thư	若遂結舌瘡
Nhược toại kết thiệt âm,	絕道獲罪誅
Tuyệt đạo hoạch tội tru,	寫情著竹帛
Tả tình trú trúc bạch,	又恐泄天符
Hựu khùng tiết thiên phù,	猶豫增嘆息
Do dự tăng thán tức,	俛仰綴斯愚
Phủ ngưỡng chuyết tư ngu,	陶冶有法度
Đào dã hữu pháp độ	未可悉陳敷
Vị khả tất trần phu,	略述其綱紀
Lược thuật kỳ cương kỷ,	枝條見扶疏
Chi điều ^[2] kiến phù sơ.	

Tạm dịch:

Chí thánh trong thiên hạ,
 Không ai bằng Phục Hi
 Phục Hi hoạch Bát Quái,
 Để bắt chước Đất Trời,
 Văn Vương kế nghiệp đó,
 Kết thể diễn hào từ
 Khổng tử viết Thập Dục,
 Để mà đóng góp vào.
 Ba ngài theo Trời Đất,
 Tùy nghi ứng theo thời.
 Nhanh chậm tuy có khác,
 Công đức khác chi nhau.
 Chế tác có đường lối,
 Suy diễn có cân lường.
 Hữu hình dễ suy diễn,

Vô tượng khó tư mưu.
Tác sự, lệnh khá theo,
Vì đời viết sách này.
Sách cho thấy bí ẩn
Xưa nay chưa từng nghe.
Nhờ thầy ta chỉ vẽ,
Ta mới được giác ngộ.
Y như trong buồng tối,
Bỏ được hết màn che,
Y như lên đài cao
Nhìn trông thấy tứ phía.
Hoả Kỳ 600 thiên,
Đường lối thật rõ ràng.
Lời văn rất trịnh trọng,
Thế nhân không chịu suy,
Không suy được nguồn mạch,
Sáng tối còn lẫn lộn
Cho là Hiên Giả đàm,
Coi nhẹ quyển sách này.
Nếu sách không viết ra,
Mang tội cùng Trời Đất
Viết rồi sợ khinh tiệt,
Ngập ngừng mãi chẳng thôi,
Còn như cách tu luyện,
Thì tùy vào khẩu quyết,
Không thể nói nên lời
Đại khái là như vậy
Không biết nói chi hơn.

Thiên địa Thần Hoá chi đạo, không tiếng, không hơi. Không phải thánh nhân, không thể hay biết, cũng không thể thi hành. Từ khi có vũ trụ tới nay, Đạo bao giờ cũng Thủy Tượng (cho thấy hình ảnh), nhưng con người không hay biết. Xưa Hà Đồ xuất hiện trên sông Mạnh Tân, và Lạc Thư xuất hiện trên sông Lạc. Thánh nhân trông vào đó mà bắt chước. Phục Hi bắt chước Hà Đồ, Nhìn lên, ngó xuống quan sát đất trời, mới đầu vẽ Bát Quái, sau chồng 8 quẻ lên thành 64 quẻ, tiết lộ Tạo Hoá thiên cơ, truyền cho Văn Vương, Văn Vương biến thành Hậu Thiên Bát Quái, rồi đếm cỏ thi thành 64 quẻ Hậu Thiên. chia làm 384 hào, rồi thêm vào những chữ Cát Hung, Hối Lận, thế là Thiên Thời, Nhân Sự đều hiển lộ ra. Tiếp đến là Đức

Khổng làm ra Thập Dực, sách ẩn câu thâm, để giảng thêm Dịch Đạo. Thiên Thời, Nhân Sự, thuận nghịch biến hoá, đều hiện ra rõ ràng đầy đủ. Trời sinh Tam Thánh diệt hưng chế tác, ngự thời độ thế, truyền lưu vạn thế. Tuy là nhanh chậm khác nhau, nhưng công đức ngang nhau không khác biệt. Đông Hán Ngụy Bá Dương chân nhân, theo gót Dịch Kinh mà soạn Tham Đồng Khế, theo lý của hào quái, cát hung hồi lộn, Thám biện Đơn Đạo được vật, hoả hầu chi phân lạng, lấy hữu hình sánh vô hình, lấy hữu tượng ví dụ cho cái không có hình tượng, giúp mọi người giác ngộ được những điều vi ẩn, trông vào sách này mà tìm ra được những cái biết xưa.

Ôi, Từ Ông (Từ Cảnh Hữu chân Nhân tức Từ Tông Sự Chân Nhân, đệ tử của Ngụy Bá Dương) có thiên tư trời phú mà còn chưa dám nói mình đã hiểu trước được Tham Đồng Khế, còn phải nhờ Sư phụ chỉ điểm rồi mới giác ngộ. Tại sao nhiều người đời u mê, lại dám coi mình như thần thánh? Không cầu chân sư, đoán mò, đoán bậy, lấy 1, 2 công án của cổ nhân, rồi luận đức, thuyết đạo, cho mình là bậc đại ngộ. Hỏi đến Tham Đồng, thì 10 phần, không biết một. mà dám cho thế là Ngộ. Thật là sai vô cùng. Không biết rằng sách này, là của liệt thánh dạy về luyện đơn.

Sau này Ngộ Chân Thiên của Tử Dương, Phục Mệnh của Hạnh Lâm, Hoàn Nguyên của Tì Lăng, Địa Nguyên của Tử Thanh, Tây Du của Trường Xuân, đều theo sách này mà viết. Thượng sĩ, Đạt nhân được khẩu quyết của thầy, nên đọc kỹ sách này, mà mở mang kiến thức, y như ở trong buồng tối, mà vút bỏ được màn che, hốt nhiên thấy sáng láng như lên đài cao, mở mắt nhìn xa, không đâu không thấy.

Tuy là Hoả Ký 600 thiên, cũng có thể đọc hết. Hoả Ký 600 thiên tức là Dịch Kinh 64 quẻ. Mỗi quẻ Dịch nhân lên 10, bàn về Hoả Hậu hết sức tường tận. Càng luyện càng thấy tinh vi, nhưng không phải ngoài 64 quẻ còn có 600 thiên Hoả Ký đâu.

Tham Đồng Khế văn rất trịnh trọng. Có khi nhắc đi nhắc lại, vì sợ người ngại khó, không chịu nghiên cứu cho thật kỹ càng. Nhắc đi nhắc lại là để nhắc ta vậy. Thế là Bác chi dĩ văn, ước chi dĩ Lễ, viễn thủ chư vật, cận thủ chư thân. Tìm đến căn nguyên của Đạo, ước lượng dòng nước của Đạo. Nguyên Lưu đều biết, u minh đều thông. Thế là biết Đạo.

Những lời trên, chỉ nói được với những người biết, chứ không nói được với người không biết. Không phải thánh hiền đâu dám khinh tiết. Nhưng cũng không dám không nói chuyện đạo, thành ra cứ do dự than vắn thở dài, nhưng vẫn phải viết mong gặp tri âm vậy. Còn như về cách đoàn luyện, thứ tự Sưu Thiêm, Tiến thoái, thì phải chờ Khẩu quyết, vì văn tự không thể phô bày. Lược thuật cương kỷ, lộ rõ ngọn ngành, cho thấy đại lược của Đạo vậy.

Tiên Ông chú Tham Đồng Khế, nghìn lời, vạn lẽ, chỉ vẽ đa đoan, thật là tinh vi, thật là tường tận, nên lược thuật cương kỷ nhưng vẫn sợ nói chưa hết lời. Thế mà sao con người mới nghe được ½ chữ, một lời, đã dám tự túc, tự mãn, không chịu nghiên cứu sâu xa. Cho nên nói Đạo vô khả ngôn là thế. Những người đó đắc tội với Tiên Ông vậy. Thật đáng thương thay.

[1] Đẳng bất mê có bản viết: Đẳng bất thù.

[2] Chi điều có bản viết Chi điệp.

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Trung thiên

中篇

Chương 1

Dương Toại

Nếu ta thành khẩn thì cửa Trời sẽ mở

65. Dương toại dĩ thủ hoả	陽燧以取火
Phi nhật bất sinh quang	非日不生光
Phương Chư phi tinh nguyệt,	方諸非星月
An năng đắc thủy tương	安能得水漿
Nhị khí huyền thả viễn ^[1]	二氣玄且遠
Cảm hoá thượng tương thông	感化尚相通
Hà hướng cận tồn thân	何況近存身
Thiết tại ư tâm hung	切在於心胸
Âm Dương phối nhật nguyệt	陰陽配日月
Thủy hoả vi hiệu trưng ^[2]	水火為效徵

Tạm dịch:

Dương Toại muốn có lửa,
Phải lấy lửa mặt trời,
Phương Chư muốn có nước,
Phải lấy nước mặt trăng.
Hai khí xa như vậy,
Huyền hoá vẫn cảm thông,
Hướng chi tại nơi thân,
Tại ngay nơi lòng ta
Âm Dương là Nhật Nguyệt,
Chứng minh là Thủy Hoả.

Tu Chân chi Đạo toàn là ăn trộm Khí Hư Vô của Trời Đất, ăn trộm Âm Dương Tạo Hoá chi quyền. Âm Phù Kinh viết: Đạo Cơ là cái gì Trời Đất không thấy, không biết. Trời Đất không biết, không thấy, không biết, cái mà Thiên Hạ không biết, không thấy mà còn ăn trộm được. Cái gì thấy biết được là Hậu Thiên, không phải Tiên Thiên. Cái mình. Tu là Âm Chất trong người làm sao mà ngưng kết thánh thai? Trong Vô sinh Hữu, là Hình Thần Câu Diệu. Ví như Dương Toại vốn không có lửa, nhờ mặt trời nên sinh được lửa, như Phương Chư vốn không có nước, nhờ ánh Tinh Nguyệt mà có nước. [3]

Dương Toại, Phương Chư, ở xa mặt trời, không biết là bao nhiêu vạn dặm, thế mà Hữu Vô tương cảm, mà khí thông ngay.

Thế mà tiên thiên chi khí vốn ở gần ta, vốn ở trong lòng ta, làm sao mà ta không cảm hoá được. Nếu không cảm hoá được chính là vì Âm Dương không hoà hợp mà thôi. Nếu mà Âm Dương hoà hợp, thì khí Tiên Thiên từ hư vô tới, trong giây phút sẽ khiến được Đan Thành. Và Âm Dương trong ta là Dương Tính, Âm Tình, như Nhật Nguyệt trên trời, như Chân Tinh Nguyên Thần là Thuỷ Hoả của Nhật Nguyệt. Huyền Tẩn chi môn trong ta như là Dương Toại, Phương Chư, Huyền Tẩn mà thành thì Tính Tình thông, Tính tình thông thì Tinh Thần vượng, Tính Tình vượng thì Kim Đơn sinh.

Cũng như Dương Toại lấy lửa, Phương Chư lấy nước, hai cái tương hình, mà một vật sinh ra. Thế là minh chứng Vô trung sinh hữu vậy. Đạo Đức Kinh vân: Cốc Thần bất tử, thị vị Huyền Tẩn. Huyền Tẩn chi môn thị vị Thiên Địa căn. Huyền là Dương, chủ Động. Tẩn là Âm chủ tĩnh. Huyền Tẩn chi môn là Cửa sinh Âm sinh Dương, thế là Cửa có Động có Tĩnh. Cho nên gọi là Căn Cơ trời đất. Cái cửa này, có Cốc Thần canh giữ.

Cốc Thần là Âm Dương hợp nhất chi thần. Cốc Thần động tĩnh nên sinh Âm Dương, Âm Dương tương hợp lại sinh Cốc Thần. Huyền Tẩn, Cốc Thần, thuận thì sinh nhân, sinh vật nhi thành Ảo Thân, Nghịch thì sinh Tiên nhi thành Chân Thân. Thuận nghịch chi gian, mà Chân Ảo hết sức khác nhau.

Tiên Ông lấy chuyện Dương Toại lấy lửa, Phương Chư lấy nước, làm cho hai khí Âm Dương lưu thông, lấy thí dụ đó dạy người. Thật là tuyệt diệu. Tiết này chú câu: Tương dục dưỡng tính, dĩ Khảm Nam vi Nguyệt. Hai đoạn này đại ý là vậy.

[1] Nhị khí là 2 khí Âm Dương.

[2] Hiệu Trưng = hiệu nghiệm, chứng minh.

[3] Dương Toại dùng Đồng chế ra một kính lõm để lấy lửa mặt trời. Phương Chư còn gọi là Âm Toại, dùng con Sơn Đại Cáp (cắc kè lớn) hướng về mặt trăng mà lấy nước.

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trục Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Trung thiên

中篇

Chương 2

Thị phi

Đạo Trời, Đơn Đạo giản dị. Lập dị là sai

27. Thị phi lịch tàng pháp	是非歷藏法
Nội quan hữu sở tư	內觀有所思
Lý hành bộ đầu tú.	履行步斗宿
Lục giáp dĩ nhật thìn	六甲以日辰
Âm Đạo yếm cửu nhất,	陰道厭九一
Trọc loạn lộng nguyên bào	濁亂弄元胞
Thực khí minh trường vị	食氣鳴腸胃
Thổ chính hấp ngoại tà	吐正吸外邪
Trú dạ bất ngoạ mị	晝夜不臥寐
Hối sóc vị thường hưu	晦朔未嘗休
Thân thể nhật bì quyện	身體日疲倦
Hoảng hốt trạng nhược si,	恍惚狀若癡
Bách mạch đỉnh phí trì	百脈鼎沸馳
Bất đắc thanh trừng cư	不得清澄居
Luỹ thổ [1] lập đàn vũ	壘土立壇宇
Chiêu mộ kính tế tự	朝暮敬祭祠
Quỷ vật kiến hình tượng	鬼物見形象
Mộng mị cảm khái chi,	夢寐感慨之
Tâm hoan ý hỉ duyệt	心歡意喜悅
Tự vị tất diên kỳ	自謂必延期
Cự dĩ Thiên mệnh tử	遽以天命死
Hủ lộ kỳ hình hài	朽露其形骸

Cử thổ triếp hữu vi,	舉 措 輒 有 違
Bội nghịch thất khu cơ	悖 逆 失 樞 機
Chư thuật thậm chúng đa	諸 術 甚 眾 多
Thiên điều vạn hữu dư	千 條 萬 有 餘
Tiền khước vi Hoàng Lão	前 卻 違 黃 老
Khúc chiết lệ cửu đô,	曲 折 戾 九 都
28. Minh giả tỉnh quyết chỉ [2]	明 者 省 厥 旨
Khoáng nhiên tri sở do.	曠 然 知 所 由

Tạm dịch:

27. Thị phi sách còn ghi,
 Có kẻ thích nội quan.
 Chân bước theo Khôi Cương,
 Lại thích luyện Lục Giáp
 Có người luyện Phòng Trung,
 Chín nông, một lần sâu. (Cửu thiển nhất thâm)
 Có người vận hô hấp,
 Có người tu tuyệt lương.
 Ngày đêm không chịu nằm.
 Suốt tháng không ngừng nghỉ,
 Thân thể yếu mòn dần.
 Hoảng hốt như điên cuồng,
 Tạng phủ muốn sôi lên.
 Lòng không được thanh thản.
 Có người thích lập đàn,
 Sáng chiều lo tế tự,
 Bè bạn cùng ma quỷ,
 Những muốn được trường sinh,
 Đi sai ngược đường Trời,
 Thân hình sẽ hủ hoại.
 Tà thuật có rất nhiều,
 Đều ngược với Hoàng Lão
 Rốt cuộc sẽ tử vong.

22. Người hay biết yếu chỉ,
 Sẽ hiểu rõ đầu đuôi.

Tu chân chi đạo, đã được thì được mãi, hết sức giản dị. Người biết và thi hành đạo đó lập tức nên thánh hiền. Nhà Nho gọi thể là Đạo Trung Dung. Đạo Lão gọi thể là Kim Đan chi đạo, đạo Phật gọi thể là Nhất thừa chi Đạo. Chỗ tinh yếu của nó là Cương Nhu tương đáng, Tính Tình tương hợp. là thành Nhất bất nhị vậy.

Người học Đạo ngày nay, không gặp được Chân Sư, nên chạy vào bàng môn. Có người thì Định Tâm chỉ niệm, tập nội quan, có người thì bước theo sao Bắc Đẩu và luyện Lục Giáp. Có người theo tà thuật Cửu Nhất;[\[3\]](#) có người thì vận khí hô hấp, có người thì Tuyệt Lương. Có người thì ngày đêm không nằm, lúc nào tinh thần cũng hoảng hốt như điên cuồng. Có người thì Tí Ngọ hành Khí, làm cho bách mạch như sôi lên vậy. Có người đắp đất lập đàn, bẻ bạn cùng ma quỷ.

Những người như vậy, lập ra nhiều chuyện, đi ngược Đại Đạo. Mong được Trường sinh mà trái lại làm cho mình bị thương tổn. Tự chuốc lấy tai họa của Cửu Đô. Những người đó há không biết thế gian còn có Thất Phản Cửu Hoàn, Kim Dịch hoàn đơn chi đạo, có thể biến nữ thành nam, cải lão hoàn đồng, trường sinh bất tử hay sao?

Nếu có những bậc minh triết chí sĩ, lại gặp được Chân Sư và biết được yếu chỉ của Đại Đạo, thì sẽ biết rằng Đạo Tu Chân không ở trong 3600 pháp môn tà đạo vậy. Đây là ý chỉ của Tham Đồng Kế khi bàn về đoạn Quan Quan Thư Cửu.

[\[1\]](#) Lũy thờ: có bản ghi Hắc thổ.

[\[2\]](#) Tĩnh quyết chỉ: có bản ghi Thẩm quyết chỉ.

[\[3\]](#) Cửu Nhất chi thuật là phòng trung chi thuật: Cửu thiên nhất thâm, Đạo Lão coi phái này là tà phái.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Trung thiên

中篇

Chương 3

Thượng Đức

Bậc Thượng Đức hành Đạo Vô Vi.

Bậc Hạ Đức hành Đạo Hữu Vi

22. Thượng bế tắc xưng hữu,	上閉則稱有
Hạ bế tắc xưng vô.	下閉則稱無
Vô giả dĩ phụng thượng	無者以奉上
Thượng hữu Thần Đức cư	上有神德居
Thử lưỡng khổng huyết pháp	此兩孔穴法
Kim khí diệc tương tư.	金氣亦相胥

Tạm dịch:

Trên bế gọi là Hữu, (Thượng Đức=Đạo tâm)

Dưới bế gọi là Vô (Hạ Đức=Nhân tâm)

Vô cốt để phụng thượng,

Trên có Thần đức cư.

Thử lưỡng khổng huyết pháp, (Hữu Vi, Vô Vi)

Kim khí sẽ trợ phù. (Tiên thiên Chân Nhất chi khí)

Trên đây nói: Minh giả tình quyết chỉ, khoáng nhiên tri sở do. Xem xét ý chỉ gì? Biết phải đi đâu? Tức là phải biết ý chỉ của Kim Đan, hiểu lối đường của Phản hoàn.

Đạo Kim Đan có hai đường lối: Vô Vi và Hữu Vi. Bậc Thượng Đức thì hành đạo Vô Vi, để hoàn thành Tính; Người Hạ Đức thì theo đạo Hữu Vi để Liễu Mệnh.

Người Thượng Đức hành Vô Vi chi đạo, vì ở nơi họ, Thiên Chân chưa bị thương tổn, Âm Dương hoà hợp. Khiếu Nhân Tâm còn đóng, mà Đạo tâm thời còn nguyên vẹn, cho nên gọi là Có.

Người Hạ Đức hành Hữu Vi chi Đạo, vì ở nơi họ, Thiên Chân đã bị khuỷu tổn, Âm Dương bị tán hoán.

Đạo Tâm khiếu bế, mà nhân tâm thời hành sự, cho nên gọi là Vô.

Hữu là Có Đạo Tâm mà không có Nhân Tâm, Vô là Không có Đạo Tâm mà có Nhân Tâm. Vô Đạo Tâm là người Hạ Đức. Hữu Đạo Tâm là người Thượng Đức.

Người hạ đức vì Vô nên phải thù phụng Thượng Đức vì họ có Hữu. Khử Nhân Tâm tăng Đạo Tâm, là Tòng Vô nhi thủ Hữu vậy.

Cái hữu của bậc Thượng Đức, là bao giờ trong mình cũng có Thần Đức ngự trị. Dưỡng Đạo Tâm mà phòng Nhân Tâm, là mượn Hữu để hoá Vô. Nhân tâm mà mất là Chân Vô, Đạo Tâm mà bền là Chân Hữu. Chân Vô là Chân Âm, Chân Hữu là Chân Dương. Chân Vô, Chân Hữu là hai Khổng Huyệt, mà Kim Khí cũng giúp vào đấy cho.

Hai Khổng Huyệt là hai huyệt Chân Vô, Chân Hữu. Pháp là Hai phép Hữu Vi, Vô Vi.

Kim Khí là Tiên Thiên Chân Nhất chi khí. Còn gọi là Thuỷ trung Kim. Khí này hoảng hoảng hốt hốt, yếu yếu minh minh, phi sắc phi không, phi hữu phi vô. Hữu Vô tương hình là sinh ra một vật. Cho nên hai Khổng Huyệt ấy biết dùng pháp mà tu, thì Kim Khí sẽ giúp bên trong và sẽ ngưng kết. Không nói là Kim Khí tương tư, mà nói Kim Khí cũng giúp cho. Trong đó có bí mật lớn. Vì Đạo Tâm có đủ Chân Tri chi tình và thuộc Kim. Khí nó chí Cương chí Đại, Sung tặc Thiên Địa, vạn vật không khuất phục nổi. Cho nên gọi là Kim Khí, khí này còn có nhiều tên khác như Kim Hoa, như Thuỷ Trung Kim, như Chân Diên, còn gọi là Tiên Thiên Khí, là Thần Minh, là Thần Đức, là Nguyên Tinh, là Hoàng Nha. Tới chỗ thực xứ này, đều gọi là Chân Tri, Thần Minh chi Đức. Thần Đức này, người Thượng Đức hành Vô Vi chi pháp và phòng nguy, lự hiểm để bảo dưỡng nó, thế là Hữu qui về Thuần Tuý, có thể phản hoàn, thì Vô sẽ trở lại Hữu. Hữu Vi Vô Vi chi pháp sẽ thành toàn Thần Đức Kim Khí ấy vậy.

Cho nên nói Kim Khí diệp tương tư. Thượng Đức, Hạ Đức tranh nhau ở chỗ Hữu Vi Vô Vi, nhưng khi Kim Khí đã đoàn luyện xong, đã thành Chí Bảo thì Âm khí hậu thiên hoá tận và hình thần đều mỹ mãn, sẽ Dữ Đạo Hợp Chân, như vậy không còn Hữu Vô nữa, và Thiên Địa tất qui Không, cần gì phân biệt Thượng Đức, Hạ Đức nữa.

Đoạn này giải câu: Thượng Đức vô vi, bất dĩ sát cầu, Hạ Đức vi chi, kỳ dụng bất hưu.

Xem thêm: Chu Dịch Tham Đồng Khế, Bành Hiếu chú, chương 22, tr. 16.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Trung thiên

中篇

Chương 4

Dĩ Kim

Điều dụng của Hạ Đức: Tinh Hoa Hữu Vi

37. Dĩ kim vi đề phòng,	以金為隄防
Thủy nhập nãi ưu du.	水入乃優游
Kim kế hữu thập ngũ	金計有十五
Thủy số diệc như chi,	水數亦如之
Lâm lô định thù lượng	臨爐定銖兩
Ngũ phân thủy hữu dư	五分水有餘
Nhị giả dĩ vi chân,	二者以為真
Kim trọng bản như sơ.	金重本如初
Kỳ tam toại bất nhập	其三遂不入
Hoả nhị dĩ chi câu.	火二與之俱
Tam vật tương hàm thụ ^[1]	三物相含受
Biến hoá trạng nhược thần.	變化狀若神
Hạ hữu Thái Dương khí,	下有太陽氣
Phục chưng tu du gian	伏蒸須臾間
Tiên dịch nhi hậu ngưng.	先液而後凝
Hiệu viết Hoàng dư yên.	號曰黃輿焉
Tuế nguyệt tương dục cật	歲月將欲訖
Hủy tính thương thọ niên	毀性傷壽年
Hình thể như khô thổ ^[2]	形體如灰土
Trạng nhược minh song trần.	狀若明窗塵
38. Đào trị tịnh hợp chi,	搗治並合之
Tri nhập xích sắc môn,	持入赤色門

Cố tắc kỳ tế hội	固塞其際會
Vụ lệnh trí hoàn kiên	務令致完堅
Viêm hoả trương ư hạ,	炎火張於下
Trú dạ thanh chính cần	晝夜聲正勤
Thuỷ Văn sử khả tu,	始文使可修
Chung cánh Vũ nãi trần	終竟武乃陳
Hậu thị gia cẩn thận	候視加謹慎
Thẩm sát điều hàn ôn.	審察調寒溫
Chu tuyền thập nhị tiết	周旋十二節
Tiết tận cánh tu thân	節盡更須親
Khí sách mệnh tương tuyệt	氣索命將絕
Hữu tử vong hồn phách	休死亡魂魄
Sắc chuyển cánh vi tử	色轉更為紫
Hách nhiên thành hoàn đan,	赫然成還丹
Phấn đề dĩ nhất cửu,	粉提以一九
Đao khuê tối vi Thần.	刀圭最為神

Tạm dịch:

Kim đơn phải đề phòng
 Khi cho Kim vào Nước.
 Vàng nặng 15 lạng
 Nước cũng nặng như in.
 Cho vàng vào trong nước,
 Phải theo phân lượng.
 5 phân là nước dư
 2 phần mới thật tốt.
 Kim vẫn nặng như cũ.
 3 phân không cho vào
 Dùng Hoả cũng 2 phân
 3 vật (Kim, Thuỷ, Hoả) mà gặp nhau,
 Biến hoá sẽ như Thần.
 Trong có Thái dương khí,
 Nóng ngấm một thời gian,
 Lỏng trước rồi đặc sau,
 Tên gọi là Hoàng dư
 Lại thu nhiếp thời gian,

Hình hài đều tan biến

38. Đảo trị dễ hợp thành

Lại hư linh bất muội

Căn cơ cần giữ vững

Kim đơn phải toàn kiên.

Lửa cháy rực trong lò,

Ngày đêm phải cẩn thận

Văn Hoả hợp đơn trước,

Ôn dưỡng Võ hoả sau.

Mỗi ngày lo xem xét,

Phải lo điều Hàn Ôn,

Chu tuyền 12 tiết,

Tiết tạn phải thân hơn,

Hồn phách chết dần đi

Kim đơn hoá màu tím

Hách nhiên thành Hoàn Đan,

Hoàn Đan là Đạo Khuê,

Linh nghiệm tựa như thần.

Thượng tiết nói về Thượng Đức, Hạ Đức, và hai phép Hữu Vi, Vô Vi. Tiết này nói về Diệu Dụng của Hạ Đức. Hạ Đức là những người theo Hữu Vi chỉ đạo, từ Hậu Thiên muốn phản hồi về Tiên Thiên.

Muốn từ Hậu Thiên trung phản Tiên Thiên, trước hết phải biết một vị là Chân Kim Đại Dược. Đó không phải là thứ vàng thế gian, mà chính là Chân Kim của Chân Tri chúng ta vậy. Vàng này được lửa đoàn luyện, nó trường cửu cùng Trời Đất, nó sáng như hai vầng Nhật Nguyệt, cho nên sau khi Đơn Thành, gọi là Kim Đơn.

Ý muốn nói rằng Thuốc này do Vàng mà thành, cho nên khi vào lò phải đề phòng ngay Vàng này. Đề phòng là đề phòng không cho Kim sinh Thủy. Đề phòng không cho Kim sinh Thủy là cho Kim nhập Thủy. Không phải là thứ nước thường, nhưng mà chính là Tinh Nhất chi Thủy. Đơn Đạo coi việc dùng Vàng là Đại Sự, thì việc cho Vàng vào nước cũng không phải là chuyện nhỏ.

Phòng Kim là phòng chỗ bất tức bất ly, Nhập thủy là phải không được nhanh được chậm. Bất tức bất ly, là trong Sát có Sinh. Bất Cấp Bất Hoãn là trong Nhu có Cương. Ưu Du là Trung Dung tự nhiên, dĩ dật dĩ lao, dĩ tĩnh hầu động. Phòng Kim nhập thủy chi diệu, phải biết Bản Số của Kim Thủy. Mà Chân Kim của Chân Tri là từ Nhất Dương mà lại, mà dần dần đi đến thuần toàn. Nó tròn vành vạnh và sáng rực rỡ. Thông u đạt minh, như Trăng hôm rằm, rắng tròn vành vạnh, không đâu không chiếu tới, lấy số là 15 lạng. Đó là bản số của Vàng. Có 1 phân Kim là sinh được 1 phân Thủy. Có 1 lạng vàng là sinh được 1 lạng nước.

Như trăng 16 là một Âm sinh, đến ngày 30 là quang huy tận tiêu, trở thành đen ngòm. Lấy số cũng là 15 lạng. Cho nên nói Kim Số là 15, mà Thủy số cũng như vậy. Dùng nước cũng có diệu dụng. Không được

dùng bản số (15). Ví dụ bản số của Thuỷ là 15 lạng, Nếu sinh tới 5 phân, thế là Thuỷ hữu dư, không được cho vàng vào. Chỉ khi nào sinh vừa tới 2 phân, thì mới là Tinh Nhất chi Chân Thuỷ, mới là lúc cho Vàng vào cái nước thật đó. Như vậy Thuỷ sẽ có thể sinh Kim. Đó là Mẹ ẩn trong tử thai, là tử báo mẫu ân vậy.

Kim bất tiết khí, vô thương ư kim. Như vậy Kim vẫn nặng như cũ. Không mất đi cái bản số 15 lạng của mình. Nếu như Thuỷ sinh tới tam phân, thì cũng gọi là Có Thừa, không nên cho Vàng vào.

Học giả phải biết phân biệt nước có trong có đục, có Nhâm có Quí. Nhâm Thuỷ là nước trong, thuộc dương. Quý Thuỷ là nước đục thuộc Âm, Nhâm Thuỷ là nước có khí nhưng chưa có chất. Đó là Chân Thuỷ tinh nhất bất nhị. Quý Thuỷ là nước thuần Âm và có Chất. Đó là thứ nước dơ thông thường.

Nước có hai phân thuỷ là nước nguồn, chưa chảy đi, còn hết sức tinh khiết, là Nhâm Thuỷ vậy. 3 phân chi thuỷ là nước đã chảy và đã bẩn. 5 phân thuỷ là nước đã chảy đi khá xa, đã vẩn đục. Đó đều là Nhâm Thuỷ.

Đơn đạo cho vàng vào nước chỉ cần khí nước chứ không cần chất. Dụng chất sẽ làm thương tổn vàng. Dùng khí sẽ giúp cho vàng, Cho nên lấy nước 2 phân trợ giúp cho vàng 15 lạng. Thế là nhập thuỷ đắc chân, nhập hoả phải thời. Lửa là Hư Linh chi Thần, là Hoà Khí Âm Dương. Dùng Thuỷ 2 phân, thì dùng lửa cũng phải 2 phân. Lửa 2 phân là lửa vừa mới cháy. Âm mà không khô, sáng nhưng không quá. Lửa dùng 2 phân thì không làm mất trọng lượng của Vàng. Hoả dùng nhị phân thì không khắc với thể của Kim.

Như vậy mà phối hợp nhau, thì nước sẽ tới giúp lửa mà lửa sẽ không khô. Hoả tới luyện Kim, thì Kim sẽ sáng ra. Kim tới sinh thuỷ thì nước vốn sẵn đã Thuỷ Hoà Tương tể. Kim hoả đồng cung, 3 vật sẽ cùng nhau hàm thụ, chúng sẽ biến hoá thần diệu bất trắc. Và 3 vật hàm thụ là Tam nhi qui Nhất. Trong đỉnh lô thì Dược là Hoả, Hoả là Dược. Dược hoả tương sinh, hoà khí huân chưng. Trong có Thái Dương linh quang nhất điểm. Chân Hoả đoàn luyện, trong khoảnh khắc. Chân Kim dung hoá thành.

Từ non đến cứng dần. Biến trắng thành vàng. Gọi là Hoàng Dư. Hoàng là màu vàng, Dư là Đất. Kim có Táo Khí nhưng gặp lửa thì Táo khí tiêu. Cứng hoá mềm, Cương Nhu như nhất. Âm Dương hỗn hợp, qui về Trung Chính. Gọi là Hoàng Dư hay là Kim Đơn. Thánh Nhân tu luyện đại đan, rút năm thành tháng, rút tháng thành ngày, rút ngày thành giờ. Dùng phép thu nhiếp, còn lại 1 giờ, đoạt tận Thiên Địa tạo hoá, đoạt tận Âm Dương Ngũ Hành. Dễ lắm khó gặp. Nếu sai 1 ly, thì sẽ sai cả ngàn dặm, huỷ tính thương thọ, được rồi lại mất. Lúc ấy, phải biết dùng hiện tiền, xem hình tướng bên ngoài, hình không có hình, trong xem vào tâm, tâm không còn tâm, hình thể đều quên, không lửa không khói, như đất, như than. Như cửa sổ sáng không bụi bặm. Đảo trị mà hợp, cương nhu đều hoá, hình tích mất hết. Đưa về Xích Sắc Môn, hư linh bất muội, vô vi bất chiếu.

Cho nên tắc kỳ tế hội, vự lệnh toàn kiên. Hoàn đơn trong một lúc, Ôn Dưỡng mất 10 tháng. Cổ tế lao phong, không lúc nào được lìa. Khi nào thai chưa hoàn, Thần chưa toàn, thì công phu ôn dưỡng chưa được ngưng nghỉ. Lửa cháy phía dưới, ngày đêm phải cần cù, thì Thiên Niên Chân Hoả tự nhiên sẽ cháy trong lò. Mới đầu dùng Văn Hoả để hợp đơn. Sau dùng Vũ hoả để Ôn Dưỡng 10 tháng. Vũ hoả để luyện kỹ. Hầu thị gia cẩn thận giả.

Hậu thị là xem xét sự tồn vong của mỗi ngày. Phải cẩn thận hết sức, phải phòng nguy, lự hiểm là vậy. Thẩm sát điều hàn ôn là Thẩm sát độ số của hoả hầu. Làm sao cho nó không táo, không lạnh. Khi thì làm cho nó lạnh, khi thì làm cho nó ấm, điều hoà thu xếp làm sao cho tương xứng, sao cho chu tuyền cả 12 tiết. Tiết tận rồi lại phải thân mật hơn: Sáng tiến Dương Hoả, chiều vận Âm Phù. Âm Dương phù hoả, chung nhi phục thuỷ, tuần hoàn vô đoạn, công phu bất tức. Khí sách mệnh tương tuyệt, hưu tử vong hồn phách. Tam hồn dĩ tử, tình tính tinh thần, ngưng kết bất tán. Như si như túy, chỉ có một điểm Tiên Thiên nhất điểm thanh Dương chi khí, và Pháp Thân thành vậy. Cái thân này gọi là Kim Cương bất hoại chi thần,

hay còn gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân. Còn gọi là Tử Kim Đan.

Kim Đan mà đã hoá Tím, thì là Hách hách chi Dương. Không còn chút chi là Âm Khí nữa. Ôi! đơn này to như bụi phấn hay như Đào Khuê, [3] thần thông diệu dụng, có thể xuất tử, nhập sinh, có thể làm cho xương khô sống lại, có thể làm cho người mù sáng mắt. Uống được nó rồi, thì lập tức thành thánh hiền. Đó là Hạ đức Hữu Vi chi pháp, là Diệu Quyết Vô trung thủ Hữu. Đoạn này chú câu: Tri bạch thủ hắc, chí thường dữ nhân câu nhất. [4] Lời chú thích trên, sánh với lời văn Tham Đồng Khế còn tinh tường hơn. Lại giải thích cái vi tế của Hoả Hậu, làm đại lộ Thiên Cơ. Nếu học giả thông triệt chương này, thì đã biết về Tu Đơn diệu dụng được quá nửa rồi.

[1] Tương hàm thụ: có bản viết là Tương hợp độ.

[2] Như khô thổ: có bản viết là Vi khô thổ.

[3] Đào Khuê là Kim Đơn.

[4] Đạo Đức Kinh, chương 23.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Trung thiên

中篇

Chương 5

Nhĩ mục

Yếu chỉ của Vô Vi

66. Nhĩ, mục, khẩu tam bảo,	耳 目 口 三 寶
Bế tắc vật phát thông.	閉 塞 勿 發 通
Chân nhân tiềm thâm uyên,	真 人 潛 深 淵
Phù du thủ qui trung	浮 游 守 規 中
Tuyền khúc dĩ thị thính	旋 曲 以 視 聽
Khai hạp giai hợp đồng.	開 闔 皆 合 同
Vi kỷ chi khu hạt,	為 己 之 樞 轄
Động tĩnh bất kiệt cùng,	動 靜 不 竭 窮
Ly khí nội doanh vệ ^[1]	離 氣 內 營 衛
Khảm nãi bất dụng thông.	坎 乃 不 用 聰
Đoài hợp bất dĩ đàm,	兌 合 不 以 談
Hi ngôn thuận hồng môn	希 言 順 鴻 蒙
Tam giả ký quan kiện	三 者 既 關 鍵
Hoãn thể xử không phòng	緩 體 處 空 房
Ủ chí qui hư vô	委 志 歸 虛 無
Vô niệm dĩ vi thường,	無 念 以 為 常
Chứng nan dĩ suy di	證 難 以 推 移
Tâm chuyên bất tung hoành	心 專 不 縱 橫
Tầm mị thần tương bảo	寢 寐 神 相 抱
Giác ngụ hậu tồn vong	覺 寤 候 存 亡
Nhan sắc tẩm dĩ nhuận	顏 色 浸 以 潤
Cốt tiết ích kiên cường	骨 節 益 堅 強

Bài khước chúng Âm tà,	排卻眾陰邪
Nhiên hậu lập chính dương	然後立正陽
Tu chi bất chuyết hưu[2]	修之不輟休
Thứ khí vân vũ hành	庶氣雲雨行
Dâm dâm nhược xuân trạch	淫淫若春澤
Dịch dịch tượng giải băng	液液象解冰
Tòng đầu lưu đạt túc	從頭流達足
Cửu cánh phục thượng thăng	究竟復上升
Vãng lai động vô cực,	往來洞無極
Phật Phật bị dung trung	佛佛被容中
Phản giả đạo chi nghiệm,	反者道之驗
Nhược giả đức chi bính	弱者德之柄
Canh vân túc ô uế,	耕耘宿污穢
Tế vi đắc điều sướng	細微得調暢
Trọc giả thanh chi lộ	濁者清之路
Hôn cửu tắc chiêu minh	昏久則昭明
21. Hoàng trung tiệm thông lý	黃中漸通理
Nhuận trạch đạt cơ phu	潤澤達肌膚
Sơ chính tắc chung tu,	初正則終修
Cán lập vị khả trì	幹立未可持
Nhất giả dĩ yểm tế	一者以掩蔽
Thế nhân mạc tri chi.	世人莫知之

Tạm dịch:

Tai, Mắt, Thân là Tam Bảo,
 Bế tắc không khai thông.
 Chân Nhân tiềm thâm uyên
 Nắm vững lấy chữ Trung.
 Hồi quang để nghe nhìn,
 Mở đóng để hợp đồng.
 Khắc kỷ là khu hạt,
 Công phu không gián đoạn,
 Trùng phần giáng Ly Hoả,
 Khảm sẽ không dụng thông,
 Đoài tĩnh ít nói năng,
 Tam bảo then khoá chặt,

Tâm trung sẽ không hư,
Tu sao qui Hư Vô,
Tu sao thường vô niệm,
Cần chuyên tâm, dốc trí
Thức Ngủ vẫn y nguyên.
Giác Ngộ sẽ vô lậu,
Nhan sắc sẽ tươi lên.
Xương cốt sẽ rắn chắc,
Trừ khử được chúng tà,
Chính Dương rồi ra lập,
Tu luyện không ngừng nghỉ,
Thần linh, Khí mới sảng,
Mây mưa trừ oi bức,
Như Xuân khí nhuận trạch,
Băng giải hàn khí tiêu.
Dưới trên nước thông suốt,
Đưa Khí xuống tới chân,
Lại đưa ngược lên đầu,
Vãng lai động vô cực,
Trên dưới đều dung thấu.
Đạo là biết trở lại,
Đức kia vốn yếu mềm,
Cày bừa ô uế cũ,
Tất cả sẽ điều sượng.
Trọc trước sẽ thanh sau,
Trước tối sau sẽ sáng.
21. Lòng trời dần thông tỏ,
Da dẻ đẹp tươi dần,
Trước hay sau sẽ tốt,
Gốc vững ngọn sẽ ngay,
Căn cốt nhìn chẳng ra,
Thế nhân thiệt u tối.

Tiết trên nói về tinh hoa của Hữu Vi rất là tường tận. Tiết này tiếp theo tiết trên, nói về yếu chỉ của vô vi. Vô vi là đạo Bảo Nguyên thủ nhất, là Đạo của bậc Thượng đức. Còn nếu là bậc Hạ Đức, mà hoàn đơn

đã tới tay, mệnh cơ đã vững chãi, thì cách hành trì cũng như bậc Thượng Đức không kém. Từ hữu vi nhập vô vi vậy. Vả đức của người theo đạo thủ trung bảo nhất, không phải là Không Không Vô Vi. Trong đó có việc phải bảo vệ cho Tiên Thiên khỏi biến ra Hậu Thiên. Phải dứt tuyệt vạn duyên, không nhiễm trần ai, thân tâm đại định, sẽ có thể giải quyết mọi chuyện. Nếu thân tâm mà bất định, thì đều là do nhĩ, khẩu, thiệt làm thiệt hại mình, nhất là tai. Tai nghe tiếng động, mắt trông màu sắc, miệng phát tiếng nói. Tuy mắt, tai, miệng động, mà tâm chuyển vận. Tâm động thì thân di, chân tính mất sáng. Tuy hoàn đơn đã đến tay, nhưng Pháp Thân khó thoát chuyện Dương Cực Sinh Âm, được nhưng cuối cùng vẫn lo mất.

Nếu bế tắc được Tam Độc, không cho nó thông suốt, thì Tam Độc có thể chuyển thành Tam Bảo, chẳng những nó không hại mình, mà lại còn có thể sinh phúc cho mình. Bế tắc không phải là nhắm mắt, khoá miệng, bịt tai mà chính là phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn. Phi lễ vật thị là chỉ nhìn điều nghĩa lý, không nhìn điều phi lễ. Phi lễ vật thính là chỉ nghe những điều nghĩa lý, không nghe điều phi lý. Phi lễ vật ngôn là chỉ nói điều nghĩa lý, không nói điều phi lý. Nói đến kỳ cùng là nhìn sắc không thấy sắc là nhắm mắt; nghe thấy âm thanh mà không phải là âm thanh; không đúng thời không nói là ngậm miệng. Có thể đóng khoá mắt, tai miệng như vậy thì nội niệm chẳng sinh, vật bên ngoài không thể vào, thân tâm sẽ bất động, và Chân Nhân sẽ như chìm đáy vực, vô thức, vô tri, động tĩnh như một. là phù du thủ qui trung vậy. Qui là giữ cho tròn vẹn, Viên là Trung, Trung là Viên. Qui Trung là Doãn chấp quyết trung. Tiềm thâm uyên là Duy Tinh Duy Nhất. Tinh Nhất chấp trung, là Tâm bất Động, bất giao. Tuyền khúc dĩ thị thính là Hồi quang phản chiếu. Chuyển thông hỷ trí là thu liễm tinh thần. Khai hạp giai hợp đồng hỷ là Tâm tử thần hoạt, Bế tà tồn thành, Vật vong vật trợ vậy. Vi kỷ chi khu hạt là Kỷ là tư dục. Khu hạt là khắc kỷ. Động tĩnh bất kiệt cùng là hoặc động, hoặc tĩnh công phu bất gián đoạn. Ly khí nội doanh vệ là Ly là Hoả, là Thần. Hoả động tắc Thần cuồng nhi phần sinh.

Trong con người nếu biết Trừng Phần thì Tâm hoả sẽ hạ giáng, là Thần sẽ định. Khảm sẽ không dùng thông minh nghĩa là Khảm là Thuỷ là Tinh. Thuỷ nhiều, Tinh sẽ giao động và dục sẽ sinh. Không dùng thông minh là Trật dục và Thận Thuỷ sẽ dâng cao, và Tinh lập tức sẽ hoá. Đoài là Kim là Tinh, tính nó vui vẻ. Kim táo thì Tinh Động, Tâm sẽ vui và Tiết khí. Lôi noi là tiếng của Tâm. Ít nói thì tâm sẽ tĩnh và tình sẽ vong. Thế là có Chân Duyệt và Âm Dương sẽ hoà.

Nhất khí sẽ hồn luân (hợp nhất) và sẽ thuận Hồng Mông. Ly Khảm Đoài bộ ba là Tinh Khí Thần nội Tam Bảo, ngoài mà Nhĩ, Mục, Khẩu bế tắc, thì Tinh Khí Thần sẽ an định bên trong. Nội ngoại Tam Bảo sẽ được Quan Kiện (đóng chắc), thì nội niệm bất xuất, ngoại niệm bất nhập. Hoãn kỳ Chân Nhân chi thể xử không phòng. Hoãn là bất tức bất ly, dĩ dật đãi lao. Không phòng là Không trung hữu thể, nhưng không phải là Ngoan Không mà là Chân Không. Chân Không là Không mà chẳng Không, cho nên đoạn văn sau viết tiếp: Ủy chí qui Hư Vô, Vô niệm dĩ vi thường dã. Ủy chí là Bất Không, Vô niệm cũng là Không.

Đơn thư nói: Chỉ diệt Động Tâm, mà không diệt chiếu tâm vậy. Chứng nan dĩ suy di, Chuyên Tâm bất tung hoành là chuyên tâm và dốc chí vậy. Ngụ mị thần tương bảo. Nghĩa là Thức Ngủ đều lưu tâm đến sự còn mất, thế là Ngụ mị nhi bất vong. Công phu như thế, thì lục căn môn đầu sẽ vô lậu, chẳng những Chân Nhân, Pháp Thân được nuôi dưỡng, mà hậu thiên Ảo Thân cũng tự nhiên được kiện tráng, nhan sắc đẹp đẽ, cốt tiết kiên cường. Sẽ quyết tâm bài trừ được chúng tà, và sau đó lập được chính dương.

Quần âm mà hoá tậ, thì Kim Đơn sẽ thành thực. Công phu mà chưa thành thì chưa ngưng nghỉ. Cổ tiên xưa nói: Còn chút Dương Khí thì chưa thể chết, còn chút Âm khí thì chưa thành Tiên. Nếu còn chút nào Âm khí chưa tiêu, thì đó là Hoạ căn vậy. Tuy đại đạo đã thấy trước mắt, vẫn chưa dám nói là sẽ thành công.

Cho nên người tu đạo, phải tu cho tới thuần Dương, không còn chút Âm Khí nào, như vậy mới được.

Trừ khử được chúng tà, và Chính Dương đã yên ổn, được vậy mà vẫn chưa ngừng công phu, như vậy sẽ được Thần linh, Khí sáng, như khi trời có mây mưa, sẽ giải trừ oi bức, phiền muộn, y như xuân khí nhuận trạch, hàn khí tiêu hết, thì băng tích sẽ tiêu tan. Nước sẽ chảy từ đầu tới chân thông suốt. Từ đầu xuống chân, thu xếp đầu ra đáy, rồi lại đưa khí ngược lên trên. Điên đảo nghịch thì, từ dưới thấp trèo lên cao. Vãng lai động vô cực là một khí vận dụng, mà tâm kiên, chí viễn. Phí phí bị dung thông giả là vạn vật giai không. Vô tư vô lự là phản giả đạo chi nghiệm. Biết phản phác là Thành Đạo chi nghiệm. Nhược là then chốt của Đức. Có thể Nhu Nhược, đó chính là Căn Cơ của Cương Cường. Có thể cày bừa đi những gì ô uế của các kiếp. Tế điều bản lai chi Thiên Chân. Tuy mới đầu thì đục, như sau sẽ trong, mới đầu thì tối nhưng sau sẽ sáng. Hoàng Trung sẽ dần dần thông lý và cơ thể dần dà sẽ được nhuận trạch. Nếu lòng mình tinh thành, thì nó sẽ dải ra ngoài. Vẻ đẹp bên ngoài sẽ tùy căn cơ mà phát lộ ra, thế là hình thần câu diệu.

Tiết này nói cạn nhưng ý sâu. nó nghiệm chứng bằng các ví dụ nơi Ảo Thân, nhưng kỳ thật nó vẫn tàng ẩn khẩu quyết để ôn dưỡng Pháp Thân. Ví dụ đầu tiết nói Chân Nhân tiềm thâm uyên, phù du thủ qui trung, nên biết đó là chuyện sau Hữu Vi, Nhưng cũng là Đạo Vô Vi. Nếu cẩn thận mà luyện kỹ, thì làm sao mất được Tiên Ông chi diệu chỉ. Chân Nhân là Thánh Thai. Vừa luyện kỹ thì Chân Nhân còn chưa hiện, thì làm sao mà có thể Tiềm Thâm Uyên mà thủ qui trung được.

Học giả nên hiểu biết tiết này, đó là cách dưỡng kỹ của lời chú Khế văn vậy. Bốn câu: Nhĩ, mục, khẩu tam bảo, bế tắc vật phát thông, Chân Nhân tiềm thâm uyên, Phù du thủ qui trung.

Đó là 4 câu của Tham Đồng Khế dạy Dưỡng kỹ. Bốn câu Nội dĩ dưỡng kỹ, An Tĩnh Hư Vô, Bản Nguyên ẩn minh, nội chiếu hình khu,[3] đó là xoay sở, trông nhìn cho đến Nhiên hậu lập Chính Dương 12 câu tức là để chú Câu tam quan lục trầm, ôn dưỡng tử châu. Từ câu Tu chi bất chuyết hưu đến Tế Vi đặc điều sường 12 câu cốt là để chú câu Cần nhi hành chi, tức dạ bất hưu vậy.

Từ câu Trục giả thanh chi lộ đến Nhuận trạch đích cơ phu bốn câu để giải câu: Phục Thực Tam tải đến câu Trường lạc vô ưu sáu câu đến câu Văn đạo thành đức tự v.v... sáu câu Hiển nhi dị hội, bất khả cập chi, thì biết rằng tiết này dạy sau khi Tu Mệnh phải Tu Tính. Cuối cùng nói: Đầu mà hân hoi, gốc mà vững thì ngọn sẽ hay, thật là đúng vậy.

Đầu hay, gốc vững là thoát đầu đi vào con đường Hữu Tác là Tu Mệnh. Chung tu mạt tri là Mạt nhi Vô vi để Tu Tính. Tính Mệnh cần phải song tu. Công phu theo đoạn này, thì sẽ làm được việc lớn: Người Hạ Đức phải Tu Mệnh trước rồi Tu Tính sau. Đã nắm được Mệnh Bửu, phải tu hành thêm đoạn công phu sau, mới nhập được Thánh Cơ. Cho nên nói Sơ Chính tắc Chung Tu, Cán lập mạt khả tri vậy.

Vả thượng đức thời Vô Vi, hạ đức thời Hữu Vi, là cốt phải biết Tiên Thiên Chân Nhất chi khí. Thượng đức Vô vi, là Thủ Nguyên Bảo Nhất, tức là Thủ Khí này vậy.

Hạ Đức thời Hữu Vi là từ Hậu Thiên phản hồi Tiên Thiên, tức là trở về với cái Khí này vậy. Nếu không biết Thượng Đức là Vô Vi, thì sẽ rơi vào Không Tịch; Nếu không biết Hạ Đức là Hữu Vi thì sẽ chấp vào ảo tượng. Hữu vi cũng không phải, Vô Vi cũng không phải, cho nên nói: Tri kỳ Nhất, vạn sự tất, chính là vì vậy. Người tu đạo nếu không gặp minh sư, thì cái Khí đó ẩn trong Hậu Thiên, không hiển lộ ra, như vậy làm sao mà biết? Cho nên nói: Nhất giả dĩ yểm tế, thế nhân mạt tri chi. Cho nên học giả phải mau tìm chân sư.

[1] Nội doanh vệ: có bản viết: Vinh vệ.

[2] Bất chuyết thể: có bản viết: Chiếp thể.

[3] Xem Tham Đồng Khế tr. 123.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Hạ thiên

下篇

Chương 1

Suy Diễn

Suy Diễn số Ngũ Hành sinh khắc sẽ suy ra Đạo Kim Đơn

39. Suy diễn Ngũ hành số,	推演五行數
Hiệu ước nhi bất phiền	較約而不繁
Cử thủy dĩ kích Hoả	舉水以激火
Yểm nhiên diệt quang minh	奄然滅光明
Nhật nguyệt tương bạc thực	日月相薄蝕
Thường tại Sóc Vọng gian	常在朔望間
Thủy thịnh Khảm xâm dương,	水盛坎侵陽
Hoả suy Ly trú hôn	火衰離晝昏
Âm Dương tương ẩm thực	陰陽相飲食
Giao cảm Đạo tự nhiên.	交感道自然
40. Danh giả dĩ định tình,	名者以定情
Tự giả dĩ Tính ngôn	字者以性言
Kim lai qui Tính sơ,	金來歸性初
Nãi đắc xưng hoàn đơn	乃得稱還丹
Ngô bất cảm hư thuyết,	吾不敢虛說
Phỏng hiệu Thánh Nhân văn	倣倣聖人文
Cổ ký đề Long Hổ	古記題龍虎
Hoàng đế mỹ Kim Hoa	黃帝美金華
Hoài Nam luyện thu thạch,	淮南煉秋石
Ngọc Dương gia Hoàng Nha.	玉陽加黃芽
Hiền giả năng trì hành,	賢者能持行
Bất tiểu mẫu dữ câu.	不肖母與俱

Cổ kim Đạo do nhất	古今道由一
Đối đàm thổ sở mưu,	對談吐所謀
Học giả gia miễn lực	學者加勉力
Lưu niệm thâm tư duy,	留念深思維
Chí yếu ngôn thậm lộ	至要言甚露
Chiêu chiêu bất Ngã khi.	昭昭不我欺

Tạm dịch:

39. Suy diễn số Ngũ Hành,
Giản dị không phiền toái.
Tạt nước lửa sẽ tắt,
Hoả yếu quang minh tận.
Nhật Nguyệt thực thường có,
Ngày Sốc và ngày Vọng.
Thuỷ thịnh Khảm thâm Dương
Hoả suy, Ly ám hôn.
Âm Dương ăn lẫn nhau,
Giao cảm Đạo tự nhiên.

40. Tên cốt để định Tính,
Tự cốt nói về Tính
Kim lai qui Tính sơ,
Nên tên là Hoàn Đơn
Ta không nói Hư Thuyết,
Chỉ phỏng thánh nhân văn.
Cổ thư đề Long Hồ,
Hoàng đế gọi Kim Hoa,
Hoài Nam kêu Thu Thạch,
Ngọc Dương gọi Hoàng Nha.
Kim Đơn tên nhiều vậy,
Hiền giả biết nghe theo.
Bất tiểu nghe chẳng hiểu,
Cổ kim Đạo chẳng hai,
Người tu khi đàm luận,
Thổ lộ ra chân tình
Học giả phải tận sức.
Suy tư cho thâm sâu,

Chí yếu lời càng rõ.

Sáng tỏ không lừa ta.

Đạo Kim Đơn là đạo điều hoà Âm Dương. Âm Dương hoà thì sinh Đơn, Âm Dương chống nhau thì làm hư Đạo. Suy diễn số Ngũ Hành sinh khắc, thì sẽ suy ra đạo Kim Đơn. Chí ước nhi bất phiền, ví dụ tạt nước vào lửa, thì lửa sẽ tắt. Thế là Thuỷ khắc Hoả. Mặt trời ở ngày Sóc thì có Nhật Thực vì Âm thịnh hơn Dương. Mặt trăng ở ngày Vọng thì có Nguyệt thực vì Dương thịnh hơn Âm. Lại như Nguyệt Thế Thuỷ thịnh thì Dương quang phải yếu. Mặt trời mà hoả sắc yếu thì ban ngày sẽ tối. Chuyện ấy chính là vì Âm Dương mất quân bằng không tương tế với nhau.

Nếu mà Âm Dương tương ứng mà tùy thời giao cảm, thì Đạo sẽ tự nhiên, làm gì có chuyện xâm lấn, thương hại nhau. Chân Tính con người thuộc Dương, Chân tình thì thuộc Âm. Bản Lai vẫn là Âm Dương nhất khí. Tính Tình tương hợp thì sẽ hồn nhiên Thiên Lý, bất thức bất tri, thuận theo luật trời. Bất thức bất tri là Thể của Tính, Thuận Đế chi tắc là Dụng của Tình. Tính Tình tự nhiên, đều là do Vô Tâm. Hai chữ đó đều Đồng Xuất nhi Dị Danh. Cũng như Tên thì có Tự, tên cốt để định tình, Tình ví như Danh. Tự là nói về Tính, Tính ví như Tự. Danh Tự vốn là một vật. Tính Tình đâu có phải là hai vật. Chỉ vì giao tiếp Hậu Thiên, nên trong Chân có Giả, Âm Dương phân ly, Tính Tình đối lập nhau, bất hoà với nhau. Như Thuỷ thịnh thì Khảm thâm thương, Hoả suy thì Ly trú hôn (mặt trời ban ngày bị tối), Chân Tình biến thành Giả Tình, Chân Tính biến thành Giả Tính.

Đạo Kim Đơn là suy tính hợp tính, là Tìm Chân trong Giả, tìm Sống trong chết, để cho Âm Dương tương hợp, trở lại Thiên Lý, không hay không biết, theo đúng phép tắc của Trời, tìm ra Bản Lai diện mục của mình, cho nên gọi là Hoàn Đơn. Hoàn Đơn là trở về với cái Bản Lai, Nguyên Hữu của mình, không hề có tăng có giảm, lại nói rằng: Hoàn Nguyên phản bản.

Ta không dám nói bậy. mà phỏng theo lời văn của thánh hiền xưa. Đó chính là lời tựa của Chân Nhân, cho nên đó là lời nói có gốc, lời nó có kê cứu.

Hoàn Đơn này, cổ lai thánh hiền, tùy phương tiện mà đặt tên, nên không đồng nhất.

Cổ Ký thì gọi là Long Hồ Đan, Hoàng Đế thì gọi là Mỹ Kim Hoa, Hoài Nam thì gọi là Thu Thạch, Ngọc Dương thì gọi là Hoàng Nha, Tham Đồng Khế thì gọi là Kim Sa, là Đạo Khuê, tất cả đều cốt là hình dung ra Hoàn Đan là gì mà thôi.

Đạo này người Thượng Sĩ mà nghe được, thì chuyên cần tu hành, cho nên nói người Hiền thì nghe theo, còn kẻ Hạ Sĩ mà nghe thấy thì cười toáng lên, Cho nên nói không hợp với kẻ bất tiểu (người hư).

Cho nên đạo cổ kim xưa nay, là nhân ngồi nói chuyện với nhau và thổ lộ tâm tình cho nhau nghe. Kim Đơn đại đạo xưa nay vốn là chuyện khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương thụ của Thánh Hiền. Hai bên đối đàm với nhau mà lộ ra những mưu toan của mình. Đó mới chính là cái học vấn Chân tri, Chúc Kiến. Chứ không phải là đoán mò, nói bậy.

Tuy là thành đạo có trước có sau, nhưng đường lối tu trì là một. Tức như lý của Tham Đồng Khế, thì hai ông Ngụy, Từ đều học với Âm Chân Nhân, đến lúc viết ra và chú giải thì Ngụy Ông chứng cho Từ Ông, Từ Ông chứng cho Ngụy Ông. Đề là đối đàm thổ mưu, không có gì sai trái.

Học giả nếu có thể cố gắng suy tư, hốt nhiên tìm ra được yếu chỉ, thì có thể nhảy vọt được vào hàng Nghĩa lý, như các tiên Ông đối đàm sở mưu, và quyết tâm thi hành, và quyết định thành Đạo, thì sẽ thấy Tiên Ông không hề lừa dối mình.

Thế gian ngu nhân cho rằng Tham Đồng Khế luyện Phàm Sa, Phàm Cống, như thế chẳng những phụ lòng ưu ái của Tiên Ông, lại còn huỷ báng thánh đạo, thật đáng sa địa ngục, nếu không biết hối ngộ lại còn cho mình là Tu Chân chi sĩ, thật là sỉ nhục và đáng chết. Tiết này chú thích đoạn Duy Tích thánh Hiền (Xem lại hạ Thiên, của Nguy Bá Dương). Xem: Trung Quốc khí công tứ đại Kinh điển của Phương Hú tr. 147- 152, đoạn 12 và 13.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Hạ thiên

下篇

Chương 2

Hồ phấn

Phải biết phục thực Hạo Nhiên chi Khí mới thành Đạo

12. Hồ phấn đầu hoả trung	胡粉投火中
Sắc hoại hoàn vi Diên	色壞還為鉛
Băng tuyết đắc ôn thang	冰雪得溫湯
Giải thích thành Thái Huyền.	解釋成太玄
Kim dĩ sa vi chủ,	金以砂為主
Bẩm hoà ư thủy ngân	稟和於水銀
Biến hoá do kỳ chân,	變化由其真
Chung thủy tự tương nhân,	終始自相因
Dục tác phục thực tiên,	欲作伏食仙
Nghi dĩ đồng loại giả,	宜以同類者
Thực hoà đương dĩ cốc,	植禾當以穀
Phúc kê dụng kỳ noãn,	覆雞用其卵
Dĩ loại phụ tự nhiên	以類輔自然
Vật thành dị đào dã	物成易陶冶
Ngư mục khởi vi châu,	魚目豈為珠
Bồng cao bất thành giá	蓬蒿不成價
Loại đồng giả tương tòng,	類同者相從
Sự quai bất thành bảo,	事乖不成寶
Yến tước bất sinh phượng	燕雀不生鳳
Hồ thố bất nũ mã,	狐兔不乳馬
Thủy lưu bất viêm thượng	水流不炎上
Hoả động bất nhuận hạ	火動不潤下

13. Thế gian đa học sĩ	世間多學士
Cao diệu phụ lương tài	高妙負良材
Giải cầu bất tao ngộ	邂逅不遭遇
Hao hoả vong tư tài	耗火亡資財
Cứ án y văn thuyết,	據按依文說
Vọng dĩ ý vi chi,	妄以意為之
Đoan tự vô nhân duyên,	端緒無因緣
Độ lượng thất thao trì,	度量失操持
Đảo trị khương thạch đảm	搗治羌石膽
Vân mẫu cập phản từ,	雲母及礬磁
Lưu hoàng thiêu dự chương,	硫黃燒豫章
Nê Cống tương luyện trị	泥汞相煉治
Cổ hạ ngũ thạch đồng	鼓下五石銅
Dĩ chi vi phụ khu,	以之為輔樞
Tạp tính bất đồng loại	雜性不同類
An khảng hợp thể cư,	安肯合體居
Thiên cử tất vạn bại,	千舉必萬敗
Dục hiệt phản thành si.	欲黠反成癡
Kiểu hãnh cật bất ngộ	僥倖訖不遇
Chí nhân độc tri chi	至人獨知之
Trĩ niên chí bạch thủ	稚年至白首
Trung Đạo sinh hồ nghi,	中道生狐疑
Bối đạo thủ mê lộ	背道守迷路
Xuất chính nhập tà hề,	出正入邪蹊
Quản khuy bất quảng kiến	管窺不廣見
Nan dĩ quĩ phương lai.	難以揆方來

Tạm dịch:

Hồ phấn do Duyên thành,
 Gặp lửa lại thành Duyên.
 Băng Tuyết gặp nước nóng,
 Sẽ hoá lại thành nước,
 Chu sa là Thuỷ Ngân,
 Gặp lửa biến Thuỷ Ngân.
 Biến hoá do Bản tính,
 Chung thuỷ trở lại đầu.

Người tu muốn Phục Thực,
Phải phục Khí Hạo Nhiên.
Phải dùng đúng Đồng loại.

Cấy lúa phải gieo mạ,
Muốn gà phải có trứng.
Đồng loại mới tự nhiên.
Mất cá há chân châu?
Cây giả chẳng cỏ bông,
Đồng loại sẽ sinh nhau,
Làm sai sao sinh bảo,
Yến tước phượng không sinh,
Hồ thố không đẻ ngựa,
Nước chảy không bốc cao,
Hoả động không chảy xuống.

13. Thế gian nhiều học giả,
Kiêu căng nghĩ mình hay,
Không gặp được thầy giỏi,
Tiêu ma hết gia tài.
Cứ theo kinh văn thuyết,
Vọng ý phát ngôn liều,
Nói năng không mạch lạc,
Độ lượng lại sai di.

Muốn dùng Khương Thạc đờm,
Vân Mẫu với Phàn từ,
Lưu Hoàng với Dự Chương
Nê Hống để luyện đơn.
Tất cả không đồng loại
Làm sao hợp con người?
Càng làm càng thất bại,
Muốn giỏi hoá ngu si.
Kiêu căng chẳng gặp thầy,
Đến già cũng không hối,
Giữa đường sinh hồ nghi,
Bỏ đạo nhập mê lộ,
Bỏ chính theo đường tà,

Nhìn Ổng sao thấy được, Sao thấy được tứ phương?

Tiết trên nói: Kim lai sẽ qui tính, cho nên gọi là Hoàn Đơn. Nếu bỏ Tính Mệnh, tìm những cái không đúng với mình mà muốn bảo mệnh toàn hình, thì làm gì có chuyện ấy? Ví như nhụy phấn, là do hắc duyên thiêu thành, ném vào nước lại hoá thành duyên.

Băng tuyết là do nước lạnh đông lại, gặp nóng sẽ hoá thành nước. Chu sa là thủy ngân biến ra, gặp lửa sẽ hoá lại thành Thủy Ngân. Hoàng kim cho thêm Thủy Ngân sẽ có sắc trắng, gặp lửa sẽ hoá lại thành vàng.

Những chuyện như thế, đều biến hoá theo Chân Bản Tính. Mình có thể trị nó làm cho vật này biến thành vật nọ rồi lại làm cho vật nọ biến thành vật kia trở lại. Chung thủy tương nhân, để làm thành được. Làm sao có chuyện Phục Thực Tiên mà không dùng vật đồng loại, thì làm sao mà nên việc?

Phục là Phục tàng tiên thiên chi khí, mà không làm cho ý vọng động. Tức như Mạnh Tử nói: Ngã thiện dưỡng ngô Hạo nhiên chi khí vậy.^[1] Thực là dĩ hư cầu thực, là Phục Thực vậy.^[2] Tức như Mạnh Tử nói về Cái Khí vậy. Khí đó Chí đại, chí cương, trực dưỡng và vô hại, khí đó tràn đầy trong thiên hạ. Nuôi dưỡng hạo nhiên chi khí mà làm cho nó tràn đầy thiên địa, tạo hoá không giữ được nó, vạn vật không di chuyển được nó, thế mới là Phục Thực.

Con người vốn có một điểm Hạo Nhiên Chính Khí trong người, thì phải phục thực được hạo nhiên chính khí mới có thể thành Đạo. Thế không phải là phục thực những gì không đồng loại với mình. Ví dụ muốn trồng lúa thì phải gieo mạ, muốn có gà thì phải ấp trứng. Như vậy là Loài phụ tự nhiên. Và vật tức thành tự. Mất cá không phải hạt châu, cỏ bông, cỏ hao không sinh được cây giả. Cái gì đồng loại thì theo nhau, cái gì nghịch nhau thì không thành bảo. Chim yến, chim sẻ không sinh ra chim phượng, con hồ con thỏ không cho ngựa bú. Nước không bốc lên, lửa không chảy xuôi, tình mà không giống nhau, tính không cùng loại, mà đòi giúp nhau, thì làm sao được.

Trên đời ngày nay, có một số học giả, cậy mình có tài, không chịu tìm chân sư, nghe nói về thuật luyện đơn, tưởng là Lô Hoả thiêu luyện, đọc cổ văn, rồi nghĩ sai, nghĩ bậy, không biết tu luyện, hao phí tài năng, lo đoàn luyện ngũ kim, bát thạch (ngoại đơn), hi vọng sẽ trường sinh bất tử, có biết đâu những vật lãng nhăng khác tính nhau như vậy, đâu có đồng loại với ta, thì làm sao mà chúng ở trong người chúng ta được? Càng bày vẽ lại càng thất bại, mà vẫn không hối cải, rồi thành điên cuồng. Những người kiêu căng, không gặp thầy hay như vậy, phúc phận rất là mong manh, đến chết vẫn không hối. Ôi, những người như vậy, đánh mất bản niệm, giữa đường sinh nghi, bỏ chính theo tà, dối mình dối người, mà vẫn tưởng mình hay biết, đó là những hạng bàng môn, tả đạo, viết sách, lập ngôn, như người mù dắt người mù, dòm trong ống, thấy trong bầu thì làm sao nhìn được 4 phương? Tiết này giải đoạn Hà thượng Xá nữ (Tham Đồng Trực Chỉ, Hạ Thiên Kinh Văn trang 1b chính văn, và bản dịch tr. 146 bản dịch này.)

^[1] Mạnh Tử, Công tôn Sửu thượng câu 2.

^[2] Đạo Đức Kinh, ch. 3.

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Hạ thiên

下篇

Chương 3

Kim nhập

Luyện Đơn là thực hiện Chân Tính Thiên Lương

30. Kim nhập ư mãnh hoả,	金入於猛火
Sắc bất đoạt tinh quang.	色不奪精光
Tự khai tịch dĩ lai,	自開闢以來
Nhật Nguyệt bất khuy minh,	日月不虧明
Kim bất thất kỳ trọng,	金不失其重
Nhật nguyệt hình như thường	日月形如常
Kim bản tông Nguyệt sinh,	金本從月生
Sóc đán nhật thụ phù,	朔旦日受符
Kim phản qui kỳ mẫu,	金返歸其母
Nguyệt hối nhật tương bao,	月晦日相包
Ẩn tàng kỳ khuông khuếch	隱藏其匡廓
Trầm luân ư động hư,	沉淪於洞虛
Kim phục kỳ cố tính	金復其故性
Thành quang đỉnh nãi hi.	威光鼎乃燁

Tạm dịch:

30. Kim cho vào lửa nóng,

Càng nóng càng sáng ra.

Từ tạo thiên tới nay,

Nhật Nguyệt không bớt sáng,

Vàng không mất trọng lượng,

Nhật Nguyệt luôn như thường,

Vàng vốn từ Nguyệt sinh,

Sáng một Nhật cho phù,
 Kim lại quay về mẹ,
 Nguyệt hối, nhật tương bao,
 Khuông khuếch dấu sạch hết,
 Trầm luân trong Đồng Hư.
 Kim trở về Bản Nguyên,
 Lửa lò luôn rực rỡ.

Tiết trên nói nếu muốn ăn để thành tiên, thì phải dùng thứ đồng loại với mình, tức là Chân Tính đầy đủ Thiên Lương của chúng ta. Cái Chân Tính đó rơi vào Hậu Thiên, tức là cái Tình Chân Tri do Đạo Tâm sinh ra. Cái Tình ấy ở Ngũ Hành thì thuộc Kim. Đơn Thư gọi là Chân Kim. Cái vàng này muôn kiếp không hư. Đó là cái thang lên trời của Thánh Hiền, đó là chuông tử của Phật.

Muốn liễu tính Mệnh mà không nhờ Chân Kim này thì không có thuật nào khác. Ví như xem vàng trong thế gian, tính nó chí cương, thể nó tối kiên, càng gặp lửa lại càng sáng. Cho nên nói Chân Kim không sợ bị luyện trong lửa. Tinh quang của vàng, không vì lửa cháy mạnh mà mất, cũng như ánh sáng của Nhật Nguyệt không vì chiếu soi mà giảm vậy.

Từ tạo thiên, lập địa tới nay, vạn vật có sinh có diệt, có còn có mất, duy mặt trăng mặt trời là không mất ánh sáng, duy có Vàng là không mất trọng lượng, muôn đời không mất. Thế là Vàng và Nhật Nguyệt đồng quang minh, đồng trường cửu vậy. Phàm Kim còn như vậy, thì Chân Kim ra sao, chúng ta suy ra mà biết được. Vả Chân Tri của Chân Kim là Tình vô tình, là Chân Không và Diệu Hữu, không nệ vào sắc tướng hữu vô chi hình, là Dương trong Âm, tượng là Nguyệt quang. Cho nên nói Vàng vốn sinh từ Nguyệt Quang. Vàng từ Trăng sinh, nên công dụng của Kim Đơn, phải nhìn vào sự tròn khuyết của mặt trăng mà tiến hay thoái.

Nguyệt vốn thuần Âm. Nhờ ánh mặt trời mới có ánh sáng. Ánh sáng là tượng của Kim. Mặt trăng cứ ngày 1, 15, thì mặt trời lại gặp cho Phù. Nguyệt được ánh sáng mặt trời nên sinh Chấn. Mồng 3 là 1 Dương hiện ở Khôn địa, Thế là Kim trở về với Mẹ. Thổ sinh Kim, thế là Khôn Thổ là mẹ của Kim. Kim trở về với Mẹ, cho nên nói Tây Nam Đắc Bằng, từ 1 Dương, đến 2 Dương, 3 Dương. Đến ngày 15 là ánh sáng tròn đầy. Đầy rồi lại vơi, 16 là 1 Âm sinh bên trong, cho đến ngày 30, là Đông Bắc táng bằng. Nhật bao Nguyệt Thế và là Thuần Khôn, ẩn tàng hình tượng, trầm luân diệt tích, nhập vào Đồng Hư chi địa.

Người luyện đơn bắt chước thế, từ trong hư cực tĩnh đốc hợp nhất Chân Tri, Linh Tri. Tự nhiên có một điểm Chân Linh chi quang phát hiện. Gọi là Thần Minh, hay là Hắc Trung Bạch, hay là Thủy Trung Kim, hay là Tiên Thiên Chân Nhất chi khí, như Nguyệt nhờ ánh mặt trời, một Dương sinh nơi Khôn địa vậy.

Từ nhỏ hiện lớn, ánh sáng tràn đầy, chân linh thường tồn, lại dùng 10 tháng để Ôn dưỡng để phòng nguy lự hiểm, để thu liễm tinh thần, không lộ sắc bén, ẩn tàng trầm luân, trở về Vô Hà Hữu chi Hương, y như trăng tối không còn hình tích, nhật nguyệt tương bao như nhất vậy. Kim trở về Cố Tính vậy. Chân tri là Tình với Linh Tri là Tính, hồn nhiên tương hợp, Tình qui ư Tính, Tính định thì Tình sẽ vong, bất thức bất tri, thuận Đế chi tắc, thế là Kim trở về Nguyên bản vậy.

Uy quang Đỉnh nãi hi, Hi là màu lửa. Khi Tình qui về Tính, khi Tính luyện tình, thì Tình là Tính, Tính là Tình. Lương tri lương năng sẽ tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông. Linh tri trong sáng là Hoả phản kỳ bản. Kim Hoả đồng cung, Dực tức là Hoả, Hoả tức là Dực, trong lò luôn hồng tươi rực rỡ, cho nên nói

Uy quang đỉnh nãi hi. Đỉnh mà gọi là Quang, thế là Đỉnh Hư Linh. Quang mà gọi là Uy, đó là Cương Kiện chi Quang. Cương kiện hư linh, hữu khí vô chất, vạn vật nan thương. Thế là Chân Kim trở về Bản Tính.

Tiết này chú giải đoạn Thái Dương Lưu châu, chí ngưng nhi chí kiên vậy, (Xem bản chính T Đ Trực Chỉ, Hạ Thiên Kinh Văn tr. 2a, bản dịch tr. 152)

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Hạ thiên

下篇

Chương 4

Hỏa Ký

Hoả là cái Khí làm cho Âm Dương hòa hợp

29. Hoả ký bất hư tác	火記不虛作
Diễn Dịch dĩ minh chi,	演易以明之
Yển nguyệt pháp Lô Đĩnh,	偃月法爐鼎
Bạch hổ vi ngao khu,	白虎為熬樞
Cống Nhật vi lưu châu,	汞日為流珠
Thanh long dĩ chi câu,	青龍與之俱
Cử Đông dĩ hợp Tây,	舉東以合西
Hồn phách tự tương câu	魂魄自相拘
Thượng Huyền Đoài số bát,	上弦兌數八
Hạ Huyền Cấn diệt bát,	下弦艮亦八
Lưỡng Huyền hợp kỳ tinh	兩弦合其精
Kiên Khôn thể nãi thành	乾坤體乃成
Nhị bát ứng nhất cân,	二八應一斤
Dịch đạo chính bất khuynh.	易道正不傾

Tạm dịch:

Hoả Ký không viết bậy,

Lấy Dịch để thuyết minh.

Yểm Nguyệt tượng Lô Đĩnh (Dương vừa sinh)

Chân tình là Bạch Hổ,

Hống Nhật là Lưu Châu

Cũng gọi là Thanh Long

Nói Đông mà hợp Tây,

Hồn Phách tự tương hợp.
 Thượng huyền Đoài số Tám,
 Hạ Huyền Cấn cũng Tám
 Lưỡng Huyền hợp kỳ tinh.
 Kiền Khôn thành nhất thể
 2, 8 vừa một cân,
 Dịch Đạo chính không khuynh.

Tiết trên nói: Kim Hoả đồng cư, là Kim phục hồi Bản Tính vậy. Âm phù chi vận dụng, nếu công phu chưa tới nơi, thì không thể tròn trĩnh toàn vẹn được. Dịch kinh đã nói rõ, Hoả đây chính là cái Khí làm cho Âm Dương hoà hợp. Nhưng Âm Dương thì có lúc đầy, lúc vơi, lúc tiêu lúc trưởng. Cho nên thánh nhân viết Hoả Ký để mà bàn; Đây không phải nói chuyện trời ơi, đất hời, mà mà lấy Kinh Dịch, lấy hào, tượng, cát hung, hối hận để lập ngôn.

Dịch lấy Khảm tượng Nguyệt, mà Nguyệt thuộc Thủy, Nguyệt ở phía Tây Nam thuần Âm. Khi Dương vừa thoát sinh, thì gọi là Thủy trung Kim, ánh sáng nó dội lên (yển ngưỡng), nên gọi là Yển Nguyệt. Đó là khi Dương tiến Âm tiêu. Cho nên thủ tượng gọi Yển Nguyệt là Lô Đỉnh. Không phải gọi Khảm là Lô Đỉnh chỉ quang, tông Tây nhi sinh, Cho nên thủ tượng là Kim, là Bạch Hổ, nơi con người thì là Tình. Kim sinh thủy, Hổ có thể cắn người, đó là Vọng Tình. Nhưng Thủy cũng sinh Kim, Hổ cũng giúp người. Đó là Chân Tình.

Chân Tình phát hiện thì nước không chảy bừa bãi mà sẽ Qui Nguyên, và Chân Tình sẽ sinh. Cho nên nói Bạch Hổ chân tình, ngao luyện Chân Thủy chỉ khu nữ, cho nên nói Ngũ hành điền đảo dụng, Hổ hướng Thủy trung sinh là vì vậy.

Quẻ Ly trong kinh Dịch tượng Nhật, Nhật thuộc Hoả, tượng Lưu Châu. Hoả sinh ư Mộc, trong Hoả có đủ Mộc Khí. Thủ tượng là Thanh Long, ở nơi con người là Tính. Mộc sinh Hoả. Rõng có thể gây thương tích cho người đó là Khí Tính. Hoả sinh Mộc, Rõng có thể sinh ra người là Chân Tính. Chân tính phát hiện, lửa không bốc to, và sẽ phản bản. Cho nên nói Thanh Long dữ chi câu thế là nói: Ngũ hành bất thuận hành, Long tàng Hoả lý xuất.

Long, Tính thuộc Dương, là Hồn, Hổ Tình thuộc Âm là Phách. Thủy Trung sinh Kim, Hoả trung sinh Mộc. Thế là Chân Tình, Chân Tính tương hội, Hồn phách tự tương câu thúc, đôi bên không lìa nhau vậy. Hồn phách tương câu là trong Âm có Dương, như Khảm, như Kim ở Nguyệt thượng Huyền có 8 lạng, Dương trung hữu Âm, như Ly Như Thủy ở Nguyệt Hạ Huyền có ½ cân. Cương Nhu đều qui về Trung Chính. Kim Thủy tương đình, Thủy hoả tương tế. Chân Tính, Chân Tình, đều là Khí của Huyền, hợp lại thành một, trở về Càn cương, Khôn nhu, trở về Bản Thể của Lương Tri, Lương Năng, thế là thành môn sinh của Trời, và phối hợp với Đất, và Kim Đơn sẽ ngưng kết, mệnh cơ sẽ vĩnh cửu. Thế là lễ biến hoá của Kinh Dịch, vì nó không bị khuynh bại nên mới quý. Tiết này chú giải đoạn văn Kim Hoa tiên xướng, cho đến Hà cảm hữu thanh.[\[1\]](#)

[\[1\]](#) Xem chính bản T Đ Trực Chỉ Hạ Thiên, Kinh Văn trang 2a, và bản Dịch tr. 152.

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Hạ thiên

下篇

Chương 5

Thế nhân

Tiểu thuật không phải là Đại Đạo

67. Thế nhân hiếu tiểu thuật,	世人好小術
Bất thẩm Đạo thiển thâm.	不審道淺深
Khí chính tông tà kính	棄正從邪徑
Dục tốc át bất thông	欲速闕不通
Do manh bất nhận trượng	猶盲不認杖
Lung giả thính thương cung.	聾者聽商宮
Đầu thủy bộ trĩ thổ	投水捕稚兔
Đăng sơn sách ngư long.	登山索魚龍
Thực mạch dục hoạch thử	植麥欲穫黍
Vận qui dĩ cầu phương,	運規以求方
Kiệt lực lao tinh thần,	竭力勞精神
Chung niên vô kiến công	終年無見功
Dục tri phục thực pháp	欲知伏食法
Sự ước nhi bất phiền.	事約而不繁

Tạm dịch:

67. Thế gian ưa tiểu thuật,
Không biết Đạo nông sâu.
Bỏ chính theo tà vậy,
Muốn nhanh hoá uổng công,
Như mù không thấy gậy,
Như điếc không nghe cung.
Vào nước lùg trĩ thổ,

Lên non, kiếm ngư long,
Giồng tẻ muốn gặt (lúa) mùa
Dùng Qui muốn vẽ Vuông
Vất vả uống công toi,
Suốt đời chỉ thất bại.
Muốn biết phép phục thực,
Dễ dàng đâu phiền toái.

Tiết trên dạy điều hoà Âm Dương, và Hoả Hầu chuẩn theo Dịch Lý. Có như vậy mới làm nên đại sự. Nếu đi ngược lẽ Dịch, thì không phải là Đạo.

Cổ tiên dạy: Hình dĩ Đạo toàn, Mệnh dĩ thuật diên. Thuật diên mệnh là có thể ăn trộm Âm Dương, Đoạt Tạo Hoá, Chuyển Kiền Khôn, Vận Nhật Nguyệt, Hồi Đẩu Bính, Nữu Khí Cơ, Vị Thiên Địa, Dục vạn vật, đó là cái thuật lớn lao nhất xưa nay.

Chỉ có những bậc đại nhân thông minh, trí huệ, mới có thể làm được. Còn những kẻ tiểu nhân, ngu si, không dò xem Đạo nông sâu ra sao, chỉ thích tiểu thuật, bỏ chính, theo tà, nhập ư bàng môn. Như người mù không nhìn thấy gậy, như người điếc không nghe được âm thanh, muốn xuống nước mà bắt trĩ, bắt thỏ, muốn lên núi mà bắt rồng bắt cá, giồng lúa tẻ mà muốn gặt lúa mùa, dùng (compass) mà vẽ hình vuông, thật là uống phí tinh thần, uống phí công lực, họ có biết đâu cách phục thực của thần tiên thì giản dị chứ không tần phiền, trong khoảnh khắc đơn thành.

Tiết này giảng câu: Bất đắc kỳ lý tới Dữ Đạo quai thù.[\[1\]](#)

[\[1\]](#) Chính bản TĐTC Hạ Thiên tr 3a, Bản Dịch tr 154.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Hạ thiên

下篇

Chương 6

Tí Ngọ

Phục thực là Điều hòa, hợp nhất Ngũ Hành

31. Tí Ngọ số hợp tam	子午數合三
Mậu Kỷ hiệu xưng Ngũ	戊己號稱五
Tam Ngũ ký hoà hài	三五既和諧
Bát thạch chính cương kỷ	八石正綱紀
Hô hấp tương hàm dục,	呼吸相含育
Trữ tức vi phu phụ	佇息為夫婦
Hoàng thổ Kim chi phụ	黃土金之父
Lưu châu thủy chi tử,	流珠水之子
Thủy dĩ Thổ vi Quỷ,	水以土為鬼
Thổ trấn Thủy bất khởi	土鎮水不起
Chu tước vi Hoả Tinh,	朱雀為火精
Chấp bình điều thắng phụ	執平調勝負
Thủy thắng hoả tiêu diệt,	水勝火消滅
Câu tử qui hậu thổ	俱死歸厚土
Tam Tính ký hợp hội,	三性既合會
Bản tính cộng tông tổ.	本性共宗祖

Tạm dịch:

Tí Ngọ (Khâm Ly) số là Ba,

Mậu Kỷ số là Năm.

Tam ngũ đã hoà hài

Bát quái sẽ định vị,

Hô hấp sinh ra nhau, (Hô= Dương; Hấp=Âm)

Hô hấp đã tương thông,
 Thánh Thai liền ngưng kết.
 Hoàng thổ cha của Kim,
 Lưu Châu con của Thủy
 Thổ vốn dĩ khắc Thủy
 Nước ngăn Thổ không khởi
 Chu Tước là Hoả tinh
 Điều hoà mọi thắng bại
 Thủy thắng Hoả sẽ tiêu,
 Sẽ qui về Hậu Thổ
 Tam Tinh đã hội hợp, (Thủy, Hoả, Thổ)
 Điều qui về tông tổ.

Tiết trên nói về phép PhụcThực, Giản dị không phiền tạp. Phép đó ra sao? Tức là phải điều hoà Ngũ Hành, và Hợp Nhất Ngũ Hành. Tí thuộc Khảm, Khảm là Thủy. Ngọ thuộc Ly, Ly là Hoả. Ly nạp Mậu, Khảm nạp Kỷ. Hào giữa quẻ Khảm đặc. Đó là Chân Tri, Mậu là Tín của Chân Tri. Hào giữa quẻ Ly đứt, Đó là Linh Tri. Kỷ là Tín của Linh Tri. Khảm là Một, Ly là hai, hợp lại thành Ba. Mậu Kỷ là Thổ ở Trung Ương, số là Năm. Ngoài thì lấy Khảm điền Ly. **Lấy Chân Nhất chi Thủy, phù trợ cho Linh Minh chi Hoả.** Trong thì Mậu sẽ chảy vào Kỷ, lấy Tín của Cương Kiện, hợp với ý của Nhu Thuận, **thế là Tam Ngũ hoà hài.** Tam Ngũ đã hoà hài thì Tiên Thiên Tính, Tình, Tinh Thần sẽ thống Hậu Thiên Tinh Thần, Quỷ Phách, thế là Bát Quái Âm Dương sẽ định vị, và Tạo Hoá kỳ cương sẽ chính đáng vậy. Bát thạch tượng trưng cho Bát Quái. Dương là Cương, Âm là Kỷ. Khảm Ly là cái dụng của Bát Quái. Ly Khảm mà hoà hài, thì Âm Dương của sáu quẻ còn lại kia, **cũng sẽ theo nhau mà hoà hài, sẽ được chính đáng tất cả.** Cương Kỷ đã lập, một Động thì là Hô (thở vào),

Hô thì sinh Dương. Một tĩnh là Hấp, hấp sẽ sinh Âm. Một Âm, một Dương động tĩnh liên quan với nhau, hô hấp tương thông, bỉ thử hàm dục, Tình Tính giao hợp, trử tức thành vợ chồng. **Tiên Thiên chi khí tự Hư Vô trung lai, ngưng kết thành Nhất Thử chi châu vậy.**

Trên đây là chú giải đoạn văn: Đan sa một tinh, cho đến Đô qui Mậu kỷ.

(Xem chính văn TĐTC Kinh Văn Hạ Thiên tr 3a, bản Dịch tr 161)

Thủy, Hoả, Thổ tam vật, là ba vật trọng yếu trong Đạo. Ba vật ấy hợp nhau sẽ sinh Đơn, sinh Thánh, và Phục Hồi Tiên Thiên.

Trong ba vật đó thì Ly sẽ sinh nhân, sinh vật, và rơi vào Hậu Thiên, vì Thổ năng sinh Kim, Thủy năng sinh Mộc. Cho nên Hoàng Thổ là cha của Kim. Thủy sinh Mộc cho nên Lưu Châu là con của Thủy.

Thổ làm sao mà sinh Kim?

Dùng Ly Kỷ là Hư Linh Chân Ý đến khắc Thủy Địa trợ thủy, mà cầu Kim Tinh của Chân Tri, cho nên làm cho Thổ ngăn Thủy không cho dấy lên.

Làm sao Thủy có thể sinh Mộc?

Dùng Khảm trung Tinh Nhất chi Chân Thủy, đến khắc Ly Cung liệt diễm tảo Hoả. Lấy toàn Linh Tri

của Mộc Tính, cho nên Thủy thịnh mà Hoả bị tiêu diệt vậy.

Chỗ khác nhau là Thủy dùng để diệt Hoả, làm sao mà Thổ lại ngăn? Hoả điều hoà thắng bại, làm sao bị Thủy diệt?

Nước có thứ là nước đục, có thứ là nước Tinh Nhất chi Thủy. Hoả có thứ bốc cao có thứ ôn hoà.

Thổ trấn chi thủy, là thứ nước đục. Thủy diệt Hoả là diệt thứ lửa cháy mạnh.

Nước đục mà cạn, thì Thủy Tinh Nhất sẽ sinh. Liệt hỏa mà ngưng, thì lửa Ôn Hoà sẽ hiện.

Câu tử qui hậu Thổ là Thổ chấn Thủy, Thủy khô bùn sẽ sinh Thổ. Thủy diệt Hoả mà hoả bị diệt, thì tro hoá thành Thổ. Tương sinh tương khắc lẫn nhau. Trong Khắc có Sinh. Chân Tri Linh Tri tương hợp, Chân Tinh Chân Tính đồng khí, Cương nhu câu qui Trung Chính, như Ô Thổ gặp nhau ở vòng Hoàng Đạo.

Dược tức thị Hoả, Hoả tức thị Dược. Thủy Hoả Thổ tam tính một nhà, kết thành một hạt Kim Đơn thử châu. Cùng tông tổ vậy.

Âm Dương tương hợp, mới gọi được là cùng Tông Tổ. Âm Dương chưa hợp nhất, chưa có cảnh tượng Hồn Nhiên Nhất Khí, thì không gọi được là Cộng Tông Tổ. Chính Văn nói: **Hàm Nguyên Hư Ngụy, Bá tinh ư Tí.** Hư Ngụy là chỗ Âm Dương giao hội, cũng là chỗ Nhật Nguyệt hợp phù hành trung chi xứ,^[1] cho nên **Nguyên Tinh ở đấy.** Nguyên Tinh là tên khác của Kim Đơn, và cũng chính là Tông Tổ.

Đoạn này chú câu: **Cương nhu diệt hừng** cho đến câu: **Bá Tinh ư Tí** (Nguyên văn TĐTC, Kinh Văn Hạ Thiên, trang 4a, bản dịch tr. 167).

^[1] Xưa sao Hư Ngụy ở vào cung Tí là Nhất Dương lai phục.

» [Mục Lục](#) | [Thượng 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#) [8](#) | [Trung 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) | [Hạ 1](#) [2](#) [3](#) [4](#) [5](#) [6](#) [7](#)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú của Từ Cảnh Hưu

» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

Tham Đồng Khế Trực Chỉ Tiên Chú

參同契直指箋註

Hạ thiên

下篇

Chương 7

Cự thắng

Kim đơn là chuyện có thật

32. Cự thắng thượng diên niên	巨勝尚延年
Hoàn đơn khả nhập khẩu	還丹可入口
Kim Tính bất bại hủ,	金性不敗朽
Cố vi vạn vật bảo,	故為萬物寶
Thuật sĩ phục thực chi,	術士伏食之
Thọ mệnh đắc trường cửu,	壽命得長久
Thổ du ư tứ quý,	土遊於四季
Thủ giới định qui củ	守界定規矩
Kim sa nhập ngũ nội,	金砂入五內
Vụ tán nhược phong vũ,	霧散若風雨
Huân chưng đạt tứ chi,	熏蒸達四肢
Nhan sắc duyệt trạch hảo,	顏色悅澤好
Phát bạch giai biến hắc	髮白皆變黑
Xỉ lạc sinh cựu sở,	齒落生舊所
Lão ông phục tráng đinh,	老翁復壯丁
Kỳ ấu thành Xá Nữ,	耆嫗成姪女
Cải hình miễn thế ách,	改形免世厄
Hiệu chi viết Chân Nhân.	號之曰真人

Tạm dịch:

Cự thắng vật hữu hình,
Có thể giúp trường sinh
Phương chi là Đan Dược,

Đan dược không hư nát,
 Nên là vật chí bảo.
 Thuật sĩ nào uống vào,
 Tuổi thọ sẽ tăng cao,
 Đất chơi trong Tứ Quý
 Đường lối rất phân minh.
 Kim sa vào trong người,
 Tán ra như phong vũ,
 Dần đạt ra tứ chi,
 Nhan sắc trông đẹp hẳn
 Tóc bạc trở thành đen,
 Răng rụng sẽ mọc lại
 Lão Ông thành tráng đinh,
 Bà già hoá gái trẻ,
 Thay hình thoát tai ách,
 Vì thế gọi Chân Nhân.

Đạo Kim Đơn, một khi đã được thì được mãi, chí linh chí thần, lập can, kiến ảnh. Người nào biết thế sẽ sang thẳng bờ bên kia. Tại sao người trần thế không có lòng tin, cho rằng thế gian không làm gì có chuyện như vậy.

Cự thắng (hay Hồ ma) là vật hậu thiên hữu hình, là vật phàm hèn, mà uống vào còn được sống lâu, phương chi là Kim Đơn, là vật Tiên Thiên chí bảo. Uống vào sao lại không được trường sinh. Phàm Kim chi tính rất kiên cường, mà còn có thể lâu ngày không bị huỷ hoại, là vật quý trong vạn vật.

Còn Chân Kim là cái gì thuần dương, thì làm sao có chuyện người ăn vào mà không thành tiên. Thổ du ư tứ quý, nhi tứ thời bát tiết, các tuần qui cuu, là tự nhiên lưu hành bất tức. Người uống Kim Sa mà tứ chi bá hài thay đổi hình sắc, sẽ có thể thoát tai ách. Nếu có chí sĩ, mà được sư truyền khẩu quyết, sẽ từ Hữu Vi mà vào Vô Vi, sẽ liễu Tính, liễu Mệnh, và được Hình Thần câu diệu, dữ Đạo hợp Chân và được gọi là Chân Nhân, thọ cùng Trời Đất, làm cho tứ chi kiên cố, nhan sắc tươi nhuận, tóc từ bạc trở thành đen, răng rụng sinh lại, đó là chuyện thường vậy.

Tiết này chú câu Như Thấm tao phùng (Xem Nguyên văn tr. 65, bản dịch tr. 69).

Tiên Ông tiên chú 3 thiên, theo đường hướng của Ngụy Bá Dương, phát huy ra những điều chưa hề phát lộ. Trong đó các vấn đề Dược Vật, Hoả Hậu không có gì không phát lộ, thế mà còn sợ con người chưa quyết tâm, không có phúc phận lớn, không thấy được Chân Lý, cho nên trong bài tựa có viết: Nếu hiểu đại tượng, sẽ được Trường Sinh. Chẳng lẽ Tiên Ông lừa ta chăng?

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ TIÊN CHÚ

參同契直指箋註

Đông Hán Cảnh Hữu Từ Chân Nhân bạt

東漢景休徐真人跋

Nguyên Lâm Ốc Sơn Nhân Toàn Dương Tử俞琰解

元林屋山人全陽子俞琰解

BẠT

Tham Đồng Khế,	參同契
Từ ẩn nhi Đạo đại	辭隱而道大
Ngôn vi nhi chỉ thâm,	言微而旨深
Liệt Ngũ Đế dĩ kiến nghiệp,	列五帝以建業
Phối Tam Hoàng nhi lập chính.	配三皇而立正
Nhược quân thần sai thù,	若君臣差殊
Thượng hạ vô chuẩn.	上下無準
Tự dĩ vi chính,	序以為政
Bất chí thái bình	不至太平
Phục thực kỳ pháp,	服食其法
Cầu năng trường sinh,	求能長生
Học dĩ dưỡng tính,	學以養性
Hựu bất diên niên,	又不延年
Chí ư phẫu tích âm dương,	至於剖析陰陽
Hợp kỳ thù lạng,	合其銖兩
Nhật nguyệt huyền vọng,	日月弦望
Bát quái thành tượng,	八卦成象
Nam nữ thi hoá,	男女施化
Cương nhu động tĩnh,	剛柔動靜
Mễ diêm phân phán,	米鹽分判
Dĩ Dịch vi chứng,	以易為證
Dụng ý kiện hỹ.	用意健矣
Cố vi lập chú,	故為立注
Dĩ truyền hậu hiền,	以傳後賢
Duy hiểu Đại Tượng,	惟曉大象
Tất đắc trường sinh,	必得長生
Cường dĩ ích thân,	強以益身
Vi thử Đạo trùng gia ý yên.	為此道重加意焉

Tạm dịch:

Tham Đồng Khế,

Lời ẩn nhưng Đạo Lớn,
Ít tiếng nhưng ý sâu.
Ngũ Đế lập căn cơ.
Lấy Tam Hoàng làm mẫu mực,
Quân thần tuy khác nhau,
Thượng hạ không chuẩn đích.
Viết tự này để quân bằng,
Để đem lại thái bình,
Phép Phục Thực,
Cốt là cầu trường sinh,
Học cốt để Dưỡng Tính,
Và cốt được diên niên.
Rồi lại dùng Âm Dương,
Hợp nhau thành phân lạng,
Dùng Nhật Nguyệt Huyền, Vọng
Lấy tượng Bát quái,
Đem chuyện Nam Nữ thi hoá,
Cương Nhu, Động Tĩnh,
Phân chia gạo muối,
Lấy Dịch làm chứng,
Dụng ý thật vững vàng.
Nên viết chú này,
Truyền cho Hậu Hiền,
Nếu hiểu Đại Tượng,
Sẽ được Trường Sinh.
Thân sẽ cường tráng,
Nên vì Đạo này,
Mà lưu ý thêm.

Thiên này khen lao lời tựa, y như là khen lao lời tựa sách của Ngụy Công, Lại nói: Cho nên chú thích, để truyền hậu hiền. Nghĩ không phải đó là chính văn của Ngụy Công.

Chu Hối Am (Chu Hi) nói: Hoặc gọi là Hậu Tự, hoặc nói Ngụy Công tán, theo dõi văn ý, thì biết là lời tựa của người chú sau này. Bành tự (tựa của Bành Hiếu) viết: «Ngụy Công mật truyền cho Thanh Châu, Từ Tông Sự, chú giải sách này. Từ công ẩn danh mà chú giải. Đến thời Hoàn Đế (147-166), lại truyền thụ cho người đồng quận là Thuần Vu Thúc Thông. Sau đó sách được truyền cho đời. Sợ đó là lời của Từ Công, và lời chú này không còn nữa.»

Bành Chân Nhất (Bành Hiếu) nói: Xem trong Đạo thư, thì Tham Đồng Khế có 3 thiên, đó là của 3 nhà Ngụy Bá Dương, Từ Tông Sự và Thuần Vu Thúc Thông, mỗi người viết một thiên.

Lời trên không đúng. Vả Ngụy Công nói thêm: «Nay soạn lục lại, Bồ túc sai sót.» Chứng tỏ chỉ có một mình Ngụy công soạn ra. Huống chi, Đường Thục chân nhân Lưu Tri Cổ, trong bài luận về: Nhật Nguyệt huyền khu luận có viết rõ rằng: Từ Tông Sự tiên chú, và truyền thụ cho Thuần Vu Thúc Thông thì còn gì phải nghi ngờ. Tôi cũng thường gỡ đầu mối ra bằng cách này.

Tuy nhiên thời xưa đã xa xôi, không có cách gì mà thẩm định, đúng hay sai, rất khó mà biết. Hốt nhiên một buổi chiều, trong lúc định tĩnh, tôi y như được người phụ nhĩ cho biết rằng: Ngụy Bá Dương viết Tham Đồng Khế, Từ Tông Sự tiên chú, thẻ tre thác loạn, cho nên có thơ 4 chữ, 5 chữ và có tản văn bất đồng. Khi tỉnh ngộ lại, cứ theo thuyết này mà suy tầm.

Và Thượng Thiên có: Kiền Khôn, Khảm Ly, Truân Mông, thì Trung Thiên cũng có Kiền Khôn, Khảm Ly, Truân Mông. Thượng Thiên có Thất Bát Cửu Lục, Trung thiên cũng có Thất Bát Cửu Lục. Thượng thiên có Nhật Nguyệt Thần vi kỳ độ, Trung Thiên thì nói: Cẩn hầu nhật thần, Thượng Thiên viết: Chấn thụ Canh Tây Phương, Trung Thiên lại viết: Ngang Tất chi thượng, Chấn xuất vi chưng.

Ngoài ra, nói về Mậu Kỷ và Hồn Độn 3 lần, nói Tam Ngũ dữ Hối Nguyệt 4 lần, văn nghĩa trùng phức như vậy, thiết nghĩ nói ba người, mỗi người viết 1 thiên chưa chắc đã sai, lại lời kinh và lời chú xen lẫn, hỗn tạp, không biết đâu là Kinh, không biết đâu là Chú. Tôi thiết nghĩ: Tứ ngôn, ngũ ngôn, tản văn, đều theo từng loại, cho nên phân sách ra làm 3. Như vậy Kinh Chú không còn hỗn tạp. Để hậu học dễ bề tham cứu. Tuy nhiên nay sách đã viết ra, khó mà đổi lại. Cho nên viết lại nhận xét này, cho người sau thường lãm.

Lời của dịch giả:

Ta thấy: 3 tập Tham Đồng Khế của Ngụy Bá Dương, như Lưu Nhất Minh trình bày, là có 4 chữ.

3 tập của Cảnh Hữu Từ (Cảnh Tông Sự) có 5 chữ.

2 tập của Thuần Vu Thúc Thông là tản văn.

Sách này Nhân Tử Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ khởi dịch ngày 15-11-2000, dịch xong ngày 28-4-2001.



» Mục Lục | Thượng 1 2 3 4 5 6 7 8 | Trung 1 2 3 4 5 | Hạ 1 2 3 4 5 6 7

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

» Mục Lục

Bạt 1

Bàn về Luyện Nội Đan

Luyện Đan hay luyện nội đan bắt đầu xuất hiện với Ngụy Bá Dương và quyển Tham Đồng Khế, vào năm 142.

Ngụy Bá Dương dựa vào Kinh Dịch mà viết ra Bộ Tham Đồng Khế và cho rằng Đạo Dịch, Đạo Lão, và Thuật Luyện Đơn đều phát xuất từ một dòng tư tưởng.

Như vậy Thuật Luyện Đơn gồm ba phần:

-là Kinh Dịch, nhất là dạy phải bắt chước Trời mà hành sự.

-là Luyện Thần Hoàn Hư theo Đạo Lão. Đó là Tu Tính hay Vô Vi.

-là phép luyện Hồn, luyện xác hay phép Luyện Đơn sau này. Đó là Tu Mệnh, là Hữu vi. Nó chú trọng đến phép xoa bóp, và phép thở qua hai Mạch Nhâm Đốc. Họ gọi phép thở bằng Mũi là Hô Hấp, phép thở qua xương sống là Tức, cho nên mới có những cụm từ như Vận Khí điều Tức, Điều Tức, Thần tức tương y, đình tức v.v...

Chính vì vậy mà nhiều học giả ngày nay, gọi **khoa Luyện Đơn là Khí Công mà thôi**.

Cho nên ta thấy nhiều bậc Chân Nhân đạo Lão, cũng đã không bận tâm đến công trình tu luyện xác thân, ví dụ như Lão Tử, Trang Tử, Thiệu Khang Tiết, hay những bậc tao nhân mặc khách như Tô Đông Pha hay Đào Tiềm.

Trang tử nhận định như sau: «Suy bào hô hấp, thổ cố nạp tân», (làm những động tác như) gấu trèo, chim lượn chỉ cốt là để tăng tuổi thọ. Đó là những người thuộc phái Đạo Dẫn (vận khí điều tức) muốn sống lâu như Bành tổ» (Nam Hoa Kinh, Khắc Ý, đoạn A và B.) (Nguyễn Văn Thọ, Tinh Hoa các Đạo Giáo, q. 1. tr. 160)

Quyển Tham Đồng Khế, vì là một trong những sách dạy về Luyện Đơn đầu tiên, nên có giá trị lịch sử nhiều hơn là giá trị nội tại. Lại vì sách viết trên thẻ tre, nên sau này bị xáo trộn rất nhiều. Không bản nào giống bản nào. Tôi có Tham đồng Khế của Bành Hiếu (Bí Tàng, Chu Dịch Tham Đồng Khế, Bành Hiếu, Tây Bắc Đại Học Xuất Bản, 1993), của Phương Hú (Chu Dịch Tham Đồng Khế Giảng Giải Triết Giang Cổ Tịch Xuất Bản xã, 1987), của Du Diễm (Du Diễm, Chu Dịch Tham Đồng Khế phát huy, Đạo Tạng tục biên, Đạo Quang Giáp Ngọ niên), của Lưu Nhất Minh (Tham Đồng Trực Chỉ, Lưu Nhất Minh, Dân quốc nhị niên xuất bản), của Richard Bertschinger (the Secret of Everlasting Life, 1994) v.v... sách nào cũng khác sách nào. Đó là một điểm ta nên ghi nhớ. Cho nên muốn học về Luyện Nội Đan, nếu chỉ có quyển này thì chưa đủ. Chính vì vậy mà tôi muốn trình bày tổng quát tinh hoa nội đan qua các thời đại. Xin quý vị tìm đọc thêm các sách sau đây:

1) **Tiên Học Tập Cẩm, Cung Tùng Tiên, Trung Hoa Dân Quốc năm 52 (1963)**

2) Trung Hoa Đạo giáo đại từ điển, Hồ Hoài Sâm, 1994.

3) Tiên học tự điển, Lý Lạc Cầu, Trung Hoa Dân Quốc năm 55 (1966)

4) Tiên Học Diệu Tuyển, Lý Lạc Cầu, Dân Quốc 56 (1967)

Khoa Luyện Đan, sau khi đã thu thập Tinh Hoa của Kinh Dịch và của Lão Trang, có mục đích là luyện những gì tinh hoa nhất trong con người, là luyện con người thành Thần Minh.

Cái gì là Tinh Hoa nhất trong con người?

Thưa là: Thái Cực, là Trời là Đạo, là cái gì có từ trước đất trời..

Thái Cực tức Đạo, Đạo, tức Đan dã. (Tiên Học từ Điển, tr, 64)

Tòng Đạo thể khan, Đạo thị vũ trụ đích bản nguyên.

Mà Đạo, hay Đan cũng là Thái Cực

Mà Thái Cực chính là Tính Mệnh.

Thái Cực giả Tính dã, Lưỡng Nghi giả Mệnh dã. Tính vô sinh diệt, vô thủy chung. Mệnh hữu sinh diệt, hữu thủy chung. Tính vi thân chi chủ thể, mệnh thị nhất thân chi vận dụng (Tiên Học Tập Cẩm, tr. 58)

Tính là Thần, là Tâm con người.

Khí là Hồn, là Thân con người.

Tính mệnh song tu dã tự thị Luyện Khí, Luyện Thần. Nội đan chi yếu, tại vu Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ Khí nhi dĩ.

Tính là quẻ Kiền, Mệnh là quẻ Khôn. (Tiên học tập Cẩm, tr. 101)

Mục đích của Khoa Luyện Đan là tìm cho ra cái căn Trời, cái cốt lõi Trời, vốn đã tiềm ẩn trong ta.

Dùng Giới Định Huệ để Hư Kỳ Tâm. sau đó luyện Tinh Khí để Bảo Kỳ Thân. Tâm hư trường triệt thì Tính tắc viên minh, Thân an thái tắc mệnh cơ vĩnh cố. Tính Viên Minh sẽ không có khứ lai, mệnh Vĩnh Cố sẽ hết sinh tử;

(Cao thượng chi sĩ, tiên tri Giới Định Tuệ nhi hư kỳ tâm, hậu luyện Tinh Khí Thần dĩ bảo kỳ thân, thân an thái tắc mệnh cơ vĩnh cố, Tâm hư trường triệt tắc Tính bản viên minh. Tính viên minh tắc vô lai vô khứ, mệnh vĩnh cô tắc vô tử vô sinh. Chí vu hỗn thành viên đốn, trực nhập Vô Vi, Tính Mệnh song tu, hình thần câu diệu. Trung Hoa Đạo giáo đại từ điển, tr. 1128).

Luyện Đơn quý nhất là Hư Vô tự nhiên.

Hư vô sinh tự nhiên. Tự nhiên sinh Đạo... Tự nhiên tắc hư vô tự nhiên chi Đạo. Thủ Hư vô giả, đắc tự nhiên chi đạo.

Luyện đan là tìm ra được cái Trục cốt bất động trong con người.. Cái trục cốt ấy là Chân thần trong con người, là Thiên khu bất động trong con người. Nó ở nơi Trung cung con người, và nằm giữa đầu não con người. Nó là Nê Hoàn Cung hay Thiên Cốc.

Thần cư Trung Cung, chủ sử vận hành, như Trung Quân Nguyên Soái. hiệu lệnh chúng tướng... Thần chủ Trung nhi sử Khí hành. Khưu tổ viết:: Nhược bất dĩ ý thủ Trung Cung, Được vật như hà vận đắc chuyển. (THTC, tr, 64,)

Cái chốt, cái khu nữa bất động nơi con người là Thiên Cốc, là Thiên Khu, là Nguyên Thần. Nó chính là Vô Vị Chân Nhân trong con người, ẩn tại Lục Căn Môn Đầu, tại Thiên Phong Đỉnh Thượng, tại Thập tự Nhai đầu. Trời đất Thường chuyển, chỉ có Thiên Khu này là Bất động. Tiên Học Tập Cẩm, tr. 187)

Đơn đạo coi con người như Cái Xe, coi Ý như con ngựa, coi Tâm như người đánh xe. Người đánh xe này trên trời là sao Thiên Cương, là chuôi sao Bắc Đẩu, nó cũng chính là Thiên Tâm của ta. Nó điều khiển mọi sự trong ta. (THTC, tr. 100- 101)

Đơn đạo dĩ Thân vi xa, dĩ ý vi Mã, ngự chi dĩ Tâm Quân dã. Tổng chi thị nhất cá chủ tể, tại xa tắc vi ngự dã, tại chính tắc vi minh quân. Tại Thiên tắc vi Đẩu Bính, Tại đơn tắc vi Thiên Tâm, giai ngôn bá bính tại thủ dã, (Tiên Học tập cấm, tr. 100)

Đơn đạo cốt nhất là Ý. Niệm mà khởi, nếu ta theo nó đi vào luân hồi, nếu ta đi ngược lại, sẽ qui căn phản bản.

Trời gọi Đẩu Bính là Thiên Tâm. Đơn gọi chân ý là Chủ tể. (Tiên Học tập cấm, tr. 30) Đẩu Bính là 2 mắt con người. (Tiên Học tập cấm, tr. 31)

Thiên Tâm tức Bản tính, tức Nguyên thần (Ib. tr. 28)

Đơn đạo tác dụng, toàn tại Chân Ý. Niệm đầu khởi xứ, hệ nhân sinh tử chi căn, thuận chi tắc lưu chuyển bất cùng. Nghịch chi tắc thâm hồi đốn tức, ư thị khởi thủ, tức ư thủ qui căn, bất khả bất tri. Tiên học tập cấm, tr. 100)

Tu đơn không được cho Nguyên Khí phát tiết, Không được cho Nguyên Thần tản mạn, không được để Nguyên tinh hao tán..

Dược vật

Dược vật là Tính Mệnh.

Đỉnh trung chi tính giả, Diên dã, Hổ dã, Thủy dã, Kim dã, nhật dã, Ý dã, Khảm dã, Khôn dã, Mậu dã, Xá Nữ dã, Ngọc Quan dã,

Tể trung chi Mệnh giả, Hống dã, Long dã, Hỏa dã, Mộc dã, Nguuyệt dã, Phách dã, Ly dã, Kiền dã, Kỷ dã, Anh Nhi dã, Kim Thai dã, (Trung Hoa Đạo giáo Đại từ điển, tr. 1203)

Tính tức Thần dã, Mệnh tức Khí dã.

Tính Hỏa dã, Mệnh thủy dã, Tính Mệnh Thủy Hỏa chi bản Nguyên.

Khuu Xử Cơ: Kim đan chi bí, tại vu nhất Tính, nhất Mệnh nhi dĩ. Tính giả Thiên dã, thường tiềm ư đỉnh, Mệnh giả địa dã, thường tiềm vu Tể.

Đỉnh giả, Tính Căn dã. Tể giả, Mệnh đế dã. Nhất căn, nhất đế, thiên địa chi nguyên dã

Tổ dã..Đỉnh trung chi Tính giả, Diên dã, Hổ dã, Thủy dã, Kim dã, Nhật dã, Ý dã, Khảm dã, Khôn dã, Mậu dã, Xá Nữ dã, Ngọc Quan dã,

Tể trung chi Mệnh giả, Hống dã, Long dã, Hỏa dã, Căn dã, Nguyệt dã, Phách dã, Ly dã, Kiền dã, Kỷ dã, Anh nhi dã, Kim thai dã...(Trung Hoa Đạo Giáo Đại từ Điển, tr. 1203)

Người xưa gọi Đạo Khuê là Tính Mệnh. (Đạo Khuê giả, chỉ thị Tính Mệnh nhị vật. (Trung Hoa Đạo giáo đại từ điển, tr. 1203)

Hậu thiên chi đạo, Thần Khí dã. Tiên Thiên chi đạo, Tính Mệnh dã. (Trung Hoa đạo giáo đại từ điển, tr. 1128)

Tu mệnh chính là Luyện Hình, luyện Khí, là Tu Dưỡng Sinh Khí Công, là tu Phục Khí, Yết Tân..Luyện Khí, Phục Khí, tức là Nội Đan tu luyện... Luyện Khí là Tu Mệnh, là Tu Tiên.

Tu Tính là Tu tâm, Dưỡng tính là TâmTrai, là Tọa Vong . Tu Đạo tức tu Tâm, tức là Luyện Thần hoàn hư hợp Đạo.

Trong quyển Tinh Hoa các Đạo giáo, tôi đã giải thích: Tu tính tức là Luyện Thần hoàn hư. Tu mệnh tức là: Tu luyện phàm tâm cho nó trở nên thanh lịch, tu xác thân cho nó mạnh khỏe, sống lâu (Xem Tinh hoa các Đạo giáo, Chương XI, Tính Mệnh song tu, Tu thể thể xác lẫn Thần hồn, tr. 177- 204)

Hỏa hậu

Hỏa Hậu chính là Thần khí.

Hỏa Hậu : Hỏa là Thần Đích Vận dụng, là sự Vận Dụng của Thần.

Hậu là Vận hỏa thoái phù đích thời khắc và Số Độ.

Hỏa Hậu là ý niệm và sự vận dụng hô hấp trong khoa luyện Đan.

Chân hỏa giả, Ngã chi Thần. Chân Hậu giả ngã chi khí. Tức thị dữ thần ngự khí nhi chứng Đạo dã. (Trung Quốc Đạo Giáo Đại từ Điển, tr. 1188)

Hỏa là Tâm là Thần, thần tức Hỏa. Khí tức Dược. Dĩ hỏa luyện Dược thì thành Đan, thể là Dừng Thần ngự khí thì Đạo thành. (Ib. tr. 1188) Yếu quyết hỏa hậu phải tìm nơi Chân tức. Chân tức tự tâm khởi. Tâm tĩnh tức điều, tức tức qui căn, là Kim Đơn chi mẫu. (Ib. 1188).

Bí quyết hỏa hậu, chỉ tại kỳ Ý. Đại khái là nếu không khởi niệm, thì Ý sẽ không Tán.

Niệm khởi thì Ý sẽ Tán, niệm khởi thì Hỏa tảo, niệm tán thì Hỏa lãnh. Cho nên hành Hỏa Hậu, là lưu ý đến động tĩnh, là quan sát Hàn Ôn. (Ib. 1188)

Hỏa hậu bàn về Nhất Khí thăng giáng, có vậy thôi. (Hỏa Hậu bản chỉ ngụ Nhất Khí thăng giáng chi tiết, phi hữu tha dã.) (Chu Dịch Tham Đồng Khế, Bành Hiếu chú, tr. 334)

Công nghiệm của Hỏa là, Tán thì thành Khí, tụ thì thành Hỏa, Hóa thời thành Thủy, biến thời thành Kim. **Ngưng thử nhất khí, Chân Nguyên bất tán**, thì Hỏa Hậu ở trong đó. (Trung Hoa đạo giáo đại từ điển, tr. 1188).

Trong con người Hô thì tiếp Thiên Căn, Hấp thì tiếp Địa Căn. Hô Hấp chính là Càn Khôn mở đóng. là Nhật Nguyệt vắng lại.

Chân Hỏa giả ngã chi thần, chân hậu giả ngã chi tức. Dĩ hỏa luyện dược dĩ thành đơn, tức thị dĩ thần ngự khí nhi chứng đạo. Hỏa hậu chi bí chỉ tại kỳ ý. Đại ước **niệm bất khả khởi, niệm khởi tắc hỏa tảo. Ý bất khả tán; ý tán, tắc hỏa lãnh**. Tất tu nhất niệm bất khởi, nhất ý bất tán, thì kỳ động tĩnh, sát kỳ hàn ôn, thử tu trì hành hỏa chi hậu dã. (Ngộ chân thiên xiển u.) (Ib.1188)

Dược vật dị tri, hỏa hậu nan chuẩn.

Thánh nhân truyền dược bất truyền hỏa

Tòng lai hỏa hậu thiếu nhân tri,

Bạch ngọc Thiềm vân: Hỏa bản Nam Phương Ly quả; thuộc Tâm. Tâm giả, Thần dã. **Thần tức hỏa dã, Khí tức dược dã**, dĩ hỏa luyện dược nhi thành đơn giả, tức thị dĩ Thần ngự khí nhi thành Đạo dã. Hỏa hậu khẩu quyết chi yếu, vuư đương vu Chân Tức trung cầu chi. Cái tức tòng tâm khởi. Tâm tĩnh tức điều, tức tức qui căn, kim đơn chi mẫu... Nhất hạp nhất tịch vị chi biến, vắng lại bất cùng vị chi thông, **thị dĩ nhân chi nhất thân, hô tắc tiếp thiên căn, hấp tắc tiếp địa căn, nhất hô nhất hấp, tự nhiên thiên địa tạo hóa, thử hô hấp phi phi khẩu tị tri hô hấp...**Tương nhất thời toàn vi nhất tức... Họa chi công nghiệm, bất quá tán chi tắc thành khí, tụ chi tắc thành hỏa, hóa chi tắc thành thủy, biến chi tắc thành Kim, ngưng thử Chân khí, **Chân Nguyên bất tán, tắc Hỏa Hậu tại kỳ Trung hĩ.** (Ib. tr. 1188)

Nói về Hòa Hầu là nói về lẽ Âm Dương, thăng giáng, động tĩnh mà thôi.

Hòa hầu của mỗi năm

Trong một năm, thì tháng 11 là tháng Đông Chí. Lúc đó là quẻ Phục. Mỗi tháng tăng 1 hào Dương, cho nên tháng 12 là quẻ Lâm,

Tháng Giêng là quẻ Thái

Tháng hai là quẻ Đại Tráng

Tháng Ba là quẻ Quải,

Tháng 4 là quẻ Kiền

Tháng 5 là Dương cực Âm sinh.

Nên tháng 5 là quẻ Cấn. Từ đó mỗi tháng tăng 1 Hào Âm.

Tháng 6 là quẻ Độn,

Tháng 7 là quẻ Bĩ

Tháng 8 là quẻ Quan

Tháng 9 là quẻ Bác

Tháng 12 là quẻ Khôn. (THTC, TR. 39)

Hòa hầu của mỗi tháng

Trong 1 tháng thì ngày Sóc (30) là quẻ Phục, một Dương

Mồng 8, hay mồng 9 là Thượng Huyền là quẻ Đoài (hai Dương)

15 Vọng là quẻ Kiền (3 Dương)

Ngày vọng Âm bắt đầu sinh là quẻ Cấn.(Một Âm)

Ngày 22, 23 là ngày Hạ Huyền là quẻ Cấn (hai Âm)

Ngày Hối 30 là Khôn (ba Âm.) (THTC, TR. 40)

Hòa hậu của mỗi ngày

Trong 1 ngày, thì giờ Tí là quẻ Phục, cứ thế mỗi giờ tăng 1 hào Dương, và giờ Ngọ là quẻ Cấn.

Nhất Dương sơ động là buổi Sáng, là quẻ Truân, cũng giống ngày Đông Chí hay ngày Sóc. Y cứ vào đó để Tiến Dương Hỏa, (THTC, tr. 41)

Nhất Âm sơ Tĩnh là quẻ Mông là buổi chiều, cũng giống như ngày Hạ Chí hay ngày Vọng. Y cứ vào đó để thoái Âm Phù (THTC, Tr. 41)

*Thân bất động là luyện tinh,

Tâm bất động là Luyện khí.

Ý bất động là luyện Thần.

Ít nhiều khẩu quyết

Thế nào là Đạo?

Thưa là: Trừng tâm, khiển dục, vạn duyên bất nhiễm, Thần Khí sung hòa. (THTC tr. 106)

Trừng tâm là Nhất niệm bất sinh. (THTC, tr. 107)

Đạo nhân yếu quyết, bất quá dưỡng khí. Phù nhân mệnh một vu danh lợi, vãng vãng tiêu hao kỳ khí, chỉ yếu chí thanh chí tĩnh, di dưỡng thần khí, tâm dịch hạ giáng, thận khí thượng đẳng, chí ư tì nguyên, nhân uân bất tán, tắc đan tụ hĩ, cố tập tĩnh, vô niệm, tuyệt tưởng, thần tự linh, đan tự kết. (THTC, tr. 106)

Điều tức

Nhược tâm trung vô sự, kỳ tức tự nhiên điều.

Tâm.

Tư lự chi tổng xưng. Đại Đạo dĩ vô tâm vi thể, vong ngôn vi dụng, tâm bất trì, tắc tính định, hình bất lao tắc tính toàn, Thần bất nhiễu tắc đan kết.

Làm sai cho khí trong người không tán? Thừa Thân phải vô vi.

Làm sao cho thần trong sáng? Thừa Tâm phải vô sự. (THTC, Tr. 109)

Nguyên thần, thức thần

Nguyên thần tức bản tính, tức bản lai diện mục, tức Chân tính, tức Thiên tâm. Tức Thái hư.

(Xem Kinh Dịch Hệ từ thượng, chương X, tiết 2; tiết này bàn về Nguyên Thần trong con người và vũ trụ)

Nguyên thần chủ Tĩnh, thức thần chủ động. Nguyên thần là Thể, Thức Thần là Dụng, Nguyên Thần là Chủ, cho nên tu đạo mà không biết Nguyên Thần thì Đạo sẽ vô chủ. (TĐTC, 23). Người tu đạo thì Thiên tâm thường tồn, Đạo tâm thường ngưng, (THTC, tr. 24)

Nguyên thần như mặt gương vô tâm chiếu vật, như dòng nước vô tâm in hình.

Tu luyện cần phải Khử Thức, Tồn Nguyên. (Bỏ Thức Thần, giữ Nguyên Thần) (Xem THTC, tr. 28)

Như vậy Kiến Thiên Tâm là Kiến Tính (THTC, Tr. 28)

«Gọi là Thiên tâm hay Bản tính hay Chân Chủng, Chân Thần hay Chân Niệm, hay Chân ý, hay Kiền Nguyên Tổ Khí, hay Chân Dương, hay Đạo Tâm, hay Thái Hư cũng chỉ là Nguyên thần»

Muốn luyện Đạo phải biết Nê Hoàn Cung hay huyền quan Khiếu (Xem THTC, tr. 33)

Muốn tìm ra Tâm Thể mình thì phải do nơi Huyền quan Khiếu mà tìm. (Chân Nguyên Tâm Thể, thực tự Huyền quan nhất khiếu tầm lai) (THTC, tr. 34)

Huyền tấn khai nhi Chân Cơ hiện. Đó chính là Nhất điểm Chân ý. Chân ý là Chân ky, là giường máy, là động cơ sinh ra mọi biến hóa trong Con Người. Biết Nê Hoàn Cung là Chân ky trong con người nên mới nói được : Thiên quan tại ngã, địa trục do tâm, vũ trụ tại thân (THTC, tr. 36)

Nguyên thần chính là Thái Hư . Tu đơn là Nguyên Thần hợp với Thái Hư, là con người biến thành Trời (Thủ Khảm điền Ly), mà Thái Hư hay Trời thì Vô Tượng, vô danh. Cho nên ta cũng phải trở nên Vô Tượng vô Danh. (Thtc, tr. 60) Chính vì thế mà Trang Tử viết: Chí nhân vô kỷ, thần nhân vô công, thánh nhân vô danh. (Trang Tử Nam Hoa Kinh, Chương 1, Tiêu Diêu Du, cuối đoạn C, Xem Léon Wieger, les Pères du Système Taoiste, tr. 210- 211. Xem thêm: Nguyễn văn Thọ, Tính mệnh Khuê chỉ, Lời bàn của Dịch giả tr. 115- 117)

Tâm thượng tự thanh tĩnh, Thanh tĩnh tức thị vô vi. Vô vi tự hợp Đại Đạo hĩ. (THTC, Tr. 116)

Đạo Lão cho rằng Con Người có Tính Trời (Thiên Địa chi tính) và Tính Người (Khí Chất Chi Tính), Có Lòng Trời (Đạo Tâm) có Lòng Người (Nhân Tâm), có Thần Trời (Nguyên Thần) có Thần người (Thức Thần). Trừ khử Tính Người, giữ nguyên Tính Trời, lòng Trời, Thần Trời là mục đích của Khoa Luyện Đan (Xem Tính Mệnh Khuê Chỉ, tr. 112)

Đang soạn thảo bài này, tôi đọc Nguyệt San Giác Ngộ số 68, tháng 11 năm 2001 thấy: Nơi trang 49 của số báo này có đăng bài: Giác Ngộ là gì của Huyền Chân.

Bài này Huyền Chân lấy ý từ bài: What is enlightenment của Andrew Cohen, một người Mỹ, chủ bút tập san Moksha Foundation. Andrew Cohen là một đạo sư, giác ngộ tâm linh từ năm 1986. Và từ đó Ông chỉ sống, thở và nói mỗi một điều là khả năng giải thoát hoàn toàn khỏi sự ràng buộc của si mê, mê tín và tính vị kỷ... Trong các bài thuyết giảng công khai, và trong cuộc gặp gỡ với các đạo sư tâm linh của hầu hết các truyền thống khác nhau, ông đã không mệt mỏi tìm cách truyền bá sự phát hiện của ông, tức là ý nghĩa đích thực của giải thoát tâm linh, là khả năng của nó thay đổi hoàn toàn không những con người cá nhân, mà còn thay đổi cả cung cách những con người chung sống với nhau như loài sinh vật.

Trong bài Giác Ngộ là gì, Andrew Cohen phỏng vấn hai truyền thống giác ngộ nổi bật — Vedanta và Phật Giáo, tức là ngài Đạt lai Lạt Ma đại diện cho Phật Giáo, và đạo sư Ấn Độ giáo Swami Dayananda, đại diện cho Ấn độ giáo cách tân Advaita Vedanta.

Câu trả lời của Đức Đạt Lai Lạt ma, không mấy rõ ràng đối với tôi, còn câu trả lời của Swami Dayananda thì vẫn gọn và đi sâu vào lòng con người, nên tôi tóm gọn ý chính của đạo sư Swami Dayananda như sau:

«Từ Advaita rất quan trọng. nó phủ định Dvaita có nghĩa là hai.

Cả từ Advaita có nghĩa không phải là Hai. Thực chất của triết thuyết Advaita là gì?

Cả thế giới vũ trụ này chỉ là một. Cái Một đó là Brahman, và cái một đó là đơn nhất và toàn bộ, chứ không phải được cấu thành bằng những bộ phận hay yếu tố nào hết. Đó là Brahman, cái Tuyệt Đối. Và bản thân con người đang tìm tòi Brahman cũng là Brahman. Bởi lẽ, nếu Brahman khác biệt với Anh, thì Brahman sẽ không còn là Brahman nữa vì sẽ là Nhị Nguyên, không phải là Nhất Nguyên. Anh sẽ là chủ thể, và Brahman là khách thể. không còn là cái toàn bộ (the whole) nữa.

Triết thuyết Advaita bắt nguồn từ các thánh điển Veda, mà truyền thống xem là sách Thần Khải, được ra truyền cho các bậc minh triết đời xưa, gọi là các rishis. Sách Upanishads là bộ phận kết thúc của thánh điển Vedas, không những bàn về Brahman, mà còn giảng dạy một cách có hệ thống về Brahman nữa. Những điều tôi (tức Swami Dayananda) làm ngày nay không có gì khác chính là những điều được giảng dạy trong các sách Upanishads. Sách Upanishads không phải là giáo lý mà còn là truyền thống giáo lý, có thể trao truyền cho con người hiểu và thực hành được. Không có gì bí mật trong vấn đề này cả. Theo tôi, nghiên cứu thánh điển Upanishads chính là trực tiếp để thành tựu cái Ta Thật, tức Atman, cũng tức là Brahman. Và thành tựu cái Ta Thật, tức là phát hiện cái Ta Thật đó, chính là cái Toàn bộ, là Thượng Đế, là cội nguồn của Tất cả. (Xem Nguyệt San Giác Ngộ. số 68, tr. 53)

Ông Huyền Chân bàn về Giác Ngộ như sau: Mình vốn là Phật mà mình không tự biết. «Hãy tự biết mình». Có là câu nói thời danh của nhà hiền triết Hi Lạp cổ đại Socrates. Vua Trần Nhân Tông trong bài «Cư trần lạc đạo phú» cũng nói là vì chúng ta bỏ quên mất gốc (KHUẤY BỔN), không biết bản thân mình là Phật, cho nên mới tìm Phật ở đâu đâu, ở ngoài đường, trong khi Phật đang ở trong nhà: «Phật ở trong nhà, cầu Thích ca ngoài đường».

Tất cả nội dung tu tập, phần đầu của chúng ta là phải tỉnh giác, quán sát thân tâm mình, loại bỏ mọi điều ác, giữ lại và phát triển mọi điều lành, tự làm cho mình trở nên trong sạch vắng lặng, thì cái tâm đó chính là Phật rồi.

«Tâm tịnh nhi tri, thị vị chân Phật» Nghĩa là: Tâm lặng mà biết, đó là Ông Phật thật.

Vậy câu hỏi giác ngộ là gì? có thể trả lời: Giác ngộ là biết mình là Phật. Vì không biết cho nên là phàm

phu, là luân hồi sinh tử. Cái gì khiến mình không biết? Đó là Vô Minh, phiền não. Mà vô minh phiền não cũng là giả tạo, vì vậy mà có thể phá được vứt bỏ được, chỉ sợ mình không muốn mà thôi.

Hằng ngày quan sát một cách tỉnh táo thân tâm mình: đó là con đường duy nhất đứng đắn, còn tất cả những cái khác, như cầu nguyện, lễ bái niệm Phật, niệm chú v.v... đều là phương tiện, đều là cái bè qua sông, là ngón tay chỉ mặt trăng. Hãy biết như vậy, và làm như vậy, chính là Giác Ngộ.»

Đọc những hàng trên, tôi mới thấy rằng: Đạo hay Đan thật ra là chí giản, chí dị. Nó chính cũng là một sự Giác Ngộ nội Tâm: Biết mình là Trời, biết mình có căn cốt Trời. Nó trở nên khó vì chúng ta làm cho nó trở nên khó mà thôi.

Đọc đoạn này, ta thấy ngay, luyện đơn chính là tìm lại Thượng đế tiềm ẩn trong tâm ta mà ta chẳng biết, chẳng hay. Giác Ngộ hay Đan thành chính là sự chứng nghiệm được Thượng Đế đó. Thiên kinh vạn quyển cũng chỉ nói một vấn đề này mà thôi.

Khi ra mắt quyển Tính Mệnh Khuê Chỉ, tôi cũng đã trình bày như sau:

Sách gọi là Tính Mệnh Khuê Chỉ, nghĩa là bàn về Tính Mệnh con người, bàn về Chân Tâm, bàn về Bản Lai diện mục con người, bàn về Trung Chính, Trung Đạo, nêu rõ mục đích là Tu Tâm Tu Tính, là đi từ Hữu nhập Vô, từ thực tới Hư. (Xem Tính Mệnh Khuê Chỉ, tr. 7)

Ngay nơi trang 17 đầu sách, Tính Mệnh Khuê Chỉ cho rằng đấy chính là Mấu Chốt, là Tổng Trì Môn của Nho, Thích Lão.

Dịch Kinh cho rằng: Người chính là Trời Nguyên Thủy, nên sách này dạy ta phép **Thủ Khảm Điền Ly, để biến Ly thành Kiền**, để giúp ta trở về với Trời (Tính Mệnh Khuê Chỉ tr. 16)

Con đường tu là tìm hiểu Tính Mệnh, tìm hiểu Bản Thể con người, mà Thái Cực là Bản Thể, là Tâm Tính (Tính Mệnh Khuê Chỉ, tr. 17).

Đắc Đạo chính là Đắc Nhất, đắc Trung.

Phép tu hay nhất là luyện Kim Đan (Tính Mệnh Khuê Chỉ, tr. 23), và phải hiểu rõ 2 chữ Tính Mệnh. (TMKC, tr.27)

Tính là Nguyên Thần, Mệnh là Nguyên Khí.

Tính có Tính Trời, có Tính Người. Tính Trời là Thiên Địa chi Tính. Tính người là Khí Chất chi Tính.

Tính Mệnh trời thì vĩnh cửu, trường sinh. Tính Mệnh người thì Luân Hồi sinh tử.

Tu luyện chính là rũ bỏ tính Người và giữ chu toàn tính Trời.

Cho nên Chân Tính Mệnh của ta, vì là Trời, nên thông ngày đêm, phối Thiên Địa, triệt cổ kim, không bao giờ mất mát tiêu diệt được (TMKC, Tr. 28)

Biết Tận Tính Chí Mệnh, thì sẽ đạt được Hư Không Bản Thể (TMKC.tr. 30)

Sau đó sách dạy cách luyện đơn, bằng 40 hình vẽ.

Muốn luyện đan trước hết là phải dẹp trừ niệm lự. (TMKC, Tr.102)

-Luyện đan là luyện Tiên Thiên Khí Công, là hòa hợp Nguyên Thần, Nguyên Khí qua 2 mạch Nhâm Đốc.

Luyện đan chính thị luyện Kim Đan,

Nguyên Thần Nguyên Khí hợp lưỡng ban

Vận chuyển phải qua Nhâm Đốc mạch

Nhâm Đốc đã thông sẽ chu toàn. (TMKC, tr. 103)

-Luyện Đan là tìm ra được Thiên Địa chi tâm, (TMKC, tr. 102), tìm ra được Thái Cực trong con người., là Trung Cung, Trung Điểm, là Nê Hoàn Cung trong con người, (TMKC, tr. 103)

- Luyện Đan là loại trừ bụi bặm, để cho Tâm phục hồi bản thể, phục hồi Thiên Mệnh chi tính của mình. (TMKC, tr. 106)

- Sách gọi Luyện Tâm là Luyện đan, và dạy con người có 2 tính: Thiên địa chi tính (Tính Trời) và khí chất chi tính (Tính Người)

Trừ khử tính Người là luyện Đan.

Trừ được Tính người thì Tính Trời sẽ hiện, và Đan sẽ thành. (TMKC, tr. 107)

Ta thấy mục đích đạo Lão khá rõ ràng:

Đạo Lão muốn biến con người Phàm phu thành con người Siêu Việt, biến Người thành Trời.

Đạo Lão đưa ra nhiều cách để chúng ta trở về với Trời, mà cách chính yếu nhất là kết hợp và Hòa Hài.

Trước hết là trong con người có Âm Dương, nếu Âm Dương mà ly tán nhau, mà mâu thuẫn nhau, thì sẽ sinh Nhân Sinh Vật. Ngược lại nếu Âm Dương mà hòa hợp nhau, thì sẽ Sinh Thánh sinh Thần. Nghĩa là bao lâu ta còn sống trong mâu thuẫn, trong Nhị Nguyên, thì bấy lâu chúng ta còn là những người phàm phu, dung tục. Khi nào tâm tư ta sống trong Nhất Nguyên, vô đối, thì bấy giờ ta mới mong vào được hàng hiền thánh.

Cho nên Luyện Đan của Đạo Lão chính là điều hòa Âm Dương, khiến Âm Dương hợp Nhất thành Thái Cực.

Họ gọi **Âm** là: Hổ, là Diên, là Xá nữ, là Nguyệt; gọi **Dương** là Long, là Hống, là Anh Nhi, là Nhật v.v.

Tính Mệnh Khuê Chỉ viết:

Khảm nội, hoàng nam danh Hống tổ,

Ly trung huyền nữ thị diên gia.

Khảm có hào Dương nên kêu Hống tổ

Ly có hào Âm nên gọi Diên gia. (Xem TMKC, Tr. 103)s

Và gọi đó là Phép Luyện Đơn. mà luyện đơn là vận chân khí qua xương sống, qua hai mạch Nhâm Đốc, và đem Chân Khí đó về Tích Tụ tại Nê Hoàn Cung, hay Thượng Đơn Điền.

Khoa Vận khí qua hai Mạch Nhâm Đốc chính là Khoa Khí Công của Trung Hoa. Tôi không muốn nói nhiều hơn, chỉ xin giới thiệu bộ sách: Trung Quốc khí Công đại thành 中國氣功大成, do Phương Xuân Dương 方春陽 chủ biên, 868 trang, Cát Lâm Khoa Học kỹ thuật xuất bản xã, 1999.

2. Chẳng những hợp Âm Dương, mà còn Hoà Hợp Tinh Khí Thần qui tụ về nơi đầu mà họ gọi là Tam Hoa qui đỉnh.

Lại còn chữ trường Hoà Hợp Ngũ Hành hay Tinh Thần Hồn Phách Ý qui Trung, mà họ gọi là Ngũ Khí Triều Nguyên, hay Toàn Thốc Ngũ Hành..

[Muốn hòa hợp Ngũ Hành phải theo chiều Nghịch, có đi theo chiều Nghịch mới luyện thành Đan, còn đi theo chiều Thuận thông thường thì chỉ là Thường Đạo, hữu sinh hữu tử (Tính Mệnh Khuê Chỉ, tr. 214 & 227)]

Họ coi con người sau khi đã sinh, thì không còn Thuần Thể, Toàn Thể như Trời. Kiền hayTrời khi ấy đã mất vẻ thuần khiết và đã biến thành quẻ Ly. Cho nên phải biết lấy Hào Dương ở giữa quẻ Khảm thay

cho Hào Âm ở giữa quẻ Ly, cho Ly biến trở lại thành Kiền. Tính Mệnh Khuê Chỉ viết:

Thủ xuất Khảm trung hoạch,

Bổ Ly hoàn phục Kiền

Thuần Dương Mệnh bản cố

Linh Sa Châu Tính viên

Lấy một hào Dương trong quẻ Khảm

Thay chỗ Âm Hào giữa quẻ Ly.

Thế là Ly lại biến thành Kiền,

Đất trời định vị tái hoàn nguyên

(Tính Mệnh Khuê Chỉ, tr. 100)

Đó là Thủ Khảm Điền Ly. Đó là biến Phàm Tâm con người trở thành Thiên Tâm.

5. Họ gọi con người là Khí Chất chi Tính, gọi Trời là Thiên Mệnh chi Tính. Và chủ trương Diệt Khí chất chi tính, để thay thế bằng Thiên Mệnh Chi Tính.

Khí Chất chi tính là Nhân Dục, Thiên Mệnh chi tính là Thiên Lýù. Cho nên hễ Nhân dục thắng thì Thiên Lýù vong, Nhân dục tận thì Thiên Lýù hiện. Hai đàng không thể lưỡng lập, mà phải một mất một còn. Đó cũng là Biến Người thành Trời.

6. Họ muốn biến Tinh Khí Thần, và nói: Luyện Tinh hoá Khí, luyện Khí hoá Thần, Luyện thần hoàn Hư, phục qui Vô Cực. Đó cũng là Biến Người thành Trời.

7. Họ chủ trương người có Cửu Thức, mà họ gọi là Bạch Tịnh Thức. Bát thức phải qui về Bạch Tịnh Thức thì con người mới trở nên Bất Tử. Đó cũng là cách Biến Người thành Trời theo Phật Giáo. (Tuy nhiên, Phật giáo xưa nay chỉ chủ trương Bát Thức, và khi giác ngộ, thì Thức sẽ biến thành Trí, ví dụ Alaya sẽ biến thành Đại Viên Cảnh Trí. Chỉ có Doãn Chân Nhân mới nói con người có Cửu Thức).

8. Họ còn chủ trương Tâm Tử, Thần Hoạt. Tâm con người có chết đi thì Thần Trời Đất mới hiện ra.

9. Cho nên có thể nói đàng sau mỗi con người sinh tử chúng ta, còn có một Chân Nhân bất sinh bất tử. Phải tìm cho ra được Chân Thần bất sinh bất tử ấy, phải hoàn toàn vất bỏ con người cũ của chúng ta, và thay thế chúng ta bằng con người mới. Như vậy mới là Giác Ngộ hoàn toàn. Tâm ta phải như mặt trời trong sáng. Như vậy giữa Con Người Phàm Phu chúng ta và con người Thiên Chân chúng ta, như có một bức màn, Tu là xé bỏ bức màn vô minh đó. Và ai cũng làm được chuyện này.

10. Như vậy, chúng ta đáng lý là Trong Sáng, nhưng ta lại nghĩ mình là Đen Đùi, xấu xa.

Chúng ta là những Đấng Bất tử nhưng chúng ta chỉ nhìn thấy Sinh Tử, Biến Thiên.

Chúng ta là Chân Như bất biến nhưng vì mang hồn phách, hình hài nên tưởng mình là cái gì GIẢ HỢP.

Bà La Môn giáo cầu xin:

Xin đưa tôi từ GIẢ trở về CHÂN.

Xin đưa tôi từ TỐI TẮM trở về ÁNH SÁNG.

Xin đưa tôi từ TỬ VONG trở về BẤT TỬ.

(Brih. Upanishad, 1.3.28)

Đó chính là Họ nhìn con người từ Khía Cảnh Thần Tiên, chứ không nhìn con người bằng đôi mắt

phàm tục.(Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, tr. 112)

Con người muốn qui nguyên phản bản, thì tất cả phải qui hướng về Trời, về lẽ một.

Ngũ khí trong ta là : **Tinh Thần, Hồn, Phách, Ý**. Tất cả phải hợp lại thành một. Cho nên mới có những chữ như Ngũ Khí triều Nguyên, Toàn Thốc Ngũ hành. Tứ tổ qui gia, Tam gia tụ đỉnh. Tam gia tương kiến v.v... (Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, tr. 114), và dĩ nhiên chúng ta phải Hợp Nhất Âm Dương cho thành Thái Cực.

Sau đó Sách cho ta ít nhiều khẩu quyết như:

Muốn trường sinh, phải tìm cho được Chân Tâm.

Chân Tâm là Nguyên Thần, là nguồn gốc Trường Sinh.

Vọng Tâm là Thức thần là căn nguyên Sinh Tử.

Muốn tu phải tìm cho ra Linh Đài.

Linh Đài chính là Huyền Quan Khiếu, là Cốc Thần hay Nê Hoàn Cung trong đầu não con người. v.v... (Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ tr. 128)

Tu là Tu tâm là bồi dưỡng bản nguyên (Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ tr. 134).

Sau đó sách bàn về hô hấp. Doãn Chân Nhân phân biệt hai loại hô hấp: **Phàm tức** là thở thường bằng phổi và **Chân tức** là thở qua 2 mạch Nhâm Đốc. Đó là một khoa học rất khó. (Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, tr. 171-172).

Chân Tức là dùng Thần hay Hỏa để tu luyện Khí tức là Dược.

Sách lại dạy về Nê Hoàn Cung. Nê Hoàn Cung, chính là Vô Cực, là Chân Trung, (Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, tr.190), là căn nguyên sinh ra vạn sự trong con người.

Khiếu này gọi là Tổng trì Môn, là Kinh Đô vạn pháp, nó không có biên cương, không có trong ngoài. (Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, tr. 195)

Sách còn dạy chuyển Pháp Luân. (Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, tr. 213)

Rồi lại dạy Điều Tức, dạy ngưng thần nhập khí huyết.

Tích nhật ngô sư thân khẩu quyết,

Chỉ yếu ngưng thần, nhập khí huyết.

Ngày trước gặp thầy truyền khẩu quyết,

Chỉ yếu ngưng thần nhập khí huyết

(Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, tr. 239)

Dạy ngoại Hô Hấp, nội Hô Hấp, dạy Thai tức v.v... (Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, tr. 232- 249), và truyền nhiều khẩu quyết về Thai Tức (Tĩnh Mệnh Khuê Chỉ, tr. 255- 262)

Sách dạy tiếp Hành Thiền, Tọa Thiền, Lập Thiền, Ngọa Thiền.

Sách dần dần tiến sâu vào các khẩu quyết tu luyện.

Yêu mạch trường sinh lộ,

Trừ phi nhận bản nguyên

Đô lai nhất vị dược,

Cương đạo số thiên ban.

Muốn tìm nẻo trường sinh,

Phải biết bản nguyên mình

Dược vị vốn chỉ một,

Người nói thành trăm nghìn.

(Tĩnh Mệnh Khuê Chi. Tr. 317)

Trong Tây Thằng Kinh tiết Yếu của Lão Tử có ghi:

Ngụy Đạo dưỡng hình, Chân Đạo dưỡng Thần

và:

Đan Kinh vạn quyển

Bất như thủ Nhất. (Xem Tiên Học Diệu Tuyển, Lý Lạc Cầu, tr. 18.)

Nhân năng hư không, vô vi, phi dục ư Đạo, Đạo tự qui chi. (Ib.trang 19.)

Sau đây xin toát lược công phu Luyện Khí hay Luyện Đan của Đạo Lão. Đây là lời bình của tôi về [chương 20, Huỳnh Đình Kinh của Đạo Lão](#). (Xem Huỳnh Đình Kinh, Nguyễn Văn Thọ dịch, tr. 257- 262)

Ta có thể tóm tắt chương 20 này bằng mấy câu ở Ngoại Cảnh (chương 1):

«Hô hấp hư vô nhập đan điền,
Ngọc trì thanh thủy quán linh căn,
Tổng chân đồng tử thực Thai tân,
Thẩm năng tu chi, khả trường tồn.»

呼吸虛無入丹田
膈池清水灌靈根
總真童子食胎津
審能修之可長生

Vì thực ra chương này cũng bàn về:

- Hô hấp chân khí (câu 1)
- Tồn thần (câu 2)
- Nuốt tân dịch (câu 3)
- Bảo tinh, dưỡng thần (câu 4, câu 5)
- Vận khí điều tức (câu 6)
- Thủ chính, bảo nhất (câu 7)
- Tồn tâm, dưỡng thần (câu 8, câu 9)
- Diên niên, trường thọ (câu 10)

Dưới đây tôi chỉ chú trọng bình giảng câu 1:

Hô hấp Nguyên khí dĩ cầu tiên 呼吸元氣以求仙 .

A. HAI THỨ KHÍ TRONG CON NGƯỜI

Trong con người có hai thứ khí:

a. Khí trời: khí hô hấp.

b. Khí tiên thiên 先天氣 hay Chân khí 真氣, hay Nguyên khí 元氣 .

Nguyên khí hay khí tiên thiên ở trong xoang não, và trong tủy xương sống. Chính vì vậy mà tủy xương sống được gọi là Tiên thiên khí quản 先天氣管 .^[1]

Hai khí tiên thiên và hậu thiên hỗ trợ nhau. Nghĩa là hô hấp tiên thiên phải nhờ vào sức hô hấp hậu thiên mới có thể vận chuyển được.

Nói rõ hơn: khi ta hít khí trời xuống phổi (hấp hậu thiên 吸後天), thì đồng thời ta nường sức hít đó, hít Chân khí từ Vĩ lư 尾閭, qua Đốc mạch 督脈 lên Nê Hoàn 泥丸 (hấp tiên thiên 吸先天).

Khi ta thở khí ra (hô hậu thiên 呼後天), thì đồng thời ta chuyển chân khí từ Nê Hoàn, xuống Hạ đan điền, xuống Sinh tử huyết 生死穴 (huyết giữa giang môn 江門 và sinh dục khí 生育器) (hô tiên thiên 呼先天).

Người xưa gọi Hô hấp hậu thiên là Hỏa hầu 火候 .^[2] Hô hấp tiên thiên là Dược vật 藥物 .^[3]

Hô hấp hậu thiên là âm 陰 .^[4] Hô hấp tiên thiên là dương 陽 .^[5] Hai thứ hô hấp đó liên lạc mật thiết với nhau, hỗ trợ nhau. ^[6]

B. ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN CỦA CHÂN KHÍ

Hô hấp tiên thiên 呼吸先天 là vận chuyển chân khí từ Sinh tử huyết 生死穴 (Trường cường) tới Vĩ lư 尾閭, qua Đốc mạch 督脈 (qua Giáp tích 夾脊, Ngọc chẩm 玉枕) vào Nê Hoàn. (Đốc mạch 督脈 còn được gọi là Ngân hà 銀河, Hoàng hà 黃河, Hoàng đạo 黃道, Khí quản 氣管, Khí lộ 氣路, Thiên kinh 天經, hay Hà xa 河車 . Vĩ lư 尾閭, Giáp tích 夾脊, Ngọc chẩm 玉枕 gọi là hậu tam quan 後三關). Giai đoạn này là Hấp khí 吸氣, cũng còn gọi là Thăng 升, là Tiến dương hỏa 進陽火 hay Thái thủ 採取 .^[7] Sách Sao Kiếu động chương gọi giai đoạn này là: Hấp thăng hổ hống phong sinh (Sđd, tr. 8a, quyển Hạ).

Giai đoạn thứ hai là hô khí 呼氣, tức là chuyển khí từ Nê Hoàn 泥丸, xuống miệng, xuống mạch Nhâm 任, rồi xuống tới Sinh tử huyết 生死穴 . Giai đoạn này là giai đoạn hô khí 呼氣 hay Giáng 降, hay Thoái âm phù 退陰符 .^[8] Sao kiếu động chương gọi giai đoạn này là: Hô giáng 呼降, long ngâm vân khởi 龍吟雲起 .^[9] Nhâm mạch 任脈 cũng còn được gọi là: Xích đạo 赤道, Thần lộ 神路, Hồng Khê 紅溪, Tào Khê 曹溪 .^[10]

Đường vận chuyển của Chân khí 真氣 có hai khoảng đứt quãng: Trên là Mồm, dưới là Cốc đạo 谷道 hay hậu môn. Muốn cho mạch đến được liên tục cần phải lấy lưỡi đưa lên cửa để cho liền mạch nơi mồm tức là bắc Thượng thước kiều, và cần phải khép kín hậu môn lại gọi là bắc Hạ thước kiều.^[11]

Người xưa đã tóm tắt công phu vận khí điều tức tiên thiên khí bằng bốn chữ: Hấp 吸 (hô hấp); Để 抵 (đưa lưỡi lên cửa để khóa môn); Toát 撮 (khép kín hậu môn); Bế 閉 (nhắm mắt, ngậm miệng).^[12]

C. THAI TỨC 胎息 (Respiration embryonnaire)

Đã nói đến vấn đề hô hấp Nguyên khí cần phải đề cập đến Thai tức 胎息 . Tiên học từ điển định nghĩa Thai tức rằng: Thai là tàng thần ở khí huyết. Tức là khí đến khí huyết. Như vậy Thai tức là Ngưng thần tụ khí ở Khí huyết. Lúc ấy, hô hấp hậu thiên và tiên thiên đều như ngừng lại. ^[13]

Sách Thái Thanh Trung Hoàng chân kinh (tr. 7a) định nghĩa thai tức là: «Bế Chân khí thành thai tức.» 閉真氣成胎息 .Sách có câu: Hội hợp Thai tiên đạo tự thành 會合胎仙道自成 . Cũng nơi trang ấy, sách bình rằng: Nhập thai tức (tức là tự khí, bế khí nơi Nê hoàn) lâu tới 100 tức (khoảng ½ giờ) thì vào

được cảnh tiên, lâu 1000 tức (khoảng 1 giờ) thì hồn du thượng cảnh.

Có biết thai tức, mới thành thánh thai, mới thành thai tiên, mới mong nhập đại định, [\[14\]](#) mới mong xuất thần, xuất hồn. [\[15\]](#)

THẾ NÀO LÀ TIÊN 仙 ?

Đạo Lão gọi Tiên là:

a. Một người sống lâu khỏe mạnh một vài trăm tuổi, nhờ dùng linh chi, linh thảo, linh dược, hoặc nhờ Đạo dẫn, Hành khí, thổ nạp v.v...

b. Tuy nhiên tiên nhân chân chính đều do công phu tu luyện nội công:

- Luyện tinh hóa khí 煉精化氣 thời thành nhân tiên.
- Luyện khí hóa thần 煉氣化神 thời thành thần tiên.
- Luyện thần hoàn hư 煉神還虛 thời thành Thiên tiên hay Đại La tiên.

Tổ sư Vương Trùng Dương 王重陽 nói: Ý đồng Thiên tâm vi Thiên tiên 意同天心為天仙.

Đó cũng là những người: Thể như Thiên chi thanh hư; Đức đồng Thiên chi vô cực 體如天之清虛, 德同天之無極. [\[16\]](#)

Vậy là chúng ta đã giải xong câu thứ nhất rất quan trọng của chương này: Hô hấp nguyên khí dĩ cầu tiên. Chỉ một câu ngắn ngủi mà thâm tóm trọn một công phu tu trị trọng đại của đạo Lão.

Luyện Đơn có 3 điều chính yếu là:

Huyền Tẫn, Dược Vật, Hỏa Hậu.

Huyền Tẫn là Đỉnh Lô. Nê Hoàn là Đại Đỉnh. Trung Đan điền là Tiểu Đỉnh. Hạ Đan điền là Lô.

Dược Vật là Tinh Khí Thần.

Tinh Khí là Khảm, là Nguyệt Phách, là Thủy Hổ, là Diên.

Thần là Li, là Nhật Hồn, là Hỏa Long, là Chân Hống

Hư kỳ Tâm tắc Thần dữ Tinh hợp (Trung Hoa Đạo Giáo Đại từ Điển, tr.468)

Thánh thai

Thánh thai là Anh Nhi, là Tiên Thiên nhất khí, hay Kim Đan. Cũng còn gọi là Đan Mẫu, là Chân Thai, là Kim Đan.

Ngũ Sung Hư nói: Thai tức thần khí nhĩ, phi chân hữu Anh Nhi dã, phi hữu hình tượng dã (Trung Hoa Đạo Giáo Đại Từ Điển tr, 1211) Như vậy thánh thai là lời nói bóng bẩy cho rằng mình đang đi vào con đường giác ngộ, và có khả năng thành tiên, thành phật mai hậu.

Thái Cực

Thái Cực tức Đạo, Đạo tức Đan dã. (Tiên Học từ Điển, tr, 64,)

Trung Khí.

Thần cư Trung Cung, chủ sử vận hành, như Trung Quân NguyênSoái. hiệu lệnh chính tướng... Thần chủ Trung nhi sử Khí hành. Khưu tổ viết:: Nhược bất dĩ ý thủ Trung Cung, Dược vật như hà vận đắc chuyển. (THTC, tr, 64,)

Đan

Hán dĩ tiền vị chi Đạo, Hán dĩ hậu vị chi Đan.

Chân Đạo giản dị nhi bất phiền, dĩ Hư Vô vi thể, dĩ thanh tĩnh vi dụng. (THTC, 62)

Chân ý

Chân ý là gốc trời, là Càn Nguyên, là mẹ trời đất, là gốc Âm Dương, là gốc Thủy Hỏa, là nguồn sinh Nhật Nguyệt.

Thiên Khu bất động

Cái chốt, cái khu nửn bất động nơi con người là Thiên Cốc, là Thiên Khu, là Nguyên Thần. Nó chính là Vô Vị Chân Nhân trong con người, ẩn tại Lục Căn Môn Đầu, tại Thiên Phong Đỉnh Thượng, tại Thập tự Nhai đầu. Trời đất thường chuyển, chỉ có Thiên Khu này là Bất động. (Tiên Học Tập Cẩm, tr. 187)

Người tu hành phải biết Tượng Thiên Đạo, lòng phải Thường Thanh Thường Tĩnh như Trời, không được có trần niệm. Phải giữ Đạo Trời. Mà Đạo là Trừng Tâm trật dục, vạn duyên bất nhiễm, thần khí sung hòa, Đạo là Thanh Tĩnh vô vi. (THTC, tr. 106)

Đi sâu vào chi tiết thì không bao giờ cùng. Phải nắm lấy đại cương mới là điều chính yếu.

Về Đạo Lão, mới đầu tôi thấy thật mừng lung khó hiểu. Nhưng sau nhiều tháng suy tư tôi dần thấy đầu đuôi hiện rõ.

Tôi không muốn viết nhiều hơn, chỉ ước mong quý vị suy tư về những điều tôi viết trên đây.

CHÚ THÍCH

- [1] Xem hình vẽ và lời chú giải của Diệu Thạch Tử, Quả Văn Đức trong Tính Mệnh Pháp quyết minh chỉ 性命法訣明旨, tr. 29.
- [2] Hỏa hầu giả, đơn dĩ hậu thiên khí nhi ngôn giả dã 火候者,單以後天氣而言者也. Tiên thiên chính lý trực luận 先天正理直論, tr. 21a.
- [3] Dược vật giả, đơn dĩ tiên thiên khí nhi ngôn giả dã 藥物者,單以先天氣而言者也. Sdd., tr. 21a.
- [4] Đạo nguyên tinh vi ca 道源精微歌, quyển thượng, tr. 26a.
- [5] Thị vi Dương bất đắc âm, cương tất nhiên bất tự chi cố dã 是為陽不得陰,剛必然不聚之故也. Sdd.
- [6] Nãi nguyên khí bất tự năng siêu, tất dụng hô hấp dĩ thành kỳ năng. Cổ viết: Hữu nguyên khí, bất đắc hô hấp, vô dĩ thái thủ phan luyện nhi vi bản. Hữu hô hấp, bất đắc Nguyên khí, vô dĩ thành thực địa trường sinh, chuyển thần, nhập định chi công. 乃元氣不自能超,必用呼吸以成其能.故曰有元氣,不得呼吸,無以採取烹煉而為本.有呼吸,不得元氣,無以成實地長生,轉神入定之功. Tiên thiên chính lý trực luận, tr. 18b.
 - (1) Nãi Nguyên khí nhược bất năng thừa hô hấp chi năng, tắc bất năng thành nghịet 乃元氣若不能承呼吸之能則不能成 ○. Đạo nguyên tinh vi ca, tr. 26b.
 - (2) Tùy Hậu thiên khí trực nhi nghịch chuyển hạp tịch. Dương hô hấp cơ chi hạp, Ngã tắc chuyển nhi chí Kiền dĩ thăng vi tiến dã. Dương hô cơ chi tịch, Ngã tắc chuyển nhi chí Khôn dĩ giáng, vi thoái dã. 隨後天氣軸而逆轉闔關.當呼吸機之闔,我則轉而至乾以升為進也.當呼機之闔,我則轉而至坤以降為退也. Tiên thiên chính lý trực luận, quyển hậu, tr. 20a.
 - (3) Nhiên hậu thiên hấp, tắc Tiên thiên thăng yên. Thăng thị thăng ư Kiền, nhi thái thủ dã. Hậu thiên khí hô tắc Tiên thiên khí giáng yên. Giáng thị giáng ư Khôn nhi vi phan luyện dã. 然後天吸,則先天

升焉 .升是升於乾, 而採取也 .後天氣呼則先天氣降焉 .降是降於坤而烹煉也 . Đạo Nguyên tinh vi ca, tr. 43a quyển thượng.

Xem thêm:

1/ Tính Mệnh Pháp quyết minh chỉ 性命法訣明旨, quyển 8, tr. 15a; quyển 9, tr. 6a; quyển 5, tr. 17a.

2/Tiên học diệu tuyển 仙學妙選, tr. 345.

3/ Ngũ chân nhân đan đạo cửu thiên 伍真人丹道九篇, tr. 5 - 6 nói về: Thượng thước kiều 上鵲橋, Hạ thước kiều 下鵲橋 . Xem chương 2 cũng sách này nói về Chân ý 真意 ; chương 7 nói về Thủ trung 守中 và Thần qui đại định 神歸大定 ; phụ lục nói về Tiểu chu thiên ca quyết 小周天歌訣 .

4/ Tiên học từ điển 仙學辭典 giải nghĩa các thuật ngữ: Thước kiều 鵲橋 (tr. 168), Tiên thiên nhất khí 先天一氣 (tr. 84), Tiên thiên chân khí 先天真氣 (tr. 85), Đan đạo 丹道 (tr. 62). Độ Nhân kinh 度人經, tr. 3a.

[7] Tính Mệnh Pháp quyết minh chỉ, quyển 4, tr. 10b. Tiên Thiên chính lý trực luận, tr. 33a. Đạo Nguyên tinh vi ca, q. thượng, tr. 15a.

[8] Tính Mệnh pháp quyết, q. 4, tr. 10b. Tiên Thiên chính lý trực luận, tr. 33b.

[9] Sao Kiểu động chương, q. thượng tr. 46, q. Hạ tr. 8a.

[10] Tiên học từ điển, tr. 2. Nhâm mạch gọi là: Thủy câu 水溝, Xích đạo 赤道, Thần lộ 神路, Hồng Khê 紅溪, Tào Khê 曹溪 . Đốc mạch gọi là: Ngân hà 銀河, Hoàng hà 黃河, Hắc đạo 黑道, Dương đạo 陽道, Khí lộ 氣路, Khí quản 氣管, Thiên kinh 天經 .

[11] Tiên Thiên chính lý trực luận, tr. 7b.

[12] Tiên học từ điển, tr. 91.

[13] Tiên học từ điển, tr. 111. Tàng thần ư khí huyết viết thai, khí chí khí huyết vi tức, thai kỳ thần tức kỳ khí, công phu tiến chí thai tức, tắc bất xuất bất nhập, vĩnh vô phàm tức hĩ. 藏神於氣穴曰胎,氣至氣穴為息,胎其神息其氣,功夫進至胎息,則不出不入,永無凡息矣 (Tàng thần nơi khí huyết gọi là thai, khí đến khí huyết là tức, thai [nói về] thần và tức [nói về] khí. Công phu đến giai đoạn thai tức, [hơi thở] sẽ không ra không vào, [nghĩa là] không còn cách thở của phàm nhân nữa).

[14] Tính Mệnh Pháp quyết minh chỉ, tr. 3b, q. 9.

[15] Thái Thanh trung hoàng chân kinh 太清中黃真經, tr. 7a.

[16] Tiên học từ điển, tr. 70.

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

» Mục Lục

Bạt 2

Nhận định về Tham Đồng Khế

Nhân Tử Nguyễn văn Thọ

1) Ngự Bá Dương viết Tham Đồng Khế năm 141.

Tham Đồng Khế như vậy đã được viết gần 2000 năm nay, và được gọi Đan kinh chi vương, sách đứng đầu mọi quyển Đan Kinh khác.

Ngự Bá Dương viết Tham Đồng Khế, và chia sách thành 3 thiên:

- a) Ngự Chính : Theo Trời hành sự,
- b) Dưỡng Tính: Hàm dưỡng tính Trời.
- c) Phục thực: Hàm dưỡng Khí Hạo Nhiên.

Ông Truyền sách cho Cảnh Hưu Từ, và Cảnh Hưu Từ đã viết quyển **THAM ĐỒNG KHẾ Tiên Chú** gồm Thượng Thiên, Trung Thiên, Hạ Thiên.

Sau lại truyền cho Thúc Thông, Thuần Vu Chân Nhân.

Ông này viết **Tam Tướng loại**:

Tam Tướng loại gồm 2 thiên và cho rằng: Tham Đồng khế bàn về Kinh Dịch, về đạo Hoàng Lão, và về phép luyện đan. 3 đạo đó là một đạo, ăn khớp nhau và khế hợp nhau.

Ta thấy:

3 tập Tham Đồng Khế của Ngự Bá Dương, như Lưu Nhất Minh trình bày, là có 4 chữ.

3 tập của Cảnh Hưu Từ (Cảnh Tông Sự) có 5 chữ.

2 tập của Thuần Vu Thúc Thông là tản văn.

Sách này do tôi khởi dịch ngày 15-11-2000, dịch xong ngày 28-4-2001.

2) Sao gọi là Tham Đồng Khế?

1. Khi tôi viết Bộ Kinh Dịch, tôi đã theo quyển Chu Dịch Tham Đồng Khế phát huy của Du Diễm mà giải 3 chữ Tham Đồng Khế như sau:

Tham là tham dự cùng Thái Cực.

Đồng là Hòa đồng cùng Thái Cực.

Khế là Khế hợp với Thái Cực. (Chu Dịch Tham Đồng Khế phát huy của Du Diễm, Tựa tr. 1)

Như vậy thì Tham Đồng Khế nghĩa cũng tương đương như Phối Thiên trong Trung Dung chương 26, 31 và Đạo Đức Kinh chương 68, nghĩa là **Sống Hợp Nhất với Trời**.

Tôi ưng ý lối dịch này nhất.

2. Richard Bertschinger tác giả quyển The Secret of Everlasting Life dịch Tham Đồng Khế là Can Tông Chi hay [Akinness of the Three](#).

Ý nói [Kinh Dịch](#), [Hoàng](#) (Hoàng Đế), [Lão](#) (Lão Tử) và phép Luyện Đơn đều đồng phù, khế hợp với nhau.

3. Cũng có người cho rằng:

[Tham](#) là Tham Thiên địa tạo hoá chi [thể](#),

[Đồng](#) là Tư đồng loại sinh thành chi [dụng](#).

[Khế](#) là Tạo hoá sinh thành chi [công](#).

Lời giải này tương đương với lời giải của tôi.

4. Cũng có người cho rằng: Đại Dịch, Hoàng Lão, và Phục Thực cả 3 khế hợp nhau.

Thực ra, Phục Thực và Dưỡng Tính là Một. Mà Hoàng Lão thì bao quát cả trong ngoài, cả Dưỡng tính và Phục Thực. [Phục Thực là Phục Tiên Thiên Chân Nhất chi Khí, là Dưỡng nuôi Khí Hạo Nhiên trong ta.](#)

Nội kinh cho rằng: Căn vu trung giả, Tính viết Thần cơ. Căn vu ngoại giả, Mệnh viết Khí lập. Các chân nhân xưa đều cho rằng: Thần chủ bên trong, Khí từ ngoài tới, nên nói Dĩ Thần Ngự Khí.

Lời giải này tương đương với lời giải của Richard Bertschinger.

5. Lưu Nhất Minh ghi rõ ràng là Tham Đồng Khế bàn về Kinh Dịch, Hoàng Lão và phép Luyện Đơn.

[3. Tại sao tôi lại dịch bộ Tham Đồng Trực Chỉ của Lưu Nhất Minh?](#)

Năm 1963, có người biếu tôi bộ Chu Dịch Xiển Chân của Lưu Nhất Minh. Tôi đọc thấy cách giải các đồ hình của Chu Dịch giống hệt như cách giải của tôi, nên từ đó tôi rất quý Lưu Nhất Minh. Lưu Nhất Minh còn soạn ra 12 sách khác, như Tham Đồng Trực Chỉ, Ngộ Chân Trực Chỉ, Vô Căn Thụ Giải, Huỳnh Đình Kinh Giải, Ngộ Đạo Lục, Ngộ Đạo Phá Nghi, Hội Tâm Tập, Chu Dịch Xiển Chân, Thông Quan Văn, Tượng Ngôn Phá Nghi, Chỉ Nam Châm, Tham Ngộ Chân Ngôn, Tu Chân Biện Chứng, Tu Chân cứu yếu.

[Lưu Nhất Minh \(1734- 1821\) là một học giả tài ba, bác lãm quần thư.](#)

Ông là nhà Đơn Học lớn của Nhà Thanh. Ông chủ trương Tam Giáo quán thông chi lý. Ông là Chương Môn Toàn Chân, Long Môn Phái, đời thứ 11.

Lấy Trung Chính chi Đạo của Nho Gia làm gốc.

Ông cho rằng Đạo này Nho gia gọi là Trung Dung, Phật gọi là Nhất Thừa, Lão gọi là Kim Đơn.

Về phương diện luyện đơn, Ông chủ trương Tính Mệnh Song Tu, và có nhiều nhận xét rất độc đáo.

Ông là một trong những người đặc đạo mà tôi biết.

[Chính vì thế mà tôi còn dịch thêm quyển Ngộ Chân Trực Chỉ, và Tượng Ngôn phá Nghi của ông.](#)

[Bản về Kinh Truyện Tham Đồng Khế và cách chú giải Tham Đồng Khế,](#)

Xưa nay Kinh Truyện hỗn độn, tuy nói TĐK có tam thiên, nhưng vẫn dài không đều, kết lại thành vsăn, không theo các bản đương thời. Nay chia sách thành Kinh 1 quyển, Truyện 1 quyển, Tam Tướng loại 1 quyển.

Theo bản của [Đỗ Nhất Thành](#), người Tô Châu chia kinh thành 3 thiên. Mỗi thiên đều có Tiêu Đề: Ví dụ:

Từ chương Càn Khôn cương nhu xuống dưới, và Tam Thánh thừa long ngự thiên, là **Kinh Dịch**:

Tương dục Dưỡng Tính chi đạo, là **Đạo Hoàng Lão dạy Diên Mệnh, Dưỡng Tính, Trường sinh**.

Duy Thánh Hiền xuống dưới, là **Đạo Thánh Hiền phục thực phi thăng, là Kim Đơn chi Đạo**. Nói như vậy có thể là cường phân điều liệt, chưa đúng với yếu chỉ của lời Kinh.

2. **Du Diễm**, đời Nam Tống hay Nguyên, (Tống Bảo Hựu Sơ 1253-1258) Tống Diên Hựu 1314-1320) người Ngô quận, Tự Ngọc Ngô, Hiệu Toàn Dương Tử, Lâm Ốc Sơn Nhân, Thạch Giản Đạo Nhân dùng 10 năm khổ tâm, bỗng một đêm trong lúc định tĩnh, thì y như có người phụ nữ cho biết rằng: **Nguy Bá Dương viết: Tham Đồng Khế, Từ Tông Sự viết Tiên Chú, thẻ tre để lẫn lộn, nên mới có chuyện 4 chữ, 5 chữ và tản văn không đều nhau**. Khi hết kinh sợ rồi, Ông liền nghiệm lại thuyết trên, cho nó theo đúng thứ tự, phân làm 3 thứ, nhưng vì các chú thích đã sẵn rồi, không thể sửa được. Du Diễm cho rằng Ông nhờ Tham Đồng Khế mà đắc đạo.

3. Đời vua Chính Đức (Đinh Sửu 1517) **Đỗ Nhất Thành** đã cho rằng 4 chữ là Kinh, 5 chữ là Truyện, với Tam Tướng loại, là 3 loại sách. Mỗi sách lại có Bài Nguyên tựa. Đỗ cũng cho rằng mình nhờ Thanh tư mà Khoát ngộ.

4. Đời Gia Tĩnh triều Minh (Bính Ngọ 1546) **Dương Dụng Tu** khắc Tham Đồng cổ bản cũng giống bản của Đỗ Nhất Thành, nhưng lại nói đó là Thạch Hàm Bản, do một tiểu phu đào được. Có bao giờ một sách bị chôn, sau 1500 thì làm sao mà các giản lại còn nguyên được.

Đại để bản của Đỗ thị và bản của Ngọc Ngô (Du Diễm), sửa lại các giản để sai. Dương thị y cứ vào bản của Đỗ Thị, nhưng lại nói thác là Thạch Hàm vậy.

Nay cổ bản đã thấy thì đúng là công lao của hai vị, Tuy nhiên Dương thị, Đỗ thị cách nhau 30 năm, thì dĩ nhiên là sách của Đỗ thị có trước.

4. Cách phân chương cú của Tham Đồng Khế.

- Bành Hiếu (?- 954) tự Chân Nhất Tử chia Tham Đồng Khế làm 91 chương.
- Chu Hi chia sách thành Ba quyển.
- Bảo Nhất, Toàn Dương theo Chu Hi.
- Thượng Dương Trần Chí Hư chia sách thành 33 chương.
- Tiềm Hư phân thành 49 chương.
- Đào Tố Tỷ phân làm 44 chương, nhưng kinh triện hỗn loạn, tam tự điền thác.

Có người lại phân thành: Kinh 18 chương, Truyện 18 chương, và Phú Ca 2 chương như Chu Dịch có 36 quẻ Chính và Thượng Kinh Hạ Kinh.

Tham Đồng Khế không bản nào giống bản nào. Thứ tự rất lộn xộn, cho nên bản của Lưu Nhất Minh rất khác biệt với các bản khác, tôi đã dịch Tham Đồng Khế theo quyển Tham Đồng Trực Chỉ của Lưu Nhất Minh.

Trong quyển này, tôi so sánh sách của Lưu Nhất Minh với sách của Bành Hiếu,

(Bí tàng, **Bành Hiếu, Chu Dịch Tham Đồng Khế**, Tây Bắc Đại Học Xuất Bản Xã), với sách của Phương Hú (**Phương Hú, Chu Dịch Tham Đồng Khế**, Triết Giang Cổ Tịch Xuất Bản xã). Các số bài ghi trong sách này nơi đầu mỗi chương là của Bành Hiếu, chỉ có vài bài Bành Hiếu không có, phải lấy của Phương Hú (**Chu Dịch Tham Đồng Khế**) có ghi số trang đã mượn trong sách.

Tôi theo Lưu Nhất Minh, nên Hai Thiên Đầu của Thuần Vu Chân Nhân, thì dịch theo tản văn.

3 thiên sau của Ngụy bá Dương dịch bằng loại thơ 4 chữ.

3 thiên sau cùng của Cảnh Hữu Từ thì dịch bằng loại thơ 5 chữ.

Các lời dịch trên chỉ là đại khái, vì thơ rất tối nghĩa và khó dịch. Sau này có vị cao minh nào dịch hay hơn và sát nghĩa hơn thì xin chỉ dạy.

Tuy Nhiên, Du Diễm cho rằng Tham Đồng Khế là sách chỉ giản chỉ dị. Ông nghiên cứu nó trong 10 năm và nhờ nó mà Ông được giác ngộ. Ông viết trong bài tựa quyển Chu Dịch Tham Đồng Khế phát huy, đề tựa năm Chí Nguyên 21, đời Nguyên tức là năm Giáp Thân (1284) như sau: «Đạo luyện đơn của thần tiên thật là chỉ giản chỉ dị. Chẳng qua là O mà thôi. O là gì? Thừa là Thái Cực.» (Thần Tiên hoàn đan chỉ đạo, chỉ giản, chỉ dị, như thử O nhi dĩ hĩ. Thử O giả hà? Dịch chi Thái Cực thị dã.) (Chu Dịch Tham Đồng Khế phát huy, tựa tr. 1)

Đông Hán Ngụy Bá Dương nhân đó luận về luyện Đan và gọi sách là Tham Đồng Khế.

Tham là gì? Thừa là Tham dự cùng Thái Cực, Đồng là gì? Thừa là Hòa Đồng với Thái Cực, Khế là gì? Thừa là Khế Hợp với Thái Cực.

(Đông Hán Ngụy Bá Dương giả chi dĩ luận tác đơn chi ý, nhi hiệu kỳ thư vi Chu Dịch Tham Đồng Khế dã. THAM dã giả, tham hồ thử O dã. ĐỒNG dã giả, đồng hồ thử O dã. KHẾ dã giả, Khế thử O giả dã.)

Lưu Nhất Minh cũng cho rằng đạo luyện đơn rất giản dị (Kim Đơn chi đạo, chỉ ước nhi bất phiền nhĩ. Tham Đồng Khế trực chỉ tiên chú hạ biên, Cảnh Hữu Từ Chân Nhân soạn, tr. 1) Đó là Đạo Phản Bản Hoàn Nguyên, tìm lại Bản Lai Diện Mục của mình, sống phối hợp với Trời, với Đạo (Xin cũng xem tr. 1, sách trên)

Thế mà tôi lại thấy sách có nhiều đoạn khó hiểu. Mới hay sự hiểu biết của người xưa rất là sâu sắc.

5. Bàn về Chú giải Tham Đồng Khế:

Chân Nhất (Bành Hiếu), Bảo Nhất (Trần Hiến Vi) mỗi vị đều có sáng kiến riêng.

Toàn Dương Tử (Du Diễm) chuyên về Nội Đơn, bàn về Thanh Tĩnh.

Thượng Dương Tử (Trần Chí Hư) nói về đan pháp nhiều.

Lục Tiềm Hư (Lục Tây Tinh) phát huy đan quyết. Ông được Lữ Tổ điểm hoá.

Bành Nhất Hát giảng Ngoại Đan.

Lý Hối Khanh (Lý Văn Chúc) nói về Càn Khôn, nhưng chưa thấu đáo, Ông giảng về Hối Tiền, Xóc Hậu, đầu đuôi mỗi tháng, gọi Nhị Dực là Diên Hống. Về sau gọi là Long Diên, Hổ Hống.

Phép luyện đơn dùng danh từ rất học búa, nghĩa lại không thống nhất, nên khó hiểu. Càng đi sâu tôi càng thấy chỉ là những cách ví von cho vui mà thôi. Đan là cái gì Hư Vô, nên không có hình tượng màu sắc, cũng không có gì là Long Hổ cả. Ngày nay các học giả Trung Hoa coi Luyện Đơn là một loại Khí Công mà thôi. Nói thế cũng không đúng, vì làm mất hết vẻ huyền bí của Đơn Đạo, nhưng lại thực tiễn và khoa học hơn.

Cái gì hay, cái gì phải, cái gì mà ta có thể chứng minh, kiểm soát được thì ta giữ lấy, cái gì hoang đường, thì ta bỏ đi.

Đơn đạo manh nha từ thời Chiến Quốc, hình hiện vào thời Hán, thời Tấn, nhờ Ngụy Bá Dương thời Đông Hán, người Cối Kê, tác giả bộ Tham Đồng Khế (xuất bản khoảng năm 141), và Cát Hồng Bảo Phác Tử, đời Tấn (284- 344), tác giả bộ Bảo Phác Tử nội thiên.

Đơn đạo hoàng dương vào thời Đường , thời Tống nhờ: Chung Ly Quyền, Lữ Động Tân (798- ?),

Trương Bá Đao (987- 1082), Vương Trùng Dương (1112- 1170).

Thời Tần, thời Hán các đạo sĩ chuyên luyện ngoại dục, ngoại đơn.

Từ Chung Ly Quyền đến Lữ Đồng Tân, đơn đạo chuyển hướng thành Nội Đơn, và cho rằng trong con người đã có sẵn các chất liệu để luyện thuốc Trường sinh.

Luyện Đơn đại khái là sống một cuộc đời định tĩnh, suy tư để đạt tới chân thiện mỹ. Nó muốn dùng Dịch kinh để phối hợp Âm Dương, để phối hợp Khảm Ly và để tẩy rửa tâm hồn và hòa mình với đạo. Nếu tâm không thanh tịnh, nếu thần không tinh khiết, thì tu mấy cũng chỉ uống công. Cho nên đạt Đạo, chính là Chân Nhân, chính là Phối Thiên.

(The meditative practice known as Inner Alchemy (neidan) was designed as a means to achieve individual spiritual perfection. It focus was the use of symbols drawn from chemical alchemy (waidan) and the Book of Changes (Yijing) to aid the adept in the process of purification , spiritual renewal and achieving union with the Tao... These disciplines required the cultivation of one's moral integrity and spiritual purity, without these, other efforts would fail...This theoretical framework underlies the artworks shown in the following entries, many of which show the specific phases in which the yin and yang energies of the body are reintegrated into an undifferentiated oneness. Central to these works is the idea that the goal of a Taoist transcendent was not immortality per se, but spiritual perfection and union with the Tao. Taoism and the arts of China, Stephen Little, p. 335)

Tóm tắt Tam tướng loại của Thuần Vu Thúc Thông.

(Các số tr. ghi sau đây là số trang của sách này)

Tiên Ông dựa vào Trời Đất, gọi là Pháp Tượng. Vì Đại Đạo thời Vô Hình, mà Trời đất thì có tượng, cho nên lấy Hữu đi vào Vô Hình, lấy Thật chỉ cái Không. Nên cái đạo Hư Vô hiện rõ nơi Tượng vậy. (Tham Đồng Khế trực chỉ, tr. 22)

Khi một Âm đã sinh thì Tiên Thiên biến thành Hậu Thiên (Cấu). Dương dần dần tiêu, Âm dần dần trưởng, phóng túng theo dục tình, bỏ Chân theo giả. Nên nói: Ngũ hành thuận hành, pháp giới hòa khanh dã. Ngũ hành thuận hành, pháp giới là lò lửa. Lại như sao dời khỏi ngôi, nhật quĩ đi sai đường, thì Hung cữu lập tức sinh ra, chuyện xảy ra sẽ như vậy (23)

Khi Thần minh muốn dạy người,

Thì Tâm Linh sẽ tự ngộ,

Hãy tìm cho ra mối manh,

Sẽ thấy rành cửa ngõ. (41)

Thiên đạo vô tư, thường truyền cho các bậc hiền tài, vì Đạo là điều quý báu của Trời Đất, không phải người đại trung đại hiếu thời không truyền, không phải đại đức, đại hạnh thời không trao. Nếu quả là người hiền đức thì có bao giờ lại không chịu truyền trao? (42)

Kim Đạo lấy luyện kỹ làm đầu, lấy Ôn Dưỡng làm cuối. Nhân tâm con người từ lâu đã phóng đãng, tính hư tích tập đã dày, thật là cái hại lớn cho công việc tu hành vậy. Rất khó mà hàng phục được. Luyện kỹ phải luyện tới độ Vạn hữu giai không, nếu không Đơn khó mà thành. (47)

Tu mệnh chưa xong, thì Sắc Thân khó lia, tu tính chưa xong thì Pháp Thân khó thoát. (50)

Ốc ở chỗ cao nhất trong con người, ở sau đầu. Ở chỗ tai mắt nghe nhìn không tới được. Thế là Dưỡng tính. Dưỡng Tính phải tới nơi thanh sắc câu hoá, không vô sở không, tới chỗ chí tĩnh, mới là cùng cực công phu. Bởi vì Tu Đạo mà không tới được chỗ chí tĩnh, thì chẳng những Dương Thần không hiện ra được, mà

Âm Thần cũng không hiện ra nổi. Nếu mà Dưỡng Tính tới được chỗ Cực Tĩnh, thì Tính Mệnh đều tu xong, hình thần đều hoàn mỹ, tới kỳ sẽ thoát hoá, nhất định sẽ lên tới Huyền Đô, tức như Phật Tổ đã nói: Ta vì người sẽ bảo đảm chuyện này, quyết định sẽ thành tựu (51)

Nói vậy, thời điều kiện tiên quyết để Tu Hành, là phải tìm cho ra căn cốt Trời trong ta. Mà căn cốt Trời đó chính là Não Thất 3, là Nê Hoàn Cung trong đầu óc con người, Nó cũng chính là Căn Bản con người chúng ta, là Tiên Thiên Hư Vô Chân Nhất chi Khí, là Nhất trong chúng ta,

Căn là Tiên Thiên Hư Vô chi nhất khí. Nhất thời sinh thiên, sinh địa, sinh vạn vật. Đó là gốc gác của Đạo. Người học Đạo, năng tri kỳ Nhất tắc vạn sự tất. Người tu đạo, năng đắc kỳ Nhất nhi Kim Đơn kết. (53)

Thượng Thiên bàn về Hoàn Đơn Đại Đơn, Nội Ngoại nhị dược, và tầng thứ điều hoà chúng. Hạ Thiên bàn về Đỉnh Khí vận hóa, các tầng lớp, từ đầu đến cuối (54)

Tóm tắt Tham Đồng Khế của Ngự Bá Dương

Muốn cho ai nấy đều biết chân lý. Các sách đơn kinh, tử thư sau này, đều dựa vào Tham Đồng Khế mà viết ra. Cho nên Tham Đồng là vạn cổ Đan Kinh Vương. Và chữ Kim Đan cũng bắt đầu từ đó. (58)

Người học cách Tu Tính Mệnh, mà lìa cái đạo Thiên Địa Âm Dương, Ngũ hành, thì không còn cái thuật nào khác. (58)

Thế là Lý của Tham Đồng Khế là lý của Kinh Dịch (59)

Thánh Nhân đứng đầu muôn loài, thừa lục long dĩ ngự thiên, nên động tĩnh tùy thời. Nhất nhất đều in như Kinh Dịch, không có chút chi dám sai ngoa. Vì Dịch lấy Âm Dương hòa bình làm căn bản. Ngự Chính là Quan Thiên Đạo, Chấp Thiên hành. Thế nên nói là Năng Hòa. Hoà thời vạn dân sẽ nghe theo. Vương đạo thản thản, là Lộ Bình Bất Tà vậy. Còn sai Thiên Đạo, thất Thiên Hành thì là Bất hòa. Đã bất hòa thì trên dưới không ứng hợp nhau. Đó là Tà Đạo hiểm trở, nó làm khuynh nguy quốc gia vậy. Người tu đạo bắt chước đó nên lấy Cương Kiện Nhu Thuận làm Thể, lấy Cương Nhu Trung Chính làm dụng. Cương nhu hợp nhất, như Càn Khôn thất ngẫu (sánh đôi). Cương Nhu trung chính, như Khảm Ly chi quang thủy. Cương Nhu tương đương, Kiện Thuận hỗn thành, Tinh Khí sung túc, tâm quân hư linh, hồn nhiên Thiên Lý. Cứ Chính Tâm là Thân có thể tu được vậy. Vả trị thân trị quốc cũng chỉ có Một Lý. Tâm chính và Quân chính là Một Đạo vậy. Không thấy vị vua nào bất chính mà lại theo được đúng thời Trời. Chưa thấy ai có Tâm bất chính mà có thể giữ toàn được Đạo vậy. (60)

Vả đạo tu chân, cốt là Pháp Thiên, Hiệu Địa, một lời, một việc, phải hết sức cẩn mật, phải ám hợp Thiên Địa, Tạo Hóa, như vậy mới có thể Dữ Thiên Địa hợp kỳ Đức, đoạt Thiên địa chi khí số và đem nó về cho mình. Hệ Từ Truyện viết: Quân tử cư kỳ thất, xuất kỳ ngôn, nói phải thì nghìn dặm cũng nghe theo. Cho nên phải Tu Từ, Lập kỳ thành để tiến đức. Vì là Tiến Đức, nên lời nói ắt là thành khẩn. (67)

Người biết Ngự Chính, sẽ nhìn thấy lối đường Trời Đất, sẽ theo được lối đường trời. Khi phát ra hiệu lệnh, sẽ thuận tiết Âm Dương, và không dám sai đường lối trời. Cho nên ngôn hành là khu cơ của người quân tử. Khu cơ đã phát, thì vinh nhục sẽ tới.

Khi đáng Dương thì dụng Dương, khi đáng Âm thì dụng Âm. Dụng Dương là Tiến, Dụng Âm là Thoái. Tiến thoái có tuần tiết, nên gọi là Thiên Nhân Hợp Phát. Dùng Âm Dương để ban hiệu lệnh vậy.

. Người biết Ngự Chính, sẽ nhìn thấy lối đường Trời Đất, sẽ theo được lối đường trời. Khi phát ra hiệu lệnh, sẽ thuận tiết Âm Dương, và không dám sai đường lối trời. Cho nên ngôn hành là khu cơ của người quân tử. khu cơ đã phát, thì vinh nhục sẽ tới. (68)

Người tu đạo nếu có thể Dĩ Nhân Tâm hợp Thiên Tâm, thì Âm Dương sẽ điền đảo trong chốc lát (71)

Có bên trong, mới hình ra bên ngoài. Tâm mà chính, thì lời sẽ lành (72)

Dịch làm gì có Tâm. Tính Mệnh chi Đạo chính là Dịch Đạo vậy. Dịch đã vô tâm, thì người tu đạo cũng vô tâm. Cái dụng của Vô Tâm là cái dụng của thuận thời. Thuận thời là Thuận Lý. Cứ thuận lý mà hành sự, sẽ cảm động được Trời, chứ không phải là do người, như vậy thì làm gì còn tâm? (74)

Lấy chữ Nhật đặt lên trên, chữ Nguyệt đặt xuống dưới thành chữ Dịch, lấy Nghĩa Cương Nhu tương đương. Đó là suy từ 2 chữ Đồng Loại Tương Tòng mà kết thành chữ. (75)

Sánh với người tu đạo cũng vậy. Dương khí vừa thịnh, nhưng còn yếu, Phải nuôi dưỡng cái Nhất Điểm Sinh Cơ đó, Để lấy đó là Căn Bản cho sự Hoàn phục bản nguyên. Không bao giờ được xa lìa nó. (82)

Lương tri, lương năng, Đạo Tâm thường tồn, Nhân Tâm an tĩnh. Hồn nhiên Thiên Lý, chỉ ư chí thiện. Thấy lại được Bản Lai, Cương Nhu như nhất chi diện mục, Ngã Mệnh do Ngã bất do Thiên. **Thiên tức Ngã, Ngã tức Thiên. Dĩ Thiên vi đoà.** Chẳng phải là vui lắm sao(100)

Hằng thuận địa lý là học theo phép Đất nhu thuận, cái gì cũng mang tải, cái gì cũng sinh. **Thừa Thiên bá tuyên** là học theo phép trời Cương Kiện, cái gì cũng bắt đầu, không có gì khuất phục được. Có thể Pháp Địa là Nhu Thuận phối địa, có thể Pháp Thiên là Cương Kiện Phối Thiên. Nếu mà Cương Kiện được như Trời, Nhu Thuận được như Đất, thì sẽ dị tri, giản năng (Hệ Từ thượng, chương I), thế là Lương Tri, Lương Năng, hồn nhiên Thiên Lý, Chí Thiện, Vô Ác vậy.(105)

Dương dụng sự thì mọi sự thông suốt, như là đất bằng vậy. Âm dụng sự, thì vạn vật bế tắc, như là đất dốc. (106)

Cũng như vua thừa thiên ngự trị, bắt chước trời đất, dùng cả 2 bên Cương Nhu, hợp đức với Trời Đất, cùng mặt trời, mặt trăng hợp sáng, theo tiết tấu của bốn mùa, hợp lễ cát hung của quỷ thần, trước Trời Trời không trách, sau Trời cho đúng chiều Trời (Trước Trời, Trời chẳng trách đâu, Sau Trời cho hợp cơ màu thời gian. (Kiền, hào Cửu Ngũ). Dùng cách đó trị đời, thì đời sẽ trị, dùng cách đó để tu đạo thì đạo sẽ thành. **Trong thì mình thành thần thánh, ngoài sẽ giúp người thành Nhân.** Tuy 10 đời vẫn còn, sẽ thọ lâu bền, sánh với người thường, chuyện càng quá dễ. Xưa Phục Hi, Thần Nông tu theo đạo này, nên hưởng thọ mãi mãi. Hoàng Đế tu đạo này đã cưỡi rồng về Trời, đó là ít bằng chứng vậy.(106- 107)

Trên đây, mượn Dịch Lý, hoặc nói Thiên Đạo, hoặc nói Vương Đạo, phân ra mà nói. Tiết này tổng kết lại bằng 2 chữ Ngự Chính, để cho rõ nghĩa hai chữ Phản Hoàn. Phản Hoàn là từ Hậu Thiên trở về Tiên Thiên, là công dụng của Hữu Vi. Cho nên nói Ngự Chính đứng đầu là Đỉnh Tân Cách Cố. Đạo Phản Hoàn cốt ở sự Đổi Mới. Mà muốn đổi mới, thì không gì bằng Bỏ Đi Cái Cũ. **Cái cũ là gì? Là cái gì dơ bẩn ta đã vương phải trước. Vứt bỏ cái gì dơ bẩn trước đây, thì Nhân Tâm sẽ được yên tĩnh.** Đỉnh là đồ dùng để nấu thuốc, nấu đồ ăn. Nó có thể đổi mới mọi sự. Cho đồ vào Đỉnh để luyện ra cái gì mới, thì Đạo Tâm sẽ sinh. **Quản quát duy mật** là E dè cái mắt không nhìn, Tai nghe không nổi cho nên hải hùng, là hạ công phu ở chỗ Chí Vi Chí Ẩn, cốt là làm cho **Nhân Tâm được Nhu Thuận.** **Khai thư bố bảo** là làm cho biến và giữ lấy cái Biến, làm cho Thông và giữ cái Thông. Nhất cử nhất động phải vận Thần Cơ làm phát động cái **Đạo Tâm cương kiện.** (110)

Người tu đạo, sẽ dùng chân tình của Đạo Tâm, có đủ cương khí, như chuỗi sao Khuê trên trời, như những nhà chấp pháp trong quốc gia vậy, sẽ dùng **Chân Tình của Đạo Tâm để mà Giác Chiếu,** như sao Văn Xương trên Trời giữ về kỷ lục vậy. **Đạo Tâm làm chủ như sao Bắc Thần trên trời, như vì vua nơi nhân gian vậy.**

Chân tình không hôn ám, ngũ nguyên, ngũ đức sẽ tương sinh, sẽ hồn nhiên nhất khí. Như Khôi Tinh

chỉ chỗ nào, bất kể là Ngũ Vĩ sai hay đúng, đều ứng thời cảm động. (112)

Nếu người tu đạo mà làm cho Đạo Tâm được hưng phấn, chế ngự được Nhân Tâm, thì Chân Tình sẽ không bị lu mờ, Chân tri sẽ thường tồn, Âm khí giảm bớt, Dương Khí thuần dần. Thế là Đỉnh Tâm Cách Cố (thay cũ, đổi mới), Tính Định, Mệnh Ngưng. Từ Hữu Vi nhập Vô Vi, toàn thân theo đúng lý, muôn lo đều ngưng. Làm gì còn có chuyện Ngạo Kháng sai Đạo, hay tà nịnh lạc nẻo, hay làm sai làm dở đến bị tai hung?

Ôi, Tu Chân Đạo, cũng là Đạo Ngự Chính, nếu Đạo Ngự Chính mà biết thế nào là Cát Hung, thì cũng biết thế nào là cát hung trong Đạo Tu Chân. Tiên Ông trong thiên trên đem đạo Ngự Chính sánh với Đạo Tu Chân. Thật là vi diệu vậy. (113)

Dưỡng Tính.

Cho nên Tiên Ông dạy Dưỡng Tính thì đưa ra chủ đề là: Muốn tu Tính, trước hết phải tu Mệnh. Nghĩa là muốn Dưỡng Tính phải lo Tu Mệnh. (119)

Cho nên trước tiên phải tu Hữu Vi Phản Hoàn chi Đạo, để mà củng cố Mệnh Cơ. Sau đó mới Hành Bảo Nhất Vô Vi chi đạo, để hoàn thành việc Tu Tính. Tính Mệnh tu xong, sẽ bất sinh, bất diệt, cùng đất trời đồng thọ. (120)

Thượng Đức là những người dùng Đạo để Toàn Hình, Bảo Nguyên Thủ Nhất, hành Vô Vi chi Đạo. Thế là làm được công việc. Cho nên nói: Thượng Đức vô vi, không cần quan sát, tìm cầu. Hạ Đức thì dùng thuật để kéo dài mạng sống. Từ miễn cưỡng rồi mới an lạc. Đó là tu theo Hữu Vi, như vậy mới được hoàn nguyên.

Cho nên nói: Hạ Đức vi chi, kỳ dụng bất hư. Vả bậc Thượng Đức chẳng cần sát cầu, vì bậc Thượng Đức thời Thiên Chân còn nguyên vẹn, khách khí chưa xâm nhập nổi, nếu chốn ngộ được bản tính, thì chẳng tu chẳng chứng, cũng sang được bờ bên kia, không cần phải quan sát, tìm cầu. Còn Hạ Đức thì vất vả đi vào hữu dụng, vì ở nơi họ, Thiên Chân đã khuỷu tổn, tri thức đã khai mở, nên dẫu chốn ngộ bản tính thì cũng chưa thuần thuận ngay được. Nên phải dùng phép Tiệm Tu, công lực có lúc tăng, lúc giảm. Tăng rồi lại tăng, giảm rồi lại giảm. Cho đến khi Nghĩa Tĩnh, Nhân Thực, thì mới có thể ngưng nghỉ. Vì thế mà không ngưng nghỉ mới là quý vậy. (138)

Chân Nhân chính là Thần Minh, cũng còn là Thánh Thai. Nó chính là Tiên Thiên hư vô Chân Nhất chi Khí. Ngưng kết thành Tượng. Chân Nhân đó, chí Thần, chí Diệu, phi sắc, phi không, tức sắc, tức không. Sạ Trầm là Tịch Nhiên bất động; Sạ Phù là Cảm nhi toại thông vậy. Sắc Không bất câu, động tĩnh tự nhiên, chí vô nhưng hàm chí hữu, chí hư nhưng hàm chí thật. Khí Ngũ hành Âm Dương cái gì cũng sẵn có. (141)

Phục Thực.

Khí thuộc Mệnh, Lý thuộc Tính. Hoài Huyền là cốt để Lập Mệnh. Bảo chân là cốt để Tận Tính. Phục là Phục Khí để Dưỡng Hạo Nhiên Chính Khí. Mệnh là do ta tự tạo. Luyện là luyện kỳ Chân, để thành toàn bản lai Thiên Chân. Tính không thể tối. Cửu là Thuần Dương Vô Âm, là Kim Cương bất hoại trong ta, thế là Phục Luyện Cửu Đỉnh. Không phải là Cửu Đỉnh, Lô Hoả, Phục Thực của đời sau, cũng không phải là Ngự Nữ Khuê Đơn, cái tà thuyết của Cửu Đỉnh. Nếu mà định nói Lô Hoả Khuê Đơn thì sao lại nói Hoài Huyền Bảo Chân. (154)

Tà nguy trừ đi là Thoái Âm vậy. Chính khí thường tồn là Tiến Dương vậy. (155)

Tiến Dương Thoái Âm, gia công phục luyện, thì lâu ngày sẽ thấy Âm Tận Dương Thuần. Hình sẽ hoá thành Khí, Khí sẽ hoá thành Thần, Thần sẽ hoá thành Hư. Thân ngoại có thân, và sẽ vũ hoá đẳng tiên.

(155)

Vậy Tiến Dương hoá thoái Âm Phù là Dương nuôi Chính Khí đất trời, mà Thoái Âm phù là tiêu trừ tà ngục. (156)

Bách xúc thời Âm là Khước trừ tà khí, thời khắc cẩn thận vậy. Câu súc Cấm Môn là: Hộ trì chính Khí, không bao giờ ngơi. Cấm Môn là Huyền Tấn chi Môn, là Sinh Môn Tử hộ. Đó là lò Sinh Sát, là khiếu Âm Dương. Sinh ra ta từ đó, làm ta chết cũng từ đó. Kết thai, Thoát Thai cũng từ đó. Giữ được nó thì sống, làm mất nó sẽ chết. Đó là cái cửa khẩu tối ư quan hệ, cho nên gọi là Cấm Môn. Cái cửa đó, mọi người ra vào, mọi người qua lại, nhưng cái mà Bách Tính thường dùng lại không hay biết. Nếu có ai hỏi Cửa ấy hình dáng ra sao, thì ta sẽ nói: Dưới Trời, Trên đất, phía Tây là mặt Trời, phía Đông là mặt trăng, ở giữa hình chữ Thập, nơi 4 phương gặp gỡ. Nó rất sáng. Nó là một Khổng Khiếu, trông xa thì nhỏ như lông, trông gần thì to bằng Thế Giới, vạn tượng sâm la, bách bảo đều đủ, có đủ Đất Trời. Không hiểu có ai biết nó không, nếu có ai biết nó, nó sẽ xua đuổi tà khí. Từ chỗ chết trở về Bản nguyên, nó sẽ giữ được Chính Dương, từ chỗ sinh ra ta trở về Bản Nguyên. Có thể tùy tâm vận dụng, quay tả quay hữu, y như ý muốn. Vả Đạo Hoàn Nguyên, Phản bản, chỉ là điều hoà tính tình, hỗn hợp Âm Dương mà thôi. (169)

Thức Thần là chủng tử sinh Luân Hồi, là nguồn gốc làm ta bị Tử Sinh. Nếu không trừ nó đi, thì không bao giờ ta nắm được Tính Mệnh chúng ta. Phương pháp trừ diệt, nếu không dùng Chân Tri Chân Tình thời không xong. Chân Tri Chân Tình có đủ Tiên Thiên Chân Nhất chi khí. Khí này chí đại, chí cương, có sức thoái trừ quần ma, giết được tam thi. (175)

Tóm Tắt Tham Đồng Khế của Du Diễm

Thân Thế của Ngự Bá Dương. (188)

Tóm tắt Tham Đồng Khế : Ngự Chính, Dương Tính, Phục Thực. (191)

Tóm tắt Tham Đồng Khế của Cảnh Hư Từ

Mặt trời 1 năm đi 1 vòng trời, phân thành 4 mùa, Xuân, Hạ, Thu, Đông, ứng tứ khí Mộc Hoả, Kim Thuỷ. Mỗi mùa Thổ vượng 18 ngày, hoà hợp tứ tượng. Tứ quý, Ôn, Nhiệt, Lương, Hàn. Ngày Đêm dài vẫn đều là Ngũ Hành tinh khí.

Cho nên nói: Nhật hợp Ngũ Hành Tinh. Mặt trăng, 1 tháng đi một vòng trời. Mỗi tháng gặp mặt trời 1 lần. 1 năm gặp 12 lần. Mỗi tháng có Huyền (mồng 8, 23), Vọng (15), Hối (30), Sóc (1). Tuy ánh sáng mặt trời mà xa cách, tiến thoái. Sáu tháng đêm dài, sáu tháng đêm vắng. Ứng với Luật Lã nên thành 12 tháng. Cho nên nói: Tháng theo Lục Luật. Mỗi tháng 5 ngày là 1 Hưu, cộng sáu Hưu. Mỗi Hưu có 5 độ (210)

Nhật Nguyệt hiệp nhất là Thần, vắng lai là Hoá. Vạn vật không có Thần thì không sinh, không có Hoá thì không thành. Nhất là Thần, Lưỡng là Hoá. Chỉ có Thần mới có thể Hoá, có Hoá mới thành Thần. Có thể là Thần, có thể biến hoá, cho nên mới Thần hoá bất trắc. (210)

Ôi! Chỉ có một câu Tuy thời, thuận tiết, mà hoàn thành được Kim Đơn Diệu Chỉ, còn nói được gì hơn?. Cho nên có thể ngậm miệng, không cần bàn luận chi cả. Kim đơn chi đạo, thủy chung chỉ là tu trì Thiên Tâm mà thôi. Thiên Tâm chính là Đại Đạo. Nếu biết Tuy Thời, Thuận Tiết, thì Thiên Tâm sẽ Thường Tồn, từ mềm non, đến cứng cáp, từ nhỏ cho tới lớn. Càng lâu thì công trình càng thâm hậu, vĩnh viễn bất hoại. Thế cho nên nói, Biết Một là xong tất cả. Cần gì nói nhiều? (223)

Cho nên mượn Kinh Dịch đặc biệt nói về Bốn Quẻ Kiền Khôn, Khảm Ly. Coi một năm là Kiền Khôn

vãng lai, một tháng là Khảm Ly Nhật Nguyệt hợp ly, hiển lộ ra được đầu mối của Thiên Tâm, để hướng dẫn cho bọn hậu thế mù mờ. (224)

Huyền Tẩn, Cốc Thần, thuận thì sinh nhân, sinh vật nhi thành Ảo Thân, Nghịch thì sinh Tiên nhi thành Chân Thân. Thuận nghịch chỉ gian, mà Chân Ảo hết sức khác nhau. (239)

Người Thượng Đức hành Vô Vi chi đạo, vì ở nơi họ, Thiên Chân chưa bị thương tổn, Âm Dương hoà hợp. Khiếu Nhân Tâm còn đóng, mà Đạo tâm thời còn nguyên vẹn, cho nên gọi là Có.

Người Hạ Đức hành Hữu Vi chi Đạo, vì ở nơi họ, Thiên Chân đã bị khuỷu tổn, Âm Dương bị tán hoán. Đạo Tâm khiếu bế, mà Nhân Tâm thời hành sự, cho nên gọi là Vô (243)

Quần âm mà hoá tậ, thì Kim Đơn sẽ thành thực. Công phu mà chưa thành thì chưa ngưng nghỉ. Cổ tiên xưa nói: Còn chút Dương Khí thì chưa thể chết, còn chút Âm khí thì chưa thành Tiên (260)

Cho nên người tu đạo, phải tu cho tới **thuần Dương**, không còn chút Âm Khí nào, như vậy mới được. Trừ khử được chúng tà, và Chính Dương đã yên ổn, được vậy mà vẫn chưa ngưng công phu, **như vậy sẽ được Thần linh, Khí sáng**, như khi trời có mây mưa, sẽ giải trừ oi bức, phiền muộn, y như xuân khí nhuận trạch, hàn khí tiêu hết, thì băng tích sẽ tiêu tan. (260)

Đạo Kim Đơn là đạo điều hoà Âm Dương. Âm Dương hoà thì sinh Đơn, Âm Dương chống nhau thì làm hư Đạo. Suy diễn số Ngũ Hành sinh khắc, thì sẽ suy ra đạo Kim Đơn. (267)

Đạo Kim Đơn là suy tinh hợp tính, là Tìm Chân trong Giả, tìm Sống trong chết, để cho Âm Dương tương hợp, trở lại Thiên Lý, không hay không biết, theo đúng phép tắc của Trời, tìm ra Bản Lai diện mục của mình, cho nên gọi là Hoàn Đơn. Hoàn Đơn là trở về với cái Bản Lai, Nguyên Hữu của mình, không hề có tăng có giảm, lại nói rằng: Hoàn Nguyên phản bản.

Ta không dám nói bậy. mà phỏng theo lời văn của thánh hiền xưa. Đó chính là lời tựa của Chân Nhân, cho nên đó là lời nói có gốc, lời nó có kê cứu.

Hoàn Đơn này, cổ lai thánh hiền, tùy phương tiện mà đặt tên, nên không đồng nhất.

Cổ Ký thì gọi là Long Hồ Đan, Hoàng Đế thì gọi là Mỹ Kim Hoa, Hoài Nam thì gọi là Thu Thạch, Ngọc Dương thì gọi là Hoàng Nha, Tham Đồng Khế thì gọi là Kim Sa, là Đạo Khuê, tất cả đều cốt là hình dung ra Hoàn Đan là gì mà thôi.

Đạo này người Thượng Sĩ mà nghe được, thì chuyên cần tu hành, cho nên nói người Hiền thì nghe theo, còn kẻ Hạ Sĩ mà nghe thấy thì cười toáng lên, Cho nên nói không hợp với kẻ bất tiểu (người hư).

Cho nên đạo cổ kim xưa nay, là nhân ngồi nói chuyện với nhau và thổ lộ tâm tình cho nhau nghe. Kim Đơn đại đạo xưa nay vốn là chuyện khẩu khẩu tương truyền, tâm tâm tương thụ của Thánh Hiền. (268)

Phục là Phục tàng tiên thiên chi khí, mà không làm cho ý vọng động. Tức như Mạnh Tử nói: Ngã thiện dưỡng ngô Hạo nhiên chi khí vậy. Thực là dĩ hư cầu thực, là Phục Thực vậy. Tức như Mạnh Tử nói về Cái Khí vậy. Khí đó Chí đại, chí cương, trực dưỡng và vô hại, khí đó tràn đầy trong thiên hạ. Nuôi dưỡng hạo nhiên chi khí mà làm cho nó tràn đầy thiên địa, tạo hoá không giữ được nó, vạn vật không di chuyển được nó, thế mới là Phục Thực. (273)

Nếu có chí sĩ, mà được sư truyền khẩu quyết, sẽ từ Hữu Vi mà vào Vô Vi, sẽ liễu Tính, liễu Mệnh, và được Hình Thần câu diệu, dữ Đạo hợp Chân và được gọi là Chân Nhân, thọ cùng Trời Đất, làm cho tứ chi kiên cố, nhan sắc tươi nhuận, tóc từ bạc trở thành đen, răng rụng sinh (291)

Có thể nói Tu Tính, là Vô Vi. Tu mệnh là Hữu Vi.

Tu Tính chính là Vô Dục Dĩ quan kỳ Diệu của Đạo Đức Kinh.

Tu Mệnh là **Hữu Dục dĩ quan kỳ Khiếu** của Đạo Đức Kinh (Xem Tinh Hoa các Đạo Giáo, tr. 202, chú 8)

Như vậy Tu Đơn có thể nói là Tu Mệnh. Sách Tiên Học Tập Cẩm nơi trang 229 nói: **Tu kim đan dĩ liễu Mệnh**. (THCDG, tr. 204, chú 40)

Khi tôi tập hít thở qua xương sống theo Đạo Lão trong vòng 8, 9 năm, tôi bỗng nhiên ngưng tập, vì nghĩ rằng làm như vậy là **Thọ Cùng Thiên Địa nhất Ngu Phu**.

Ngày nay bên Trung Quốc coi Luyện Đan là Luyện Khí Công, mục đích là làm cho con người khỏe mạnh.

Tu Tính đề **Biết Trời**. (Xem Tinh Hoa các Đạo Giáo, tr. 203, chú thích 24), Tu Tính cốt là tìm cho ra được cốt lõi Trời, cốt lõi Trường Sinh bất tử của Con Người. (Xem THCDG, TR. 203, Chú 26)

Tu Mệnh để sống lâu thêm tuổi thọ. (Xem THCDG, TR. 203, chú thích 32.) Tu Mệnh cốt là để **Cải biến Khí Chất** (THCDG, tr. 204, chú 50).

Tu Mệnh là Tu Xác Thân, Tu Tính là luyện Tâm Hồn, để Tâm Hồn trở thành Thần Minh. **Tu Tính chính là Tu Thiên**.

Cho nên PHẬT GIÁO, LÃO GIÁO gặp nhau ở chỗ cao, gặp nhau ở Chân Tâm. Đó cũng chính là Trung Đạo của Trung Dung,

Tham Đồng Khế có thể tóm tắt đơn giản như sau:

Ồi! Chỉ có một câu Tuỳ thời, thuận tiết, mà hoàn thành được Kim Đơn Diệu Chỉ, còn nói được gì hơn?. Cho nên có thể ngậm miệng, không cần bàn luận chi cả. Kim đơn chỉ đạo, thủy chung chỉ là tu trì Thiên Tâm mà thôi. Thiên Tâm chính là Đại Dực. Nếu biết Tuỳ Thời, Thuận Tiết, thì Thiên Tâm sẽ Thường Tồn, từ mềm non, đến cứng cáp, từ nhỏ cho tới lớn. Càng lâu thì công trình càng thâm hậu, vĩnh viễn bất hoại. Thế cho nên nói, **Biết Một là xong tất cả**. Cần gì nói nhiều? (223)

THAM ĐỒNG KHẾ TRỰC CHỈ

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ khảo luận & bình dịch

» Mục Lục

Các sách Tham Đồng Khế

※ I. Trích: Phương Xuân Dương 方春陽 (chủ biên), Trung Quốc Khí Công Đại thành 中國氣功大成, Cát Lâm Khoa Học Kỹ Thuật xuất bản xã, 1999, tr. 464:

1. Chu Dịch Tham Đồng Khế chú 周易參同契注, 3 quyển, Hán 漢, Âm Trường Sinh 陰長生.
2. Chu Dịch Tham Đồng Khế phân chương thông Chân Nghĩa 周易參同契分章通真義, 3 quyển, Hậu Thục 後蜀, Bành Hiếu 彭曉. * 6 (Richard, tr. 278).
3. Chu Dịch Tham Đồng Khế khảo dị 周易參同契考異, 1 quyển, Tống 宋, Chu Hi 朱熹.
4. Chu Dịch Tham Đồng Khế giải 周易參同契解, 3 quyển, Tống 宋, Trần Hiển Vi 陳顯微.
7. Chu Dịch Tham Đồng Khế phát huy 周易參同契發揮, 9 quyển, Tống 宋, Du Diễm 俞琰 soạn * 32 (Richard tr. 279).
8. Chu Dịch Tham Đồng Khế chú 周易參同契注, 3 quyển, Tống 宋, Chư Hoa Cốc 儲華谷.
9. Chu Dịch Tham Đồng Khế phân chương chú 周易參同契分章注, 3 q. Nguyên 元, Trần Chí Hư 陳致虛 * 33
10. Chu Dịch Tham Đồng Khế sơ lược 周易參同契疏略, 1 quyển, Minh 明, Vương Văn Lộc 王文祿.
11. Cổ văn Tham Đồng Khế tập giải 周易參同契集解, 3 quyển, Minh 明, Tưởng Nhất Bưu 蔣一彪.
12. Tham Đồng Khế xiển u 參同契闡幽, 3 quyển. Thanh 清, Chu Nguyên Dục 朱元育.
13. Chu Dịch Tham Đồng Khế Chính Nghĩa 周易參同契正義, 3 quyển, Thanh 清, Đồng Đức Ninh 董德寧.
15. Tham Đồng Khế kinh văn trực chỉ 參同契經文直指, 3 quyển.
16. Trực Chỉ Tiên Chu 直指箋注, 3 quyển.
17. Trực Chỉ Tam Tướng Loại 直指三相類, 2 quyển, Thanh 清, Lưu Nhất Minh 劉一明.
18. Chu Dịch Tham Đồng Khế tập chú 周易參同契集注, 2 quyển, Thanh 清, Cừu Triệu Ngao 仇兆鰲.
19. Cổ Văn Chu Dịch Tham Đồng Khế chú 古文周易參同契注, 8 quyển, Thanh 清, Viên Nhân Lâm 袁仁林.

※ II. Trích: Richard Bertschinger, The Secret of Everlasting Life, 1994, tr. 276- 287:

1. Yin yang Tongliu Can Tong Qi (Âm Dương Tổng Lược Tham Đồng Khế). Eastern Han, attributed to Xu Congshi (Từ Tông Sự).
2. Can Tong Qi Zhu (Tham Đồng Khế chú), Three Kingdom, Yu Fan (Ngu Phiên)
3. Yin Chenzi Can Tong Qi (Âm Chân Tử Tham Đồng Khế), falsely Attributed to Yin Changsheng (Âm Trường Sinh)

4. Jinbi Wuxiang Lei Can Tong Ki (Kim Bích ngũ tướng loại Tham Đồng Khế), anon. Also Falsely Attributed to Yin Changsheng (Âm Trường Sinh), probably Tang (Đường).
5. Zhouyi Can Tong Qi Zhu (Chu Dịch Tham Đồng Khế chú), Tang (Đường), preserved in the Dao Zang under the name of Rong Zihao (?).
6. Zhouyi Can TongQi Fenzhang Dong Zhenyi (Chu Dịch Tham Đồng Khế phân chương thông chân nghĩa), Five Dynasties, dated AD 947, Peng Xiao (Bành Hiếu).
7. Can Tong Qi Taiyi Zhitu (Tham Đồng Khế Thái Dịch Trực Đồ), Chang Chu (?).
8. Can Tong Qi Taiyi zhitu (Tham Đồng Khế Thái Dịch Trực Đồ), Chong Yuanzi (?).
9. Can Tong Qi Taiyi Danshu (Tham Đồng Khế Thái Dịch đan thư), Anon.
10. Can Tong Qi Taiyi Ershisi Qi Xiulian Dadan Tu (Tham Đồng Khế Nhị Thập Tứ Khí Tu Luyện Đại Đan Đồ), Anon.
11. Can Tong Qi Jie (Tham Đồng Khế giải), Zi Yang Zhang Boduan (Tử Dương Trương Bá Đoan), probably forged.
12. Can Tong Qi Jie (Tham Đồng Khế giải), Song, Zhang Sui (?).
13. Dayi tu Zhi Can Tong Qi (Đại Dịch Đồ chỉ Tham Đồng Khế), Anon.
14. Can Tong Qi Shoujian Tu (Tham Đồng Khế Thủ kính đồ), Anon.
15. Can Tong Qi Huandan Hejue (Tham Đồng Khế Hoàn Đan Hỏa Quyết), Anon.
16. Can Tong Qi Texing Dan (Tham Đồng Khế đặc hành Đan), Anon.
17. Zhouyi Can Tong Qi (Chu Dịch Tham Đồng Khế), Master Bao Su (Bão Tố).
18. Zhouyi Can Tong Qi (Chu Dịch Tham Đồng Khế), Zhai Zhengong (?).
19. Can Tong Qi Jinbi Qiandong Jue (Tham Đồng Khế Kim Bích Khiên động [?] quyết), Anon.
20. Can Tong Qi Taidan Zhixu Heshu (Tham Đồng Khế Đại Đan Trật Tự Hòa Số), Anon.
21. Can Tong Qi Jinshi Lun (Tham Đồng Khế Kim Thạch Luận), Anon.
22. Can Tong Qi He Jindan Xingzhuang Shiliu Biantong Zhenjue (Tham Đồng Khế hòa Kim Đan Hình trạng Thập lục Biện thông Chân quyết), Anon.
23. Can Tong Qi Zhouhou Fang (Tham Đồng Khế Trừu Hậu Phương), Anon.
24. Can Tong Qi Kaoyi (Tham Đồng Khế Khảo dị), Song (Tống), 1197, Zhuxi (Chu Hi)
25. Zhouyi Can Tong Qi (Chu Dịch Tham Đồng Khế), Song, Chu Yong (?)
26. Zhuyi Can Tong Qi Jie (Chu Dịch Tham Đồng Khế Giải), Song, Chen Xianwei (Trần Hiễn Vi). *** (Richard dùng quyển này để dịch phần nào)
27. Can Tong Qi bian (Tham Đồng Khế Biện), Song, Tian Qunshi (Thiên Quân Sư)
28. Can Tong Qi Wuxiang Lei Biyao (Tham Đồng Khế Ngũ Tướng Loại Bí Yếu), Song, Lu Tian ji (?)
29. Can Tong Qi Xinjian (Tham Đồng Khế ??), Zheng Yuanzhi (?)
30. Zhouyi Menhu Can Tong Qi (Chu Dịch Môn Hộ Tham Đồng Khế), Anon.
31. Can Tong Qi zhu (Tham Đồng Khế Chú), Master Bai Zhen (?)
32. Zhouyi Can Tong Qi Fahui (Chu Dịch Tham Đồng Khế Phát Huy), Yuan (Nguyên), Yu Yan (Du Diễm) and Zhouyi Can Tong Qi shiyi (Chu Dịch Tham Đồng Khế Thích Nghi), Yu Yan (Du Diễm)

33. Zhouyi Can Tong Qi zhujie (Chu Dịch Tham Đồng Khế Chú Giải), 1330, Yuan, Chen Zhixu (Trần Chí Hư)
34. Zhouyi Can Tong Qi Zhu (Chu Dịch Tham Đồng Khế Chú), Anon.
35. Can Tong Qi jingwen (Tham Đồng Khế Kinh Văn), 1515, Ming, Du Yicheng (?)
36. Zhouyi Can Tong Qi Wuming Zi Zhu (Chu Dịch Tham Đồng Khế Vô Danh Tử Chú), Anon.
37. Can Tong Qi zhinan (Tham Đồng Khế Chỉ Nam), Wang Youzi (?)
38. Can Tong Qi shuliu (Tham Đồng Khế ?), 1564, Ming, Wang Wenlu (?)
39. Dingzhu Can Tong Qi Jingshuan (Định Chú Tham Đồng Khế Kinh Truyền), Ming, Shang Tingshi
40. Gushu Can Tong Qi Fenshi (Cổ Thư Tham Đồng Khế Phân Thích), Ming, Xu Wei (Từ Vị?)
41. Zhouyi Can Tong Qi Ceshu (Chu Dịch Tham Đồng Khế trắc thư), 1569, Ming, Lu Xixing (Lục Tây Tinh)
42. Can Tong Qu Kouyi (Tham Đồng Khế Khẩu Dịch), 1573 Ming, Lu Xixing (Lục Tây Tinh)
43. Can Tong Qi Buzhu (Tham Đồng Khế Bổ chú), Anon.
44. Guwen Can Tong Qi Jijie (Cổ Văn Tham Đồng Khế tập giải), Ming, Jiang Yibiao (Trường Nhất Bưu)
45. Zhouyi Can Tong Qi zhujie (Chu Dịch Tham Đồng Khế Chú giải), Ming, Zhang Wei (?)
46. Gujin Can Tong Qi Jie (Cổ Kim Tham Đồng Khế Giải), Ming, Shen YaoZhong (?)
47. ZhouYi Can Tong Qi jiejian (Chu Dịch Tham Đồng Khế giải tiên), Ming Zhang Wenlong (Explanation) and Zhu Changchun (notes)
48. Guwen Can Tong Qi (Cổ Văn Tham Đồng Khế), Ming, Peng Haogu (Bành Hiếu Cổ)
49. Jiaozhu Guwen Can Tong Qi (Hiệu chú Cổ Văn Tham Đồng Khế), Ming, Wang Jiachun (Vương Gia Xuân ?)
50. Can Tong Qi zhu (Tham Đồng Khế chú), Ming, Chen Jinmo (?)
51. Can Tong Qi Chanyou (Tham Đồng Khế Xiển U), 1669 Qing, Zhu Yuanyu (Chu Nguyên Dục)
52. Can Tong Qi Zhu (Tham Đồng Khế Chú), Qing, Li Guangdi (Lý Quang Địa)
53. Can Tong Qi Zhu (Tham Đồng Khế Chú), Qing, Chen Zhaocheng (?)
54. Zhouyi Can Tong Qi Maiwang (Chu Dịch Tham Đồng Khế ?), Qing, Tao Susi (Đào Tố Tỷ)
55. Guben Zhouyi Can Tong Qi Ji Zhu (Cổ Bản Chu Dịch Tham Đồng Khế tập chú), Qing, Qiu Zhaobie (Cửu Triệu Ngao)
56. Guben Can Tong Qi (Cổ Bản Tham Đồng Khế), Qing , by the "Old Fellow Eminent Highway".
57. Du Can Tong Qi (Độc Tham Đồng Khế), Qing, Zhu Fu (?)
58. Gu Can Tong Qi Jizhu (Cổ Tham Đồng Khế tập chú), Qing, Liu Wulong (?)
59. Guwen Zhouyi Can Tong Qi zhu (Cổ Văn Chu Dịch Tham Đồng Khế chú), 1732 Qing, Yuan Renlin (Viên Nhân Lâm)
60. Can Tong Qi Zhu (Tham Đồng Khế Chú), Wang Yuanjing (?)
61. Zhouyi Can Tong Qi Zhengyi (Chu Dịch Tham Đồng Khế chính nghĩa), 1788, Qing, Dong Dening (Đổng Đức Ninh)
62. Can Tong Qi (Tham Đồng Khế), Qing, Jiang Zhongzhen (?)

63. Can Tong Qi Fahui Wuyan Zhu Zhailu (Tham Đồng Khế Ngũ Ngôn Chú Trích Lục), Qing, Ji Dakui (?)
64. Zhouyi Can Tong Qi Jiyun (Chu Dịch Tham Đồng Khế tập vận), Qing, Ji Dakui (?)
65. Can Tong Qi zhizhi (Tham Đồng Khế Trực Chỉ), Qing, Liu Yiming (Lưu Nhất Minh)
66. Can Tong Qi Zhushi (Tham Đồng Khế Chú Thích), Qing, Li Shixu (?)
67. Zhongjiao Guwen Can Tong Qi (Trùng hiệu Cổ Văn Tham Đồng Khế), 1839, Qing, compiled by Zhu Ama
68. Zhouyi Can Tong Qi FenZhang Zhujie (Chu Dịch Tham Đồng Khế Phân Chương Chú Giải), dated 1840, Qing, Chuan Jinqun (?)
69. Can Tong Qi Fenjie Bijie (Tham Đồng Khế Phân Tiết Bí Giải), dated 1879, Qing, Lu Huilian (?)